

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU VĨNH LONG

Biểu mẫu 18

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học,
trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2023-2024**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số			2296					
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II	x	x		x	x	x	x	x
3	Khối ngành III	x	x	1881	369	x	x	x	x
4	Khối ngành IV	x	x		x	x	x	x	x
5	Khối ngành V	x	x	193	x	x	x	x	x
6	Khối ngành VI	x	x		x	x	x	x	x
7	Khối ngành VII	x	x	222	x	x	x	x	x

Ghi chú:

- Quy mô sinh viên chính quy gồm: i) Đại học chính quy; ii) Liên thông đại học chính quy; iii) Văn bằng 2 đại học chính quy.
- Quy mô sinh viên vừa làm vừa học gồm: Đại học vừa làm vừa học; Liên thông đại học VLVH; iii) Văn bằng 2 VLVH.
- Số liệu tính tại thời điểm 31/12/2021.

B. Công khai thông tin về sinh viên chính quy tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	123				100
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III	118		27,1	69,5	100
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	5	20	40	40	100

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

Ghi chú: Số lượng bao gồm: i) Đại học chính quy; ii) Liên thông chính quy; và iii) Văn bằng 2 chính quy.

Nguồn: i) Phòng Đào tạo; ii) Phòng Đảm bảo chất lượng - Phát triển chương trình.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy theo học kỳ	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị				
	Triết học Mác - Lênin	- Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. - Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống - Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội.	3	1	- Đánh giá quá trình: 50% • Dự lớp: 15% • Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% • Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% • Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu) Thời gian làm bài: 75 phút
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận)

		đư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.			Điểm học phần: 100%
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức	2	4	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10%

		cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			- Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.	2	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Ngoại ngữ 1	Tiếng Anh P1 giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như careers, companies, selling, great ideas và stress. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).			
	Ngoại ngữ 2	Tiếng Anh P2 giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như new business, marketing, planning, managing people và conflict. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 3	Tiếng Anh P3 giúp sinh viên: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 4	Chủ đề của các bài học bao gồm các vấn đề như kinh doanh và kinh tế, việc làm, sản xuất, tiếp thị, ngân hàng, đạo đức kinh doanh, tỷ giá hối đoái và thương mại quốc tế. Mỗi bài học gồm 02 phần chính: Phần 1 là các bài đọc hiểu chuyên sâu để giải thích các	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		khái niệm cơ bản về kinh tế và kinh doanh. Phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về chủ đề chương học và giúp sinh viên phát triển các kỹ thuật đọc hiểu. Theo sau các bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, các bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học. Phần 2 là một bài đọc trích từ sách báo, tạp chí hoặc là một bài luyện nghe các cuộc phỏng vấn các doanh nhân hoặc các nhà kinh tế học. Trong phần này cũng có các bài tập kiểm tra mức độ nghe hiểu và các hoạt động nâng cao kỹ năng nói bao gồm thảo luận, đóng vai hoặc một bài viết ngắn có liên quan đến chủ đề được học.			
	Kinh tế vi mô	Môn Nguyên lý Kinh tế vi mô giới thiệu đến người học các nguyên lý cơ bản của kinh tế học và giúp phát triển khả năng hiểu được các lý thuyết về kinh tế vi mô ở mức độ nhập môn thông qua các nguyên lý cơ bản. Môn học bắt đầu với các phương pháp tư duy như một nhà kinh tế, sau đó phát triển khả năng phân tích cung và cầu trên thị trường. Tiếp theo sẽ là hành vi của các doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Sau cùng là tìm hiểu về sự lựa chọn của người tiêu dùng.	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kinh tế vĩ mô	Môn học Nguyên lý Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

		cân thanh toán và tỷ giá. Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, môn học sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Thêm vào đó, môn học này cũng giúp chúng ta tìm hiểu về tăng trưởng kinh tế và phân tích các nguồn tăng trưởng kinh tế và bài học kinh nghiệm của các nước và các khu vực khác nhau trên thế giới.			
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	+ Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. + Định thức và các tính chất quan trọng. + Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. + Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. + Hàm một biến và các kiến thức liên quan. + Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan + Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2. + Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế. Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng,...	3	1	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Tế và Kinh Doanh cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20%

		thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.			- Thi kết thúc học phần: 60%
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành,	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...	3	2	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.	2	4	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi nghiệp kinh doanh	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn	1		- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		học khác trong chương trình đào tạo. Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo			
--	--	---	--	--	--

		mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Mối quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	ERP (HRM)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống phần mềm ERP. Các thành phần chính trong một hệ thống ERP và mối liên hệ giữa chúng với hệ thống thông tin, qui trình chức năng – nghiệp vụ của doanh nghiệp. Cụ thể là: • Hiểu rõ ERP là gì? Mục tiêu và các thành phần chính trong hệ thống ERP. • Nắm vững quá trình hình thành và phát triển hệ thống phần mềm ERP.	2	4	- Dự lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		• Hiểu rõ nguyên lý hoạt động của phân hệ HRM, cụ thể là các phần - Thiết lập và quản lý cấu trúc tổ chức - Lập kế hoạch và triển khai dự án tuyển dụng - Quản lý hồ sơ năng lực của nhân viên và các vấn đề khác (đặt và theo dõi mục tiêu làm việc, sa thải, luân chuyển, kiêm nhiệm...) - Xây dựng và quản lý các khóa đào tạo. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được thực hành minh họa trên hệ thống ERP cụ thể. Nội dung học phần gồm: • Cung cấp các khái niệm trong ERP bao gồm: - Thành phần chính trong một hệ thống ERP - Cách thức hoạt động của hệ thống ERP - Hiểu rõ mục tiêu của ERP muốn hướng tới - Cách thức áp dụng ERP trong doanh nghiệp • Giới thiệu về hệ thống Microsoft Dynamicx AX. • Thiết lập và quản lý cấu trúc tổ chức. • Lập kế hoạch và triển khai dự án tuyển dụng. • Quản lý hồ sơ năng lực của nhân viên và các vấn đề khác. • Xây dựng và quản lý các khóa đào tạo			
	Quản trị học	Môn học này giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý và lý thuyết quản trị tổng quát, và bổ sung cho sinh viên các kiến thức cơ bản với kỹ năng để sinh viên trở thành một nhân viên có hiểu biết, một thành viên làm việc hiệu quả trong đội nhóm và một nhà quản lý thành đạt. Cung cấp các kiến thức và kỹ năng phù hợp với mọi sinh viên kinh tế bất kể chuyên ngành hoặc hoạch định nghề nghiệp cá nhân. Môn học	3	3	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%

		này nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn. Cách mà các thành viên và quản lý của một tổ chức có thể sử dụng các lý thuyết và nguyên tắc quản lý để phát triển như là một số cá nhân, xuất sắc trong công việc và hiểu rõ tổ chức của họ, sẽ được giảng dạy. Rất nhiều khái niệm và nguyên lý được giảng dạy trong môn học rất hữu ích cho cuộc sống cũng như nơi làm việc của sinh viên, những điều đó sẽ giúp cho sinh viên nâng cao khả năng cư xử và nhận thức để nhanh chóng đạt được các mục tiêu nghề nghiệp trong môi trường kinh doanh ngày càng năng động, đa dạng và cạnh tranh của thế kỉ 21.			
	Kế toán quản trị	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và các phương pháp của kế toán quản trị để thông tin tài chính và phi tài chính được truyền đạt một cách tốt nhất trong nội bộ một doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý hoạch định, kiểm soát và ra quyết định một cách hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, học phần này đặt trọng tâm vào việc huấn luyện các kỹ thuật kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc lên kế hoạch, kiểm soát và đưa ra các quyết định kinh doanh. Đồng thời, sinh viên sẽ được làm quen với ngôn ngữ kinh doanh và vai trò của một nhà quản lý, cùng với việc nghiên cứu các ứng xử đạo đức của người hành nghề kế toán quản lý. Các chủ đề của học phần này bao gồm: tổng quan về kế toán quản trị; phân loại chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận, lập ngân sách, đánh giá trách	3	3	- Dự lớp và tham gia LMS: 5% - Case-study và thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 70%

		nhiệm quản lý, định giá sản phẩm; thông tin thích hợp cho việc ra quyết định của nhà quản trị.			
	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Hoạt động nghiên cứu là cần thiết để giúp các nhà quản trị hiểu rõ hơn những thay đổi của các yếu tố trong môi trường kinh doanh nhằm có các thông tin làm cơ sở để đưa ra các quyết định hợp lý và hiệu quả trong kinh doanh. Vì lẽ đó, môn học được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức, phương pháp và công cụ nghiên cứu cơ bản thường được sử dụng trong hoạt động nghiên cứu để có thể xác định đúng vấn đề nghiên cứu, thiết lập qui trình nghiên cứu phù hợp, và xác định các kiểm nghiệm phù hợp với các giả thuyết đã đề ra.	3	3	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 15% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 10% - Báo cáo nhóm (dự án nghiên cứu): 20% - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị điều hành	Nội dung cơ bản quản trị điều hành là quản trị chuỗi giá trị và các quá trình liên quan đến việc tạo ra và mang lại giá trị cho khách hàng bằng cách chuyển đổi các yếu tố đầu vào như lao động, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu... thành các kết quả đầu ra như sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Nhìn chung, quy trình quản trị điều hành có thể được phân loại thành (1) các quy trình sản xuất sản phẩm hàng hóa, dịch vụ (2) các quy trình hỗ trợ như quản trị công nghệ, quản trị marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, quản trị hệ thống thông tin.	3	4	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Báo cáo: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quản trị nguồn nhân lực	Dù hoạt động trong bất kỳ lĩnh vực nào: marketing, tài chính, kỹ thuật, hay điều hành chung thì nhiệm vụ khó khăn và quan trọng nhất của các nhà quản trị vẫn là quản trị nguồn nhân lực trong bộ phận/tổ chức của mình. Quản trị nguồn nhân lực là môn học mà tất cả các nhà quản trị cần nắm vững để phát	3	4	- Dự lớp: 5% - Phát biểu: 5% - Thảo luận nhóm: 10% - Thuyết trình: 10% - Kiểm tra giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%

		triển tổ chức bền vững và quản trị cấp dưới hiệu quả. Môn học quản trị nguồn nhân lực chú trọng trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng căn bản về hoạch định nguồn nhân lực; thu hút và tuyển dụng nhân sự; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; đánh giá kết quả thực hiện công việc; và trả công lao động trong tổ chức/ doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng hướng dẫn sinh viên phát triển khả năng phân tích, đánh giá các hoạt động thực tiễn quản trị nguồn nhân lực.			
	Tài chính cho nhà Quản trị	Tài chính là một chức năng quan trọng trong bất kỳ tổ chức nào dù mới hình thành hay đang trong giai đoạn phát triển như các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, ngân hàng, bệnh viện, trường học,... Môn học tài chính dành cho nhà quản lý được giảng dạy nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức, khung phân tích và kỹ năng phân tích cơ bản về tài chính cho chủ sở hữu của doanh nghiệp trong quá trình ra quyết định về tài chính một cách hữu hiệu nhất để thực hiện được mục tiêu mà doanh nghiệp đặt ra. Môn học này tập trung vào các quyết định tài chính của nhà quản lý, giới thiệu cho người học nhiều thách thức về tài chính phải đối mặt bởi nhà quản trị doanh nghiệp và làm thế nào bắt đầu xác định vấn đề, thiết lập các tiêu chí đánh giá quan trọng và tạo ra các lựa chọn tài chính khả thi để hỗ trợ việc ra quyết định có thể ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp. Môn học này được chia làm 4 phần: Phần một cung cấp những kiến thức cơ bản về các loại hình doanh nghiệp và vai trò của	3	4	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 0% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		quản trị tài chính tại các loại hình doanh nghiệp. Phần hai cung cấp các kiến thức về tổ chức và vận hành một doanh nghiệp công ty cổ phần, giải quyết cách thức và từ đó các nhà quản lý gia tăng vốn, sử dụng các thông tin tài chính đánh giá kết quả tài chính và kết quả hoạt động để ra quyết định. Phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính đồng thời cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức hiện đại về phân tích tài chính, phân tích rủi ro và lợi nhuận, các mô hình quản trị tài chính hiện đại. Phần ba giải quyết các vấn đề có liên quan đến kỹ thuật giá trị tiền tệ theo thời gian, các hoạt động hoạch định trong tương lai như quản trị dòng tiền, các loại vốn và chi phí của hoạt động tài trợ, dự báo và lập kế hoạch tài chính Phần cuối cùng sẽ đi vào giới thiệu các phương pháp xác định giá trị của một doanh nghiệp và cách thức thu hoạch giá trị đầu tư dự án dài hạn. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của môn học và các môn học khác: • Môn học này là điều kiện cần thiết để học môn Thẩm định dự án, Lập kế hoạch kinh doanh và Quản trị rủi ro. Kiến thức của môn học này có thể vận dụng để thực hiện đề tài cho học phần thực tập bắt buộc			
	Chiến lược marketing cho nhà quản trị	Môn học Chiến lược marketing dành cho nhà quản trị cung cấp cho người học bộ khung phân tích về chiến lược marketing bao gồm các thành phần và yếu tố cốt yếu. Học viên sẽ mô tả, phân tích và áp dụng các thành phần này trong mối quan hệ với các yếu tố chiến lược khác như phản ứng	3	5	-Điểm giữa kỳ 50% • Báo cáo dự án của nhóm: 20% • Bài kiểm tra cá nhân: 20% • Các bài tập khác trong lớp và LMS: 10%

		của khách hàng, lòng trung thành hay lời truyền miệng của họ. Học viên sẽ áp dụng kiến thức để xây dựng các chiến lược định vị quan trọng liên quan đến định vị qua sản phẩm; định vị qua giá, phân phối và truyền thông; định vị qua lăng kính đánh giá của khách hàng. Cuối cùng, người học sẽ tự xây dựng một chiến lược marketing và một bản kế hoạch marketing cho một doanh nghiệp cụ thể.			- Điểm kết thúc môn: 50% • Bài thi tự luận kết thúc môn (đề mở): 50%
	Hành vi tổ chức	Trong giai đoạn hiện nay đã có một sự thay đổi rất lớn về nhận thức của người quản lý doanh nghiệp đối với người lao động. Nếu như trước đây người lao động được xem như là chi phí đầu vào thì hiện nay người lao động được xem như tài sản, nguồn lực vô cùng quý giá quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để nhân viên hăng say làm việc, làm việc hết mình, hết việc chứ không phải hết giờ. Môn Hành vi tổ chức phát triển những kiến thức cơ bản cần thiết cho nhà quản trị để nhận biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động từ bên trong và ngoại cảnh, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được một số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Nhà quản lý nào cũng cần có kỹ năng quan hệ con người tốt để có thể quản lý cấp dưới, giao tiếp với cấp trên, quản trị thành công sự thay đổi của tổ chức. Những kiến thức kỹ năng này càng có ý nghĩa thực tiễn trong bối cảnh Việt nam, khi mà các doanh nghiệp, các tổ chức đều đang buộc phải đổi mới.	3	3	- Dự lớp: 5% - Phát biểu: 5% - Thảo luận nhóm: 10% - Thuyết trình: 10% - Kiểm tra giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: - Thuyết trình: trình bày theo nhóm trong 20 phút. - Kiểm tra giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở. - Thi kết thúc học phần: tự luận 60 phút, lý thuyết, đề không sử dụng tài liệu.

	Quản trị chất lượng	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng; các mô hình quản trị chất lượng tiên tiến; cách thức xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống quản trị chất lượng trong các tổ chức nhằm góp phần tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, phù hợp với nhu cầu thị trường; nguyên tắc và các phương pháp đánh giá chất lượng, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng. Môn học Quản trị chất lượng có mối liên hệ với các môn học trước như Quản trị học, Marketing căn bản, Thống kê ứng dụng trong kinh doanh.	3	4	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, SV chủ động hình thành nhóm học tập Báo cáo bài tập, bài thực hành nhóm: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi giữa học phần: trắc nghiệm và tự luận 45 phút, lý thuyết và bài tập, đề đóng Thi kết thúc học phần: trắc nghiệm và tự luận 60 phút, lý thuyết và bài tập, đề đóng
	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học phần trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được thiết kế để cung cấp cho sinh viên các kiến thức về mối quan hệ giữa doanh nghiệp, xã hội và các bên liên quan. Trong đó, đề cập đến các vấn đề: công dân doanh nghiệp; cách tiếp cận các bên liên quan về doanh nghiệp, xã hội và đạo đức; quản trị công ty và quản trị chiến lược; đạo đức kinh doanh và quản trị; các bên liên quan bên ngoài; các bên liên quan bên trong. Giúp sinh viên nắm được các khái niệm về CSR, đánh giá được các công ty thể hiện vai	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình (hoặc thi giữa học phần): 30% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm. Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn

		trò của mình đối với các bên liên quan như thế nào. Để thực hiện CSR đòi hỏi các công ty phải xác định mục tiêu phù hợp với các mong đợi của xã hội, vì thế đòi hỏi công ty phải trả lời các câu hỏi: trách nhiệm đối với xã hội của công ty trong hoạt động kinh doanh là gì? Các mối quan tâm của công ty đối với các bên liên quan như thế nào? Chúng có thể có những mâu thuẫn gì?			Turnitin trên LMS của lớp. Thi giữa học phần: tự luận 45 phút, được sử dụng tài liệu khi làm bài. Thi kết thúc học phần: 75 phút, tự luận, không được sử dụng tài liệu khi làm bài.
	Thẩm định dự án	Môn học này được chia làm 5 phần - Phần một giới thiệu tổng quan về thẩm định dự án đầu tư, qua đó giúp sinh viên hiểu được các khái niệm quan trọng liên quan đến việc phân tích và ra quyết định đầu tư dự án, hiểu được các giai đoạn thẩm định và khung phân tích một dự án đầu tư cụ thể. - Phần hai trang bị các kiến thức liên quan đến phân tích ngân lưu dự án đầu tư để ước lượng ngân lưu ròng và tính toán các chỉ tiêu thẩm định định lượng dự án cũng như ý nghĩa ứng dụng của các chỉ tiêu trong việc ra quyết định đầu tư. Phần này cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng xây dựng các mô hình tài chính và chuyển đổi từ phân tích tài chính sang phân tích kinh tế dự án thông qua việc xử lý các bảng tính trên nền Excel. - Phần ba tập trung xem xét các nguồn tài trợ vốn khác nhau có thể huy động cho dự án và xác định suất chiết khấu thích hợp để chiết khấu dòng tiền của dự án theo các quan điểm ngân lưu khác nhau. - Phần bốn mô tả cách thức phân tích tác động của lạm phát đến ngân lưu dự án đầu tư. - Phần năm giới thiệu các kỹ thuật phân tích rủi ro dự án	3	5	- Dự lớp: 5% - Tiểu luận: 15% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: - Tiểu luận: thực hiện theo nhóm từ 5-7 sinh viên - Thi giữa học phần: Trắc nghiệm và tự luận (Bao gồm cả lý thuyết và bài tập, không sử dụng tài liệu) trong thời gian 60 phút - Thi kết thúc học phần: Tự luận (Bao gồm cả lý thuyết và bài tập, không sử dụng tài liệu) trong thời gian 75 phút

		đầu tư và trang bị cho sinh viên các phương pháp phân tích rủi ro bằng phần mềm excel và phần mềm Crystal Ball trong việc đánh giá hiệu quả dự án đầu tư. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của môn học và các môn học khác: - Sinh viên có thể sử dụng kiến thức của môn học này vào môn quản trị dự án trên khía cạnh khởi sự và lựa chọn dự án - Kiến thức của môn học này cũng có thể sử dụng để thực hiện đề tài cho học phần thực tập bắt buộc			
	Quản trị chiến lược	Học phần quản trị chiến lược được thiết kế để cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm soát chiến lược trong tổ chức. Nội dung của học phần được thiết kế để cung cấp cho người học những kiến thức bao gồm: khái niệm chiến lược/chiến lược kinh doanh; vị trí, vai trò và phân loại chiến lược; cách thức để tạo ra sự khác biệt cho chiến lược; môi trường hoạt động của tổ chức; cách thiết lập sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của tổ chức; các kỹ thuật để xây dựng và lựa chọn chiến lược; triển khai chiến lược trong thực tế; thực hiện kiểm soát chiến lược. Học phần quản trị chiến lược sẽ giúp người học dễ dàng hơn khi học tiếp các học phần khác của chuyên ngành quản trị như: tổ chức, quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị marketing,...	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm. Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp. Thi giữa học phần: tự luận 45 phút, được sử dụng tài liệu khi làm bài. Thi kết thúc học phần: 75 phút, tự luận, không được sử dụng tài liệu khi làm bài.

	Phân tích định lượng trong quản trị	Ra quyết định là một hoạt động/công việc thường xuyên và quan trọng của nhà quản lý. Để có những quyết định phù hợp, nhà quản lý cần thu thập, xử lý và phân tích thông tin. Dựa trên nền tảng khoa học quản trị và lý thuyết xác suất và thống kê, môn học này sẽ hỗ trợ quá trình ra quyết định với các phương pháp phân tích định lượng căn bản áp dụng trong quản lý như phân tích bài toán tối ưu, bài toán ra quyết định, bài toán xếp hàng và phương pháp phân tích Markov. Phạm vi áp dụng các phương pháp phân tích định lượng khá đa dạng từ sản xuất, tài chính cho đến tiếp thị. Việc sử dụng các phần mềm trong phân tích, nhất là phần mềm thông dụng Excel, cũng sẽ được đề cập trong môn học này.	3	2	- Thi giữa kỳ (online): 20% - Bài tập nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 60% Sinh viên được phép tham khảo tài liệu trong kỳ thi giữa kỳ. Sinh viên chỉ được tóm tắt 1 trang giấy A4 trong kỳ thi cuối kỳ.
	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	Trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh, sinh viên đã được trang bị các kiến thức quản trị chiến lược để giúp doanh nghiệp đặt ra các mục tiêu hiệu quả (effectiveness), và cách vận hành các bộ phận chức năng như nhân sự, tài chính, sản xuất, marketing để giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu suất hoạt động (efficiency). Mảng còn lại là sự kết nối giữa hiệu quả kinh doanh và rủi ro của doanh nghiệp sẽ được giải quyết trong học phần Quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) Mục tiêu của môn học: Sau khi kết thúc học phần này, người học sẽ: - Biết ERM là gì và có các năng lực cụ thể như: - Áp dụng các công cụ để nhận dạng các rủi ro của doanh nghiệp	3	6	- Dự lớp: 5% - Sửa bài tập trên lớp: 5% -Thuyết trình lý thuyết: 20% - Thuyết trình bài tập nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình lần 1: Các nhóm thuyết trình lý thuyết các chương đã bốc thăm ngẫu nhiên ở buổi học đầu với giáo viên. Tất cả các thành viên của nhóm sẽ tham gia thuyết trình phần mình đã chuẩn bị. Các nhóm sẽ gửi bài thuyết trình (PP) cho GV trước ngày thuyết trình để GV duyệt.

		- Biết thiết kế các thang đo định tính và định lượng để đánh giá rủi ro - Biết ra các quyết định dựa trên các phân tích rủi ro - Hiểu tầm quan trọng và biết thiết kế chương trình truyền đạt rủi ro của doanh nghiệp Môn học QTRRDN có mối liên hệ với các môn học trước như: Quản trị tài chính, Kế toán quản trị, Quản trị chiến lược, Quản trị nhân sự.... Trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh, sinh viên đã được trang bị các kiến thức quản trị chiến lược để giúp doanh nghiệp đạt ra các mục tiêu hiệu quả (effectiveness), và cách vận hành các bộ phận chức năng như nhân sự, tài chính, sản xuất, marketing để giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu suất hoạt động (efficiency). Mảng còn lại là sự kết nối giữa hiệu quả kinh doanh và rủi ro của doanh nghiệp sẽ được giải quyết trong học phần Quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) Mục tiêu của môn học: Sau khi kết thúc học phần này, người học sẽ: - Biết ERM là gì và có các năng lực cụ thể như: - Áp dụng các công cụ để nhận dạng các rủi ro của doanh nghiệp - Biết thiết kế các thang đo định tính và định lượng để đánh giá rủi ro - Biết ra các quyết định dựa trên các phân tích rủi ro - Hiểu tầm quan trọng và biết thiết kế chương trình truyền đạt rủi ro của doanh nghiệp Môn học QTRRDN có mối liên hệ với các môn học trước như: Quản trị tài chính, Kế toán quản trị, Quản trị chiến lược, Quản trị nhân sự....		Thuyết trình lần 2: Các nhóm nộp file word báo cáo và file excel bài tập nhóm trước ngày thuyết trình để giáo viên duyệt. Thi kết thúc học phần: 60 -75 phút, lý thuyết và bài tập.
--	--	--	--	--

	Quản trị sự thay đổi	Thế kỷ XXI cho thấy một bức tranh về sự thay đổi trên mọi khía cạnh gồm: thị trường kinh doanh biến động, toàn cầu hóa, những thay đổi trong chính sách của chính phủ, công nghệ mới nổi, sự thay đổi trong nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng. Những điều này dẫn đến việc quản lý tổ chức và quản lý chiến lược đã trở nên nhiều khó khăn hơn. Các doanh nghiệp phải phản ứng nhanh chóng với những thay đổi của môi trường kinh doanh đầy biến động. Do đó, mục tiêu của môn học này là cung cấp kiến thức phù hợp về quy trình quản lý sự thay đổi. Người học sẽ phân tích và thảo luận về các tình huống để áp dụng các khái niệm. Các tình huống sẽ giúp học viên hiểu rõ hơn về sự thay đổi của tổ chức và quá trình thay đổi của tổ chức. Ngoài ra, môn học sẽ giúp người học phát triển tư duy về cách tiếp cận các quá trình thay đổi, cũng như học cách đánh giá các công cụ và các mô hình, hiểu các bối cảnh và hiểu cách áp dụng các giải pháp sáng tạo liên quan đến sự thay đổi của tổ chức. Môn học Quản trị sự thay đổi có mối liên hệ với các môn học trước như Quản trị học, Hành vi tổ chức, Lãnh đạo và Quản trị chiến lược.	2	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm. Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp. Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở. Thi kết thúc học phần: 90 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở.
	Triển khai chiến lược	Việc xây dựng một chiến lược hoàn hảo chỉ là điều kiện ban đầu cho việc duy trì và phát triển lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, làm sao để chiến lược đó được triển khai một cách tốt nhất và có những điều chỉnh kịp thời doanh nghiệp đi đúng hướng và tạo nên sự khác biệt so với đối thủ cạnh tranh mới là vấn đề quan trọng và là một câu hỏi đặt ra	3	6	Kết quả học phần là tổng hợp của điểm quá trình (30 - 50%), và điểm thi cuối môn (70 - 50%). Thang điểm đánh giá : 10. 1. Điểm quá trình : 30 – 50 % bao gồm - Dự lớp (chuyên cần): %

		cho nhà quản trị. Học phần Triển khai Chiến lược (Strategy Implementation) cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quá trình triển khai chiến lược Phát triển và Chiến lược Cạnh tranh vào thực tế hoạt động của doanh nghiệp. Qua học phần này người học sẽ nắm được qui trình và các nguyên tắc cơ bản trong triển khai chiến lược vào thực tế; Hiểu và vận dụng được các công cụ triển khai chiến lược như Thẻ điểm Cân bằng (Balanced Scorecard - BSC), Xây dựng Bản đồ Chiến lược (Strategy Maps - SM), Cách thức xây dựng các chỉ tiêu hoạt động cụ thể (KPIs; OKRs)... Người học được thực hành các kỹ thuật phân tích qua những tình huống (case study) thực tế của Việt Nam và thế giới. Môn học cũng cung cấp cho người học tư duy cạnh tranh của nhà quản trị trong nền kinh tế hội nhập, tư duy phát triển bền vững mang tính dài hạn và khả năng phân tích đánh giá thực trạng kinh doanh để đề xuất những mô hình kinh doanh (Business Model - BM) phù hợp cho doanh nghiệp.			- Thảo luận: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % 2. Thi kết thúc học phần: 50 -70 % - Cách thức đánh giá điểm quá trình và kiểm tra giữa môn do giáo viên chính quyết định theo tỉ lệ thang điểm đã qui định, số lượng bài và hình thức bài kiểm tra quá trình do từng giáo viên qui định. - Thi hết môn: kết hợp giữa TỰ LUẬN, làm Bài tập và giải quyết tình huống cụ thể. Đề thi chung cho các lớp do bộ môn ra theo chương trình đã thống nhất trong toàn bộ môn.
	Lập kế hoạch kinh doanh	Môn lập kế hoạch kinh doanh được thiết kế và giới thiệu cho sinh viên bậc đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh. Nó là môn học kết hợp một cách logic kiến thức của các môn chuyên ngành khác nhằm hình thành một bản kế hoạch thể hiện chi tiết tất cả các mục tiêu, ngân sách, kết quả kinh doanh và các hoạt động mà doanh nghiệp muốn thực hiện trong kỳ kế hoạch. Bên cạnh đó, môn học này còn hệ thống hoá kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh. Môn học	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 10% - Bài tập cá nhân: 15% - Thuyết trình: 20% - Tiểu luận kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Tiểu luận kết thúc học phần: Mỗi nhóm sẽ phải hoàn thành một bài tiểu luận nhóm vào thời

		hỗ trợ sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, và quan trọng hơn là tạo ra sự kết hợp giữa lý thuyết với thực hành quản trị.			điểm kết thúc môn học Thuyết trình & Bài tập cá nhân: Sinh viên thực hiện bài tập trên LMS và thuyết trình theo sự phân công của giảng viên Thảo luận: Mỗi buổi học, sinh viên sẽ được thảo luận các tình huống liên quan đến nội dung môn học.
	Lãnh đạo	Lãnh đạo là một hoạt động đã xuất hiện từ khi xã hội loài người hình thành và là một trong những nhân tố đóng vai trò quyết định trong sự phát triển của xã hội loài người, các tổ chức. Vì thế lãnh đạo luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của mọi người. Đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hóa với sự bùng nổ tri thức, môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội có sự thay đổi nhanh chóng hiện nay lãnh đạo trở thành một chủ đề được quan tâm đặc biệt. Trong điều kiện một xã hội đầy biến động sự lãnh đạo đang đối mặt với những cơ hội và thách thức vô cùng to lớn với sự tồn tại của các cộng đồng và các tổ chức. Để khai thác tốt những cơ hội và xử lý thỏa đáng những thách thức cho sự phát triển của các cộng đồng, các tổ chức đòi hỏi những năng lực lãnh đạo đầy mạnh mẽ và thuyết phục. Môn học chú ý vào các nội dung cơ bản của lãnh đạo gồm: phát triển khái niệm, mô hình lãnh đạo, các phương pháp phát triển các kỹ năng thiết yếu của người lãnh đạo; phân tích các bối cảnh và tình huống cho việc lãnh đạo hiệu quả.	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 5% - Thuyết trình: 5% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Phát triển kỹ năng quản trị	Học phần này được thiết kế để giúp sinh viên phát triển khả	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10%

		năng quản trị của bản thân trong môi trường kinh doanh hiện đại. Sinh viên sẽ phát triển kỹ năng quản trị của mình thông qua việc được hướng dẫn chi tiết về phong cách quản trị có hiệu quả thay vì chỉ thảo luận những cách thức quản trị của một doanh nhân xuất chúng trong một tổ chức hay công ty nào đó. Học phần này sẽ sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy, bao gồm bài thuyết giảng ngắn, thuyết trình trên lớp, thảo luận nhóm nhỏ và bài tập cá nhân, công cụ tự đánh giá, và các tình huống khác.			- Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 0% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50 % Hình thức đánh giá: • Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm • Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp • Thi giữa học phần: tự luận 60 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở • Thi kết thúc học phần: 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở
	Tư duy thiết kế trong kinh doanh	Trong một môi trường kinh doanh đầy bất ổn hiện nay, việc tìm kiếm và phân tích các thông tin kinh doanh theo cách hệ thống và liệt kê với tư duy tuyến tính dường như không còn phù hợp. Có quá nhiều các thông tin mà một nhà kinh doanh cần phải thu thập, tính toán và xử lý. Vì vậy, việc sử dụng cách tiếp cận tuyến tính để có thể dự báo các xu thế tương lai sẽ ngày càng trở nên khó khăn. Học phần tư duy thiết kế trong kinh doanh sẽ cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp giải quyết vấn đề này. Môn học tư duy thiết kế trong kinh doanh sẽ trang bị cho người học cách sử dụng tư duy	3	6	-Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm

		của một nhà thiết kế trong phân tích là lên ý tưởng kinh doanh. Chìa khóa của tư duy thiết kế là cảm thông với khách hàng và tìm ra nhu cầu chưa được đáp ứng của họ thông qua việc thấu hiểu các niềm tin, giá trị, động lực, hành vi, sự đau khổ, thách thức và mong muốn của khách hàng. Từ đó phát triển các giải pháp kinh doanh sáng tạo. Sáu nguyên tắc của tư duy thiết kế là lấy con người làm trung tâm, làm việc theo đội cộng tác, học thông qua hành động, gắn với thử nghiệm, thấu hiểu mô hình, các mối quan hệ và hệ thống, suy nghĩ và trình bày bằng hình ảnh. Nội dung môn học sẽ cung cấp và kiến thức và kỹ năng để người học ứng dụng được ba giai đoạn của tư duy thiết kế trong kinh doanh gồm: xác định cảm hứng (Inspiration), phát sinh ý tưởng (Ideation), và triển khai ý tưởng (Implementation). Các kỹ năng phân tích được áp dụng trong các giai đoạn của tư duy thiết kế sẽ được giới thiệu cho người học thông qua các mô hình SCOPES, STEEP, ma trận phân tích STEEP, ma trận ưu tiên chiến lược, sơ đồ các bên liên quan, cách quan sát khách hàng, cách phỏng vấn khách hàng, xác định các nhu cầu ẩn của khách hàng, mô hình POEMS, mô hình cảm thông, mô hình trải nghiệm của khách hàng,...			Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở Thi kết thúc học phần: 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở
	Đạo đức kinh doanh	Học phần giới thiệu các lý thuyết đạo đức kinh doanh áp dụng vào quản lý kinh doanh. Nghiên cứu các hệ thống đạo đức khác nhau, sự thay đổi về văn hóa tổ chức, và cách các tổ chức phát triển và áp dụng các chương trình đạo đức. Học phần này được thiết kế để giúp	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10%

		sinh viên ngành quản trị và các nhà doanh nghiệp phân biệt được những gì hợp đạo lý hay không hợp đạo lý trong bối cảnh kinh doanh hiện nay. Nó cũng hướng dẫn các nhà kinh doanh cách tự bảo vệ và giúp các doanh nghiệp tránh các vi phạm các hành vi một cách đáng tiếc.			- Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm. Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp. Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở. Thi kết thúc học phần: 90 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở.
	Giao tiếp kinh doanh	Khóa học này cung cấp kiến thức và phát triển các kỹ năng mà sinh viên cần thiết để giao tiếp thành công trong môi trường công việc. Các chủ đề liên quan được tích hợp trong suốt khóa học thông qua việc khám phá các phân tích nghiên cứu điển hình bao gồm giao tiếp toàn cầu, đạo đức kinh doanh, thách thức đa dạng và các yếu tố phát triển ảnh hưởng đến giao tiếp kinh doanh. Khóa học tập trung vào việc phát triển các kỹ thuật giao tiếp phù hợp cần thiết để định dạng và viết nhiều loại tài liệu kinh doanh dựa trên sự phát triển của chiến lược truyền thông. Việc chuẩn bị sơ yếu lý lịch, thư ứng tuyển và các kỹ năng phát triển nghề nghiệp liên quan cũng là chủ đề quan trọng được khám phá.	3	6	- Bài tập nhóm (2 bài): 20% - Thuyết trình nhóm (1 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (thi cá nhân): 50%
	Văn hóa tổ chức	Môn học tập trung vào vai trò và cấu trúc của văn hóa trong việc thực hiện và quản trị tổ chức. Trên cơ sở nguyên tắc của lãnh đạo đạo đức và quản	3	6	- Dự lớp: 5% - Bài tập cá nhân: 10% - Nghiên cứu dự án và trình bày: 25%

	trị mang tính chiến lược, môn học được thiết kế để giúp sinh viên phát triển nhận thức về bản thân, các kỹ năng và khả năng cá nhân góp phần vào thành công của tổ chức và nhóm và quan điểm nhân mạnh tầm quan trọng của việc đưa mọi người cùng đạt được những mục tiêu chung. Phần đầu tiên của môn học, sinh viên sẽ xem xét các lý thuyết và khuôn khổ để phân tích văn hóa tổ chức và được giới thiệu một số công cụ để đánh giá các triết lý và cách tiếp cận lãnh đạo khác nhau. Sinh viên cũng sẽ khám phá cách các nhà lãnh đạo và quản trị tạo ra văn hóa hiệu quả, phát triển tầm nhìn và giá trị, truyền đạt thông điệp chính đến nhân viên / các bên liên quan và vượt qua các rào cản để thay đổi. Trong phần này của khóa học, sinh viên sẽ được giới thiệu với nhóm của mình và bắt đầu thảo luận về các bài đọc, bài giảng và bài tập. Sinh viên cũng sẽ hoàn thành các cuộc thảo luận tại lớp. Phần thứ hai của môn học dựa trên phương pháp tiếp cận tình huống. Sinh viên sẽ làm việc theo nhóm để phân tích văn hóa trong doanh nghiệp trong nhiều tình huống khác nhau. Tại sao phải nghiên cứu tình huống? Bởi vì chúng dựa trên các tình huống thực tế và sẽ cho sinh viên cơ hội để phân tích các tình huống phức tạp và xác định các mối quan hệ nhân quả, quản trị chẩn đoán và các yếu tố văn hóa cũng như đưa ra các khuyến nghị để cải thiện năng suất. Các tình huống cũng cung cấp một cách thức để áp dụng các lý thuyết được phân tích, khuôn khổ và nguyên tắc lãnh đạo mà sinh		- Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: - Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD có thể chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm - Nghiên cứu dự án văn hóa doanh nghiệp: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn. - Thi giữa học phần: tự luận 30-45 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở. - Thi kết thúc học phần: từ 60 đến 75 phút. Hình thức thi: lý thuyết và tình huống, được tham khảo tài liệu (tùy theo giảng viên).
--	--	--	---

		viên gặp phải thông qua các bài đọc và bài giảng của khóa học. Trong phần cuối cùng của môn học, sinh viên sẽ tiến hành nghiên cứu văn hóa doanh nghiệp thực tế liên quan đến việc khám phá sâu rộng về văn hóa và phương thức giao tiếp của một tổ chức. Điều này sẽ liên quan đến một loạt các phương pháp nghiên cứu, cả về định lượng và định tính. Nghiên cứu sẽ giúp sinh viên hiểu được vai trò của văn hóa và cải thiện kỹ năng quan sát cũng như khả năng diễn giải cách nhân viên, khách hàng và các bên liên quan hiểu và tương tác với tổ chức và trong hệ thống xã hội rộng lớn hơn.			
	Đàm phán trong quản trị	Khả năng đàm phán hiệu quả rất cần thiết cho sự thành công trong kinh doanh. Mục đích của môn học là hiểu rõ lý thuyết và các quy trình đàm phán để bạn có thể thương lượng trong các môi trường khác nhau. Với môn học này, những người tham gia sẽ tìm hiểu về việc đàm phán, tham gia vào các bài tập thực hành và trình bày kinh nghiệm đàm phán và các khái niệm. Những người tham dự sẽ nắm vững các khái niệm chính, hiểu rõ (xác định, mô tả, nhận biết), ứng dụng (ứng dụng vào các ví dụ, đưa ra các giải pháp cho các vấn đề thực tiễn) và phân tích (so sánh và đối chiếu...) các chủ đề trong đàm phán. Ngoài ra, môn học sẽ giúp người học phát triển và vận dụng kỹ năng mềm trong suốt quá trình phân tích, đàm phán các hợp đồng thương mại cũng như nắm vững vị thế của mình trong bất kỳ cuộc đàm phán nào. Môn học Quản trị sự thay đổi có mối liên hệ với các môn	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm. Thi giữa học phần: tự luận 60 phút, lý thuyết và tình huống, đề đóng. Thi kết thúc học phần: 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề đóng.

		học trước như Quản trị học, Marketing căn bản.			
	Quản trị dự án	Quản trị dự án thực tế là một sự kết hợp giữa khoa học và nghệ thuật. Tính nghệ thuật ở đây nói đến kỹ năng quản lý con người hay dự án. Khoa học bao gồm các công cụ và các kỹ thuật quản lý hình thành các nền móng của tiến trình quản lý dự án. Môn học Quản trị dự án tích hợp các khối kiến thức quản trị thông qua các khái niệm, các khuôn khổ phân tích, các tiến trình và công cụ quản lý dự án cơ bản để giải quyết bài toán triển khai dự án nhằm tạo ra và chuyển giao các kết xuất cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phạm vi, chất lượng, thời gian và ngân sách nhất định Môn học này được chia làm 7 phần - Phần một giới thiệu tổng quan về dự án và quản lý dự án, qua đó giúp sinh viên hiểu được các khái niệm quan trọng liên quan đến dự án và quản lý dự án ví dụ như tính chất, vòng đời của dự án, các tiến trình quản lý dự án, tầm quan trọng của quản lý dự án, các thành viên có liên quan đến dự án, nhà quản lý dự án và cấu trúc tổ chức dự án. - Phần hai trang bị các kiến thức liên quan đến khởi sự và lựa chọn dự án. Phần này trình bày các vấn đề về quá trình hình thành dự án, sự gắn kết giữa dự án và chiến lược, các mô hình lựa chọn dự án cũng như tiêu chuẩn để chọn lựa mô hình. Cuối phần hai trình bày các thành phần của một bản tuyên bố dự án cần có để có thể truyền tải thông tin hiệu quả đến các thành viên liên quan. - Phần ba tập trung vào vấn đề hoạch định dự án. Phần này	3	6	- Điểm kiểm tra quá trình: 50% - o Chuyên cần: 10% - o Tiểu luận nhóm: 20% - Thuyết trình: 10% - Bản thu hoạch: 10% - o Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 50%

		trình bày tầm quan trọng của hoạch định dự án và các khung hoạch định dự án cơ bản, định nghĩa mục tiêu dự án, phát triển các danh mục công việc, tổ chức đội dự án, lập tiến độ dự án, hoạch định nguồn lực và ước lượng chi phí. Phần này cũng trang bị cho sinh viên việc vẽ các sơ đồ tiến độ (AON, GANTT...) thông qua công cụ excel. - Phần bốn mô tả cách thức để tối ưu hóa tiến độ dự án thông qua việc cân bằng nguồn lực và phân tích sự đánh đổi về thời gian và chi phí của dự án. Phần này cũng trang bị cho sinh viên cách thức tối ưu hóa tiến độ thông qua công cụ excel. - Phần năm trình bày vấn đề thực hiện và kiểm soát dự án bao gồm khởi động dự án, quy trình kiểm soát dự án, kiểm soát mục tiêu dự án và kiểm soát sự thay đổi của dự án. - Phần sáu trình bày các vấn đề liên quan đến kết thúc dự án. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của môn học và các môn học khác: Kiến thức của môn học này cũng có thể sử dụng để thực hiện đề tài cho học phần thực tập bắt buộc.			
	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho sinh viên nền kiến thức để xây dựng, giữ và phát triển khách hàng của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo dựng lợi thế cạnh tranh bền vững. Môn học tập trung vào các vấn đề cụ thể của quản trị quan hệ khách hàng dựa trên cách tiếp cận theo các cấp độ CRM (phân tích, tác nghiệp, chiến lược). Đây là cách tiếp cận dựa trên cơ sở dữ liệu khách hàng, từ đó giúp doanh nghiệp nhận ra khách hàng tại mọi điểm tiếp	3	6	-Quá trình 20% - oBài tập tình huống - oBài kiểm tra tại lớp - oPhát biểu góp phần xây dựng bài học -Thuyết trình và báo cáo 30% -Thi cuối khóa 50%

		xúc, nhóm gộp những khách hàng tương đồng về nhu cầu hoặc giá trị, từ đó đối xử với những khách hàng khác nhau một cách khác nhau. Bên cạnh đó, làm sao để thực hiện và triển khai CRM liên quan tới cách thức tổ chức trong CRM, truyền thông giá trị văn hóa hướng đến khách hàng, và quan trọng hơn là tạo dựng và quản trị mạng lưới của doanh nghiệp.			
	Quản trị điều hành 2	Quản trị điều hành 2 tập trung vào những xu thế đang được quan tâm nhất hiện nay là quản trị chuỗi cung ứng và quản trị dịch vụ. Vấn xoay quanh nội dung quản trị chuỗi giá trị và các quá trình, quản trị điều hành 2 cung cấp thêm những lý thuyết, phương pháp và công cụ cho doanh nghiệp trong vận hành các hoạt động mua hàng, tồn kho, phân phối, thiết kế hệ thống và phát triển các sản phẩm dịch vụ nhằm mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.	3	6	-Dự lớp: 5% -Thảo luận: 10% -Báo cáo: 15% -Thuyết trình: 10% -Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, nội dung theo phân công Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thảo luận: thực hiện thảo luận nhóm khi có yêu cầu. Thi kết thúc học phần: 75 phút, được sử dụng tài liệu
	Quản trị chất lượng dịch vụ	Học phần Quản trị Chất lượng Dịch vụ mở rộng kiến thức về quản trị chất lượng và vận dụng tiếp cận xây dựng hệ	3	6	-Dự lớp: 5%

		thống quản trị chất lượng trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ. Học phần hướng đến cung cấp cho sinh viên những kiến thức cập nhật liên quan đến đặc thù của sản phẩm dịch vụ, quản lý quá trình tạo dịch vụ, sự thỏa mãn khách hàng và quản lý chất lượng dịch vụ toàn diện. Hoàn tất chương trình, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức của môn học vào công việc định hướng dịch vụ và khách hàng cũng như hỗ trợ cho các nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nói chung và quản trị chất lượng nói riêng. Môn học Quản trị chất lượng dịch vụ có mối liên hệ với các môn học trước như Quản trị học, Quản trị chất lượng.			-Thảo luận: 5% -Thuyết trình: 10% -Báo cáo: 10% -Thi giữa học phần: 10% -Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, SV chủ động hình thành nhóm học tập Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi giữa học phần: tự luận 45 phút, lý thuyết và tình huống, đề đóng Thi kết thúc học phần: 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề đóng
	Thiết lập và mô hình hóa quy trình trong doanh nghiệp	Môn học này hướng đến việc cung cấp cho học viên sự hiểu biết rõ hơn về các nguyên tắc cơ bản của quản lý quy trình kinh doanh (BPM), đặc biệt chú ý đến mô hình hóa, phân tích, thiết kế, chuyển đổi và tổ chức các quy trình trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp các công cụ và phương pháp có thể áp dụng ngay trong môi trường làm việc hàng ngày.	3	6	-Dự lớp: 5% -Thảo luận: 5% -Bản thu hoạch: 10% -Thuyết trình: 10% -Báo cáo: 10% -Thi giữa học phần: 10%

					-Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi giữa học phần: tự luận 120 phút, lý thuyết và bài tập, đề mở Thi kết thúc học phần: 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở
	Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	Môn học hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean Production System) được xây dựng và giới thiệu cho sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp. Môn học bao gồm một hệ thống các công cụ và phương pháp cải tiến tập trung vào việc tạo thêm giá trị cho khách hàng cùng lúc với việc loại bỏ các lãng phí trong quá trình sản xuất/ cung cấp dịch vụ của một tổ chức, từ đó giúp cắt giảm chi phí (đồng nghĩa với việc tăng lợi nhuận), tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực, rút ngắn thời gian chu trình sản xuất/ cung cấp dịch vụ, đồng thời tăng khả năng đáp ứng một cách linh hoạt các yêu cầu không ngừng biến động và ngày càng khắt khe của khách hàng. Hệ thống được xây dựng trên cơ sở nền móng là 5S, tiêu chuẩn hóa công việc và kaizen Hai trụ cột chính của hệ thống là Làm đúng lúc (Just in time)	3	6	-Dự lớp: 5% -Thảo luận: 5% -Bản thu hoạch: 10% -Thuyết trình: 10% -Báo cáo: 10% -Thi giữa học phần: 10% -Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm

		và Tự động hóa thông minh (Jidoka) với các công cụ như: hệ thống kéo, kanban, cân bằng sản xuất, TPM, chuyển đổi nhanh, chuỗi một sản phẩm ...			Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở Thi kết thúc học phần: 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở
	Quản trị doanh nghiệp nhỏ	Các công ty nhỏ cung cấp hàng hóa và dịch vụ mà chúng ta sử dụng hàng ngày, cung cấp việc làm và đào tạo cho hàng triệu công nhân, đồng thời dẫn đầu trong việc tạo ra các sản phẩm và dịch vụ giúp cuộc sống của chúng ta dễ dàng và thú vị hơn. Các doanh nghiệp nhỏ có trách nhiệm giới thiệu với thế giới những phát minh kỳ diệu. Mục đích của khóa học này là mở ra tư duy về những khả năng, thách thức và phần thưởng khi sở hữu doanh nghiệp riêng và cung cấp những công cụ cần thiết để thành công. Đó không phải là một con đường dễ dàng để đi, nhưng phần thưởng - cả hữu hình và vô hình - đều xứng đáng với rủi ro. Các cách tiếp cận kinh doanh ngày nay đã vượt qua thử thách của thời gian bằng cách mang đến cho người học kiến thức mà họ sẽ cần để khởi động và quản lý thành công một doanh nghiệp nhỏ trong một môi trường cạnh tranh gay gắt. Khóa học cung cấp rất nhiều công cụ và kỹ thuật "thực hành" thực tế để làm cho hoạt động kinh doanh thành công. Khóa học này dạy học viên cách phù hợp để khởi động và quản lý một doanh	3	6	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 5% -Thuyết trình: 15% -Báo cáo nhóm: 10% -Thi cuối kỳ: 60% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi kết thúc học phần: đề đóng 60 phút

		ng nghiệp nhỏ với sức mạnh duy trì để thành công và phát triển.			
	Tài chính khởi nghiệp	Tài chính là một chức năng quan trọng trong bất kỳ tổ chức nào dù mới hình thành hay đang trong giai đoạn phát triển như các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, ngân hàng, bệnh viện, trường học,... Môn học tài chính khởi nghiệp được giảng dạy nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức, khung phân tích và kỹ năng phân tích cơ bản về tài chính cho chủ sở hữu của doanh nghiệp khởi nghiệp trong quá trình ra quyết định về tài chính một cách hữu hiệu nhất để thực hiện được mục tiêu mà doanh nghiệp khởi nghiệp đặt ra. Môn học này tập trung vào các quyết định tài chính của nhà khởi nghiệp, giới thiệu cho người học nhiều thách thức về tài chính phải đối mặt bởi nhà khởi nghiệp và làm thế nào bắt đầu xác định vấn đề, thiết lập các tiêu chí đánh giá quan trọng và tạo ra các lựa chọn tài chính khả thi để hỗ trợ việc ra quyết định có thể ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp khởi nghiệp. Môn học này được chia làm 4 phần: Phần một cung cấp những kiến cơ bản về khởi nghiệp như phát triển ý tưởng kinh doanh, xác định và đánh giá các cơ hội khởi nghiệp, vai trò, các nguyên tắc của tài chính khởi nghiệp và vấn đề tài trợ khởi nghiệp Phần hai cung cấp các kiến thức về tổ chức và vận hành một doanh nghiệp khởi nghiệp, giải quyết cách thức và từ đó các nhà khởi nghiệp gia tăng vốn, sử dụng các thông tin tài chính đánh giá kết quả tài chính và kết quả hoạt động để ra quyết định	3	6	-Dự lớp: 5% -Tiểu luận: 15% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: -Tiểu luận: thực hiện theo nhóm từ 5-7 sinh viên -Thi giữa học phần: Tự luận (Bao gồm cả lý thuyết và bài tập, không sử dụng tài liệu) trong thời gian 60 phút -Thi kết thúc học phần: Tự luận (Bao gồm cả lý thuyết và bài tập, không sử dụng tài liệu) trong thời gian 75 phút

		Phần ba giải quyết các vấn đề có liên quan đến kỹ thuật giá trị tiền tệ theo thời gian, các hoạt động hoạch định trong tương lai như quản trị dòng tiền, các loại vốn và chi phí của hoạt động tài trợ, dự báo và lập kế hoạch tài chính Phần cuối cùng sẽ đi vào giới thiệu các phương pháp xác định giá trị của một doanh nghiệp khởi nghiệp và cách thức thu hoạch giá trị đầu tư dự án khởi nghiệp thông qua chiến lược rút lui/thoái vốn (Exit strategy). Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của môn học và các môn học khác: Môn học này là điều kiện cần thiết để học môn Thẩm định dự án, Lập kế hoạch kinh doanh và Quản trị rủi ro Kiến thức của môn học này có thể vận dụng để thực hiện đề tài cho học phần thực tập bắt buộc.			
	Quản trị sáng tạo và đổi mới	Sáng tạo luôn là một điều cần thiết không chỉ cho cá nhân mà còn cho cả tổ chức. Sáng tạo được xem là một năng lực phát sinh những ý tưởng và giải pháp mới và hữu ích cho việc giải quyết các vướng mắc và thách thức hàng ngày. Đối với hoạt động kinh doanh hoạt động sáng tạo cho thay đổi sản phẩm, quy trình, công nghệ, cách thức vận hành hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn và góp phần tạo lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhưng vấn đề đặt ra là làm thế nào để hình thành năng lực sáng tạo? làm sao tạo được môi trường ủng hộ sáng tạo? Tất cả những vấn đề đó sẽ được giải quyết trong học phần này. Học phần bắt đầu với việc giới thiệu các khái niệm có liên quan về sáng tạo, vai trò của các nhóm sáng tạo	3	6	-Tham dự vào hoạt động thảo luận nhóm: 10% -Tham dự thuyết trình: 10% -Báo cáo nhóm: 20% -Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: GVHD chọn ngẫu nhiên nhóm trình bày và thành viên trình bày. Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn

		trong tổ chức, và làm thế nào để xây dựng một tổ chức sáng tạo. Trên nền tảng tổng quan này các kiến thức có liên quan đến quản trị sáng tạo sẽ được giới thiệu: quản trị công việc sáng tạo, xây dựng khung quan hệ giữa lãnh đạo-sáng tạo-tổ chức, giữa quản trị sự thay đổi-sáng tạo-phát triển tổ chức. Cuối cùng sự mở rộng của khái niệm sáng tạo từ lĩnh vực marketing đến người tiêu dùng khung thể chế về chính trị và văn hóa cho sáng tạo.			Turnitin trên LMS của lớp Thi kết thúc học phần: 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở
	Quản trị khởi nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quản trị khởi nghiệp. Các kiến thức này được chia ra thành bốn bộ phần. Phần 1 sẽ giới thiệu những triển vọng của quản trị khởi nghiệp. Nội dung của phần này bao gồm những vấn đề như bản chất và tầm quan trọng của khởi nghiệp, tư duy kinh doanh, dự định khởi nghiệp và các cơ hội khởi nghiệp. Phần hai cung cấp những kiến thức liên quan đến việc tạo lập doanh nghiệp và khởi động cho hoạt động kinh doanh. Việc phân tích ý tưởng và cơ hội kinh doanh, các khía cạnh luật pháp, các kế hoạch kinh doanh, marketing, tổ chức, tài chính sẽ được thảo luận chi tiết trong phần này. Phần thứ ba giải quyết việc tìm kiếm và khai thác các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp. Cuối cùng phần 4 sẽ nêu ra các giải pháp quản trị, phát triển và tìm kiếm thị trường quốc tế cho doanh nghiệp.	3	6	-Dự lớp: 5% -Thảo luận: 5% -Thuyết trình: 10% -Báo cáo: 20% -Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: Thảo luận: SV tham gia thảo luận, trao đổi bài tập theo nhóm Thuyết trình: trình bày theo nhóm, SV chủ động hình thành nhóm học tập Báo cáo bài tập chuẩn bị cho thuyết trình: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi kết thúc học phần: tự luận 60 phút, lý thuyết, không được sử

					dụng tài liệu khi làm bài
	Marketing khởi nghiệp	Môn học Marketing khởi nghiệp là môn học dựa trên tư duy của người làm chủ doanh nghiệp thực hiện các chiến lược marketing. Nó không chỉ là những vấn đề chuyên môn của marketing, mà còn là việc áp dụng nó vào trong tư duy của doanh nghiệp trong bối cảnh khởi nghiệp. Vì vậy, khi đặt chủ thể áp dụng là nhà quản trị/founder nên môn học có cấu trúc khác thông thường; cụ thể là phần thứ nhất môn học bàn nhiều về thị trường/ngành công nghiệp-khách hàng và cạnh tranh. Trong phần thứ nhất những vấn đề cơ bản từ nhu cầu, sáng tạo giá trị khác biệt, hiểu khách hàng và phân khúc thị trường sẽ được chia sẻ ở quan điểm là thì ra khoảng trống nhu cầu mà một doanh chủ có thể cung cấp cho thị trường để thành công. Phần thứ hai của môn học bàn về các giải pháp thực thi marketing phi truyền thống; theo đó chiến lược quan hệ khách hàng, chiến lược mở rộng thị trường, chiến lược tương tác trực tiếp, chiến lược khác biệt hóa giải pháp khách hàng, chiến lược áp dụng digital và chiến lược truyền thông tích hợp...mục tiêu giúp người khởi nghiệp áp dụng mọi biện pháp thực địa. Phần thứ ba của môn học giúp người khởi nghiệp tinh thần lãnh đạo marketing theo đuổi kết quả thông qua hệ tư tưởng biết đổi mới, chấp nhận rủi ro và chủ động thay đổi trong thị trường cạnh tranh.	3	6	-Dự lớp: 5% -Thảo luận: 15% -Bản thu hoạch: % -Thuyết trình: 10% -Báo cáo nhóm (dự án nghiên cứu):20% -Thi giữa học phần: % -Thi kết thúc học phần: 50%
	Tuyển dụng và đào tạo	Tuyển dụng và Đào tạo nhân lực là một trong những nghiệp vụ then chốt của quản trị nguồn nhân lực trong tất cả các tổ chức. Tuyển chọn đúng	3	6	-Dự lớp: 5% -Phát biểu: 5%

		người cho đúng việc vào đúng thời điểm cần thiết; trang bị, bổ sung, phát huy năng lực của người lao động nhằm hoàn thiện, nâng cao các kiến thức, kỹ năng và thái độ để giúp họ thực hiện tốt công việc góp phần vào việc đạt được mục tiêu của tổ chức, đảm bảo cho sự thành công của doanh nghiệp. Học phần nhằm giới thiệu quy trình thu hút, sàng lọc, bổ nhiệm nhân sự; thiết lập các chiến lược, chính sách tuyển dụng phù hợp với quy định của Luật pháp và tổ chức, đánh giá các tiêu chí tuyển chọn và đánh giá hoạt động của hệ thống tuyển dụng; giới thiệu các nội dung cơ bản của đào tạo, hoạch định chiến lược đào tạo và quy trình đào tạo. Học phần chú trọng đặc biệt đến các kỹ thuật, công cụ sử dụng trong quá trình tuyển dụng và đào tạo như: sàng lọc ứng viên, kiểm tra và phỏng vấn; phân tích nhu cầu đào tạo, các phương pháp đào tạo.			-Thảo luận nhóm: 10% -Thuyết trình: 10% -Kiểm tra giữa học phần: 10% -Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: -Thuyết trình: trình bày theo nhóm trong 20 phút. -Kiểm tra giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở. -Thi kết thúc học phần: tự luận 60 phút, lý thuyết, đề không sử dụng tài liệu.
	Đánh giá thực hiện công việc	Quản trị đánh giá thực hiện công việc là một nghiệp vụ quan trọng mà tổ chức thực hiện để huy động năng lực của mỗi nhân viên trong doanh nghiệp hướng về đạt được mục tiêu chiến lược. Chính vì thế, môn học này liên kết với chiến lược kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực và là nền tảng cho vấn đề khen thưởng nhân viên, đào tạo và quản trị tài năng trong tổ chức. Nội dung môn học tập trung vào quản trị đánh giá thực hiện công việc theo chu trình gồm thiết lập và kết nối mục tiêu, triển khai đánh giá thực hiện công việc, đánh giá thành tích của người lao động và thảo luận kết quả đánh giá thực	3	6	-Dự lớp: 5% -Phát biểu: 5% -Thảo luận nhóm: 10% -Thuyết trình: 10% -Kiểm tra giữa học phần: 10% -Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: -Thuyết trình: trình bày theo nhóm trong 20 phút. -Kiểm tra giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở.

		hiện công việc của người lao động.			-Thi kết thúc học phần: tự luận 60 phút, lý thuyết, đề không sử dụng tài liệu.
	Quản trị thù lao lao động	Xây dựng hệ thống trả công lao động (bao gồm lương và các chế độ đãi ngộ) hiệu quả nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, có khả năng thu hút, duy trì đội ngũ nhân viên giỏi và khuyến khích họ tận tâm, nỗ lực hoàn thành tốt công việc. Môn học được thiết kế theo các nội dung chính của hệ thống trả công lao động: mô hình trả công lao động 3P, xác định giá trị công việc, xác định lương chức danh, lương cá nhân, khoán lương và quản lý ngân sách lương. Môn học Trả công lao động có mối liên hệ với các môn học trước như Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Quản trị học, Quản trị nguồn nhân lực căn bản.	3	6	-Dự lớp: 5% -Thảo luận:5% -Bản thu hoạch:10% -Thuyết trình:10% -Báo cáo: 10% -Thi giữa học phần: 10% -Thi kết thúc học phần 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm Báo cáo: nộp file word theo nhóm Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở Thi kết thúc học phần: 90 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở
	Quan hệ lao động	Quan hệ lao động là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát về QHLD trong tổ chức; Chủ thể trong quan hệ lao động; Cơ chế quan hệ lao động; Tổ chức đối thoại, thương lượng trong QHLD; Xung đột và tranh chấp lao động.	3	6	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% -Thuyết trình: 10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 50 % (Tiểu luận không thuyết trình)
	Luật lao động	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về lao động quan trọng, rèn luyện cho sinh viên cách hệ thống hóa kiến thức, cũng như luyện tập cho sinh	3	6	-Dự lớp và làm bài tập nhóm: 20 % -Thuyết trình: 20 %

		viên cách phân tích và giải thích pháp luật trong một tình huống thực tế. Môn học gồm các nội dung xoay quanh các vấn đề: mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động từ góc độ quyền và nghĩa vụ của mỗi bên; vai trò của tổ chức đại diện người lao động và các cơ quan quản lý nhà nước đối với quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường; cách thức giải quyết các tranh chấp lao động tập thể và tranh chấp lao động cá nhân. Từ đó, sinh viên có thể hiểu được cách quản lý người lao động phù hợp và hiệu quả trong từng môi trường làm việc khác nhau, nhằm đưa quan hệ lao động vào nề nếp, trật tự trong khuôn khổ pháp luật, giúp lao động ngày càng hiệu quả, nhất là trong nền kinh tế thị trường hiện nay.			-Thi giữa học phần: 10 % -Thi kết thúc học phần: 50 %
	Thực tập và tốt nghiệp		10	7	
	Khóa luận tốt nghiệp		10	7	
2	Ngành Kinh doanh quốc tế				
	Triết học Mác - Lênin	Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3	1	● Đánh giá quá trình: 50% - Dự lớp: 15% - Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% - Kiểm tra giữa học phần: 20% ● Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu). Thời gian làm bài: 75 phút.
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các	2	1	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20%

		chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.			Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) Điểm học phần: 100%
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương	2	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng

		pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.			- Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	2	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tiếng Anh P1	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với các bài thi TOEIC và thực hành các kỹ năng và chiến thuật để có thể đạt chuẩn TOEIC đầu ra theo yêu cầu của trường. Nội dung của môn học bao gồm 2 phần: Học trên	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		lớp và Tự học (Independent Study). Sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Môn học cũng giúp sinh viên có kiến thức về các hoạt động trong môi trường kinh doanh như: các công việc trong ngành kinh doanh, các vấn đề phát sinh trong kinh doanh, thị trường, cách tổ chức của một công ty...			
	Tiếng Anh P2	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với các bài thi TOEIC và thực hành các kỹ năng và chiến thuật để có thể đạt chuẩn TOEIC đầu ra theo yêu cầu của trường. Nội dung của môn học bao gồm 2 phần: Học trên lớp và Tự học (Independent Study). Sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Môn học cũng giúp sinh viên có kiến thức về các hoạt động trong môi trường kinh doanh như: các công việc trong ngành kinh doanh, các vấn đề phát sinh trong kinh doanh, thị trường, cách tổ chức của một công ty...	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

	Tiếng Anh P3	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với các bài thi TOEIC và thực hành các kỹ năng và chiến thuật để có thể đạt chuẩn TOEIC đầu ra theo yêu cầu của trường. Nội dung của môn học bao gồm 2 phần: Học trên lớp và Tự học (Independent Study). Sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Môn học cũng giúp sinh viên có kiến thức về các hoạt động trong môi trường kinh doanh như: các công việc trong ngành kinh doanh, các vấn đề phát sinh trong kinh doanh, thị trường, cách tổ chức của một công ty...	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Tiếng Anh P4	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với các bài thi TOEIC và thực hành các kỹ năng và chiến thuật để có thể đạt chuẩn TOEIC đầu ra theo yêu cầu của trường. Nội dung của môn học bao gồm 2 phần: Học trên lớp và Tự học (Independent Study). Sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Môn học cũng giúp sinh viên có kiến thức về các hoạt động trong môi trường kinh doanh như: các công việc trong ngành kinh doanh, các vấn đề phát sinh trong kinh doanh, thị trường, cách tổ chức của một công ty...			
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng, ...	3	1	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần này cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế, kinh doanh và xã hội. Các phương pháp này bao gồm: thống kê suy diễn, suy diễn trong trường hợp mẫu nhỏ hay không chuẩn, ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm làm công cụ hỗ trợ cho các xử lý thống kê nhằm tiết kiệm thời gian, công sức và gia tăng độ chính xác của kết quả tính toán; cho sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kinh tế vi mô	Môn học này nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm. Môn	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: %

		học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh.			- Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm: – Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNI, GNDI ...), tỷ lệ lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp. – Ứng dụng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô, chẳng hạn như mối quan hệ của ngân sách chính phủ với tăng trưởng kinh tế và lạm phát, hoặc giữa cung tiền với lãi suất và tỷ giá hối đoái... – Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong ổn định nền kinh tế.	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học tại UEH những kiến thức pháp lý cần thiết để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất có tên gọi Nhập môn pháp luật, bản chất là học phần Pháp luật đại cương theo quy định của Bộ GD và ĐT, giới thiệu quan niệm về pháp luật, vai trò và chức năng của pháp luật trong xã hội, nguồn luật, cấu trúc các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật	3	3	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh

		Việt Nam, quy trình ban hành quy phạm pháp luật và hệ thống tòa án cũng như các cơ quan tư pháp ở Việt Nam. Phần thứ hai có tên gọi Môi trường pháp luật cho hoạt động kinh doanh, trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, nhất là pháp luật về công ty, các nguyên tắc của pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và pháp luật về phá sản doanh nghiệp.			(bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%
	Nguyên lý kế toán	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán như: bản chất, nguyên tắc của kế toán, hệ thống phương pháp kế toán, trình tự chung về các yếu tố, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, tổ chức công tác và bộ máy kế toán, ...	3	2	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.	2	4	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.

Khởi nghiệp kinh doanh	Học phần giúp trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Môi quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh và Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp	1	5	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
ERP (SCM)	Học phần giúp cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống phần mềm ERP. Các thành phần chính trong một hệ thống ERP và mối liên hệ giữa chúng với hệ thống thông tin, qui trình chức năng – nghiệp vụ của doanh nghiệp.	2	5	- Dự lớp: 20% - Thảo luận: 20% - Bài tập nhóm: 20% - Dự án: 40%
Hệ thống thông tin quản lý	Môn học này cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin quản lý như một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức kinh tế xã hội hiện đại. Môn học trình bày cách thức sử dụng và tái tổ chức hệ thống thông tin để khai thác hệ thống một cách có hiệu quả nhằm góp phần tạo ra những hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh. Nội dung của môn học bao gồm những khái niệm cơ sở về	3	3	- Bài tập nhóm và Thuyết trình: 30% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		hệ thống thông tin quản lý, các yếu tố cấu thành, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hệ thống trong tổ chức; những phương thức mà hệ thống trợ giúp các hoạt động kinh doanh, hỗ trợ việc ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh; quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin; nghiên cứu một vài hệ thống thông tin tiêu biểu dưới dạng nghiên cứu tình huống (Case Study).			
	Marketing căn bản	Môn học này cung cấp kiến thức nền tảng về môi trường marketing và nhu cầu của khách hàng, phân tích những cơ hội marketing cùng với các giải pháp phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và các giải pháp marketing mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) nhằm giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh.	3	3	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 5% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quản trị học	Quản trị học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm: khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.	3	1	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm. Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn

					Turnitin trên LMS của lớp. Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, được sử dụng tài liệu. Thi kết thúc học phần: 75 phút, trắc nghiệm 100 câu, không sử dụng tài liệu.
	Quản trị tài chính	Học phần này giúp sinh viên thấy được mối quan hệ giữa các quyết định tài chính và hoạt động dịch chuyển dòng tiền trong doanh nghiệp. Các yếu tố liên quan như giá lý thời gian của dòng tiền, phân tích lưu lượng tiền mặt, các bù trừ của rủi ro và sinh lợi, sự dị biệt hoá, đánh giá các giá lý đầu tư khác nhau, mô hình định giá tài sản vốn (capital asset pricing model – CAPM)...sẽ được đề cập. Sinh viên được yêu cầu giải các bài tập tình huống mà qua đó, các khái niệm có liên đới khác nhau được vận dụng nhằm giúp họ có cách nhìn tổng quát về mối quan hệ hỗ tương giữa các hoạt động tài chính.	3	4	- Dự lớp và thảo luận: 10% - Bài kiểm tra LMS: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị chiến lược toàn cầu	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự hiểu biết về môi trường toàn cầu, tác động của nó đối với hoạt động kinh doanh toàn cầu, lựa chọn các chiến lược cụ thể cho việc gia nhập thị trường nước ngoài, duy trì các lợi thế cạnh tranh tốt nhất của mô hình kinh doanh toàn cầu, phát triển năng lực tổ chức bằng cách phát triển lợi thế và cam kết thực hiện chiến lược, và triển khai hoạt động liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược. Tóm lại, môn học này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng về thiết kế và lựa	3	4	- Chuyên cần: 10 % - Thảo luận/Tình huống (LMS): 20 % - Nhóm (final presentation): 20 % - Cuối kỳ: 50 %

		chọn chiến lược kinh doanh toàn cầu hiệu quả.			
	Kinh doanh quốc tế	Môn học Quản trị Kinh doanh quốc tế giới thiệu môi trường kinh doanh quốc tế và những vấn đề cơ bản trong việc quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp. Những nội dung của môn học bao gồm: giới thiệu chung về toàn cầu hóa; tìm hiểu về môi trường kinh doanh quốc tế và những yếu tố tạo sự khác biệt giữa các quốc gia; các lý thuyết và chính sách thương mại và đầu tư quốc tế, giới thiệu các chiến lược kinh doanh quốc tế căn bản, các phương thức thâm nhập kinh doanh quốc tế, và các chiến lược chức năng trong hoạt động quản trị kinh doanh quốc tế.	3	3	- Dự lớp: 5% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	Môn học này giới thiệu các khái niệm, ứng dụng và công cụ của Quản lý vận hành và chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu. - Quản lý vận hành là sự thiết kế hệ thống nhằm chuyển hóa các yếu tố đầu vào thành sản phẩm (và cả dịch vụ) đầu ra sao cho hiệu quả và đạt các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp. Quản lý chuỗi cung ứng là việc quản lý dòng dịch chuyển của không những các yếu tố vật chất xuyên suốt từ khâu “đầu vào” đến khi chúng được biến chuyển thành các yếu tố “đầu ra” mà còn là sự quản lý các yếu tố có liên quan như thông tin, tài chính, rủi ro, pháp lý, chính sách,... có liên quan nhằm đạt được mức tối ưu trong hoạt động cung ứng, tạo ra các giá lý tích cực cho cho các bên tham gia.	3	4	- Dự lớp: 10% - Bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% - Thi: 50%
	Phân tích kinh doanh	Phân tích kinh doanh đề cập đến cách thức mà các tổ chức như doanh nghiệp, tổ chức phi	3	4	- Dự lớp: 10% - Bài tập: 20%

		chính phủ, và các cơ quan chính phủ có thể sử dụng dữ liệu để hiểu sâu và đưa ra quyết định tốt hơn. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về việc phân tích hoạt động kinh doanh và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp sinh viên hình thành các kỹ năng cần thiết để xử lý các tình huống thực tế trong hoạt động kinh doanh: phân tích, tổng hợp số liệu, dự đoán tình huống, đề xuất phương hướng giải quyết vấn đề. Trong khóa học này, sinh viên sẽ tìm hiểu để xác định, đánh giá và nắm bắt cơ hội phân tích kinh doanh để tạo ra giá trị mới cho tổ chức.			- Thuyết trình nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Mô phỏng Kinh doanh	Ngành công nghiệp hiện nay hỗ trợ cho các dự án thực tế. Thông qua việc học tại trường, học viên sẽ được cung cấp những giải pháp thiết thực cho nhu cầu kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp. Các dự án sẽ được cung cấp từ khắp các lĩnh vực như hệ thống thông tin hay quản lý hoạt động. Trong quá trình hoàn thành các dự án, học viên sẽ đạt được các kỹ năng thực hành trong môi trường làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, quản lý dự án cũng như hành vi kinh doanh.	3	6	- Đánh giá công việc cá nhân hằng tuần và cá nhân đánh giá các thành viên trong nhóm: 10% - Viết kế hoạch chiến lược 3 năm trong môn học: 20% - Kiểm tra bài tập trực tuyến theo nhóm (2 bài): 15% - Viết báo cáo và thuyết trình kết quả kinh doanh cuối khóa 5% - Kết thúc học phần: + Kết quả kinh doanh tổng tới năm 12: 50%
	Kinh doanh quốc tế tại Châu Á	Môn học giới thiệu những vấn đề mới trong việc quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế tại khu vực Châu Á. Những nội dung của môn học bao gồm: tìm hiểu về vấn đề toàn cầu hóa tại Châu	3	5	- Dự lớp: 10% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 25% - Tiểu luận kết thúc học phần: 50%

		Á, tìm hiểu các điều kiện thị trường Châu Á, chiến lược tiếp cận thị trường châu Á và vấn đề nhập khu vực. Ngoài ra môn học cũng giới thiệu về quản trị kinh doanh gia đình ở Châu Á. Cuối cùng, môn học đề cập vấn đề đạo đức trong kinh doanh quốc tế, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp hoạt động kinh doanh quốc tế tại châu Á.			
	Quản trị Nguồn nhân lực Quốc tế	Quản trị Nguồn nhân lực (QT.NNL) là một trong các chức năng quan trọng trong quản trị doanh nghiệp, môn học này cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị nguồn lực (con người) trong doanh nghiệp nói chung và công ty MNCs nói riêng. Nội dung chính của nó bao phủ nhiều hoạt động quan trọng trong chu trình QT.NNL bao gồm QT.NNL và Chiến lược QTNNL, Tuyển dụng, lựa chọn & bố trí nguồn lực, Hoạch định, quản lý và đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, hoạch định và quản lý hệ thống thu nhập, phúc lợi, dịch vụ cho người lao động, mối quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan. Nội dung được trình bày kết hợp với những tình huống thực tế sinh động trong quá trình quản lý doanh nghiệp MNCs tại Việt Nam.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch hay kiểm tra cuối chuyên đề: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Mô hình kinh doanh và ứng dụng	Khóa học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên, chủ yếu trong các lĩnh vực kinh doanh và kinh tế, hiểu rõ khái niệm về vai trò của khoa học quản lý trong quá trình ra quyết định. Đây là một khóa học quan trọng trong việc phát triển các mô hình quyết định và ứng dụng của chúng vào các vấn đề quản lý. Trọng tâm là các mô hình được sử dụng	3	3	- Bài tập nhóm – 3 bài (group homework): 30% - Bài kiểm tra cá nhân – 2 bài (individual quizzes): 20% - Thi kết thúc học phần (final exam): 50%

		rộng rãi trong tất cả các ngành và lĩnh vực chức năng, bao gồm hoạt động, quản lý chuỗi cung ứng, tài chính, kế toán và tiếp thị.			
	Logistics quốc tế	Khóa học này giới thiệu các khái niệm, quan điểm và định hướng mới trong tương lai của ngành logistics: - Tầm quan trọng của logistics đối với nền kinh tế nói chung và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp nói riêng - Các hoạt động và chức năng của Logistics dựa trên 3 dòng tài nguyên chính: (1) vật chất: khái niệm và các loại hình kho bãi, tầm quan trọng của packaging và các kỹ thuật chất xếp hàng trong quản lý kho bãi, các loại hình vận tải và quản lý vận tải; (2) thông tin: các loại hệ thống quản lý thông tin được sử dụng phổ biến trong quản lý logistics; (3) tài chính: các quyết định về logistics ảnh hưởng đến các chiến lược tài chính của công ty như thế nào. - Quản lý Logistics (quản lý nhu cầu, quản lý đơn hàng, và dịch vụ khách hàng) và các vấn đề phát sinh liên quan. Các xu hướng về logistics trên thế giới, cơ hội và thách thức đối với logistics trong nước.	3	5	- Thảo luận và bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Thương mại quốc tế	Môn học cung cấp kiến thức về các nguyên tắc nền tảng trong thiết lập hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ quốc tế, cũng như trong vận chuyển nguồn vốn và lao động xuyên quốc gia. Thêm vào đó, môn học giúp sinh viên hiểu biết các hình thức liên kết thương mại quốc tế giữa các quốc gia; đồng thời phân tích được tác động từ các công cụ chủ yếu của chính sách thương mại, đánh giá được hiệu quả kinh tế của chúng, cũng như giải quyết các vấn đề phát sinh	3	6	- Thảo luận cá nhân từng buổi: 25% - Thuyết trình + báo cáo nhóm: 25% - Thi kết thúc học phần (trắc nghiệm): 50%

		khi áp dụng chúng trong thực tế. Ngoài ra, môn học trình bày những đặc điểm kinh tế của các thỏa thuận thương mại khu vực, chẳng hạn như các khu vực mậu dịch tự do, liên minh hải quan và thị trường chung. Môn học sẽ giúp hoàn thiện kiến thức và tư duy phân tích của sinh viên về môi trường kinh doanh quốc tế, chú trọng vào hoạt động ngoại thương.			
	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Trong khoá học này liên quan đến việc quản lý tài chính của công ty trong bối cảnh kinh doanh quốc tế. Nội dung nhấn mạnh vào hai phần chính: (1) Kinh tế vĩ mô: các kiến thức về kinh tế vĩ mô và các cơ sở thể chế trong môi trường tài chính quốc tế, vai trò/tác động của các tổ chức/ yếu tố này đến sự biến động tỷ giá hối đoái, và các kỹ thuật và công cụ dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai (2) Quản lý tài chính quốc tế: các vấn đề và cơ hội của các công ty đa quốc gia trên thị trường tài chính quốc tế, các kiến thức về công cụ phái sinh ngoại hối (chẳng hạn như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn và hợp đồng hoán đổi) cũng như các giải pháp quản lý rủi ro hối đoái.	3	5	- Thảo luận và Thuyết trình theo nhóm: 20% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị xuất nhập khẩu	Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị xuất nhập khẩu, gồm những nội dung chủ yếu sau: Hoạch định chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu; Đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu; Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và tổ chức thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Dự án kinh doanh quốc tế	Khóa học này cung cấp một giới thiệu có hệ thống và kỹ lưỡng về tất cả các khía cạnh	3	6	- Bài tập tình huống nhóm: 20%

		của quản lý dự án. Dự án là một khía cạnh ngày càng quan trọng của kinh doanh hiện đại. Do đó, khóa học nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu mối quan hệ giữa các dự án và các mục tiêu chiến lược của tổ chức. Khóa học cũng thảo luận về các kỹ năng liên quan đến kỹ thuật, văn hóa và giao tiếp cá nhân cần thiết để thành công quản lý dự án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. Khóa học nhấn mạnh rằng quản lý dự án là một ngành học chuyên nghiệp với các công cụ, kiến thức và kỹ năng riêng. Các khái niệm là được củng cố bởi các nghiên cứu điển hình bao gồm nhiều loại dự án và ngành công nghiệp.			- Bài kiểm tra cá nhân: 20% - Thuyết trình nhóm: 10% - Dự án nhóm: 50%
	Marketing quốc tế	Đây là môn học quan trọng trong ngành Marketing và các ngành khác như Kinh doanh quốc tế, Thương mại, Du lịch... trong bối cảnh toàn cầu hóa. Môn học này trình bày những khái niệm và những công cụ để phân tích các chiến lược marketing quốc tế và đánh giá thị trường nước ngoài. Môn học này tập trung vào những kỹ năng nghiên cứu marketing để phát triển, đánh giá và thực hiện những kế hoạch marketing quốc tế ở các cấp độ doanh nghiệp, quốc gia và khu vực dựa trên 4P của marketing. Qua sự hiểu biết và kết hợp nhuần nhuyễn lý thuyết và thực tiễn, sinh viên có được tư duy vững chắc về marketing quốc tế cũng như nền tảng thực tế cần thiết về thị trường toàn cầu. Môn học này cũng tạo ra một môi trường học tập gợi cảm hứng nghiên cứu, tự khám phá, và hoàn thiện kiến thức bằng phương pháp học nhóm, tình huống, và những bài tập do	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận, bài tập: 20% - Tiểu luận, dự án: 20% - Thuyết trình: 5% - Thi kết thúc học phần: 50%

		giảng viên hướng dẫn từ quá trình thảo luận tại lớp.			
	Marketing kỹ thuật số	Khoá học này đặc biệt dành cho những sinh viên đang hướng đến công việc trong lĩnh vực online marketing. Khoá học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức cập nhật mới nhất về chuyển đổi số và những thách thức môi trường kinh doanh hiện tại. Sinh viên sẽ có thể phát triển tư duy số để thành công trong lĩnh vực này, khi có thể quản trị được các tài sản kỹ thuật số và biết cách tích hợp những kênh thích hợp vào các hoạt động marketing nhắm đến khách hàng.	3	6	- 3 Bài trắc nghiệm (cá nhân, vào cuối mỗi phần): 30% - Assignment 1: Tiểu luận nhỏ (vào cuối phần 1): 20% - Assignment 2: Dự án mini: 50%
	Quản trị đa văn hóa	Môn học tập trung vào kinh doanh và quản lý, khóa học này cung cấp kiến thức và kinh nghiệm để phát triển các kỹ năng giao tiếp và tương tác giữa các cá nhân-đa văn hóa cần thiết cho các nhà quản lý quốc tế. Trong khi học cách xác định các khía cạnh văn hóa của lời nói và hành vi phi ngôn ngữ của những người từ các nền văn hóa khác nhau và chính họ, sinh viên đến nhận ra sự khác biệt văn hóa có thể gây ra khó khăn trong các tình huống quản lý. Những người tham gia sẽ có được kiến thức chuyên môn chi tiết trong việc đối phó với nhiều tình huống văn hóa, thách thức và mô hình, do đó học các kỹ năng thực tế sẽ hữu ích cho cá nhân của họ và phát triển nghề nghiệp ngang tầm quốc tế.	3	6	- Thảo luận (discussion): 10% - Bài báo cáo cá nhân (individual report): 10% - Thuyết trình nhóm (group presentation): 20% - Bài tập tình huống - 2 bài (2 case studies): 10% - Dự án nhóm cuối học phần (group project): 50%
	Hành vi tổ chức trong kinh doanh	Học phần hành vi tổ chức giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề tổng quan về hành vi tổ chức như: Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng và các phương pháp nghiên cứu hành vi tổ chức; Các cơ sở của hành vi cá nhân: Những đặc tính về tiêu sử, tính cách, nhận thức, học	3	6	- Class attendance: 5% - Discussion: 5% - Presentations: 5% - Report: 5% - Mid-term exam: 20% - Final exam: 60%

		tập; Cơ sở hành vi nhóm: Nguyên nhân ra nhập nhóm, những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi nhóm và ra quyết định nhóm; Một số vấn đề về cơ cấu tổ chức: Mô hình tổ chức và các yếu tố cần quan tâm khi thiết kế cơ cấu tổ chức; Các vấn đề về văn hoá tổ chức như: Đặc tính, chức năng của văn hoá tổ chức, sự hình thành và duy trì văn hoá tổ chức; Các vấn đề đổi mới và phát triển tổ chức: Những tồn tại và thích ứng của tổ chức, sự thay đổi tổ chức, quá trình phát triển của tổ chức, các yếu tố cản trở sự thay đổi tổ chức và các biện pháp khắc phục những cản trở đối với sự thay đổi tổ chức.			
	Nghiên cứu marketing	Nghiên cứu Marketing là rất quan trọng đối với các quyết định kinh doanh hiệu quả vì nó được xem là “chức năng liên kết một tổ chức với thị trường của nó thông qua việc thu thập thông tin” (Hair, 2013, tr.5). Nghiên cứu Marketing có thể giúp các tổ chức xác định và giải quyết các vấn đề Marketing và đạt được các kết quả kinh doanh mong muốn. Khóa học này sẽ cung cấp cho sinh viên có kiến thức cho việc thực hiện nghiên cứu Marketing một cách hiệu quả. Kết quả là, sinh viên có thể thiết kế một kế hoạch nghiên cứu Marketing, thu thập và phân tích dữ liệu và trình bày kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, kiến thức của khóa học này cũng có thể giúp sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp hoặc bất kỳ nghiên cứu nào.	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 5% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Thương mại trong kỷ nguyên số	Học phần Thương mại trong kỷ nguyên số giới thiệu cho học viên những kiến thức về thương mại điện tử, bao gồm các nội dung chính như phát triển thương mại điện tử và	3	6	- Dự lớp: 100% - Thuyết trình: 15% - Báo cáo: 15% - Thảo luận tình huống: 20%

		các mô hình kinh doanh cho thương mại điện tử của các quốc gia trên thế giới; nền tảng cơ bản của thương mại điện tử; nguyên tắc giao dịch mua bán trực tuyến; những rủi ro và hạn chế rủi ro mua bán trực tuyến; hệ thống thanh toán điện tử và Electronic Data Interchange (EDI).			- Thi kết thúc học phần: 50%
	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp, kết quả hợp tác đào tạo giữa UEH, giữa khoa KDQTM và doanh nghiệp là một hình thức của học phần “Thực tập và tốt nghiệp” và được quy định chi tiết trong chương trình đào tạo từng ngành / chuyên ngành của khoa Kinh doanh quốc tế – Marketing. Với mục đích giúp sinh viên vận dụng, củng cố và bổ sung những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn theo ngành học. Đồng thời, Thực tập tốt nghiệp còn giúp sinh viên rèn luyện phương pháp, kỹ năng làm việc, kỹ năng tổ chức tại doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm thị trường lao động ngay sau khi kết thúc quá trình đào tạo.	10	7	
3	Ngành Marketing				
	Triết học Mác - Lênin	- Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo.	3	1	● Đánh giá quá trình: 50% - Dự lớp: 15% - Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% - Kiểm tra giữa học phần: 20% ● Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu). Thời gian làm bài: 75 phút

		- Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống - Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội.			
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	1	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) Điểm học phần: 100%
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)

		trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.	2	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền	2	2	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		(1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh P1 giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như careers, companies, selling, great ideas và stress. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh P2 giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như new business, marketing, planning, managing people và conflict. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B2 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFR).			
	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh P3 giúp sinh viên: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Tiếng Anh 4	Chủ đề của các bài học bao gồm các vấn đề như kinh doanh và kinh tế, việc làm, sản xuất, tiếp thị, ngân hàng, đạo đức kinh doanh, tỷ giá hối đoái và thương mại quốc tế. Mỗi bài học gồm 02 phần chính: Phần 1 là các bài đọc hiểu chuyên sâu để giải thích các khái niệm cơ bản về kinh tế và kinh doanh. Phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về chủ đề chương học và giúp sinh viên phát triển các kỹ thuật đọc hiểu. Theo sau các bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, các bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học. Phần 2 là một bài đọc trích từ sách báo, tạp chí hoặc là một bài luyện nghe các cuộc phỏng vấn các doanh nhân hoặc các nhà kinh tế học. Trong phần này cũng có các bài tập kiểm tra mức độ nghe hiểu và các hoạt động nâng cao kỹ năng	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		nói bao gồm thảo luận, đóng vai hoặc một bài viết ngắn có liên quan đến chủ đề được học.			
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	+ Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. + Định thức và các tính chất quan trọng. + Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. + Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. + Hàm một biến và các kiến thức liên quan. + Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan + Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2. + Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế. Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng, ...	3	1	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh & Kinh Tế trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo. Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Tế và Kinh Doanh cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm:	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.			
	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kinh tế vi mô là môn học nhập môn của sinh viên khối ngành Kinh tế - Kinh doanh và Quản lý, giảng dạy về các nguyên tắc cơ bản của kinh tế vi mô. Môn học này sẽ giúp chúng ta ra quyết định và hiểu thế giới vận hành như thế nào thông qua việc nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm. Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể và sự tương tác ảnh hưởng đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường, vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh.	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kinh tế vĩ mô	Học phần trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo: Kinh tế học vĩ mô là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

		tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.			
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		khởi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...	3	3	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.	2	2	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi nghiệp kinh doanh	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho	1	6	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận			
--	--	---	--	--	--

		rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Mối quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	ERP (SCM)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống phần mềm ERP. Các thành phần chính trong một hệ thống ERP và mối liên hệ giữa chúng với hệ thống thông tin, qui trình chức năng – nghiệp vụ của doanh nghiệp. Cụ thể là: • Hiểu rõ ERP là gì? Mục tiêu và các thành phần chính trong hệ thống ERP. • Nắm vững quá trình hình thành và phát triển hệ thống phần mềm ERP. • Hiểu rõ nguyên lý hoạt động của phân hệ SCM, cụ thể là các phân - Product Management - Procurement - Trading	2	5	- Dự lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được thực hành minh họa trên hệ thống ERP cụ thể. Nội dung học phần gồm: • Cung cấp các khái niệm trong ERP bao gồm: - Thành phần chính trong một hệ thống ERP - Cách thức hoạt động của hệ thống ERP - Hiểu rõ mục tiêu của ERP muốn hướng tới - Cách thức áp dụng ERP trong doanh nghiệp • Giới thiệu về hệ thống Microsoft Dynamicx AX. • Khởi tạo và quản lý dữ liệu về sản phẩm cùng các thông số liên quan trên hệ thống Dynamic AX • Hiểu rõ nguyên lý của các quy trình Procurment, thực hành trên hệ thống Dynamix AX. • Hiểu rõ nguyên lý của các quy trình Trading, thực hành trên hệ thống Dynamix AX.			
	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần giới thiệu các khái niệm, vai trò của các loại hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm và phương pháp quản lý phần cứng, phần mềm, dữ liệu, mạng truyền thông, Internet. Trình bày các phương pháp xây dựng, triển khai HTTT quản trị và tác động đến hoạt động và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp. Phân tích các khả năng ứng dụng HTTT quản trị trong các hoạt động của doanh nghiệp ở cả ba cấp chiến lược, chiến thuật, và tác nghiệp.	3	3	- Bài tập nhóm và Thuyết trình: 30% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị chiến lược toàn cầu	Môn học Quản trị chiến lược toàn cầu giới thiệu các yếu tố trong môi trường kinh doanh toàn cầu và tác động của nó đối với chiến lược và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp toàn cầu. Những nội dung chính của môn học tập trung vào các kiến thức và kỹ	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		năng thiết kế và lựa chọn chiến lược kinh doanh hiệu quả bao gồm môi trường kinh doanh toàn cầu và chiến lược toàn cầu (cấu phần của chiến lược toàn cầu, tham gia thị trường mới và liên minh chiến lược toàn cầu).			
	Kinh doanh quốc tế	Môn học Quản trị Kinh doanh quốc tế giới thiệu các yếu tố của môi trường kinh doanh quốc tế ảnh hưởng đến chiến lược và các hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp. Những nội dung chính của môn học là toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia, môi trường thương mại và đầu tư toàn cầu, các lý thuyết thương mại và đầu tư quốc tế, và các chiến lược quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp.	3	3	- Dự lớp: 5% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% - o Bài thu hoạch: 10% - o Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Marketing căn bản	Môn học này cung cấp kiến thức nền tảng về môi trường marketing và nhu cầu của khách hàng, phân tích những cơ hội marketing cùng với các giải pháp phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và các giải pháp marketing mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) nhằm giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh.	3	2	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 5% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quản trị học	Quản trị học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm : khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các tư tưởng	3	2	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu

		quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.			nhiên thành viên trong nhóm Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, được sử dụng tài liệu Thi kết thúc học phần: 75 phút, trắc nghiệm 100 câu, không sử dụng tài liệu
	Quản trị tài chính	Quản trị tài chính là một môn học trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp. Môn học Quản trị tài chính bậc đào tạo đại học sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và hiện đại về quản trị tài chính cho các loại hình tổ chức doanh nghiệp khác nhau, các công ty cổ phần, bất kể là các công ty đang hoạt động kinh doanh trong nước hay trên phạm vi toàn cầu. Tại các Trường Kinh Doanh (School of Business) trên khắp thế giới, môn học này là một trong những môn học cơ sở được thiết kế phù hợp cho chương trình quản trị kinh doanh, thương mại, marketing, logistics, kinh doanh quốc tế... Các kiến thức từ môn học này sẽ giúp nhà quản trị phân tích đánh giá hiệu quả tài chính của công ty, tính toán giá trị tiền tệ theo thời gian, cách thức các doanh nghiệp phát hành chứng khoán, định giá chứng khoán và định giá doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính, phân tích đánh đổi giữa rủi ro và tỷ suất sinh lợi, thẩm định dự án đầu tư dài hạn, quản trị tài sản và các nguồn tài trợ ngắn hạn.	3	4	- Dự lớp và thảo luận: 10% - Bài kiểm tra LMS: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		Bên cạnh đó môn học này còn trang bị thêm kiến thức nâng cao về thẩm định hoạt động thuê tài chính, và đánh giá các hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp. Khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ nắm được kỹ thuật và cách thức đưa ra các quyết định quản trị tài chính tối ưu nhằm tối thiểu hóa rủi ro và tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tối đa hóa giá trị tài sản của cổ đông.			
	Phân tích kinh doanh	Sinh viên được trải nghiệm sự hợp tác giữa các nhóm chức năng khác nhau trong bộ phận marketing, từ đó định hình tư duy marketing và định hướng cho sự nghiệp của bản thân.	3	4	- Dự lớp: 10% - Bài tập: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Hành vi người tiêu dùng	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nhu cầu, hành vi và quá trình ra quyết định của người tiêu dùng, từ việc thấu hiểu người tiêu dùng sẽ giúp sinh viên phân tích các cơ hội marketing, phân khúc thị trường và xác định thị trường mục tiêu cùng với việc đề giải pháp marketing mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) nhằm đạt các kết marketing.	3	3	- Chuyên cần: 5% - Thảo luận trên lớp: 10% - Báo cáo nhóm: 25% - Thi cuối kỳ: 60%
	Nghiên cứu Marketing	Nghiên cứu là một hoạt động cần thiết để cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định trong quản trị, nhờ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả của các quyết định trong kinh doanh. Để thực hiện các báo cáo trong công tác quản lý hàng ngày một cách chuyên nghiệp, không thể thiếu năng lực nghiên cứu. Đối với sinh viên các ngành quản trị kinh doanh thì các kiến thức và kỹ năng nghiên cứu càng hữu ích để học tập các môn học khác. Quan trọng hơn, nó là công cụ cần thiết giúp sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp theo thông lệ quốc tế - một tiêu chuẩn quan trọng của việc	3	3	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 5% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		hoàn tất chương trình đào tạo ở bậc cử nhân.			
	Quản trị marketing	Trong học phần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành về Quản trị Marketing, sinh viên hình thành và phát triển khả năng đề ra các quyết định marketing hiệu quả, bao gồm việc nhận diện các cơ hội marketing, phát triển các chiến lược và triển khai thành các kế hoạch hành động. Đây là một học phần học bằng phương pháp dự án, tập trung vào quy trình hoạch định một cách chiến lược theo định hướng thị trường, nghiên cứu thị trường, chọn lựa khúc thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu, quản trị sản phẩm/ dịch vụ và hoạch định các chương trình hỗn hợp Marketing. Sinh viên được trải nghiệm sự hợp tác giữa các nhóm chức năng khác nhau trong bộ phận marketing, từ đó định hình tư duy marketing và định hướng cho sự nghiệp của bản thân.	3	4	● Điểm giữa kỳ: 50% - Báo cáo phân tích môi trường marketing: 20% - Bài trắc nghiệm cá nhân: 20% - Hoàn thành các bài học trên LMS: 10% ● Điểm kết thúc môn: 50% - Bài kết thúc môn: 30% - Đánh giá hiệu quả làm việc và kỹ năng: 20%
	Mô phỏng kinh doanh	Ngành công nghiệp hiện nay hỗ trợ cho các dự án thực tế. Thông qua việc học tại trường, học viên sẽ được cung cấp những giải pháp thiết thực cho nhu cầu kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp. Các dự án sẽ được cung cấp từ khắp các lĩnh vực như hệ thống thông tin hay quản lý hoạt động. Trong quá trình hoàn thành các dự án, học viên sẽ đạt được các kỹ năng thực hành trong môi trường làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, quản lý dự án cũng như hành vi kinh doanh.	3	5	- Đánh giá công việc cá nhân hằng tuần và cá nhân đánh giá các thành viên trong nhóm: 10% - Viết kế hoạch chiến lược 3 năm trong môn học: 20% - Kiểm tra bài tập trực tuyến theo nhóm (2 bài): 15% - Viết báo cáo và thuyết trình kết quả kinh doanh cuối khoá 5% - Kết thúc học phần: + Kết quả kinh doanh tổng tới năm 12: 50%

	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	Khóa học này giới thiệu các khái niệm, ứng dụng và công cụ của Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng. Quản trị vận hành là sự thiết kế hệ thống nhằm chuyển hóa các yếu tố đầu vào thành sản phẩm (và cả dịch vụ) đầu ra sao cho hiệu quả và đạt các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp. Quản trị chuỗi cung ứng là việc quản trị dòng dịch chuyển của không những các yếu tố vật chất xuyên suốt từ khâu “đầu vào” đến khi chúng được biến chuyển thành các yếu tố “đầu ra” mà còn là sự quản trị các yếu tố có liên quan như thông tin, tài chính, rủi ro, pháp lý, chính sách,... có liên quan nhằm đạt được mức tối ưu trong hoạt động cung ứng, tạo ra các giá trị tích cực cho các bên tham gia.	3	5	- Dự lớp: 10% - Bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% - Thi: 50%
	Quản trị thương hiệu	Môn học này được thiết kế cho sinh viên bậc cử nhân đại học ngành Marketing, Thương mại. Môn học này trình bày những kiến thức về thiết kế, quản trị, xây dựng và quảng bá thương hiệu dưới góc độ là doanh nghiệp hay tổ chức. Học phần sẽ giúp sinh viên nâng cao nhận thức về sự cần thiết của quản trị thương hiệu trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp; có những kỹ năng cần thiết trong việc xây dựng và quảng bá thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay. Trên cơ sở đó, khi ra trường sinh viên có thể hoạch định và tổ chức thực hiện hoạt động này tại các doanh nghiệp một cách hiệu quả.	3	5	- Thuyết trình giữa học phần: 50% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Marketing trong kỷ nguyên số	Khoá học này đặc biệt dành cho những sinh viên đang hướng đến công việc trong lĩnh vực online marketing. Khoá học Marketing trong kỷ nguyên số này được thiết kế để	3	6	- 3 bài trắc nghiệm (cá nhân, vào cuối mỗi phần): 30% - Assignment 1: Tiểu luận nhỏ (vào cuối phần 1): 20%

		cung cấp cho sinh viên những kiến thức cập nhật mới nhất về chuyển đổi số và những thách thức môi trường kinh doanh hiện tại. Sinh viên sẽ có thể phát triển tư duy số để thành công trong lĩnh vực này, khi có thể quản trị được các tài sản kỹ thuật số và biết cách tích hợp những kênh thích hợp vào các hoạt động marketing nhắm đến khách hàng.			- Assignment 2: Dự án mini: 50%
	Tư duy sáng tạo trong marketing	Tư duy sáng tạo là một môn khoa học xã hội gắn liền với quá trình suy nghĩ (thinking) và sáng tạo (creativity) nhằm giải quyết vấn đề (solving problem). Học phần này sẽ nhắm đến việc giúp sinh viên cải thiện khả năng tạo ra những ý tưởng và phát kiến mới, đặc biệt tập trung vào các hoạt động quảng cáo, truyền thông và xúc tiến thương hiệu sáng tạo. Sinh viên có khả năng nghiên cứu, phân tích, khám phá và trình bày ý tưởng một cách hiệu quả, làm việc độc lập trong những dự án độc lập của cá nhân và dự án theo nhóm.	3	4	- Bài tập sáng tạo cá nhân: 50% - Dự án sáng tạo theo nhóm: 50%
	Truyền thông marketing tích hợp	Nội dung học phần chia làm 2 phần: phân lý thuyết và phần thực tập cùng với nghiên cứu tình huống để phát triển kỹ năng. Trong phân lý thuyết, nội dung môn học đề cập đến 3 khía cạnh; Bản chất và sự tiến triển của truyền thông Marketing (IMC), giới thiệu các công cụ IMC và ứng dụng trong các quyết định marketing. Đặc biệt là phân lý thuyết này giúp sinh viên nhận ra bản chất của chiến lược truyền thông Marketing trong xây dựng thương hiệu. Khung kiến thức chính là các bài giảng về hoạch định truyền thông đại chúng, xây dựng các chỉ tiêu đo lường hiệu quả và làm thế nào để phối hợp các	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 40%

		công cụ IMC hiệu quả trên nền tảng tích hợp. Trong nội dung này sẽ đề cập đến khía cạnh chuyên sâu về sáng tạo và vai trò của nó trong 5 công cụ IMC. Phần thực hành là nội dung về các bài tập nhóm liên quan đến nghiên cứu về IMC, các công cụ IMC về phương diện ứng dụng vào một thương hiệu cụ thể. Trong phần này sinh viên bắt buộc phải đọc tài liệu, tổng hợp thông tin và thực hiện báo cáo về kết quả nghiên cứu theo yêu cầu. Bên cạnh thực tập từ dự án, sinh viên sẽ thảo luận tình huống, nội dung này gồm thảo luận tình huống theo tài liệu của giảng viên và tình huống mà sinh viên được yêu cầu nghiên cứu để trình bày trên lớp để phát triển kỹ năng tự học và tư duy phản biện.			
	Marketing quốc tế	Đây là môn học quan trọng trong ngành Marketing và các ngành khác như Kinh doanh quốc tế, Thương mại, Du lịch... trong bối cảnh toàn cầu hóa. Môn học này trình bày những khái niệm và những công cụ để phân tích các chiến lược marketing quốc tế và đánh giá thị trường nước ngoài. Môn học này tập trung vào những kỹ năng nghiên cứu marketing để phát triển, đánh giá và thực hiện những kế hoạch marketing quốc tế ở các cấp độ doanh nghiệp, quốc gia và khu vực dựa trên 4P của marketing. Qua sự hiểu biết và kết hợp nhuần nhuyễn lý thuyết và thực tiễn, sinh viên có được tư duy vững chắc về marketing quốc tế cũng như nền tảng thực tế cần thiết về thị trường toàn cầu. Môn học này cũng tạo ra một môi trường học tập gọi cảm hứng nghiên cứu, tự khám phá, và hoàn thiện kiến thức bằng	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận, bài tập: 20% - Tiểu luận, dự án: 20% - Thuyết trình: 5% - Thi kết thúc học phần: 50%

		phương pháp học nhóm, tình huống, và những bài tập do giảng viên hướng dẫn từ quá trình thảo luận tại lớp.			
	Quản trị đổi mới sáng tạo	Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về quản lý đổi mới, cách quản lý đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, cũng như xây dựng hiểu biết về những thách thức và cơ hội mà quan đến vấn đề này. Các doanh nghiệp lớn và nhỏ đều phải đối mặt giải quyết các khái niệm phức tạp và kiến thức về đổi mới sáng tạo, điều này không chỉ đòi hỏi việc hình thành ý tưởng sáng tạo mà còn phải quản lý các ý tưởng sáng tạo. Do đó, môn học này, sinh viên được học về quá trình đổi mới, cách tạo ra các ý tưởng và đánh giá ý tưởng. Thông qua đó, cung cấp các phương pháp và công cụ để nghiên cứu, phát triển, và quản lý đổi mới sáng tạo bền vững.	3	5	- Dự lớp: % - Thuyết trình: 15% - Báo cáo: 15% - Thảo luận tình huống: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho sinh viên nền kiến thức để xây dựng, giữ và phát triển khách hàng của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo dựng lợi thế cạnh tranh bền vững. Môn học tập trung vào các vấn đề cụ thể của quản trị quan hệ khách hàng dựa trên cách tiếp cận theo các cấp độ CRM (phân tích, tác nghiệp, chiến lược). Đây là cách tiếp cận dựa trên cơ sở dữ liệu khách hàng, từ đó giúp doanh nghiệp nhận ra khách hàng tại mọi điểm tiếp xúc, nhóm gộp những khách hàng tương đồng về nhu cầu hoặc giá trị, từ đó đối xử với những khách hàng khác nhau một cách khác nhau. Bên cạnh đó, làm sao để thực hiện và triển khai CRM liên quan tới	3	5	- Quá trình: 20% - o Bài tập tình huống - o Bài kiểm tra tại lớp - o Phát biểu góp phần xây dựng bài học - Thuyết trình và báo cáo: 30% - Thi cuối khóa: 50%

		cách thức tổ chức trong CRM, truyền thông giá trị văn hóa hướng đến khách hàng, và quan trọng hơn là tạo dựng và quản trị mạng lưới của doanh nghiệp.			
	Quản trị bán hàng	Môn học này được thiết kế cho sinh viên bậc cử nhân đại học ngành Marketing, Thương mại. Môn học này trình bày những kiến thức về thiết kế, quản lý, xây dựng và đề xuất các giải pháp để tối đa hóa hoạt động phân phối dưới góc độ là doanh nghiệp hay tổ chức.	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 5% - Thi giữa học phần: 25% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quảng cáo	Nội dung môn học được cấu thành 3 phần diễn ra trong suốt 9 tuần. Phần đầu trang bị các kiến thức nền tảng về quảng cáo đại chúng, công cụ quảng cáo đại chúng trên các phương tiện TV, Radio, Báo/tạp chí, OOH và các phương tiện khác. Trong phần cơ sở kiến thức này còn phân phân tích sáng tạo và hoạch định một chiến dịch quảng cáo. Phần thứ hai của môn học là dự án hoạch định 1 chiến dịch quảng cáo nhằm tăng khả năng thực hành, trong phần này nhóm sinh viên sẽ chọn 1 nhãn hiệu cụ thể và trình 1 chiến dịch được phản biện tại lớp. Dự án chiến dịch quảng cáo là một phần bắt buộc trong quá trình học. Phần thứ 3 là những bài tập nhằm hiểu và chuẩn bị kỹ năng làm việc trong ngành quảng cáo, cụ thể là kỹ năng trình bày một chiến dịch quảng cáo, kỹ năng pitching và làm việc tại công ty quảng cáo.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 40%
	Quan hệ công chúng	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về PR, phân biệt PR với quảng cáo, các kỹ năng cần có của một người muốn trở thành PR chuyên nghiệp như kỹ năng viết, hiệu đính, thuyết trình và làm việc nhóm. Bên cạnh đó, sinh viên	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		còn được nghe trình bày về các hoạt động thông dụng của PR mà các doanh nghiệp đang ứng dụng trong thực tế như tổ chức họp báo, viết thông cáo báo chí, tổ chức sự kiện, viết hồ sơ xin tài trợ và các bước giải quyết khủng hoảng trong kinh doanh. Cuối chương trình, sinh viên sẽ nghe về chủ đề đánh giá hiệu quả các chương trình PR.			
	Marketing dịch vụ	Học phần Marketing dịch vụ giới thiệu và giúp sinh viên biết được những vấn đề liên quan đến marketing dịch vụ, so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa marketing dịch vụ và marketing sản phẩm hữu hình. Học phần marketing dịch vụ cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chất lượng dịch vụ, nhận biết các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ của một doanh nghiệp, vì các doanh nghiệp ngày nay đòi hỏi phải chú trọng đến khả năng làm hài lòng khách hàng, chất lượng dịch vụ, dịch vụ khách hàng... Bên cạnh đó, học phần cung cấp các kỹ năng xây dựng, phát triển và thực hiện một chiến lược marketing cho loại hình dịch vụ cụ thể.	3	6	- Báo cáo (Thuyết trình theo nhóm): 30% - Thảo luận tình huống: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Marketing xã hội	Marketing xã hội (Social Marketing) dựa trên những nguyên lý Marketing để phát triển những chương trình, chiến lược tạo ra sự thay đổi về hành vi liên quan đến những giá trị xã hội (social goods). Môn học Marketing xã hội được thiết kế hoàn toàn theo phương pháp Phục vụ Cộng đồng (service marketing) để kết nối sinh viên với cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động marketing xã hội tại các tổ chức phi lợi nhuận địa phương, hoặc những	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		chương trình trách nhiệm xã hội tại doanh nghiệp, sinh viên có thể tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn. Hoạt động Service Learning sẽ gồm ba khối nội dung: (1) Lý thuyết và Tư duy về Marketing Xã hội, (2) Nghiên cứu và Phân tích tình huống cụ thể tại cộng đồng và (3) Triển khai hoạt động Marketing - Truyền thông. Với trải nghiệm trong môn học này, sinh viên có thể tiếp tục phát triển sự nghiệp như nhân viên Marketing, Truyền thông hoặc Điều phối dự án tại các tổ chức phi lợi nhuận quốc tế và địa phương, các doanh nghiệp xã hội, các dự án CSR/CSV tại các doanh nghiệp truyền thống hoặc doanh nghiệp mới khởi nghiệp.			
	Marketing trong kinh doanh (B2B marketing)	Với trải nghiệm trong môn học này, sinh viên có thể tiếp tục phát triển sự nghiệp như nhân viên Marketing, Truyền thông hoặc Điều phối dự án tại các tổ chức phi lợi nhuận quốc tế và địa phương, các doanh nghiệp xã hội, các dự án CSR/CSV tại các doanh nghiệp truyền thống hoặc doanh nghiệp mới khởi nghiệp.	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 10% - Báo cáo: 20% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị và phát triển sản phẩm mới	Quản trị và Phát triển sản phẩm mới là một học phần học theo dự án, với mục tiêu cung cấp các trải nghiệm của một vòng phát triển sản phẩm mới. Học phần này nhấn mạnh vào các vấn đề về kinh doanh và thương hiệu, và cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm; bao gồm: chiến lược quản trị sản phẩm, xác định các cơ hội, phát triển – kiểm định và marketing cho các sản phẩm mới. Sinh viên cũng có những kinh nghiệm quan trọng để phát triển năng lực hợp tác cùng làm việc trong một nhóm đa	3	6	- Báo cáo hành trình thực hiện dự án (Project Report): 30% - Báo cáo nghiên cứu 1: 20% - Báo cáo nghiên cứu 2: 20% - Thuyết trình Kế hoạch Marketing Sản phẩm mới: 30%

		chức năng, năng lực ngôn ngữ, tư duy phản biện và tư duy thiết kế giải pháp giải quyết vấn đề.			
	Học kỳ doanh nghiệp	Học kỳ doanh nghiệp, kết quả hợp tác đào tạo giữa UEH, giữa khoa KDQTM và doanh nghiệp là một hình thức của học phần “Thực tập và tốt nghiệp” và được quy định chi tiết trong chương trình đào tạo từng ngành / chuyên ngành của khoa Kinh doanh quốc tế – Marketing. Với mục đích giúp sinh viên vận dụng, củng cố và bổ sung những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn theo ngành học. Đồng thời, Học kỳ doanh nghiệp còn giúp sinh viên rèn luyện phương pháp, kỹ năng làm việc, kỹ năng tổ chức tại doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm thị trường lao động ngay sau khi kết thúc quá trình đào tạo.	10	7	
4	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng				
	Triết học Mác - Lênin	Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3	1	● Đánh giá quá trình: 50% - Dự lớp: 15% - Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% - Kiểm tra giữa học phần: 20% ● Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu). Thời gian làm bài: 75 phút.
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh	2	1	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi

		tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.			có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) Điểm học phần: 100%
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	2	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển	2	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng

		tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.			- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	3	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tiếng Anh 1	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với các bài thi TOEIC và thực hành các kỹ năng và chiến thuật để có thể đạt chuẩn TOEIC đầu ra theo yêu cầu của trường. Nội dung của môn học bao gồm 2 phần: Học trên lớp và Tự học (Independent Study). Sinh viên có cơ hội thực hành	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Môn học cũng giúp sinh viên có kiến thức về các hoạt động trong môi trường kinh doanh như: các công việc trong ngành kinh doanh, các vấn đề phát sinh trong kinh doanh, thị trường, cách tổ chức của một công ty...			
	Tiếng Anh 2	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với các bài thi TOEIC và thực hành các kỹ năng và chiến thuật để có thể đạt chuẩn TOEIC đầu ra theo yêu cầu của trường. Nội dung của môn học bao gồm 2 phần: Học trên lớp và Tự học (Independent Study). Sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Môn học cũng giúp sinh viên có kiến thức về các hoạt động trong môi trường kinh doanh như: các công việc trong ngành kinh doanh, các vấn đề phát sinh trong kinh doanh, thị trường, cách tổ chức của một công ty...	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Tiếng Anh 3	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10%

		và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với các bài thi TOEIC và thực hành các kỹ năng và chiến thuật để có thể đạt chuẩn TOEIC đầu ra theo yêu cầu của trường. Nội dung của môn học bao gồm 2 phần: Học trên lớp và Tự học (Independent Study). Sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Môn học cũng giúp sinh viên có kiến thức về các hoạt động trong môi trường kinh doanh như: các công việc trong ngành kinh doanh, các vấn đề phát sinh trong kinh doanh, thị trường, cách tổ chức của một công ty...			- LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Tiếng Anh 4	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với các bài thi TOEIC và thực hành các kỹ năng và chiến thuật để có thể đạt chuẩn TOEIC đầu ra theo yêu cầu của trường. Nội dung của môn học bao gồm 2 phần: Học trên lớp và Tự học (Independent Study). Sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Môn học cũng giúp sinh viên có kiến thức về các hoạt động trong môi trường kinh doanh như: các công việc trong ngành kinh doanh, các vấn đề phát sinh trong kinh doanh, thị trường, cách tổ chức của một công ty...			
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng, ...	3	1	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần này cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế, kinh doanh và xã hội. Các phương pháp này bao gồm: thống kê suy diễn, suy diễn trong trường hợp mẫu nhỏ hay không chuẩn, ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm làm công cụ hỗ trợ cho các xử lý thống kê nhằm tiết kiệm thời gian, công sức và gia tăng độ chính xác của kết quả tính toán; cho sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kinh tế vi mô	Môn học này nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm. Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20%

		của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh.			- Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm: – Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNI, GNDI ...), tỷ lệ lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp. – Ứng dụng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô, chẳng hạn như mối quan hệ của ngân sách chính phủ với tăng trưởng kinh tế và lạm phát, hoặc giữa cung tiền với lãi suất và tỷ giá hối đoái... – Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong ổn định nền kinh tế.	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học tại UEH những kiến thức pháp lý cần thiết để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất có tên gọi Nhập môn pháp luật, bản chất là học phần Pháp luật đại cương theo quy định của Bộ GD và ĐT, giới thiệu quan niệm về pháp luật, vai trò và chức năng của pháp luật trong xã hội, nguồn luật, cấu trúc các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quy trình ban hành quy phạm pháp luật và hệ	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		thống tòa án cũng như các cơ quan tư pháp ở Việt Nam. Phần thứ hai có tên gọi Môi trường pháp luật cho hoạt động kinh doanh, trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, nhất là pháp luật về công ty, các nguyên tắc của pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và pháp luật về phá sản doanh nghiệp.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán như: bản chất, nguyên tắc của kế toán, hệ thống phương pháp kế toán, trình tự chung về các yếu tố, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, tổ chức công tác và bộ máy kế toán, ...	3	1	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.	2	2	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi nghiệp kinh doanh	Học phần giúp trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà	2	2	- Bài kiểm tra giữa học phần: 30%

		khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Môi quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh và Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp			- Thi kết thúc học phần: 70%
	ERP (SCM)	Học phần giúp cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống phần mềm ERP. Các thành phần chính trong một hệ thống ERP và mối liên hệ giữa chúng với hệ thống thông tin, qui trình chức năng – nghiệp vụ của doanh nghiệp.	2	5	- Dự lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Hệ thống thông tin quản lý	Môn học này cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin quản lý như một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức kinh tế xã hội hiện đại. Môn học trình bày cách thức sử dụng và tái tổ chức hệ thống thông tin để khai thác hệ thống một cách có hiệu quả nhằm góp phần tạo ra những hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh. Nội dung của môn học bao gồm những khái niệm cơ sở về hệ thống thông tin quản lý, các yếu tố cấu thành, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hệ	3	3	- Bài tập nhóm và Thuyết trình: 30% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		thông trong tổ chức; những phương thức mà hệ thống trợ giúp các hoạt động kinh doanh, hỗ trợ việc ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh; quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin; nghiên cứu một vài hệ thống thông tin tiêu biểu dưới dạng nghiên cứu tình huống (Case Study).			
	Marketing căn bản	Môn học này cung cấp kiến thức nền tảng về môi trường marketing và nhu cầu của khách hàng, phân tích những cơ hội marketing cùng với các giải pháp phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và các giải pháp marketing mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) nhằm giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh.	3	2	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 5% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quản trị học	Quản trị học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm: khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.	3	3	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị tài chính	Môn học Quản trị tài chính bậc đào tạo đại học sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và hiện đại về quản trị tài chính cho các loại hình tổ chức doanh nghiệp khác nhau, các công ty cổ phần, bất kể là các	3	4	-Dự lớp và thảo luận: 10% - Bài kiểm tra LMS: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20%

		công ty đang hoạt động kinh doanh trong nước hay trên phạm vi toàn cầu. Tại các Trường Kinh Doanh (School of Business) trên khắp thế giới, môn học này là một trong những môn học cơ sở được thiết kế phù hợp cho chương trình quản trị kinh doanh, thương mại, marketing, logistics, kinh doanh quốc tế... Các kiến thức từ môn học này sẽ giúp nhà quản trị đưa ra ba quyết định tài chính quan trọng đó là: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định liên quan đến quản trị các tài sản lưu động và nợ ngắn hạn. Môn học này cũng chú trọng rèn luyện những kỹ năng thiết yếu cho nhà quản trị tài chính và nhà đầu tư tài chính như phân tích tài chính, lập kế hoạch tài chính dài hạn, chính sách cổ tức và giá trị doanh nghiệp, quản trị tài sản và lập kế hoạch tài chính ngắn hạn. Bên cạnh đó môn học này còn trang bị thêm kiến thức hiện đại về phân tích hoạt động mua bán, sáp nhập, và tái cấu trúc doanh nghiệp. Khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ nắm được kỹ thuật và cách thức đưa ra các quyết định quản trị tài chính tối ưu nhằm tối thiểu hóa rủi ro và tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tối đa hóa giá trị tài sản của cổ đông.			- Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị chiến lược toàn cầu	Môn học này nhằm giúp các sinh viên kiến thức và kỹ năng xây dựng chiến lược kinh doanh toàn cầu và duy trì lợi thế cạnh tranh trong việc tìm kiếm sự thâm nhập và phát triển trên toàn cầu. Nó bao gồm sự hiểu biết về toàn cầu hóa và tác động của nó đối với công ty kinh doanh toàn cầu; Lựa chọn các chiến lược cụ thể cho việc gia nhập thị trường nước ngoài, đồng thời	3	5	- Dự lớp: 10 % - Thảo luận: 10 % - Bản thu hoạch: 10 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %

		duy trì các khía cạnh mạnh mẽ nhất của mô hình kinh doanh của công ty; Phát triển năng lực tổ chức bằng cách phát triển lợi thế và cam kết thực hiện chiến lược; Triển khai hoạt động liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược; Sáng tạo trong sử dụng nguồn thuê ngoài và quản lý chuỗi cung ứng; Và tái cơ cấu văn hoá của tổ chức thông qua các cấu trúc, quy trình đáp ứng. Tóm lại, khóa học này là nhằm vào xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh toàn cầu thành công.			
	Kinh doanh quốc tế	Môn học đề cập đến những nội dung sau: giới thiệu chung về toàn cầu hóa và các loại hình kinh doanh quốc tế; Tìm hiểu về môi trường kinh doanh quốc tế và những yếu tố tạo sự khác biệt giữa các quốc gia; Giới thiệu các chiến lược kinh doanh quốc tế căn bản và các mô hình tổ chức tương ứng.	3	2	- Chuyên cần/đóng góp ý kiến, thảo luận trên lớp: 15% - Kiểm tra giữa kỳ: 10% - Phân tích tình huống: 10% - Tìm hiểu thị trường tiềm năng cho 1 DN VN: 15% - Bài thi cuối khóa: 50%
	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	Môn học này giới thiệu các khái niệm, ứng dụng và công cụ của Quản lý vận hành và chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu. - Quản lý vận hành là sự thiết kế hệ thống nhằm chuyển hóa các yếu tố đầu vào thành sản phẩm (và cả dịch vụ) đầu ra sao cho hiệu quả và đạt các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp. Quản lý chuỗi cung ứng là việc quản lý dòng dịch chuyển của không những các yếu tố vật chất xuyên suốt từ khâu “đầu vào” đến khi chúng được biến chuyển thành các yếu tố “đầu ra” mà còn là sự quản lý các yếu tố có liên quan như thông tin, tài chính, rủi ro, pháp lý, chính sách,...có liên	3	3	- Dự lớp: 10% - Bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% - Thi: 50%

		quan nhằm đạt được mức tối ưu trong hoạt động cung ứng, tạo ra các giá lý tích cực cho cho các bên tham gia.			
	Quản trị tồn kho và kho vận	Môn học cung cấp kiến thức về vai trò chiến lược của chức năng kho vận trong môi trường logistics hiện đại, và các yếu tố liên quan đến quản lý kho bãi. Các chủ đề được đề cập đến trong môn học bao gồm: chiến lược kho vận, những quy định, ICT, quản lý hàng hóa, kiểm soát tồn kho, và tính toán hiệu suất tồn kho và kho hàng.	3	4	
	Vận tải và bảo hiểm	Học phần cung cấp khối kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tiễn liên quan đến các hoạt động Vận tải và Bảo hiểm hàng hóa Quốc tế. Sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức về các quy trình và tổ chức hoạt động của các phương thức vận tải, nhận biết các chứng từ vận tải và có thể tính toán các bài toán vận tải và bảo hiểm quốc tế, thực hành các chứng từ cơ bản của hoạt động vận tải. Sinh viên có thể thực hành mô phỏng các hoạt động giao nhận vận tải và bảo hiểm hàng hóa, cũng như biết được những yêu cầu về thái độ nghề nghiệp liên quan đến hoạt động vận tải quốc tế. Môn học còn giúp sinh viên có khả năng vận dụng liên quan đến các hoạt động Logistics, SCM, thanh toán quốc tế; kinh doanh xuất nhập khẩu, ngân hàng...	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Logistics quốc tế	Khóa học này nhằm cung cấp kiến thức, quan điểm và định hướng trong ngành logistics: • Tầm quan trọng của logistics đối với nền kinh tế nói chung và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp nói riêng. • Các hoạt động và chức năng của Logistics dựa trên 3 dòng nguồn lực chính: (1) vật chất: khái niệm và các loại kho, tầm	3	4	- Thảo luận và bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		quan trọng của kỹ thuật đóng gói và xử lý vật liệu trong quản lý kho, các loại hình vận chuyển và quản lý vận tải; (2) thông tin: các loại hệ thống quản lý thông tin thường được sử dụng trong quản lý hậu cần; (3) tài chính: các quyết định hậu cần ảnh hưởng như thế nào đến các chiến lược tài chính của doanh nghiệp. • Quản lý hậu cần (quản lý nhu cầu, quản lý đơn hàng và dịch vụ khách hàng) và các vấn đề liên quan khác - Các xu hướng Logistics trên thế giới; cơ hội và thách thức đối với logistics trong nước (Việt Nam)			
	Phân tích kinh doanh	Phân tích kinh doanh đề cập đến cách thức mà các tổ chức như doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, và các cơ quan chính phủ có thể sử dụng dữ liệu để hiểu sâu và đưa ra quyết định tốt hơn. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về việc phân tích hoạt động kinh doanh và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp sinh viên hình thành các kỹ năng cần thiết để xử lý các tình huống thực tế trong hoạt động kinh doanh: phân tích, tổng hợp số liệu, dự đoán tình huống, đề xuất phương hướng giải quyết vấn đề. Trong khóa học này, sinh viên sẽ tìm hiểu để xác định, đánh giá và nắm bắt cơ hội phân tích kinh doanh để tạo ra giá trị mới cho tổ chức.	3	4	- Dự lớp: 10% - Bài tập: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Mô phỏng kinh doanh	Ngành công nghiệp hiện nay hỗ trợ cho các dự án thực tế. Thông qua việc học tại trường, học viên sẽ được cung cấp những giải pháp thiết thực cho nhu cầu kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp. Các dự án sẽ được cung cấp từ khắp các	3	5	- Đánh giá công việc cá nhân hàng tuần và cá nhân đánh giá các thành viên trong nhóm: 10% - Viết kế hoạch chiến lược 3 năm

		lĩnh vực như hệ thống thông tin hay quản lý hoạt động. Trong quá trình hoàn thành các dự án, học viên sẽ đạt được các kỹ năng thực hành trong môi trường làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, quản lý dự án cũng như hành vi kinh doanh.			trong môn học: 20% - Kiểm tra bài tập trực tuyến theo nhóm (2 bài): 15% - Viết báo cáo và thuyết trình kết quả kinh doanh cuối khoá 5% - Kết thúc học phần: + Kết quả kinh doanh tổng tới năm 12: 50%
	Quản trị xuất nhập khẩu	Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị xuất nhập khẩu, gồm những nội dung chủ yếu sau: Hoạch định chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu; Đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu; Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và tổ chức thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Chuỗi cung ứng trong TMĐT	Học phần này tập trung vào tư duy quản lý hiện đại cũng như các phương pháp và chiến lược được sử dụng trong quản lý chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp điện tử. Đồng thời, học phần cũng làm rõ vai trò của hệ thống doanh nghiệp và thương mại điện tử trong việc tạo điều kiện trao đổi thông tin và hàng hóa giữa các đối tác kinh doanh.	3	5	
	Mua hàng và cung ứng toàn cầu	Môn học Quản trị mua hàng và lưu kho cung cấp cho sinh viên những kiến thức có thể giúp sinh viên hiểu và làm tốt công tác quản trị mua hàng và lưu kho sau này. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng và tầm quan trọng của mua hàng và lưu kho trong chiến lược của công ty; Phân khúc mua hàng và marketing mua hàng; Tính toán nhu cầu và kế hoạch mua	3	4	-Dự lớp và thảo luận: 20% -Bài tập nhóm: 30% -Thi kết thúc học phần: 50%

		hàng; Giá cả và chi phí trong mua hàng; Quản lý dòng hàng hóa và hệ thống cung ứng; Kiểm tra đánh giá kết quả mua hàng.			
	Thiết kế giải pháp chuỗi cung ứng/logistics	Môn học tập trung vào những nội dung như: cung cấp tổng quan về giải pháp logistics và quản lý dự án trong Dịch vụ Logistics; các đặc điểm của dự án và 3 giai đoạn chính của dự án và lĩnh hội các kỹ năng cần thiết để trở thành một thành viên tốt của nhóm quản lý dự án; các phương pháp tiếp cận dự án giải pháp logistics thông qua: phương pháp tiếp cận theo từng giai đoạn, xác định vấn đề, thiết kế, thực hiện dự án, tiến độ dự án và đánh giá lộ trình; các kỹ thuật cần thiết trong việc quản lý các giai đoạn khác nhau của một dự án, bao gồm: lập kế hoạch dự án, Bắt đầu dự án và quản lý Rủi ro và Vấn đề; giá trị của các giải pháp đề xuất trong Dịch vụ Logistics thông qua tư duy tối ưu hóa chi phí và nâng cao mức dịch vụ.	3	6	
	Quản trị bán lẻ	Môn học giới thiệu những định chế bán lẻ hiện đại và quá trình tiến hóa của nó. Người học sẽ được tiếp cận khái niệm bán lẻ hỗn hợp (retailing mix) để có thể xây dựng chiến lược kinh doanh cho tổ chức bán lẻ như: xác định danh mục hàng hóa kinh doanh, nghệ thuật định giá bán lẻ, chiến lược xác định vị trí cửa hàng và phương pháp xúc tiến bán hàng hiện đại.	3	6	- Dự lớp và thảo luận: 20% - Bài tập nhóm: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị dịch vụ	Môn học sẽ tập trung vào những nội dung chủ yếu về các nguyên tắc quản lý kinh doanh dịch vụ, phân tích mô hình 5 khoảng cách về chất lượng dịch vụ, quản lý thiết kế và phát triển dịch vụ, và tổ chức triển khai hoạt động dịch vụ để đạt hiệu quả kinh doanh tốt	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		nhất. Như vậy, môn học này sẽ giúp cho học viên chuyên ngành thương mại có những kiến thức và những kỹ năng cơ bản về quản lý kinh doanh dịch vụ nói chung.			
	Quản trị bán hàng	Môn học này được thiết kế cho sinh viên bậc cử nhân đại học ngành Marketing, Thương mại. Môn học này trình bày những kiến thức về thiết kế, quản lý, xây dựng và đề xuất các giải pháp để tối đa hóa hoạt động phân phối dưới góc độ là doanh nghiệp hay tổ chức.	3	6	- Báo cáo (Thuyết trình theo nhóm): 30% - Thảo luận tình huống: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Marketing kỹ thuật số	Môn học này đặc biệt dành cho những sinh viên đang hướng đến công việc trong lĩnh vực online marketing. Khoá Digital Marketing này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức cập nhật mới nhất về chuyển đổi số và những thách thức môi trường kinh doanh hiện tại. Sinh viên sẽ có thể phát triển tư duy số để thành công trong lĩnh vực này, khi có thể quản trị được các tài sản kỹ thuật số và biết cách tích hợp những kênh thích hợp vào các hoạt động marketing nhắm đến khách hàng.	3	6	- 3 Bài trắc nghiệm (cá nhân, vào cuối mỗi phần): 30% - Assignment 1: Tiểu luận nhỏ (vào cuối phần 1): 20% - Assignment 2: Dự án mini: 50%
	Nghiên cứu marketing	Nghiên cứu là một hoạt động cần thiết để cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định trong quản trị, nhờ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả của các quyết định trong kinh doanh. Để thực hiện các báo cáo trong công tác quản lý hàng ngày một cách chuyên nghiệp, không thể thiếu năng lực nghiên cứu. Đối với sinh viên các ngành quản trị kinh doanh thì các kiến thức và kỹ năng nghiên cứu càng hữu ích để học tập các môn học khác. Quan trọng hơn, nó là công cụ cần thiết giúp sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp theo	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 5% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		thông lệ quốc tế - một tiêu chuẩn quan trọng của việc hoàn tất chương trình đào tạo ở bậc cử nhân.			
	Marketing trong kinh doanh	Marketing trong kinh doanh mô tả hoạt động tiếp thị giữa các doanh nghiệp với nhau hay còn gọi là B2B Marketing. Marketing trong kinh doanh nhấn mạnh vào sự phức tạp của quá trình mua hàng, mối quan hệ chiến lược giữa người mua doanh nghiệp và người bán doanh nghiệp và sự phụ thuộc lẫn nhau của họ. Các nội dung xoay quanh việc tìm hiểu các nhóm khách hàng tổ chức khác nhau, hành vi mua hàng của họ và các chiến lược marketing mix.	3	6	-Dự lớp: 5% -Thảo luận: 10% -Báo cáo: 20% -Thi giữa học phần: 15% -Thi kết thúc học phần: 50%
	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp trong quản trị sản xuất	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để vận dụng hệ thống thông tin vào hoạt động quản trị sản xuất, định mức nguyên vật liệu trong sản xuất (Bill of Material, BOM), quản trị quy trình sản xuất (Routing Management, RM), hoạch định phối hợp sản xuất và bán hàng (Sales & Operation planning, S&OP), định giá sản phẩm... và các quy trình điển hình cũng như các khái niệm liên quan như năng lực sản xuất, chi phí sản phẩm, theo dõi và dự báo...Đồng thời sinh viên cũng được trang bị khả năng sử dụng thuần thục phần mềm ERP (Microsoft Dynamic AX) để thực hiện các quy trình nghiệp vụ liên quan quản trị sản xuất: khai báo, quản lý định mức nguyên vật liệu, hoạch định phối hợp sản xuất và bán hàng....	3	6	
	Công nghệ và đổi mới trong QLCCU	Khóa học nhằm mục đích phát triển kiến thức khái niệm và kỹ năng thực hành của sinh viên liên quan đến quản lý đổi mới công nghệ thông qua các giai đoạn khác nhau của quá trình	3	6	

		đổi mới. Khóa học này sẽ phân tích cả cách các công ty nhỏ và lớn có thể cạnh tranh trong các thị trường cạnh tranh thông qua việc quản lý công nghệ và đổi mới. Cũng sẽ tập trung vào cách các doanh nghiệp nhỏ và lớn có thể xác định nhu cầu thị trường và thương mại hóa các đổi mới. Khóa học nhấn mạnh vai trò của mạng xã hội và mạng xã hội trong việc phát triển, thúc đẩy và quản lý các đổi mới. Khóa học chủ yếu sử dụng các nghiên cứu điển hình và thảo luận trên lớp để phân tích các vấn đề mới nổi trong chiến lược công nghệ, các quyết định hoạt động và tinh thần kinh doanh.			
	Hành vi tổ chức trong kinh doanh	Đây là môn học nâng cao cho sinh viên trong ngành Logistics và SCM, Marketing, Quản lý kinh doanh, Thương mại, Kinh doanh quốc tế, Du lịch... Môn học này trình bày các lý thuyết và nghiên cứu về hành vi tổ chức và quản lý tổ chức hiệu quả, cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Hành vi Tổ chức như: • Hành vi và văn hóa tổ chức. • Các cơ sở của hành vi cá nhân: Giá trị, thái độ và sự hài lòng trong công việc; • Động cơ; • Thiết kế công việc: phạm vi, chiều sâu và các mối quan hệ. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng quản lý để họ có thể trở thành những nhà quản lý thành công trong bất kỳ tổ chức nào.	3	6	- Class attendance: 5% - Discussion: 5% - Presentations: 5% - Report: 5% - Mid-term exam: 20% - Final exam: 60%
	Quản trị sự thay đổi	Mục tiêu của môn học này là cung cấp kiến thức phù hợp về quy trình quản lý thay đổi, tức là cách thức diễn ra quá trình và thực hiện quản lý thay đổi trong các công ty. Việc quản lý sự thay đổi sẽ diễn ra trong 7 chủ đề sau :	3	6	

		• Viễn cảnh sự thay đổi trong doanh nghiệp • Tại sao doanh nghiệp lại cần thay đổi • Những gì sẽ thay đổi trong doanh nghiệp • Phân tích sự thay đổi • Các yếu tố chống lại sự thay đổi • Thực hiện sự thay đổi • Các chiến lược và kỹ năng để truyền đạt sự thay đổi Mục tiêu quan trọng trong khóa học này là giúp sinh viên phát triển khuôn khổ tư duy về cách tiếp cận quy trình thay đổi trong doanh nghiệp, học cách đánh giá các công cụ và kỹ thuật có sẵn, hiểu các bối cảnh của sự thay đổi, tìm hiểu cách để áp dụng các giải pháp sáng tạo cho các tình huống thay đổi phức tạp.			
	Quản trị đa văn hóa	Môn học tập trung vào kinh doanh và quản lý, khóa học này cung cấp kiến thức và kinh nghiệm để phát triển các kỹ năng giao tiếp và tương tác giữa các cá nhân-đa văn hóa cần thiết cho các nhà quản lý quốc tế. Trong khi học cách xác định các khía cạnh văn hóa của lời nói và hành vi phi ngôn ngữ của những người từ các nền văn hóa khác nhau và chính họ, sinh viên đến nhận ra sự khác biệt văn hóa có thể gây ra khó khăn trong các tình huống quản lý. Những người tham gia sẽ có được kiến thức chuyên môn chi tiết trong việc đối phó với nhiều tình huống văn hóa, thách thức và mô hình, do đó học các kỹ năng thực tế sẽ hữu ích cho cá nhân của họ và phát triển nghề nghiệp ngang tầm quốc tế.	3	6	- Thảo luận (discussion): 10% - Bài báo cáo cá nhân (individual report): 10% - Thuyết trình nhóm (group presentation): 20% - Bài tập tình huống - 2 bài (2 case studies): 10% - Dự án nhóm cuối học phần (group project): 50%
	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp, kết quả hợp tác đào tạo giữa UEH, giữa khoa KDQTM và doanh nghiệp là một hình thức của học phần “Thực tập và tốt	10	7	

		nghiệp” và được quy định chi tiết trong chương trình đào tạo từng ngành / chuyên ngành của khoa Kinh doanh quốc tế – Marketing. Với mục đích giúp sinh viên vận dụng, cũng như củng cố và bổ sung những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn theo ngành học. Đồng thời, Thực tập tốt nghiệp còn giúp sinh viên rèn luyện phương pháp, kỹ năng làm việc, kỹ năng tổ chức tại doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm thị trường lao động ngay sau khi kết thúc quá trình đào tạo.			
5	Ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính				
	Triết học Mác - Lênin	- Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. - Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống - Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội.	3	1	● Đánh giá quá trình: 50% - Dự lớp: 15% - Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% - Kiểm tra giữa học phần: 20% ● Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu). Thời gian làm bài: 75 phút.
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị,	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10%

		nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.			- Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) Điểm học phần: 100%
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam,	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)

		hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.			
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	3	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.	2	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại	3	1	- Thi giữa học phần: 30%

		số tuyến tính và Giải tích) bao gồm + Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. + Định thức và các tính chất quan trọng. + Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. + Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. + Hàm một biến và các kiến thức liên quan. + Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan + Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2. + Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế.			- Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Tế và Kinh Doanh cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Khoa học dữ liệu	Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học dữ liệu (KHDL), các vấn đề và phương pháp KHDL; bao gồm phương pháp toán-thống kê và điện toán (computing), và ứng dụng KHDL cho các vấn đề kinh tế xã hội thực tiễn. Trên cơ sở đó, giúp người học có	3	3	- Dự lớp: 10% - Báo cáo nhóm: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ mới trong thu thập, phân tích dữ liệu cho các lĩnh vực: marketing, quản lý chuỗi cung ứng, phân tích tài chính và hoạt động tín dụng.			
	Ngoại ngữ 1	Tiếng Anh P1 giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như careers, companies, selling, great ideas và stress. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 2	Tiếng Anh P2 giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như new business, marketing, planning, managing people và conflict. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 3	Tiếng Anh P3 giúp sinh viên: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh.	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%

		- Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.			
	Ngoại ngữ 4	Chủ đề của các bài học bao gồm các vấn đề như kinh doanh và kinh tế, việc làm, sản xuất, tiếp thị, ngân hàng, đạo đức kinh doanh, tỷ giá hối đoái và thương mại quốc tế. Mỗi bài học gồm 02 phần chính: Phần 1 là các bài đọc hiểu chuyên sâu để giải thích các khái niệm cơ bản về kinh tế và kinh doanh. Phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về chủ đề chương học và giúp sinh viên phát triển các kỹ thuật đọc hiểu. Theo sau các bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, các bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học. Phần 2 là một bài đọc trích từ sách báo, tạp chí hoặc là một bài luyện nghe các cuộc phỏng vấn các doanh nhân hoặc các nhà kinh tế học. Trong phần này cũng có các bài tập kiểm tra mức độ nghe hiểu và các hoạt động nâng cao kỹ năng nói bao gồm thảo luận, đóng vai hoặc một bài viết ngắn có liên quan đến chủ đề được học.	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi	2	3	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng,

		trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.			sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Kinh tế vi mô	Môn học này nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm (sản xuất gì, như thế nào và cho ai). Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh. Nội dung môn học này gồm có bốn phần chính. - Phần đầu sẽ giới thiệu mô hình cung, cầu đơn giản và hoạt động của thị trường cạnh tranh, sau đó sẽ phân tích các công cụ tác động của chính phủ vào thị trường. - Phần thứ hai của môn học nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường. - Phần thứ ba là nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết về chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận, xây dựng đường cung của doanh nghiệp và	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

		đường cung thị trường trong một ngành cạnh tranh. - Phần cuối sẽ trình bày các mô hình về độc quyền, độc quyền nhóm và cạnh tranh độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm.			
	Kinh tế vĩ mô	Môn học sẽ giới thiệu cho sinh viên các nội dung như chức năng của nền kinh tế và sự tương tác của nó với nền kinh tế quốc tế; nghiên cứu các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNI, GNDI), thất nghiệp, lạm phát, lãi suất, đầu tư, chỉ tiêu chính phủ; vai trò của chính phủ và ngân hàng trung ương: các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; cân cân thanh toán; tăng trưởng kinh tế trong dài hạn; các chu kỳ kinh tế trong ngắn hạn; hành vi của hệ thống tài chính trong khủng hoảng tài chính; các lý thuyết và các mô hình kinh tế khác.	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...	3	2	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Khởi nghiệp kinh doanh	Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những	1	3	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác			
--	--	---	--	--	--

		nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Mối quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	Lý thuyết tài chính	Môn học này cung cấp các kiến thức nền tảng về tiền tệ và hệ thống tài chính bao gồm các vấn đề về tiền tệ, hệ thống thanh toán, cung tiền và tăng trưởng kinh tế cũng như tổng quan về các công cụ tài chính, thị trường tài chính và các định chế tài chính. Ngoài ra, môn học này cũng trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa lãi suất, cấu trúc kỳ hạn của lãi suất và các công cụ chính giao dịch trên thị trường tài chính như cổ phiếu, trái phiếu. Bên cạnh đó, người học sẽ được cung cấp các kiến thức nền tảng về tỷ giá hối đoái, sự hình thành và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái. Cuối cùng người học sẽ được tìm hiểu nhóm kiến thức bao quát về lĩnh vực ngân hàng, quản trị ngân hàng, vai trò của Ngân hàng Trung Ương, quá trình cung tiền và việc thực thi chính sách tiền tệ trong nền kinh tế.	3	3	● Đánh giá giữa kỳ: - Tham dự lớp: 5% - Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ, bài tập thực hành: 25% - Thuyết trình nhóm: 20% ● Đánh giá cuối kỳ: Thi kết thúc học phần: 50 % Chú ý: Nếu điểm thi kết thúc học phần ≤ 3, thì điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số.
	Tài chính doanh nghiệp	Môn học Tài chính Doanh Nghiệp bậc đại học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến	3	4	- Dự lớp và thảo luận: 15%

		thức nền tảng liên quan đến việc đưa ra các quyết định về quản trị tài chính trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, đặc biệt đối với loại hình công ty cổ phần đại chúng. Nội dung của môn học này đề cập đến bản chất của 03 quyết định tài chính quan trọng đó là quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định liên quan đến quản trị các tài sản lưu động và nợ ngắn hạn. Môn học này cũng chú trọng rèn luyện những kỹ năng thiết yếu cho nhà quản trị tài chính và nhà đầu tư như phân tích tài chính sử dụng các báo cáo kế toán, bản chất của nợ vay và các nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp, các chính sách cổ tức thay thế khác nhau và giá trị doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn... Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể nắm bắt những kiến thức cơ bản và hiện đại để có thể học chuyên sâu các môn học khác của ngành tài chính hoặc ở những bậc học cao hơn sau này.			- Bài tập nhóm: 10% - Bài kiểm tra LMS: 10% - Kiểm tra giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tài chính quốc tế	Môn học tài chính quốc tế cung cấp cho người học kiến thức để phân tích mối liên hệ giữa 3 vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng và có liên quan mật thiết đến nhau trong một nền kinh tế mở đó là tỷ giá, chiều hướng vận động của dòng vốn và khủng hoảng tài chính. Để làm điều đó, môn học này trang bị cho học viên kiến thức về các lý thuyết kinh điển trong tài chính quốc tế thể hiện mối tương quan giữa các biến số kinh tế vĩ mô như lạm phát, lãi suất và tỷ giá. Ngoài ra, môn học này cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá; sự thực thi các chính sách tỷ giá hối đoái của chính phủ	3	4	- Dự lớp: 10 % - Thảo luận: 10 % - Bài test LMS: 10 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 % * Bài thi cuối kỳ nhỏ hơn hoặc bằng 3, điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số.

		và các mô hình khủng hoảng tài chính xảy ra trong vài thập niên trở lại đây.			
	Kinh tế lượng tài chính	Môn học Kinh tế lượng Tài chính nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về về thống kê và các phương pháp định lượng cho mục đích suy luận thống kê và kiểm định các giả thuyết trong tài chính bằng cách sử dụng dữ liệu lịch sử và dữ liệu thời gian thực. Từ việc dạy và học môn học này sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức áp dụng phân tích định lượng ứng dụng và kỹ thuật phân tích hồi quy để phát triển và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, kiểm định các mối quan hệ nếu có giữa các biến số tài chính như tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro tài chính... Bên cạnh đó sinh viên cũng có khả năng sử dụng dữ liệu lịch sử để thực hiện dự báo về xu hướng của những biến số tài chính quan trọng trong tương lai mà ngày nay có rất nhiều ứng dụng quan trọng trong thế giới thực. Môn học này cũng giới thiệu cho sinh viên một số phần mềm phổ biến như Stata, R-package mà hiện đang được sử dụng rộng rãi bởi các nhà phân tích tài chính và các nhà nghiên cứu học thuật lĩnh vực tài chính nhằm đảm bảo họ sẽ thành thạo trong việc sử dụng máy tính xử lý các mô hình kinh tế lượng từ đơn giản đến phức tạp, tạo điều kiện dễ dàng hơn cho công việc nghiên cứu cũng như cho nghề nghiệp của mình trong tương lai.	3	4	- Dự lớp, thảo luận và bài tập (theo nhóm): 50 % - Đề án môn học (theo cá nhân): 50%
	Kế toán tài chính	Đây là học phần cơ bản của môn học Kế toán tài chính, cung cấp kiến thức nền tảng về kế toán tài chính để sinh viên	3	3	- Dự lớp, Thảo luận: 5% - Làm test online, LMS: 5%

		hiểu được cách thức đo lường, ghi nhận, trình bày và công bố các yếu tố của báo cáo tài chính – đặc biệt học phần này tập trung vào thông tin được trình bày và công bố trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Kiến thức của học phần này sẽ là cơ sở, điều kiện tiên quyết để sinh viên học các môn học thuộc về chuyên ngành của sinh viên.			- Thuyết trình, bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Đầu tư tài chính	Môn học này nghiên cứu về các lý thuyết và thực tiễn liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư tài chính. Với mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu kết hợp đào tạo những kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu của một số lĩnh vực nghề nghiệp như phân tích đầu tư, quản lý danh mục đầu tư tại các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, ngân hàng và các định chế tài chính khác. Môn học được mở đầu bằng những kiến thức cơ bản về môi trường đầu tư, các loại tài sản đầu tư cũng như cách thức các chứng khoán được giao dịch trên thị trường và hoạt động của các quỹ đầu tư. Sau đó, sinh viên tiếp tục được khám phá các chủ đề chuyên sâu về rủi ro - tỷ suất sinh lợi; các lý thuyết về phân bổ tài sản; cách thức định giá cổ phiếu, định giá trái phiếu làm cơ sở để thực hành thiết lập các danh mục và quản lý danh mục đầu tư phù hợp với mục tiêu và ràng buộc của các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trên thị trường tài chính.	3	5	● Quá trình: 50% - Dự lớp: 5% - Kiểm tra trắc nghiệm LMS (2-3 bài): 10% - Bài tiểu luận nhóm: 15% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% ● Thi kết thúc học phần: 50%
	Điều hành công ty cổ phần và Đạo đức trong tài chính	Đây là môn học được thiết kế đặc biệt nhằm trang bị cho người học hai khối kiến thức được sát hạch trong các kỳ thi của tổ chức CFA và có vai trò rất quan trọng đối với những ai làm việc trong lĩnh vực tài	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 20% - Thuyết trình: 10%

		chính: 1) Điều hành CTCP hay Giám sát quản trị bao gồm các chính sách của công ty và luật lệ mà qua đó nó điều chỉnh và định hình cách thức mà một công ty cổ phần sẽ được kiểm soát và vận hành như thế nào. Sinh viên sẽ được trang bị các kỹ năng cơ bản để đánh giá chất lượng hệ thống giám sát quản trị mà từ đó sẽ làm giảm những mâu thuẫn tiềm tàng giữa các bên có lợi ích liên quan, và do vậy, làm gia tăng giá trị công ty. Khối kiến thức này sẽ cung cấp những nội dung cơ bản của tiến trình giám sát quản trị từ nhiều góc độ khác nhau như cấu trúc sở hữu, cấu trúc và tính độc lập của hội đồng quản trị, sự cân bằng quyền lực giữa nhà điều hành cấp cao, các nhà đầu tư, chủ nợ, người lao động, chính quyền, những bên có liên quan khác thậm chí là giới truyền thông, cũng như đánh giá hiệu quả, vai trò và trách nhiệm của các bên có liên quan trong việc cải thiện chất lượng giám sát hoạt động quản trị của công ty. 2) Đạo đức tài chính là vấn đề mà các nhà quản lý, nhà đầu tư cần phải hiểu rõ khi làm việc trong lĩnh vực tài chính. Đặc biệt là những tình huống mà hành vi tài chính không được kiểm soát và chế tài rõ ràng bởi các quy định của pháp luật nhưng có thể mang lại những lợi ích tiềm tàng cho người đưa ra quyết định. Và do vậy các nhà quản trị và các nhà đầu tư sẽ bị cám dỗ để phá vỡ quy tắc và hành xử phi đạo đức và gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về các nguyên tắc cơ bản trong đạo đức tài chính, đạo đức trong mối quan hệ với khách hàng, đạo đức trong đầu		- Thi kết thúc học phần: 50% - Thực tế tiêu chuẩn đánh giá sẽ thay đổi cụ thể tùy theo mỗi GV đứng lớp
--	--	---	--	--

		tư, đạo đức trên thị trường tài chính và đạo đức trong quản lý tài chính doanh nghiệp.			
	Quản trị và chiến lược ngân hàng	Quản trị và chiến lược ngân hàng cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về chiến lược kinh doanh ngân hàng trong môi trường mới bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi pháp lý, kỹ thuật công nghệ, toàn cầu hóa... Học phần giúp sinh viên hiểu làm thế nào lập và thực hiện chiến lược kinh doanh ngân hàng, cụ thể gồm: những chiến lược trong việc lựa chọn quy mô và cơ cấu tổ chức ngân hàng, mô hình kinh doanh ngân hàng cũng như sản phẩm, giá cả sản phẩm.	3	5	- Dự lớp: % - Thảo luận: % - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Hoạch định thuế	Học phần cung cấp các nguyên lý cơ bản trong việc hoạch định thuế, kiểm soát các dòng tiền chu chuyển trong kinh doanh và đầu tư. Học phần giúp khám phá môi trường thuế trong kinh doanh và đầu tư. Học phần tập trung vào việc vận dụng quy trình nghiên cứu thuế trong việc hoạch định thuế trong kinh doanh và đầu tư bằng phương pháp nghiên cứu định tính. Học phần trang bị khả năng hoạch định một khoản thuế tối ưu trong kinh doanh và đầu tư nhằm đảm bảo cho người nộp thuế đạt được giá trị dòng tiền cao nhất trong khung khổ tuân thủ pháp luật.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Kinh tế lượng tài chính nâng cao	Môn học Kinh Tế Lượng Tài Chính nâng cao bổ sung kiến thức về Kinh tế lượng tài chính cho sinh viên mà theo đó người học sẽ hiểu và biết cách vận dụng các kỹ thuật phân tích kiểm định hồi quy các mô hình nghiên cứu khác nhau trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt là các kỹ thuật phân tích hồi quy chuỗi thời gian. Bên cạnh việc trang bị cho sinh viên các kỹ thuật ước	3	5	- Dự lớp, thảo luận và bài tập (theo nhóm): 50% - Đề án môn học (theo cá nhân): 50%

		lượng ở mức độ nâng cao để giải quyết vấn đề nội sinh khi thực hiện hồi quy sử dụng dữ liệu bảng, vấn đề sai lệch khi chọn mẫu, nghiên cứu sự kiện... môn học còn giới thiệu cho sinh viên kiến thức về các mô hình kiểm định tính bất ổn của chuỗi thời gian cũng như các kỹ thuật hồi quy chuỗi thời gian phi tuyến tính, mô hình chuyển đổi Markov, những kỹ thuật áp dụng phân tích chuỗi thời gian phi tuyến vào nghiên cứu tài chính. Môn học này cũng nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật định lượng thực hành để hỗ trợ việc ra quyết định tài chính trong thế giới thực, kỹ thuật phân tích dữ liệu tài chính sử dụng dữ liệu thời gian thực để định giá các tài sản tài chính, dự báo các biến số tài chính quan trọng trong lĩnh vực đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế, và quản trị rủi ro. Các mô hình kinh tế lượng khác nhau được thảo luận trong khóa học này có rất nhiều ứng dụng thiết thực trong lĩnh vực kinh tế và tài chính, cho dù là người học sẽ ứng dụng nó trong kinh doanh hay trong nghiên cứu học thuật.			
	Quản trị học	Môn học này giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý và lý thuyết quản trị tổng quát, và bổ sung cho sinh viên các kiến thức cơ bản với kỹ năng để sinh viên trở thành một nhân viên có hiểu biết, một thành viên làm việc hiệu quả trong đội nhóm và một nhà quản lý thành đạt. Cung cấp các kiến thức và kỹ năng phù hợp với mọi sinh viên kinh tế bất kể chuyên ngành hoặc hoạch định nghề nghiệp cá nhân. Môn học này nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn.	3	4	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu

		Cách mà các thành viên và quản lý của một tổ chức có thể sử dụng các lý thuyết và nguyên tắc quản lý để phát triển như là một số cá nhân, xuất sắc trong công việc và hiểu rõ tổ chức của họ, sẽ được giảng dạy. Rất nhiều khái niệm và nguyên lý được giảng dạy trong môn học rất hữu ích cho cuộc sống cũng như nơi làm việc của sinh viên, những điều đó sẽ giúp cho sinh viên nâng cao khả năng cư xử và nhận thức để nhanh chóng đạt được các mục tiêu nghề nghiệp trong môi trường kinh doanh ngày càng năng động, đa dạng và cạnh tranh của thế kỉ 21.			nhiên thành viên trong nhóm Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, được sử dụng tài liệu Thi kết thúc học phần: 75 phút, trắc nghiệm 100 câu, không sử dụng tài liệu
	Luật doanh nghiệp	Môn học Luật doanh nghiệp cung cấp các kiến thức pháp luật về chủ thể kinh doanh qua ba phần nội dung chính : Phần 1 nghiên cứu các vấn đề pháp lý cơ bản về doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp như khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp, doanh nghiệp xã hội, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp, nguyên tắc giải quyết xung đột giữa pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành. Phần 2 nghiên cứu các quy định của pháp luật doanh nghiệp liên quan đến cấu trúc tài chính bên trong của từng loại hình doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị cũng từng loại doanh nghiệp cụ thể. Phần 3 nghiên cứu các quy định pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp.	3	4	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 20% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20%, - Kiểm tra trên lớp : 10% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi tự luận, SV được phép sử dụng văn bản QPPL có liên quan mà giảng viên hướng dẫn Tổng cộng: 100%
	Kế toán quản trị	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và các phương pháp của kế toán quản trị để thông tin tài chính và phi tài chính được truyền đạt một cách tốt nhất trong nội	3	4	- Dự lớp và tham gia LMS: 5% - Case-study và thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15%

		bộ một doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý hoạch định, kiểm soát và ra quyết định một cách hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, học phần này đặt trọng tâm vào việc huấn luyện các kỹ thuật kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc lên kế hoạch, kiểm soát và đưa ra các quyết định kinh doanh. Đồng thời, sinh viên sẽ được làm quen với ngôn ngữ kinh doanh và vai trò của nhà quản lý, cùng với việc nghiên cứu cách ứng xử đạo đức của người hành nghề kế toán quản trị. Các chủ đề của học phần này bao gồm: giới thiệu tổng quan về kế toán quản trị; phân loại chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, lập dự toán ngân sách, đánh giá trách nhiệm quản lý, định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị.			- Thi kết thúc học phần: 70%
	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Nội dung của môn học Tài chính Doanh nghiệp nâng cao của bậc đào tạo đại học sẽ cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, kiến thức quản lý nguồn vốn để tối đa hóa giá trị tài sản của cổ đông cho các nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, cũng như các nhà đầu tư trên thị trường tài chính. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên được kỳ vọng sẽ có hiểu biết nâng cao về các khái niệm và kỹ thuật quản lý tài chính nâng cao mà học phần tài chính doanh nghiệp trước đó chưa thể đề cập đến nhưng sẽ rất hữu ích cho công việc trong thực tế, và cả cho nghiên cứu hàn lâm chuyên sâu. Môn học này sẽ trình bày lý thuyết MM với chi phí phá sản, vấn đề chi phí đại	3	5	- Dự lớp và thảo luận: 15% - Bài tập nhóm: 10% - Bài kiểm tra LMS: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		diện, thông tin bất cân xứng, và giới hạn mức độ sử dụng nợ; thị trường hiệu quả và tài chính hành vi; tài trợ dài hạn và cách thức doanh nghiệp huy động vốn; quyền chọn, hợp đồng giao sau và tài chính doanh nghiệp. Cuối cùng, môn học này cũng cung cấp kiến thức chuyên sâu về kiệt quệ tài chính, một khái niệm tài chính quan trọng nhưng khó định nghĩa chính xác. Và hiện nay ở Việt Nam có rất nhiều doanh nghiệp đang phải đối mặt với kiệt quệ tài chính nhưng chưa hiểu rõ về nó cũng như khả năng nhận diện các chiến lược hợp lý để giải quyết vấn đề.			
	Tài chính định lượng	Môn học này đề cập đến các mô hình tài chính áp dụng những kiến thức học từ sách vở vào trong cuộc sống thực tiễn khi nhà quản trị và nhà đầu tư cần đưa ra các quyết định tài chính quan trọng và đáng tin cậy. Những khái niệm và chức năng cơ bản trong công nghệ thông tin và thống kê được kết hợp với các lý thuyết tài chính để thiết kế những mô hình xử lý dữ liệu để đưa ra quyết định quan trọng trong quản trị danh mục đầu tư, đánh giá rủi ro dự án, định giá quyền chọn và phòng ngừa rủi ro. Với sự hỗ trợ của các phần mềm tin học trong tài chính, khả năng tính toán và xử lý dữ liệu trong các mô hình tài chính được giải quyết một cách nhanh chóng và hiệu quả. Vì thế, đây là môn học mang tính chất thực hành và có ý nghĩa thực tiễn rất cao. Môn học tập trung vào ứng dụng Excel, VBA và MatLab cho các mô hình tài chính của 4 mảng kiến thức quan trọng bao gồm: (1) Các mô hình tài chính doanh nghiệp. (2) Các mô hình danh mục đầu tư tối	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 10% - Video thuyết trình: 35% ● Sinh viên chia nhóm để làm việc chung. Kết quả là các bài VIDEO thuyết trình về các nội dung thực hành của mỗi buổi học. Sinh viên phải nộp các Video này cho GV trên LMS để chấm điểm. ● Các nhóm và cá nhân được khuyến khích đặt câu hỏi thảo luận (đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đều được cộng điểm). - Báo cáo kết thúc học phần: 50% ● Nộp bài thu hoạch cá nhân, trong đó, sinh viên thực hiện mô hình hóa để giải quyết một tình huống thực tế (hoặc mô phỏng). Giảng viên sẽ cho điểm dựa

		ưu và mô phỏng. (3) Các mô hình định giá quyền chọn và mô phỏng. 4) các mô hình định giá trái phiếu, tính toán chiến lược đầu tư “miễn nhiệm”, và cấu trúc kỳ hạn của lãi suất.			trên sự phức tạp và khả năng ứng dụng kiến thức đã học vào giải quyết tình huống. ● Lưu ý: nếu điểm kết thúc học phần nhỏ hơn hoặc bằng 3, điểm quá trình sẽ bị chia đôi.
	Tài chính công ty đa quốc gia	Môn học này cung cấp cho sinh viên hiểu biết về các thị trường tài chính quốc tế nơi các công ty đa quốc gia hoạt động, những rủi ro mà một công ty đa quốc phải đối mặt khi hoạt động trong môi trường toàn cầu. Đặc biệt, môn học này tập trung vào các quyết định tài chính của công ty đa quốc gia bao gồm đo lường độ nhạy cảm đối với rủi ro tỷ giá, thuế, các quyết định đầu tư và tài trợ ngắn hạn, hoạt động đầu tư và vấn đề hợp nhất mua lại xuyên quốc gia, đánh giá dự án đầu tư nước ngoài, cấu trúc vốn quốc tế và chi phí sử dụng vốn.	3	5	- Dự lớp:5% -Thảo luận và thuyết trình:20% - Thi giữa học phần: 25% - Thi kết thúc học phần: 50% Nếu điểm thi kết thúc học phần ≤ 3 , thì điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số
	Phân tích tài chính	Môn học này có tính thực tế rất cao vì nó giúp sinh viên khi ra trường có thể đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao từ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, nhà đầu tư trên thị trường, chuyên viên tín dụng ngân hàng ...Môn học sẽ giới thiệu các nội dung khác nhau khi phân tích tình hình tài chính của một công ty. Vì quá trình phân tích này chủ yếu được dựa trên tài liệu chính là các báo cáo tài chính của một công ty, do đó phần phân tích báo cáo tài chính được đề cập như là một phần quan trọng để đánh giá chất lượng thu nhập của công ty. Từ đó đánh giá khả năng sinh lời của công ty, đánh giá tính bền vững của thu nhập và sức mạnh tài chính của công ty đó. Tuy nhiên, phân tích tài	3	5	● Quá trình: 50% - Dự lớp: 5% - Bài Video thuyết trình bài tập cuối chương theo nhóm: 30% - Bài kiểm tra trắc nghiệm LMS (cá nhân): 15% ● Thi kết thúc học phần: 50%

		chính cũng nhấn mạnh đến phân tích triển vọng của công ty qua đó dự báo thành quả của công ty trong tương lai. Quá trình phân tích này giúp cho nhà đầu tư xác định giá trị nội tại phù hợp của một công ty để đưa ra những quyết định quan trọng trong quản trị tài chính hay quyết định đầu tư trong hoạt động đầu tư vốn cổ phần. Do đó, cấu trúc của môn học này sẽ được đề cập theo 4 nội dung chính: (1) Tổng quan về vấn đề phân tích; (2) Phân tích báo cáo tài chính; (3) Phân tích tài chính; và (4) Phân tích triển vọng. Một cách chi tiết, môn học này trình bày vai trò của phân tích chất lượng báo cáo tài chính trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, tầm quan trọng và ý nghĩa của kế toán dồn tích đối với công việc phân tích. Môn học này cũng nhấn mạnh các quy trình và phương pháp phân tích tài chính bao gồm phân tích khả năng sinh lời, phân tích nguồn và sử dụng nguồn vốn, và phân tích rủi ro, từ đó nhà phân tích có thể dự phóng các báo cáo tài chính của doanh nghiệp và định giá vốn chủ sở hữu.			
	Quản trị rủi ro tài chính	Môn học này được thiết kế để áp dụng các lý thuyết và phương pháp cho nhu cầu quản trị rủi ro tài chính. Với sự phát triển của thị trường tài chính và nhiều cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu xảy ra trong thời gian qua, quản trị rủi ro tài chính ngày nay càng đóng vai trò quan trọng nhằm giúp cho các nhà quản trị tài chính hiểu các loại rủi ro tài chính và cách thức đối phó với rủi ro. Môn học này sẽ giới thiệu một số chiến lược quản trị rủi ro tài chính thông qua việc sử dụng các sản phẩm	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận hoặc kiểm tra giữa kỳ, bài thực hành: 25% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50 % Nếu điểm thi kết thúc học phần ≤ 3, thì điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số

		phái sinh bao gồm hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng giao sau, quyền chọn, và hợp đồng hoán đổi để phòng ngừa và quản lý các loại rủi ro do biến động trong giá cả hàng hóa, tỷ giá, giá chứng khoán, lãi suất ...có tác động bất lợi đến doanh nghiệp và các tổ chức tài chính. Ngoài mục tiêu phòng ngừa rủi ro, các chiến lược kinh doanh dựa trên các sản phẩm phái sinh kể trên cũng được đề cập trong môn học này. Thêm vào đó, môn học sẽ trình bày một số các nội dung cơ bản về các kỹ thuật quản trị rủi ro tài chính và các ứng dụng liên quan.			
	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	Môn học này tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật chuyên sâu về thẩm định dự án đầu tư trong thực tiễn, cũng như mối quan hệ giữa quyết định đầu tư và quyết định tài trợ. Ngoài ra, nội dung học phần còn trình bày về kỹ thuật thẩm định dự án có đính kèm theo các quyền chọn thực và phân tích rủi ro dự án trong thực tiễn sử dụng phân tích kịch bản và mô phỏng Monte Carlo. Bên cạnh đó, môn học còn đề cập đến 3 phương pháp để đưa ra quyết định đầu tư khi công ty có sử dụng đòn bẩy tài chính: phương pháp APV (Adjusted Present Value), FTE (Flow To Equity) và WACC (Weighted Average Cost of Capital), cũng như phân tích và ra quyết định lựa chọn giữa thuê tài sản so với mua tài sản. Xuyên suốt khóa học, người học sẽ hiểu và phân tích được sự đánh đổi giữa tỷ suất sinh lợi và rủi ro từ góc độ của cổ đông đối với quyết định đầu tư và mục tiêu tối đa hoá giá trị công ty.	3	6	- Dự lớp và thảo luận: 15% - Bản thu hoạch: 10% - Bài kiểm tra LMS: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

	Sáp nhập, Mua lại và Tái cấu trúc doanh nghiệp	Môn học này được thiết kế cho sinh viên bậc cử nhân của trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, những người muốn có kiến thức về mua bán và sáp nhập cũng như tái cấu trúc doanh nghiệp. Hoàn thành khóa học, sinh viên có thể: • phân biệt các loại hình hợp nhất và mua lại (M&A); • hiểu về lịch sử M&A; • mô tả và giải thích các chiến lược M&A khác nhau; các chiến thuật thu tóm; cũng như các biện pháp chống bị thu tóm; • mô tả và giải thích các động cơ và các biện pháp khác nhau của việc tái cấu trúc doanh nghiệp.	3	5	• Quá trình: - Tham dự lớp học (tham dự và tham gia lớp học): 10% - Bài tập nhóm (thuyết trình hoặc tình huống): 20% - Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% • Thi kết thúc học phần: 50% Lưu ý: Nếu điểm thi kết thúc học phần bằng hoặc nhỏ hơn 3 điểm, thì điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số
	Tài chính hành vi	Môn học này được thiết kế để cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính hành vi. Cụ thể, môn học tập trung phân tích các khía cạnh bất hợp lý của hành vi con người và ảnh hưởng của chúng đến các quyết định đầu tư và tài chính. Các chủ đề chính bao gồm lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, lý thuyết triển vọng, các thách thức đối với thị trường hiệu quả, các mẫu hình và tính toán bất hợp lý, tự nghiệm và lệch lạc, sự quá tự tin, nhà quản lý lý trí và nhà đầu tư phi lý trí. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên được kỳ vọng sẽ nắm bắt được các giới hạn của lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá, các thách thức của lý thuyết thị trường hiệu quả, các giả định và nội dung chính của lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, lý thuyết triển vọng, và các hiện tượng bất thường mà các lý thuyết tài chính cổ điển không thể giải thích đầy đủ. Sinh viên cũng có thể xác định được các lệch lạc hành vi của con người và tác động của chúng đến các	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		quyết định tài chính của cả nhà đầu tư và nhà quản lý.			
	Định giá doanh nghiệp	Môn học Định giá doanh nghiệp này được thiết kế để giảng dạy cho sinh viên trong hệ đào tạo Đại học của Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, cung cấp những kiến thức nền tảng về định giá doanh nghiệp. Môn học này sẽ giúp người học: ● Khám phá được những nền tảng của vấn đề định giá doanh nghiệp như các chuẩn giá trị của định giá, quy trình định giá, làm cách nào thu thập và xử lý thông tin cho mục đích định giá. ● Hiểu những nguyên lý cơ bản của định giá công ty từ đại chúng đến tư nhân. ● Có kiến thức cơ bản về 3 phương pháp định giá là phương pháp thu nhập; phương pháp thị trường; và phương pháp dựa trên tài sản: các điểm mạnh, điểm yếu của từng phương pháp, và điều kiện áp dụng. ● Hiểu tầm quan trọng của chi phí sử dụng vốn và biết cách ước tính chi phí sử dụng vốn trong các trường hợp cụ thể khác nhau.	3	6	● Đánh giá giữa kỳ - Tham dự lớp: 10% - Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ, bài tập thực hành: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% ● Đánh giá cuối kỳ: Thi kết thúc học phần: 50% Chú ý: Nếu điểm thi kết thúc học phần ≤ 3, thì điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số.
	Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm	Môn học này tập trung vào việc phân tích vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm dưới góc độ của các trung gian tài chính nhằm hướng đến các hoạt động tư vấn, đàm phán các giao dịch và tài trợ nguồn vốn cho các doanh nghiệp có nhu cầu cần nguồn tài trợ. Đặc biệt, môn học này lưu ý đến việc cung cấp cho sinh viên hiểu biết sâu về cơ chế nền tảng cho việc hình thành hoặc phát triển một doanh nghiệp và việc duy trì nguồn tài trợ từ hệ thống tài chính. Do đó, môn học này được chia thành 3 phần chính: thị trường và sự	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận và thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 25% - Thi kết thúc học phần: 50% Nếu điểm thi kết thúc học phần ≤ 3, thì điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số.

		cạnh tranh; các vấn đề pháp lý và các quy định; việc quản lý vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm hoặc thực hiện giao dịch liên quan đến nguồn tài trợ này. Việc trình bày các nghiên cứu tình huống thực tế (case studies) sẽ càng giúp sinh viên nâng cao hơn nữa tính liên hệ thực tế từ việc quan sát trên thị trường.			
	Đầu tư bất động sản	Cung cấp cho Sinh viên các kiến thức, sự hiểu biết về rủi ro và tỷ suất sinh lợi liên quan đến đầu tư và tài trợ bất động sản nhà ở và bất động sản thương mại. Môn học sẽ cung cấp nền tảng về các khái niệm và phương pháp đầu tư, phát triển Tài chính bất động sản, Thẩm định giá, Tư vấn, Quản lý danh mục đầu tư bất động sản, Cho thuê, Quản lý tài sản, Phân tích vị trí bất động sản, Phân tích rủi ro các dự án đầu tư bất động sản và quản lý bất động sản công ty. Từ đó, người học có thể thực hiện phân tích và đưa ra được những quyết định đầu tư và tài trợ bất động sản hiệu quả.	3	6	● Đánh giá giữa kỳ - Tham dự lớp: 10% - Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ, bài tập thực hành: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% ● Đánh giá cuối kỳ: Thi kết thúc học phần: 50% Chú ý: Nếu điểm thi kết thúc học phần ≤ 3, thì điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số.
	Tài Chính khởi nghiệp	Học phần Tài chính khởi nghiệp cung cấp các kiến thức tổng quan về quản trị tài chính dưới khía cạnh của một nhà khởi nghiệp. Học phần tập trung vào nhu cầu lập kế hoạch, huy động vốn và ra quyết định tài chính của các dự án khởi nghiệp mới, đặc biệt trong giai đoạn khởi sự và phát triển. Thị trường tài chính và các nguồn tài trợ đối với các dự án khởi nghiệp về cơ bản có nhiều khác biệt đối với thị trường tài chính doanh nghiệp tiêu chuẩn: Các công ty khởi nghiệp thường non trẻ, chưa phát sinh lợi nhuận, lịch sử hoạt động ngắn, mức độ bất ổn cao và các hạn chế tài chính.	3	6	- Dự lớp: 5% - Tiểu luận: 15% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: - Tiểu luận: thực hiện theo nhóm từ 5-7 sinh viên - Thi giữa học phần: Tự luận (Bao gồm cả lý thuyết và bài tập, không sử dụng tài liệu) trong thời gian 60 phút - Thi kết thúc học phần: Tự luận (Bao gồm cả lý

		Do đó, nguồn huy động vốn khả dụng đối với các công ty khởi nghiệp chủ yếu là các thị trường trong đó các điều khoản và định giá được thương lượng với từng trường hợp cụ thể. Đồng thời, các nhà đầu tư có thể gia tăng giá trị hoặc tham gia tác động vào các công ty được tài trợ.			thuyết và bài tập, không sử dụng tài liệu) trong thời gian 75 phút
	Công nghệ tài chính	Môn học này được thiết kế để giúp người học hiểu rõ sự thay đổi to lớn mà công nghệ tài chính (fintech) đang diễn ra, từ đó ảnh hưởng lên các ngành khác trong nền kinh tế. Môn học cung cấp những hiểu biết chi tiết về các dịch vụ tài chính, công nghệ và mô hình kinh doanh hiện đại đã xuất hiện trong những năm gần đây làm thay đổi hoàn toàn các mô hình kinh doanh truyền thống, đồng thời trình bày những ví dụ thực tế điển hình trong ngành này trên toàn cầu - từ trạng thái của các tổ chức tài chính truyền thống ở Châu Âu và châu Mỹ, đến sự phát triển và áp dụng nhanh chóng các công nghệ đổi mới ở các nền kinh tế mới nổi ở Châu Á. Môn học cũng trình bày các hệ sinh thái tương ứng và khuôn khổ pháp lý xoay quanh việc xuất hiện của Fintech trong nền kinh tế.	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận hoặc kiểm tra giữa kỳ, bài thực hành: 25% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50 % Nếu điểm thi kết thúc học phần ≤ 3 , thì điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số
	Thực hành quản trị rủi ro công ty	Môn học này cung cấp các khái niệm và kỹ năng cơ bản để thiết kế và thực hiện hiệu quả chương trình Quản trị rủi ro công ty (ERM) phù hợp với văn hóa, cấu trúc và quy trình quản trị hiện tại của một công ty. Môn học cung cấp kiến thức giúp sinh viên nắm được các rào cản chung đối với việc thực hiện ERM hiệu quả và học các kỹ thuật cơ bản để khắc phục các hạn chế trong quá trình quản trị rủi ro công ty. Môn học còn cung cấp nội	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		dung liên quan đến các ảnh hưởng bên trong và bên ngoài đối với cách tiếp cận quản trị rủi ro của công ty. Sinh viên còn được giới thiệu các phương pháp đánh giá rủi ro doanh nghiệp và các kỹ thuật hỗ trợ khác. Thông qua kiến thức và kỹ thuật cơ bản được học, sinh viên sẽ có thể áp dụng để thiết kế một bản nháp Chương trình ERM, bao gồm kế hoạch và tiến trình thực hiện cho một doanh nghiệp cụ thể.			
	Thực tập và tốt nghiệp		10	7	
6	Ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng				
	Triết học Mác - Lênin	- Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. - Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống - Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội.	3	1	● Đánh giá quá trình: 50% - Dự lớp: 15% - Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% - Kiểm tra giữa học phần: 20% ●Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu) Thời gian làm bài: 75 phút
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20%

		cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.			- Kiểm tra giữa học phần: 20% • Tổng điểm quá trình: 50% • Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận). Điểm học phần: 100%
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)

		cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.			
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	4	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết	2	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.			
	Ngoại ngữ 1	Tiếng Anh P1 giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như careers, companies, selling, great ideas và stress. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 2	Tiếng Anh P2 giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như new business, marketing, planning, managing people và conflict. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFR).	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 3	Tiếng Anh P3 giúp sinh viên: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%

		(theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.			
	Ngoại ngữ 4	Chủ đề của các bài học bao gồm các vấn đề như kinh doanh và kinh tế, việc làm, sản xuất, tiếp thị, ngân hàng, đạo đức kinh doanh, tỷ giá hối đoái và thương mại quốc tế. Mỗi bài học gồm 02 phần chính: Phần 1 là các bài đọc hiểu chuyên sâu để giải thích các khái niệm cơ bản về kinh tế và kinh doanh. Phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về chủ đề chương học và giúp sinh viên phát triển các kỹ thuật đọc hiểu. Theo sau các bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, các bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học. Phần 2 là một bài đọc trích từ sách báo, tạp chí hoặc là một bài luyện nghe các cuộc phỏng vấn các doanh nhân hoặc các nhà kinh tế học. Trong phần này cũng có các bài tập kiểm tra mức độ nghe hiểu và các hoạt động nâng cao kỹ năng nói bao gồm thảo luận, đóng vai hoặc một bài viết ngắn có liên quan đến chủ đề được học.	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	+ Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. + Định thức và các tính chất quan trọng. + Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. + Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. + Hàm một biến và các kiến thức liên quan. + Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan + Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2.	3	1	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		+ Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế. Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng, ...			
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh & Kinh Tế trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo. Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Tế và Kinh Doanh cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20%

		tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			- Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%
	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kinh tế vi mô là môn học nhập môn của sinh viên khối ngành Kinh tế - Kinh doanh và Quản lý, giảng dạy về các nguyên tắc cơ bản của kinh tế vi mô.	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: %

		Môn học này sẽ giúp chúng ta ra quyết định và hiểu thế giới vận hành như thế nào thông qua việc nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm. Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể và sự tương tác ảnh hưởng đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường, vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh.			- Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kinh tế vĩ mô	Học phần trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo: Kinh tế học vĩ mô là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kỹ năng mềm	Học phần này trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học	2	4	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10%

		phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.			- Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi sự kinh doanh	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị	1	1	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Mối quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi			
--	--	---	--	--	--

		mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần này trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...	3	2	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kế toán tài chính	Kế toán tài chính là học phần cơ bản của môn học Kế toán tài chính, cung cấp kiến thức nền tảng về kế toán tài chính để sinh viên hiểu được cách thức đo lường, ghi nhận, trình bày và công bố các yếu tố của báo cáo tài chính – đặc biệt học phần này tập trung vào thông tin được trình bày và công bố trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Kiến thức của học phần này sẽ là cơ sở, điều kiện tiên quyết để sinh viên học các môn học thuộc về chuyên ngành của sinh viên.	3	4	- Dự lớp, Thảo luận: 5% - Làm test online, LMS: 5% - Thuyết trình, bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Tài chính doanh nghiệp	Môn học Tài chính Doanh Nghiệp bậc đại học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng liên quan đến việc đưa ra các quyết định về quản trị tài chính trong các	3	3	- Dự lớp và thảo luận: 15% - Bài tập nhóm: 10% - Bài kiểm tra LMS: 10%

		loại hình doanh nghiệp khác nhau, đặc biệt đối với loại hình công ty cổ phần đại chúng. Nội dung của môn học này đề cập đến bản chất của 03 quyết định tài chính quan trọng đó là quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định liên quan đến quản trị các tài sản lưu động và nợ ngắn hạn. Môn học này cũng chú trọng rèn luyện những kỹ năng thiết yếu cho nhà quản trị tài chính và nhà đầu tư như phân tích tài chính sử dụng các báo cáo kế toán, bản chất của nợ vay và các nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp, các chính sách cổ tức thay thế khác nhau và giá trị doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn... Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể nắm bắt những kiến thức cơ bản và hiện đại để có thể học chuyên sâu các môn học khác của ngành tài chính hoặc ở những bậc học cao hơn sau này.			- Kiểm tra giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Hoạch định thuế	Học phần cung cấp các nguyên lý cơ bản trong việc hoạch định thuế, kiểm soát các dòng tiền chu chuyển trong kinh doanh và đầu tư. Học phần giúp khám phá môi trường thuế trong kinh doanh và đầu tư. Học phần tập trung vào việc vận dụng quy trình nghiên cứu thuế trong việc hoạch định thuế trong kinh doanh và đầu tư bằng phương pháp nghiên cứu định tính. Học phần trang bị khả năng hoạch định một khoản thuế tối ưu trong kinh doanh và đầu tư nhằm đảm bảo cho người nộp thuế đạt được giá trị dòng tiền cao nhất trong khung khổ tuân thủ pháp luật.	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Nguyên lý tài chính - ngân hàng	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính – tiền tệ như: Vai trò của tiền tệ và hệ thống tài chính; những	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10%

		hiểu biết về lãi suất; thị trường tài chính và hiệu quả thông tin; thông tin bất cân xứng và cấu trúc tài chính doanh nghiệp; ngân hàng và các định chế tài chính; các công cụ của chính sách tiền tệ; thị trường ngoại hối và hệ thống tài chính quốc tế. Sinh viên có khả năng hiểu được các thông tin cơ bản về tài chính – ngân hàng; mô tả và giải thích được cơ chế vận hành của hệ thống tài chính và thị trường tài chính, hoạt động ngân hàng và các định chế tài chính; sự luân chuyển các nguồn tài chính trong hệ thống tài chính; phân tích được lợi ích và chi phí của mỗi nguồn tài trợ khi lựa chọn cấu trúc tài chính. Vận dụng những kiến thức học được từ môn học này, sinh viên có thể: (i) lý giải các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng (như: sự lựa chọn cấu trúc tài chính, sự biến động lãi suất, quyết định phân bổ nguồn lực tài chính của các chủ thể tài chính...); (ii) làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong những môn học khác. Ngoài ra, thông qua phương pháp giảng dạy tích cực và việc đề ra các nguyên tắc phải tuân thủ khi tham gia môn học, sinh viên còn có thể phát triển được khả năng tư duy, hoàn thiện các kỹ năng mềm cũng như thái độ.			- Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Ngân hàng thương mại	Môn học NHTM trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về hoạt động chủ yếu của NHTM: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ thanh toán, dịch vụ tài chính, các hoạt động ngoại bảng của NHTM... Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc thực tiễn và rèn	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 5% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		luyện các kỹ năng cần thiết, khả năng ứng xử và ra quyết định. Giúp sinh viên giải quyết các tình huống trong công việc, nhằm giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận môi trường làm việc tại các Ngân hàng thương mại, định chế tài chính và doanh nghiệp.			
	Thị trường và các định chế tài chính	trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo: Học phần giới thiệu cho người học các vấn đề tổng quan về thị trường tài chính và các định chế tài chính trung gian trên thị trường. Hoạt động của các thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường thế chấp và thị trường ngoại hối được mô tả chi tiết. Đồng thời, hoạt động của các định chế tài chính trung gian bao gồm ngân hàng thương mại, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm... cũng được thảo luận để thấy rõ vai trò cũng như vị trí của các định chế trên thị trường.	3	3	- Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quản trị và chiến lược ngân hàng	Quản trị và chiến lược ngân hàng cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về chiến lược kinh doanh ngân hàng trong môi trường mới bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi pháp lý, kỹ thuật công nghệ, toàn cầu hóa... Học phần giúp sinh viên hiểu làm thế nào lập và thực hiện chiến lược kinh doanh ngân hàng, cụ thể gồm: những chiến lược trong việc lựa chọn sản phẩm, giá cả sản phẩm, quy mô và cơ cấu tổ chức ngân hàng cũng như mô hình kinh doanh ngân hàng.	3	4	- Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Ngân hàng đầu tư	Môn học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về mô hình hoạt động và các sản	3	4	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10%

		phẩm, dịch vụ kinh doanh chủ yếu của các ngân hàng đầu tư. Một số nội dung cốt lõi sẽ được giảng dạy trong môn học này bao gồm: bảo lãnh phát hành, quản lý đầu tư, tư vấn đầu tư và sáp nhập, môi giới và tự doanh, “financial engineering” Học xong môn học này, cùng với một số môn chuyên ngành ngân hàng, tài chính khác, sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng đảm nhận được công việc tại một số định chế tài chính như: ngân hàng đầu tư, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng thương mại.			- Thuyết trình: 15% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Ngân hàng quốc tế	Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về môi trường hoạt động và cách thức tổ chức quản lý của các ngân hàng quốc tế với mục tiêu phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng trên thế giới. Môn học cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về hoạt động tài chính của các ngân hàng quốc tế, hoạt động ngân hàng đại lý; cho vay nước ngoài. Sinh viên sẽ được giới thiệu về Hiệp ước Basel nhằm mục tiêu đáng giá tầm quan trọng của khuôn khổ pháp lý, giám sát và các quy định trong hoạt động ngân hàng quốc tế và các vấn đề liên quan đến rửa tiền và khủng hoảng ngân hàng quốc tế. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho sinh viên các công cụ phân tích và đánh giá các khó khăn và thách thức mà các nhà quản trị ngân hàng quốc tế phải đối mặt trong môi trường quốc tế và đặc biệt là cung cấp các hướng giải quyết cho các vấn đề này.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Phương pháp định lượng trong lĩnh vực	Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng về thiết kế nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài chính	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Báo cáo: 20%

	tài chính ngân hàng	ngân hàng, đọc và tìm tài liệu liên quan. Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về dữ liệu và nguồn dữ liệu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, các đặc tính và ứng dụng. Môn học hướng dẫn học viên cách viết đề xuất nghiên cứu, xuất bản công trình nghiên cứu, đạo văn và trích dẫn. Môn học hướng dẫn học viên cách viết đề xuất nghiên cứu, xuất bản công trình nghiên cứu, đạo văn và trích dẫn. Ngoài ra, thực hành xử lý dữ liệu với phần mềm STATA là một nội dung tùy chọn của môn học.			- Tiểu luận cuối học phần: 60%
	Quản trị sự thay đổi	Mục tiêu của môn học này là cung cấp kiến thức phù hợp về quy trình quản lý sự thay đổi. Người học sẽ phân tích và thảo luận về các tình huống để áp dụng các khái niệm. Các tình huống sẽ giúp học viên hiểu rõ hơn về sự thay đổi của tổ chức và quá trình thay đổi của tổ chức. Ngoài ra, môn học sẽ giúp người học phát triển tư duy về cách tiếp cận các quá trình thay đổi, cũng như học cách đánh giá các công cụ và các mô hình, hiểu các bối cảnh và hiểu cách áp dụng các giải pháp sáng tạo liên quan đến sự thay đổi của tổ chức. Môn học Quản trị sự thay đổi có mối liên hệ với các môn học trước như Quản trị học, Hành vi tổ chức, Lãnh đạo và Quản trị chiến lược.	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm. Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp. Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở. Thi kết thúc học phần: 90 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở.
	Chính sách tiền tệ	Học phần chính sách tiền tệ nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5%

		Ngân hàng trung ương, các nghiệp vụ của Ngân hàng trung ương và công tác hoạch định chính sách tiền tệ, thực thi chính sách tiền tệ bằng những công cụ của Ngân hàng trung ương. Học phần cũng trang bị kiến thức về cơ chế truyền dẫn của chính sách tiền tệ thông qua các kênh tín dụng, thị trường ngoại hối, thị trường mở, từ đó tác động đến mục tiêu của chính sách tiền tệ. Từ đó giúp sinh viên biết liên hệ xử lý và đánh giá các tình huống thực tế của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.			- Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Phân tích và định giá chứng khoán	Môn học Phân tích tín dụng và quản trị cho vay là một môn học chuyên ngành dành cho sinh viên chuyên ngành ngân hàng. Môn học này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng đánh giá năng lực tài chính, hiệu quả của phương án kinh doanh/dự án đầu tư của khách hàng, kỹ năng thẩm định các loại tài sản đảm bảo nhằm ra các quyết định cấp tín dụng. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị một số kiến thức về quản trị rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng như phân tích độ nhạy, phân tích tình huống, phân tích mô phỏng, quản trị danh mục cho vay. Sau khi học xong môn học này, cùng với kiến thức của môn nghiệp vụ ngân hàng thương mại, tài chính doanh nghiệp và kế toán tài chính, sinh viên có thể đảm nhận được các vị trí công tác liên quan đến hoạt động cấp tín dụng tại các NHTM và các định chế tài chính khác.	3	5	- Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị đầu tư	Môn học này trang bị cho người học các kiến thức lý thuyết và thực hành liên quan đến các quyết định đầu tư trên	3	5	

		thị trường tài chính. Cụ thể, môn học giới thiệu khái quát về đầu tư và quản lý đầu tư, đồng thời trang bị các kiến thức lý thuyết nền tảng về tài chính hiện đại và tài chính hành vi hỗ trợ cho việc phân tích và đầu tư trên thị trường. Các công cụ phân tích đầu tư liên quan đến từng nhóm hàng hóa giao dịch trên thị trường trái phiếu và thị trường cổ phiếu cũng được thảo luận trong môn học[XVV1] . Ngoài ra, các kiến thức về quản lý danh mục đầu tư và các chính sách quản lý đầu tư cũng bao gồm trong nội dung của môn học giúp người học có thể hệ thống và nắm vững quy trình phân tích và đầu tư khi tham gia vào thị trường tài chính.			
	Kiểm toán căn bản	Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán báo cáo tài chính, bao gồm định nghĩa kiểm toán, phân loại kiểm toán, môi trường kiểm toán báo cáo tài chính và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính. Môn học này nhấn mạnh đến các công việc được thực hiện trong các giai đoạn của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, từ đánh giá rủi ro, lập kế hoạch, các kỹ thuật thu thập bằng chứng đến đưa ra ý kiến và trình bài báo cáo kiểm toán.	3	5	- Thi giữa học phần: 40% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	Môn học này được thiết kế để cung cấp cho người học kiến thức về những chuẩn mực đạo đức và tác phong nghề nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng thương mại. Một số nội dung cốt lõi sẽ được giảng dạy trong môn học này bao gồm: hệ thống các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, những vấn đề pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh ngân hàng, trách nhiệm của người lao động đối với cá định chế	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 15% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		tài chính và đối với khách hàng, mục tiêu và giá trị cốt lõi của các chuẩn mực nghề nghiệp, cách thức vận dụng hệ thống chuẩn mực vào công việc thực tiễn,...Học xong môn học này, cùng với một số môn chuyên ngành ngân hàng khác, người học có khả năng hiểu, xây dựng, và phát triển được hệ thống giám sát tuân thủ về chuẩn mực đạo đức và tác phong nghề nghiệp tại các ngân hàng thương mại và định chế tài chính khác			
	Luật Ngân hàng	Học phần Luật Ngân hàng sẽ trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về các quy định của pháp luật liên quan đến cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành và hoạt động của Ngân hàng trung ương, các tổ chức tài chính. Đồng thời giúp sinh viên bước đầu tiếp cận với các văn bản luật và dưới luật hiện đang chi phối đến toàn bộ hoạt động diễn ra tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng Việt Nam.	2	5	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Phân tích tín dụng và quản trị cho vay	Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành về hoạt động phân tích và định giá chứng khoán bao gồm những kiến thức cơ bản liên quan đến dòng tiền và tỷ suất sinh lợi trong đầu tư; khái quát những nền tảng cơ bản về các lý thuyết tài chính hiện đại với các mô hình ứng dụng như CAPM, APT, 3FF; các nội dung phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật và mô hình định giá cổ phiếu như mô hình chiết khấu dòng cổ 2 tức; chiết khấu dòng tiền và chiết khấu dòng lợi nhuận còn lại; mô hình định giá trái phiếu, xác định độ lỗi, đường cong giá lãi suất đối với trái phiếu.	3	6	- Dự lớp: 05% - Thảo luận: 05% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Kinh doanh ngoại hối	Môn học cung cấp nền tảng kiến thức về tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5%

		ngoại hối, chiến lược bảo hiểm rủi ro cũng như các phương pháp phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật và các chiến lược kinh doanh trên thị trường ngoại hối. Môn học cũng giới thiệu chương trình mô phỏng thị trường ngoại hối và thị trường tiền tệ để sinh viên có điều kiện ứng dụng các kiến thức đã được học để thực hiện các chiến kinh doanh và đầu tư trên những thị trường này.			- Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Thanh toán quốc tế	Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về hợp đồng ngoại thương, Incoterms, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán và cách thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế. Ngoài ra, sinh viên còn được giới thiệu những kiến thức về chứng từ trong thanh toán, thực hành kiểm tra bộ chứng từ và xử lý các tình huống tranh chấp phát sinh trong các giao dịch thương mại và dịch vụ quốc tế.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Kế toán ngân hàng	Kế toán ngân hàng bao gồm kế toán tại các Tổ chức tín dụng và tại Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên giới hạn của học phần tập trung xử lý kế toán tại các Tổ chức tín dụng mà trong đó đặc biệt nhấn mạnh kế toán tại các Ngân hàng thương mại. Kế toán ngân hàng có vai trò đặc biệt trong việc cung cấp các số liệu, phản ánh tình hình huy động vốn và sử dụng vốn của ngân hàng. Với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức để thực hiện được căn bản cách xử lý kế toán các hoạt động nghiệp vụ tại ngân hàng và vận dụng vào thực tế. Qua đó cũng giúp sinh viên ôn lại kiến thức đã học về môn nghiệp vụ ngân hàng thương mại và môn thanh toán quốc tế.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

	Quản trị ngân hàng	Quản trị ngân hàng cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về các hoạt động ngân hàng cũng như đặc điểm và xu hướng phát triển trong kinh doanh ngân hàng của lĩnh vực này. Khóa học giúp sinh viên cách phân tích kết quả hoạt động và rủi ro của ngân hàng. Sau đó sinh viên được trang bị kiến thức quản trị nguồn vốn huy động, hoạt động tín dụng, đầu tư cũng như các hoạt động sinh lời không phải từ lãi. Sau cùng là cách thức ngân hàng quản trị vốn tự có để đối phó với rủi ro	3	6	- Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản lý bán hàng tại các định chế tài chính	Quản lý bán hàng trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý bán hàng tại các ngân hàng và các định chế tài chính, tổ chức và hoạt động của quản lý bán hàng, môi trường pháp lý của quản lý bán hàng, đánh giá hiệu quả hoạt động bán hàng. Bên cạnh đó cung cấp kiến thức chuyên sâu về các hoạt động chủ yếu của QLBNH như: môi trường bán hàng, kỹ thuật bán hàng, kiểm soát và chiến lược bán hàng, bán hàng quốc tế.	3	6	- Dự lớp: 10 % - Thảo luận: 5 % - Bản thu hoạch: 5 % - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Hoạch định tài chính cá nhân	Trong trong bối cảnh cuộc sống thay đổi nhanh chóng như hiện nay, con người ngày càng thường xuyên phải đối mặt với những biến động diễn ra ngoài dự kiến như: nền kinh tế suy thoái, phá sản, thất nghiệp, tử vong đột ngột... làm những mục tiêu tương lai có nguy cơ khó thành hiện thực. Hoạch định tài chính trở thành một hoạt động vô cùng cần thiết, giúp cá nhân có sự chuẩn bị vững chắc trong tương lai và đem lại sự cân bằng ổn định trong cuộc sống. Hoạch định tài chính giúp cá nhân xây dựng định hướng trong những lĩnh vực quan trọng: từ lựa chọn nghề nghiệp, lập kế	3	6	- Dự lớp: 10 % - Thảo luận: 10 % - Thuyết trình: 10 % - Bài tập cá nhân: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %

		hoạch chi tiêu trong ngân sách, lập danh mục đầu tư tài chính cá nhân đến lập kế hoạch cho tuổi nghỉ hưu, hoạch định di sản. Một tình hình tài chính lành mạnh sẽ giúp cá nhân chủ động trong những quyết định, đạt được những mục tiêu đã đề ra, và được bảo vệ an toàn hơn trước những biến cố. Môn học này nghiên cứu những khái niệm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp vận dụng kiến thức quản lý tài chính cá nhân trong một số lĩnh vực chính của cuộc sống nhằm xây dựng nền tảng tài chính vững chắc trong tương lai. Đây là môn học vận dụng các kiến thức đã học trong các học phần ngân hàng thương mại, nguyên lý kế toán, thị trường tiền tệ và thị trường vốn, nguyên lý thực hành bảo hiểm để có thể thực hiện việc lập kế hoạch tài chính cho cá nhân.			
	Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng	Môn học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết về hoạt động cung ứng sản phẩm bảo hiểm qua kênh ngân hàng thương mại. Một số nội dung cốt lõi sẽ được giảng dạy trong môn học này như mối quan hệ tương trợ giữa hoạt động bảo hiểm và ngân hàng, chiến lược xâm nhập thị trường bảo hiểm của các ngân hàng thương mại, những sản phẩm bảo hiểm được phân phối qua kênh ngân hàng, phân tích và đánh giá rủi ro của các sản phẩm đầu tư, và các chuẩn mực đạo đức khi cung ứng sản phẩm bảo hiểm qua kênh ngân hàng cho khách hàng. Học xong môn học này, sinh viên sẽ phát triển được năng lực xác định nhu cầu và lập kế hoạch sử dụng các sản phẩm bảo hiểm cũng như lập kế	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 15% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		hoạch tài chính theo các ưu tiên và mục tiêu của khách hàng.			
	Công nghệ chuỗi khối và tiền mã hóa	Khóa học này giới thiệu các loại tiền điện tử và công nghệ chuỗi khối mới nhất và các ứng dụng. Môn học thảo luận về các vấn đề liên quan đến chuỗi khối và tiền điện tử và giải thích cách cung cấp bảo mật khác nhau thông qua các thuật toán, khuôn khổ, phương pháp tiếp cận, kỹ thuật và cơ chế. Khóa học này cũng cung cấp kiến thức về blockchain liên quan đến các công nghệ khác như IoT, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, đề xuất các vấn đề pháp lý, rủi ro và các giải pháp quản lý và hàm ý chính sách.	3	6	
	Marketing ngân hàng	Học phần giới thiệu những kiến thức và kỹ năng thực hành về marketing ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của những người đang làm công tác thực tế cũng như trong học tập, nghiên cứu của sinh viên ngành tài chính-ngân hàng.	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình-báo cáo nhóm: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Fintech trong ngân hàng	Học phần “Fintech trong ngân hàng” cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về bản chất, nguyên lý sáng tạo, các công cụ vận hành và các quan hệ tác động giữa các hoạt động Fintech và xu hướng phát triển tương lai của tiền tệ cùng với các thể chế giao dịch, sản phẩm và cấu trúc thị trường tài chính ngân hàng.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị ngân quỹ	Môn học quản trị ngân quỹ là môn học thuộc nhóm các môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về hoạt động của NHTM, được giảng dạy vào năm cuối trong chương trình, cung cấp những lý luận cơ bản về nguồn vốn kinh doanh của ngân hàng thương mại và hoạt động quản trị nguồn vốn này như những lý thuyết về trạng thái thanh	3	5	- Thảo luận: 05% - Bản thu hoạch: 15% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		khoản, phương pháp ước lượng thanh khoản, cơ chế quản lý nguồn vốn,... Ngoài ra, môn học cũng cung cấp những kiến thức về các công cụ được sử dụng trong quản trị nguồn vốn, cách thức đo lường và xử lý những rủi ro trong hoạt động quản trị ngân quỹ. Vận dụng kiến thức và kỹ năng được trang bị trong môn học Quản trị ngân quỹ kết hợp với các môn học khác như Ngân hàng thương mại, Quản trị ngân hàng, sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại bộ phận quản trị ngân quỹ tại các ngân hàng thương mại.			
	Core Banking	Môn học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành về hệ thống “Core banking” đang được áp dụng trong thực tế tại các NHTM Việt Nam. Một số nội dung cốt lõi sẽ được giảng dạy trong môn học này bao gồm cách thức xác định vấn đề, xử lý tình huống trong các hoạt động kinh doanh của NHTM như: hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, và thanh toán quốc tế. Học xong môn học này, sinh viên sẽ có điều kiện nâng cao kiến thức về cách thức cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng đến khách hàng, hiểu được mối liên hệ giữa các bộ phận kinh doanh trong ngân hàng và có cơ hội tiếp cận thực tiễn ngay từ khi còn học tại trường.	2	5	- Kiểm tra giữa kỳ: 30 % - Thi kết thúc học phần: 70 %
	Học kỳ doanh nghiệp		10	7	
7	Ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp				
	Triết học Mác-Lênin	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát	3	1	● Đánh giá quá trình: 50% - Dự lớp: 15% - Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15%

		triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử § Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. § Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống § Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội.			- Kiểm tra giữa học phần: 20% • Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu). Thời gian làm bài: 75 phút.
	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Học phần cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% • Tổng điểm quá trình: 50% • Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận). Điểm học phần: 100%

	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc	2	3	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.	2	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Ngoại ngữ 1	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Tiếng Anh giao tiếp thương mại phần 1 giúp sinh viên: § Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. § Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như nghề nghiệp, doanh nghiệp, thương mại, ý tưởng và cuộc sống. § Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).			
	Ngoại ngữ 2	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Tiếng Anh giao tiếp thương mại phân 2 giúp sinh viên: § Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. § Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như kinh doanh, tiếp thị, lập kế hoạch, quản lý nhân sự và xung đột. § Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 3	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Tiếng Anh giao tiếp thương mại phân 3 giúp sinh viên: § Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như thương hiệu, cấu trúc tổ chức, đầu tư, kinh doanh quốc tế và đạo đức. § Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. § Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR). § Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 4	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt:	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10%

		Chủ đề của các bài học bao gồm các vấn đề như kinh doanh và kinh tế, việc làm, sản xuất, tiếp thị, ngân hàng, đạo đức kinh doanh, tỷ giá hối đoái và thương mại quốc tế. Mỗi bài học gồm 02 phần chính: § Phần 1 là các bài đọc hiểu chuyên sâu để giải thích các khái niệm cơ bản về kinh tế và kinh doanh. Phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về chủ đề chương học và giúp sinh viên phát triển các kỹ thuật đọc hiểu. Theo sau các bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, các bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học. § Phần 2 là một bài đọc trích từ sách báo, tạp chí hoặc là một bài luyện nghe các cuộc phỏng vấn các doanh nhân hoặc các nhà kinh tế học. Trong phần này cũng có các bài tập kiểm tra mức độ nghe hiểu và các hoạt động nâng cao kỹ năng nói bao gồm thảo luận, đóng vai hoặc một bài viết ngắn có liên quan đến chủ đề được học.			- Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Luật kinh doanh	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất: Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai: Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Kinh tế vi mô	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Nguyên lý kinh tế vi mô là môn học nhập môn của sinh viên khối ngành Kinh tế - Kinh doanh và Quản lý, giảng dạy về các nguyên tắc cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần này sẽ giúp chúng ta ra quyết định và hiểu thế giới vận hành như thế nào thông qua việc nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm. Học phần tập trung vào động cơ,	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

		cách thức ra quyết định của các chủ thể và sự tương tác ảnh hưởng đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Học phần còn chỉ ra những thất bại của thị trường, vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh.			
	Kinh tế vĩ mô	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo: Kinh tế học vĩ mô là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Nguyên lý kế toán	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như	3	2	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%

		quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...			
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) bao gồm: § Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận; § Định thức và các tính chất quan trọng; § Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận; § Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng; § Hàm một biến và các kiến thức liên quan; § Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan; § Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2; § Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế.	3	1	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh & Kinh Tế trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo. Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Tế và Kinh Doanh cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.			
	Kỹ năng mềm	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.	2	6	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi nghiệp kinh doanh	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò	1	5	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Mối quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo			
--	--	---	--	--	--

		và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	Khoa học dữ liệu	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học dữ liệu (KHDL), các vấn đề và phương pháp KHDL; bao gồm phương pháp toán-thống kê và điện toán (computing), và ứng dụng KHDL cho các vấn đề kinh tế xã hội thực tiễn. Trên cơ sở đó, giúp người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ mới trong thu thập, phân tích dữ liệu cho các lĩnh vực: marketing, quản lý chuỗi cung ứng, phân tích tài chính và hoạt động tín dụng.	2	3	- Dự lớp: 10% - Báo cáo nhóm: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Tài chính doanh nghiệp	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Tài chính Doanh Nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng liên quan đến việc đưa ra các quyết định về quản trị tài chính trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, đặc biệt đối với loại hình công ty cổ phần đại chúng. Nội dung của môn học này đề cập đến bản chất của 03 quyết định tài chính quan trọng đó là quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định liên quan đến quản trị các tài sản lưu động và nợ ngắn hạn. Môn học này cũng chú trọng rèn luyện	3	3	- Dự lớp và thảo luận: 15% - Bài tập nhóm: 10% - Bài kiểm tra LMS: 10% - Kiểm tra giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		những kỹ năng thiết yếu cho nhà quản trị tài chính và nhà đầu tư như phân tích tài chính sử dụng các báo cáo kế toán, bản chất của nợ vay và các nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp, các chính sách cổ tức thay thế khác nhau và giá trị doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn... Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể nắm bắt những kiến thức cơ bản và hiện đại để có thể học chuyên sâu các môn học khác của ngành tài chính hoặc ở những bậc học cao hơn sau này.			
	Hệ thống thuế Việt Nam	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuế. Nội dung chính của học phần bao gồm: khái niệm thuế, đặc điểm thuế, vai trò của thuế, phân loại thuế, các yếu tố cơ bản hình thành luật thuế; khái niệm, đặc điểm, vai trò của các loại thuế hiện hành của Việt Nam; nội dung cơ bản của các loại thuế theo luật hiện hành của Việt Nam.	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Kế toán tài chính căn bản 1	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Kế toán tài chính căn bản 1 là học phần cơ bản của môn học Kế toán tài chính, cung cấp kiến thức nền tảng về kế toán tài chính để sinh viên hiểu được cách thức đo lường, ghi nhận, trình bày và công bố các yếu tố của báo cáo tài chính – đặc biệt học phần này tập trung vào tổ chức kế toán các loại tài sản trong doanh nghiệp. Nội dung học phần hướng đến việc cung cấp các kiến thức liên quan đến các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS/ IFRS, như: chuẩn mực hàng tồn kho; bất động sản, nhà xưởng và thiết bị; tài sản cố định vô hình;... cùng với	3	3	- Dự lớp, Thảo luận: 5% - Làm test online, LMS: 5% - Thuyết trình, bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		các quy định pháp lý tương ứng của Việt Nam, qua đó, sinh viên hiểu và phân tích được các văn bản này để có thể vận dụng vào thực tiễn. Kiến thức của học phần này sẽ là cơ sở, điều kiện tiên quyết để sinh viên học nhập môn về Kiểm toán và Hệ thống thông tin kế toán, cũng như các học phần Kế toán tài chính tiếp theo.			
	Kế toán tài chính căn bản 2	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Kế toán tài chính căn bản 2 tiếp theo học phần Kế toán tài chính căn bản 1, cung cấp kiến thức nền tảng về kế toán tài chính để sinh viên hiểu được cách thức đo lường, ghi nhận, trình bày và công bố các yếu tố của báo cáo tài chính – đặc biệt học phần này tập trung vào tổ chức kế toán các loại nợ phải trả và doanh thu, chi phí trong doanh nghiệp. Nội dung học phần hướng đến việc cung cấp các kiến thức liên quan đến các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS/ IFRS, như: IAS 37, IAS 32, IFRS 7, IFRS 9, IAS 12, IFRS 15;... cùng với các quy định pháp lý tương ứng của Việt Nam, qua đó, sinh viên hiểu và phân tích được các văn bản này để có thể vận dụng vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây dựng, kinh doanh bất động sản.	3	4	- Dự lớp, Thảo luận: 5% - Làm test online, LMS: 5% - Thuyết trình, bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kế toán công	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này giúp cho sinh viên hiểu biết tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp ở Việt Nam, bao gồm: chức năng, nhiệm vụ; đặc điểm tài chính; tổ chức công tác kế toán; chế độ kế toán và các quy định hiện hành khác liên quan đến việc thực hành kế	3	3	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 70%

		toán tại đơn vị. Học phần này cũng chú trọng vào việc hướng dẫn thực hành kế toán đối với các hoạt động quan trọng và mang tính đặc thù của khu vực nhà nước, giúp sinh viên có thể nắm bắt các công việc kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp ngay khi vừa tiếp cận.			
	Kiểm toán căn bản	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán báo cáo tài chính, bao gồm định nghĩa kiểm toán, phân loại kiểm toán, môi trường kiểm toán báo cáo tài chính và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính. Môn học này nhấn mạnh đến các công việc được thực hiện trong các giai đoạn của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, từ đánh giá rủi ro, lập kế hoạch, các kỹ thuật thu thập bằng chứng đến đưa ra ý kiến và trình bày báo cáo kiểm toán.	3	4	- Thi giữa học phần: 40% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kế toán quản trị 1	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và các phương pháp của kế toán quản trị để thông tin tài chính và phi tài chính được truyền đạt một cách tốt nhất trong nội bộ một doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý hoạch định, đánh giá, kiểm soát và ra quyết định một cách hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, học phần này đặt trọng tâm vào việc huấn luyện các kỹ thuật kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, lên kế hoạch, kiểm soát và đưa ra các quyết định kinh doanh. Đồng thời, sinh viên sẽ được làm quen với ngôn ngữ kinh doanh và vai trò của nhà quản lý, cùng với việc nghiên cứu cách ứng xử đạo đức của	3	4	- Dự lớp và tham gia LMS: 5% - Case-study và thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 70%

		người hành nghề kế toán quản trị. Các chủ đề của học phần này bao gồm: giới thiệu tổng quan về kế toán quản trị; phân loại chi phí; hệ thống kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm theo đơn đặt hàng; hệ thống kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm theo quy trình sản xuất; hệ thống kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm dựa trên cơ sở hoạt động; phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị.			
	Kế toán quản trị 2	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và các phương pháp của kế toán quản trị để thông tin tài chính và phi tài chính được truyền đạt một cách tốt nhất trong nội bộ một doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý hoạch định, kiểm soát, ra quyết định một cách hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cũng như góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Do vậy, học phần này đặt trọng tâm vào việc huấn luyện các kỹ thuật kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc lên kế hoạch, kiểm soát, đưa ra các quyết định kinh doanh và cải thiện chất lượng sản phẩm - dịch vụ. Đồng thời, sinh viên sẽ được làm quen với ngôn ngữ kinh doanh và vai trò của nhà quản lý. Các chủ đề của học phần này bao gồm: lập dự toán ngân sách, lập dự toán linh hoạt và phân tích thành quả hoạt động, xây dựng chi phí định mức và phân tích biến động chi phí, đánh giá trách nhiệm quản lý, quản trị nhà cung cấp và khách	3	5	- Dự lớp và tham gia LMS: 5% - Case-study và thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 70%

		hàng, quản trị chất lượng và quyết định về dự toán vốn đầu tư dài hạn.			
	Hệ thống thông tin kế toán	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc trưng của một hệ thống thông tin và hệ thống thông tin kế toán, các kỹ thuật tài liệu hóa hệ thống và cách thức tổ chức dữ liệu và xử lý dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán. Bên cạnh đó, học viên sẽ có thể nhận biết và có khả năng vận dụng hệ thống kiểm soát nội bộ/ quản trị rủi ro trong doanh nghiệp. Đặc biệt, là khả năng nắm bắt cụ thể về các thủ tục kiểm soát hệ thống thông tin kế toán, từ đó có khả năng vận dụng thực tế. Ngoài ra, người học còn được cung cấp cả kiến thức về các chu trình kinh doanh trong doanh nghiệp và các hoạt động chính trong chu trình cũng như các vấn đề liên quan đến kế toán chu trình: chu trình doanh thu và chu trình chi phí. Cuối cùng, học phần này được thiết kế để cung cấp những hiểu biết cơ bản về chu trình phát triển hệ thống thông tin và công việc cần thực hiện trong một dự án tái phát triển hệ thống thông tin.	3	4	- Dự lớp: 05 % - Thảo luận, thuyết trình: 10 % - Trắc nghiệm cá nhân trên LMS: 05 % - Bài tập nhóm tự luận trên LMS: 15 % - Thi giữa học phần: 15 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Phân tích báo cáo tài chính	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Phân tích báo cáo tài chính được thiết kế nhằm giúp người học diễn giải và phân tích báo cáo tài chính. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về các chỉ tiêu trong hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính. Học phần cũng trình bày phân tích ngành và chiến lược, phân tích	3	5	- Dự lớp và tham gia LMS: 5% - Tiểu luận: 15% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 70%

		kế toán trong mối quan hệ với phân tích tài chính nhằm giúp người học có khả năng phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán và năng lực dòng tiền của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần này cũng giúp người học phân tích triển vọng nhằm dự báo những chỉ tiêu quan trọng trên báo cáo tài chính phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau như định giá chứng khoán, thẩm định tín dụng và các quyết định quản trị doanh nghiệp.			
	Kế toán tài chính nâng cao 1	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Kế toán tài chính nâng cao tiếp theo học phần Kế toán tài chính căn bản 2, cung cấp kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính để sinh viên hiểu được cách thức đo lường, ghi nhận, trình bày và công bố các yếu tố của báo cáo tài chính – đặc biệt học phần này tập trung vào tổ chức kế toán trong công ty cổ phần, kế toán các khoản đầu tư và kế toán thuê tài sản. Nội dung học phần hướng đến việc cung cấp các kiến thức liên quan đến các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS/ IFRS, như: IAS 32, IAS 33, IFRS2, IFRS 7, IFRS 9, IFRS 16, IFRS 13;....cùng với các quy định pháp lý tương ứng của Việt Nam, qua đó, sinh viên hiểu và phân tích được các văn bản này để có thể vận dụng vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt các giao dịch liên quan đến cổ phiếu trong công ty cổ phần, cũng như các hoạt động đầu tư và thuê tài sản.	3	5	- Dự lớp, Thảo luận: 5% - Làm test online, LMS: 5% - Thuyết trình, bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kế toán tài chính nâng cao 2	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Kế toán tài chính nâng cao 2 tiếp theo học phần Kế toán tài chính nâng cao 1, cung cấp kiến thức chuyên sâu	3	6	- Dự lớp, Thảo luận: 5% - Làm test online, LMS: 5% - Thuyết trình, bài tập: 10%

		về kế toán tài chính để sinh viên hiểu được cách thức đo lường, ghi nhận, trình bày và công bố các yếu tố của báo cáo tài chính – đặc biệt học phần này tập trung vào vấn đề trình bày và công bố thông tin trên Báo cáo tài chính. Nội dung học phần hướng đến việc cung cấp các kiến thức liên quan đến các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS/ IFRS, như: IAS 7, IAS 8, IAS 10, IAS 21, IAS 34; IFRS 1... cùng với các quy định pháp lý tương ứng của Việt Nam, qua đó, sinh viên hiểu và phân tích được các văn bản này để có thể vận dụng vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp trong công tác chuẩn bị thông tin trình bày Báo cáo tài chính hoặc ở khía cạnh người sử dụng thông tin tài chính nhằm ra quyết định.			- Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kế toán quốc tế 1	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Kế toán quốc tế 1 giúp sinh viên hiểu về môi trường lập báo cáo tài chính (BCTC) quốc tế. Cụ thể, học phần cung cấp kiến thức để sinh viên có thể hiểu các khái niệm cơ bản của kế toán như các yếu tố của BCTC và các đặc điểm chất lượng của BCTC. Ngoài việc tìm hiểu khuôn mẫu lý thuyết kế toán, học phần giúp sinh viên hiểu và phân tích được một số chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) hay chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) để có thể vận dụng các chuẩn mực này vào việc xử lý, ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính. Học phần này không chỉ giúp sinh viên hiểu được các nguyên tắc xử lý của kế toán theo quy định của chuẩn mực IAS/IFRS, còn giúp sinh viên giải thích được cơ sở xây dựng	3	4	- Tham gia quá trình học (tham dự lớp, thảo luận nhóm): 10% - Tiểu luận: 15% - Kiểm tra giữa kỳ: 15% - Thi kết thúc môn học: 60%

		các nguyên tắc kế toán và ảnh hưởng của việc lựa chọn nguyên tắc kế toán đến BCTC của doanh nghiệp.			
	Kế toán quốc tế 2	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần Kế toán quốc tế 2 hướng đến các chủ đề kế toán nâng cao trong hệ thống chuẩn mực IAS/ IFRS, bao gồm: chuẩn mực thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu, thanh toán bằng cổ phiếu, báo cáo bộ phận, đo lường giá trị hợp lý, công cụ tài chính, kế toán công cụ phái sinh và dự phòng rủi ro. Qua đó, sinh viên hiểu và phân tích được các chuẩn mực này để có thể vận dụng vào việc xử lý, ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính. Học phần không chỉ giúp sinh viên hiểu được các nguyên tắc xử lý của kế toán theo quy định của chuẩn mực IAS/ IFRS, còn giúp sinh viên giải thích được cơ sở xây dựng các nguyên tắc kế toán và ảnh hưởng của việc lựa chọn nguyên tắc kế toán đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp.	3	5	- Tham gia quá trình học (tham dự lớp, thảo luận nhóm): 10% - Tiểu luận: 15% - Kiểm tra giữa kỳ: 15% - Thi kết thúc môn học: 60%
	Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết chi tiết các vấn đề nâng cao liên quan việc lập báo cáo tài chính hợp nhất trong tình huống quan hệ công ty mẹ - công ty con, công liên doanh, công ty liên kết và công ty sở hữu nhiều cấp. Một số chủ đề nghiên cứu trong học phần bao gồm: xác định quyền kiểm soát; kế toán các vấn đề lập báo cáo tài chính hợp nhất như: hạch toán các giao dịch nội bộ, chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất lập bằng ngoại tệ, lập báo cáo kết quả hoạt	3	6	- Tham gia quá trình học (tham dự lớp, thảo luận nhóm)/Class attendance, group discussion: 10% - Tiểu luận/Assignment: 15% - Kiểm tra giữa kỳ/Mid-term exam: 15% - Thi kết thúc môn học/Final exam: 60%

		động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Học phần được thiết kế dựa trên giả định sinh viên có kiến thức nền tảng về kế toán, quan trọng là kiến thức về lập báo cáo tài chính doanh nghiệp để tiếp tục phát triển kiến thức về lập báo cáo tài chính hợp nhất. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp sinh viên có khả năng đọc và hiểu các chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) về báo cáo chính tập đoàn.			
	An toàn thông tin kế toán	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Vấn đề đảm bảo an toàn thông tin của bất kỳ tổ chức (dù lớn hay nhỏ) trong bối cảnh CMCN 4.0 là một thách thức ngày càng tăng. Các mối đe dọa đối với an toàn thông tin (bao gồm thông tin kế toán) như phần mềm độc hại, các cuộc tấn công lừa đảo... là toàn cầu, dai dẳng và ngày càng tinh vi. Để phát triển môi trường máy tính an toàn trong tương lai, các tổ chức đang trông cậy vào thể hệ chuyên gia tiếp theo, người có đủ kiến thức, kỹ năng và cả kinh nghiệm để giải quyết và quản lý các vấn đề an toàn thông tin phức tạp. Học phần này cung cấp cho người học một cái nhìn tổng quan về an toàn thông tin kế toán và trình bày chu kỳ vòng đời phát triển hệ thống an toàn trong môi trường kinh doanh ngày nay. Nó nhấn mạnh cách nhận biết các mối đe dọa và tấn công hệ thống thông tin, cách đánh giá việc quản lý rủi ro hiện hành, cách thiết kế các chính sách, tiêu chuẩn, thực tiễn triển khai an toàn để xây dựng một kế hoạch an toàn hữu hiệu và hiệu quả, cách áp dụng kiểm soát truy cập logic	3	5	- Dự lớp và thảo luận: 5% - Bài luận/ bài tập nhóm/ cá nhân: 20% - Thi giữa học phần: 25% - Thi kết thúc học phần: 50 %

		và kiểm soát truy cập vật lý, cách thực hiện, bảo trì và thay đổi chương trình an toàn thông tin. Bằng các kiến thức, kỹ năng và thái độ được cung cấp trong môn học này, người học có thể nắm bắt các kiến thức chuyên sâu về an toàn thông tin kế toán trong môi trường ứng dụng CNTT và trở thành các chuyên gia đánh giá rủi ro và an toàn thông tin (thông tin kế toán) trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.			
	Kiểm toán báo cáo tài chính	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Môn Kiểm toán Báo cáo tài chính sẽ hệ thống hoá kiến thức liên quan đến các chuẩn mực kế toán, cũng như chuẩn mực kiểm toán liên quan; từ đó, sinh viên được cung cấp kiến thức và kỹ năng để thực hành kiểm toán một số khoản mục cơ bản trên báo cáo tài chính. Cụ thể là thiết kế và thực hiện chương trình kiểm toán, lập hồ sơ kiểm toán, điều chỉnh các sai lệch đã phát hiện. Môn học này có tính ứng dụng cao vì yêu cầu sinh viên sẽ thực hành kiểm toán trên những mô hình số liệu cụ thể và lập hồ sơ kiểm toán.	3	5	- Dự lớp/Class attendance: 5% - Thảo luận/Discussion: 5% - Thuyết trình/Presentations: 20% - Thi giữa học phần/Mid-term test: 20% - Thi kết thúc học phần/Final test: 50%
	Tổ chức công tác kế toán trong môi trường công nghệ thông tin	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản để đạt được sự thành công trong dự án tổ chức công tác kế toán cho doanh nghiệp trong môi trường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT). Đầu tiên, các kiến thức về mục tiêu, yêu cầu và nhân tố chi phối tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong môi trường ứng dụng CNTT được giới thiệu. Học phần này cũng trình bày quy trình và cách thức tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp,	3	7	- Dự lớp: 10 % - Thảo luận: 10 % - Thi giữa học phần: 30 % - Thi kết thúc học phần: 50 %

		bao gồm: xác định các yêu cầu thông tin kế toán, tổ chức các đối tượng kế toán và đối tượng quản lý chi tiết, xây dựng hệ thống chứng từ và quy trình lập và luân chuyển chứng từ, tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán, tổ chức hệ thống báo cáo kế toán, xây dựng cơ cấu bộ máy kế toán và lựa chọn, đánh giá phần mềm kế toán/ ERP. Bên cạnh đó, môn học hướng dẫn cách thức áp dụng kiến thức về tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp vào thực tế. Chúng tôi thiết kế môn học này nhằm gắn liền các tri thức cần thiết trong thực hành nghề nghiệp kế toán với thực tế bằng các nội dung hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán/ ERP theo định hướng mô phỏng kế toán. Người học sẽ được tiếp cận với cách thức cài đặt, khai báo ban đầu và vận hành, khai thác thông tin trên phần mềm kế toán/ ERP.			
	Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về hệ thống chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, đánh giá và đối phó rủi ro kiểm toán, thu thập đánh giá bằng chứng, báo cáo kết quả công việc, lấy mẫu kiểm toán và các dịch vụ khác do công ty kiểm toán cung cấp.	3	6	- Dự lớp/Class attendance: 5% - Thảo luận/Discussion: 5% - Thuyết trình/Presentations: 20% - Thi giữa học phần/Mid-term test: 20% - Thi kết thúc học phần/ Final test: 50%
	Thanh toán quốc tế	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về hợp đồng ngoại thương, Incoterms, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán và cách thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế. Ngoài ra, sinh viên còn được giới	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: - Bản thu hoạch: - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		thiệu những kiến thức về chứng từ trong thanh toán, thực hành kiểm tra bộ chứng từ và xử lý các tình huống tranh chấp phát sinh trong các giao dịch thương mại và dịch vụ quốc tế.			
	Kiểm toán công nghệ thông tin	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Môn học này cung cấp cho người học những hiểu biết về kiểm toán công nghệ thông tin (CNTT) từ góc nhìn của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập nhằm cung cấp cho xã hội những kiểm toán viên chất lượng, đáp ứng nhu cầu về kiểm toán CNTT. Môn học bắt đầu với các kiến thức tổng quan về kiểm toán CNTT và các quy định pháp lý liên quan đến an toàn thông tin và kiểm toán CNTT. Người học được giới thiệu về quy trình kiểm toán CNTT và một số công cụ, kỹ thuật sử dụng trong kiểm toán CNTT. Để có thể thực hiện các chương trình kiểm toán CNTT, các kiến thức về chiến lược và quản trị CNTT, quản lý rủi ro CNTT, quản lý dự án ứng dụng CNTT và chu kỳ phát triển hệ thống được ôn lại làm cơ sở để giới thiệu về vai trò của kiểm toán viên trong các hoạt động quản trị, quản lý và ứng dụng CNTT trong tổ chức hướng đến thực hiện kiểm toán liên tục. Các nội dung chuyên sâu về kiểm toán các hệ thống ứng dụng, kiểm toán quản lý kiểm soát sự thay đổi, kiểm toán các hoạt động của hệ thống thông tin (đặc biệt là hệ thống thông tin kế toán), kiểm toán an toàn thông tin và kiểm toán mua, quản lý dịch vụ và thuê ngoài hệ thống được cung cấp nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 25% - Thi kết thúc học phần: 50%

		cho các kiểm toán viên thực hiện kiểm toán CNTT.			
	Phân tích dữ liệu trong kế toán	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Môn học này giúp người học phát triển tư duy phân tích, nắm bắt các kiến thức và kỹ năng phân tích dữ liệu trong kế toán, am hiểu cách thức sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong phân tích dữ liệu, góp phần tạo ra giá trị thông qua việc cung cấp thông tin, trả lời các câu hỏi trong kinh doanh, trong kế toán. Môn học giúp người học hiểu tầm quan trọng của dữ liệu và phân tích dữ liệu trong môi trường kế toán và quản lý kinh doanh. Người học sẽ thực hiện và hoàn thành các quá trình phân tích dữ liệu dựa trên tình huống và sử dụng các phần mềm phân tích. Người học sẽ được cung cấp các kỹ năng bao gồm Tư duy phân tích, Sàng lọc và chuẩn bị dữ liệu, Phân tích mô tả dữ liệu, Phân tích nâng cao, Giải quyết vấn đề thông qua phân tích dữ liệu thống kê, Trực quan hóa và báo cáo kết quả phân tích. Người học cũng có thể áp dụng mô hình IMPACT (1. Identify the question; 2. Master the data; 3. Perform test plan; 4. Address and refine results; 5. Communicate insights; 6. Track outcomes) để giải quyết các vấn đề trong quá trình phân tích dữ liệu trong kế toán.	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị rủi ro tài chính	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Môn học này được thiết kế để áp dụng các lý thuyết và phương pháp cho nhu cầu quản trị rủi ro tài chính. Với sự phát triển của thị trường tài chính và nhiều cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu xảy ra trong thời gian qua, quản trị rủi ro tài chính ngày nay càng	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận hoặc kiểm tra giữa kỳ, bài thực hành: 25% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50 % Nếu điểm thi kết thúc học phần ≤ 3,

		đóng vai trò quan trọng nhằm giúp cho các nhà quản trị tài chính hiểu các loại rủi ro tài chính và cách thức đối phó với rủi ro. Môn học này sẽ giới thiệu một số chiến lược quản trị rủi ro tài chính thông qua việc sử dụng các sản phẩm phái sinh bao gồm hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng giao sau, quyền chọn, và hợp đồng hoán đổi để phòng ngừa và quản lý các loại rủi ro do biến động trong giá cả hàng hóa, tỷ giá, giá chứng khoán, lãi suất ...có tác động bất lợi đến doanh nghiệp và các tổ chức tài chính. Ngoài mục tiêu phòng ngừa rủi ro, các chiến lược kinh doanh dựa trên các sản phẩm phái sinh kể trên cũng được đề cập trong môn học này. Thêm vào đó, môn học sẽ trình bày một số các nội dung cơ bản về các kỹ thuật quản trị rủi ro tài chính và các ứng dụng liên quan.			thì điểm quá trình sẽ bị chia đôi trước khi nhân hệ số.
	Kiểm soát nội bộ	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về các loại gian lận và hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm giảm thiểu rủi ro do gian lận và sai sót, giúp đạt được mục tiêu của đơn vị. Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp kiến thức chuyên sâu về kiểm soát nội bộ trong từng chu trình nghiệp vụ của doanh nghiệp, phục vụ cho việc đánh giá và tư vấn về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp.	3	6	- Thuyết trình + Báo cáo/Presentations+ Reports: 20% - Thi giữa học phần/ Mid-term test: 20% - Thi kết thúc học phần/ Final test: 60%
	Khoá luận tốt nghiệp/ Học kỳ doanh nghiệp	Mô tả nội dung học phần bằng tiếng Việt: Sinh viên có thể chọn một trong hai hình thức sau đây: Học kỳ doanh nghiệp và viết báo cáo học kỳ doanh nghiệp hoặc thực tập thông thường và viết khoá luận tốt nghiệp. Báo cáo học kỳ doanh nghiệp gồm các nội dung: các mục tiêu học	10	7	

		tập tại doanh nghiệp, mô tả cơ quan thực tập, các công việc đã thực hiện tại cơ quan thực tập, vai trò trong từng công việc, các kết quả đạt được của từng công việc và những đóng góp quan trọng cho cơ quan thực tập. Khoá luận tốt nghiệp gồm các nội dung: giới thiệu tổng quan về đơn vị thực tập, cơ sở lý thuyết, thực trạng ứng dụng vấn đề nghiên cứu tại đơn vị và cuối cùng là trình bày nhận xét và đề xuất các kiến nghị. Qua quá trình thực tập hoặc thực hiện học kỳ doanh nghiệp, sinh viên có thể áp dụng kiến thức chuyên môn để thực hiện các công việc tại một đơn vị; so sánh và đối chiếu những gì đã học ở nhà trường với thực tiễn hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Từ đó, sinh viên phát triển các kỹ năng cần thiết để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai; thể hiện sự hiểu biết về trách nhiệm đạo đức, xã hội liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ quan thực tập. Bên cạnh đó, mục tiêu của viết khoá luận tốt nghiệp hoặc báo cáo học kỳ doanh nghiệp sẽ giúp sinh viên có kỹ năng trình bày các kết quả dưới dạng văn bản một cách chuyên nghiệp.			
8	Ngành Quản trị khách sạn, chuyên ngành Quản trị khách sạn				
	Triết học Mác-Lênin	Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái	3	1	Đánh giá quá trình: 50% - Dự lớp: 15% - Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% - Kiểm tra giữa học phần: 20% Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu). Thời gian làm bài: 75 phút.

		độ sống tích cực và sáng tạo. Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống. Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội. Chuẩn đầu ra của học phần: Sinh viên sau khi hoàn thành học phần Triết học Mác - Lênin sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức - Quan điểm cơ bản của phép biện chứng duy vật về sự vận động, phát triển của thế giới khách quan - Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của xã hội và các mối quan hệ biện chứng giữa các lĩnh vực xã hội như kinh tế chính trị, văn hóa, con người. - Người học xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để nhận thức và cải tạo thế giới; - Vận dụng được kiến thức lý luận của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết vấn đề nảy sinh trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân; - Vận dụng được kiến thức lý luận để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. - Xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.			
--	--	---	--	--	--

		- Có cái nhìn khách quan về vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. - Có sự tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.			
	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Chuẩn đầu ra của học phần: Sinh viên sau khi hoàn thành học phần KTCT Mác - Lênin sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - Nắm vững đối tượng, phương pháp và chức năng của môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, hàng hóa, tiền tệ, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. - Hiểu rõ học thuyết của C. Mác về giá trị thặng dư, tích lũy, tái sản xuất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) - Điểm học phần: 100%

		trường, từ đó liên hệ và vận dụng vào thực tiễn - Nắm vững lý luận của Mác – Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường - Hiểu rõ mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, cùng với đó là việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN và giải quyết hài hoà mối quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam - Hiểu rõ tính tất yếu khách quan, nội dung và những biện pháp để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đồng thời hiểu rõ tác động, những hình thức và phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới. - Trang bị kiến thức khoa học và thực tiễn của nền kinh tế thị trường nói chung và kinh tế thị trường định hướng XHCN nói riêng. - Rèn luyện tư duy khoa học, tư duy phản biện độc lập thông qua việc nghiên cứu và học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Giúp cho sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn - Trang bị kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu. - Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước - Giúp sinh viên có lập trường chính trị đúng đắn, tin tưởng vào đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước			
--	--	---	--	--	--

		- Nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với bản thân, cộng đồng và xã hội.			
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo. Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Chuẩn đầu ra của học phần – Sinh viên sau khi hoàn thành học phần CNXHKKH sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - SV có kiến thức cơ bản về sự ra đời, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)

		nghiên cứu CNXH khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin - SV nắm vững những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân (GCCN) và sứ mệnh lịch sử của GCCN, ý nghĩa của sứ mệnh lịch sử đó trong bối cảnh hiện nay - SV nắm vững kiến thức cơ bản về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể của nước ta - SV có kiến thức về bản chất của nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng - SV nắm được kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội – giai cấp và nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay - SV nắm được quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình; chính sách dân tộc, tôn giáo và gia đình của Đảng và nhà nước ta hiện nay. - SV có khả năng tư duy độc lập trong tự học, nghiên cứu và phát hiện những vấn đề liên quan đến CNXHKKH - SV biết vận dụng phương pháp luận của CNXHKKH và những tri thức đã học vào phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan đến chính trị - xã hội và con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay - SV có kỹ năng làm việc nhóm, trình bày kết quả nghiên cứu và thực hành các kỹ năng mềm ở mức độ căn bản - SV có thái độ đúng đắn về môn học CNXHKKH nói riêng và thái độ tích cực học tập các môn LLCT nói chung			
--	--	---	--	--	--

		- SV có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn và củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo - SV có ý thức trách nhiệm đối với bản thân và xã hội trong công cuộc xây dựng CNXH của đất nước			
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chuẩn đầu ra của học phần – Sinh viên sau khi hoàn thành học phần Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - Sinh viên nhớ được những dấu mốc quan trọng trong tiến trình lịch sử Đảng CSVN. - Sinh viên có thể khái quát hóa một cách có hệ thống sự ra đời của Đảng, đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo	2	4	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và công cuộc đổi mới đất nước. - Sinh viên có thể phân tích được những những thành tựu và hạn chế trong tiến trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. - Có khả năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học. - Có khả năng sử dụng những nội dung đã học trong việc suy nghĩ, trình bày, thảo luận một số vấn đề đơn giản về đường lối, chủ trương của Đảng trong cuộc sống. - Có khả năng vận dụng, nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người. Chuẩn đầu ra của học phần – Sinh viên sau khi hoàn thành học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; - Nắm được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; - Hiểu được quá trình vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng	2	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		dân tộc, trong kháng chiến bảo vệ độc lập và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá; - Góp phần hình thành phương pháp công tác khoa học, tác phong quân chúng, ý thức trách nhiệm cho sinh viên; - Vận dụng, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, học tập và công tác; - Nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc ta; - Giúp sinh viên, nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, trung thành với mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; - Thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần và xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.			
	Ngoại ngữ 1	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER)). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 2	Môn học này giúp SV:	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10%

		- Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.			- Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 3	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 4	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh.	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		- Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.			
	Kinh tế vi mô	Môn học này nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm (sản xuất gì, như thế nào và cho ai). Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh. Nội dung môn học này gồm có bốn phần chính. - Phần đầu sẽ giới thiệu mô hình cung, cầu đơn giản và hoạt động của thị trường cạnh tranh, sau đó sẽ phân tích các công cụ tác động của chính phủ vào thị trường. - Phần thứ hai của môn học nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường. - Phần thứ ba là nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết về chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận, xây dựng đường cung của doanh nghiệp và	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

		đường cung thị trường trong một ngành cạnh tranh. - Phần cuối sẽ trình bày các mô hình về độc quyền, độc quyền nhóm và cạnh tranh độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm.			
	Kinh tế vĩ mô	Môn học sẽ giới thiệu cho sinh viên các nội dung như chức năng của nền kinh tế và sự tương tác của nó với nền kinh tế quốc tế; nghiên cứu các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNI, GNDI), thất nghiệp, lạm phát, lãi suất, đầu tư, chỉ tiêu chính phủ; vai trò của chính phủ và ngân hàng trung ương: các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; cân cân thanh toán; tăng trưởng kinh tế trong dài hạn; các chu kỳ kinh tế trong ngắn hạn; hành vi của hệ thống tài chính trong khủng hoảng tài chính; các lý thuyết và các mô hình kinh tế khác	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng, ... Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) bao gồm: - Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. - Định thức và các tính chất quan trọng. - Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. - Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. - Hàm một biến và các kiến thức liên quan.	3	2	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		- Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan - Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2. - Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế.			
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Tế và Kinh Doanh cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.	3	1	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...	3	3	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Khoa học dữ liệu	Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học dữ liệu (KHDL), các vấn đề và phương pháp KHDL; bao gồm phương pháp toán-thống kê và điện toán (computing), và ứng dụng KHDL cho các vấn đề kinh tế xã hội thực tiễn. Trên cơ sở đó, giúp người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công	2	2	- Dự lớp: 10% - Báo cáo nhóm: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		nghệ mới trong thu thập, phân tích dữ liệu cho các lĩnh vực: marketing, quản lý chuỗi cung ứng, phân tích tài chính và hoạt động tín dụng.			
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ	2	1	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi nghiệp kinh doanh	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị	1	3	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Mối quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi			
--	--	---	--	--	--

		mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	Quản trị du lịch	Học phần Quản trị du lịch mô tả và diễn giải khái niệm về ngành công nghiệp du lịch, vai trò và chức năng của ngành nhằm giải thích tại sao đây là một ngành kinh doanh toàn cầu quan trọng. Học phần này cho thấy cách thức hoạt động du lịch được tổ chức, điều hành và quản lý như thế nào thông qua các đơn vị du lịch - cũng như cách chúng ta muốn thực hiện các kỳ nghỉ và sử dụng thời gian giải trí đã tạo ra một ngành công nghiệp đang nhiều tiềm năng phát triển và cần kiểm soát một cách hiệu quả.	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Khoa học quản trị	Khoa học quản trị đề cập đến việc giải quyết các vấn đề quản trị có liên quan đến yếu tố định lượng. Thủ tục trình tự được thực hiện đối với một nhà khoa học quản trị bao gồm: xác định vấn đề và thu thập dữ liệu, diễn giải vấn đề gặp phải dưới ngôn ngữ của mô hình toán, sau cùng giải quyết mô hình một cách logic từ đó đưa ra các kiến nghị giải quyết vấn đề. Theo trình tự này, học phần sẽ tập trung giới thiệu và phân tích các mô hình và kỹ thuật tối ưu hóa khác nhau. Xuyên suốt học phần, sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng các bảng tính để thực hiện các phép toán. Tuy nhiên, học phần không đi sâu vào các	3	3	Điểm quá trình: 50% - Dự lớp: 10% - Kiểm tra cá nhân (2 bài): 10% - Bài tập nhóm (2 bài): 20% - Thuyết trình nhóm: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%

		thuật toán trong các mô hình này. Thay vào đó, học phân hướng tới việc phân tích tại sao và cách thức mà các mô hình này được ứng dụng vào giải quyết các vấn đề quản trị. Các phân tích về yêu cầu dữ liệu đầu vào và diễn giải ý nghĩa của kết quả cũng được chú trọng.			
	Quản trị hiệu quả	Học phần này được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết nền tảng về các nguyên tắc quản trị hiệu quả và việc sử dụng các chiến lược về giá cả và kiểm soát năng lực cung ứng để giúp gia tăng lợi nhuận cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ có các đặc điểm sau: sản phẩm không dự trữ được, năng lực cung ứng ổn định tương đối so với nhu cầu, chịu ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này, học phần đi sâu vào hoạt động quản trị hiệu quả trong một số ngành cụ thể của lĩnh vực du lịch, bao gồm: khách sạn, nhà hàng, hãng vận chuyển và công ty lữ hành.	3	4	Điểm quá trình: 50% - Dự lớp: 10% - Thảo luận nhóm: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị đám đông	Tâm lý và hành vi của các cá nhân đơn lẻ thì được công chúng biết đến nhiều nhưng tâm lý và hành vi của đám đông thì khá xa lạ với nhiều nhà quản trị. Tuy nhiên, kiến thức này là phần quan trọng trong quản lý đám đông trong ngành du lịch, đặc biệt là khi có tình huống sự cố xảy ra. Học phần này cung cấp các kiến thức nền tảng về khái niệm đám đông, các yếu tố hình thành nên đám đông, đặc tính tâm lý và hành vi đám đông, các phản ứng cũng như các kỹ thuật quản lý. Các mô hình quản trị đám đông, ma trận phân tích rủi ro đám đông, các phần mềm và thủ thuật tâm lý cũng sẽ được giới thiệu	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		nhằm giúp cho sinh viên chủ động khi làm việc với những tập hợp đông người.			
	Tiếp thị trong du lịch	Môn tiếp thị du lịch sẽ hướng dẫn sinh viên trên còn đường học hỏi và khám phá đầy hấp dẫn các khía cạnh của tiếp thị ngành du lịch. Trong suốt quá trình học sinh viên được định hướng và nắm vững các khái niệm, các ứng dụng, cách nhìn nhận cơ hội thị trường, các kinh nghiệm tiếp thị đã được đúc kết và các tình huống thành công đã được ghi nhận trong nghệ thuật tiếp thị du lịch trên quy mô toàn cầu. Tiếp thị vừa là nghệ thuật vừa là khoa học. Sinh viên sẽ nhận ra điều này khi được giới thiệu về vai trò của tiếp thị đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và cộng đồng; khám phá các công cụ và kỹ thuật được sử dụng để phát triển chiến lược tiếp thị. Môn học sẽ đặc biệt nhấn mạnh đến tác động của môi trường đa văn hoá, tầm quan trọng của các yếu tố trong hỗn hợp tiếp thị, các vấn đề nóng bỏng của tiếp thị hiện nay và các phương pháp phân tích cơ hội tiếp thị trong ngành du lịch. Trong quá trình này sinh viên còn được giới thiệu và hướng dẫn các kỹ thuật tiếp thị trên Internet, nền tảng di động, công nghệ số, dữ liệu lớn... nhằm giúp sinh viên nắm bắt và đón đầu các xu thế mới trong tiếp thị.	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	Môn học sẽ trình bày các kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hiếu khách; Nghiên cứu chiến lược về tổ chức và quản lý nhân sự; Cơ sở pháp lý về quản trị nguồn nhân lực, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động; Hiệu quả và phát triển tổ chức; đào tạo và phát triển nhân viên; Các mối quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.			
	Quản trị kênh phân phối trong khách sạn	Hiểu cấu trúc hệ thống phân phối ngành du lịch, cách thức khách hàng mua, cơ chế hoạt động của các bên tham gia trong kênh phân phối, đặc tính cạnh tranh, các kiểu bán hàng và thúc đẩy mua sắm, các hình thức thưởng phạt trong phân phối.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Thiết kế trải nghiệm khách hàng	Mục đích của môn học này là cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và hiểu biết về cách các doanh nghiệp lữ hành và du lịch quản lý trải nghiệm khách hàng. Sinh viên sẽ có thể lập bản đồ hành trình mà khách hàng thực hiện thông qua hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành. Sinh viên sẽ xem xét cách thức công nghệ đang thay đổi cách khách hàng tương tác với các doanh nghiệp du lịch và lữ hành và người tiêu dùng trực tuyến và ngoại tuyến là khác nhau rõ ràng.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị dịch vụ lưu trú	Môn học này cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết toàn diện về đa dạng các dịch vụ lưu trú, các hình thức sở hữu và hệ thống phân loại khác nhau. Chức năng, vai trò và tầm quan trọng của từng bộ phận trong dịch vụ lưu trú cũng sẽ được đánh giá cùng với cơ sở vật chất và chức năng an ninh của dịch vụ. Sinh viên có thể xác định các xu hướng và công nghệ cho lĩnh vực này cũng như tác động của chúng đối với các chức năng, dịch vụ cung ứng cho khách hàng.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

	Hệ thống thông tin trong khách sạn	Môn học này sẽ giới thiệu cho sinh viên về hệ thống thông tin trong khách sạn, cơ sở hạ tầng viễn thông và mạng internet, cách mà các thành phần này kết nối và hoạt động cũng như cách vận hành hệ thống. Sinh viên sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về thương mại điện tử và các chiến lược cho ngành khách sạn hiện nay thông qua môi trường số, nền tảng di động, các ứng dụng & phần mềm đặt chỗ, book phòng toàn cầu và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý nguồn nhân lực, tiếp thị, bán hàng và hệ thống an ninh an toàn phục vụ cho ngành khách sạn.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Quản trị tiền sảnh	Học phần Quản trị tiền sảnh cung cấp một góc nhìn chi tiết về nhiệm vụ, chức năng và quy trình vận hành của bộ phận tiền sảnh trong mối liên hệ chặt chẽ với các bộ phận khác. Học phần trang bị cho người học những khái niệm và kỹ năng cần thiết về các dịch vụ tiền sảnh như vận hành dịch vụ tiền sảnh, hệ thống đặt phòng, qui trình nhận và trả phòng, đăng ký cho khách, bán hàng tại chỗ, thanh toán và ghi hoá đơn, quản trị doanh thu, qui trình kiểm toán đêm, quản lý nguồn nhân lực. Ở các nội dung này, sinh viên được tham gia thảo luận và thực hành nghiệp vụ trong tình huống giả định.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Vận hành dịch vụ buồng	Môn học cung cấp các kiến thức và cơ hội rèn luyện kỹ năng cần thiết cho các hoạt động vận hành buồng để phục vụ khách lưu trú tại khách sạn. Qua đó sinh viên hiểu một cách toàn diện các chức năng, nhiệm vụ của bộ phận buồng, vai trò các nhân sự và các quy trình quản lý để đảm bảo tình trạng buồng, tiện nghi trong	3	5	- Thu hoạch: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		buồng nhằm phục vụ tối đa công suất kinh doanh của khách sạn và sự hài lòng của khách hàng. Ngoài ra trang bị các kỹ năng cần thiết, chuẩn mực để giao tiếp với khách và thực hiện công việc một cách an toàn.			
	Quản trị Nhà hàng	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động kinh doanh nhà hàng: từ cơ cấu tổ chức đến quy trình hoạt động của một nhà hàng; nguyên tắc xây dựng và thiết kế thực đơn; quản trị nhân lực nhà hàng; hoạt động marketing trong kinh doanh nhà hàng; kiểm soát chất lượng dịch vụ của nhà hàng,... Thông qua đó, sinh viên hiểu nhiệm vụ của quản trị và các phương pháp cần áp dụng để duy trì tình trạng hoạt động hiệu quả tối ưu.	3	5	- Thực hành: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quản trị sự kiện và hội nghị	Học phần Quản trị sự kiện và hội nghị bao quát các kiến thức học thuật và thực hành về hoạt động quản trị sự kiện, cung cấp các khái niệm, xem xét các tác động của ngành công nghiệp sự kiện trong bối cảnh kinh doanh rộng lớn. Học phần phát triển các hiểu biết về các lĩnh vực chủ chốt mà một nhà quản trị sự kiện cần có, bao gồm: lập kế hoạch, quản trị dự án, quản lý nhân sự, tiếp thị và truyền thông sự kiện, kế hoạch tài chính, tài trợ sự kiện, tổ chức hậu cần, và quản trị rủi ro.	3	5	Điểm quá trình: 50% - Dự lớp: 10% - Bài tập cá nhân LMS: 10% - Thảo luận nhóm: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% Thi kết thúc học phần: 50%
	Chiến lược kinh doanh khách sạn	Học phần Chiến lược kinh doanh khách sạn cung cấp cho sinh viên các phát triển nhận thức về các loại chiến lược khác nhau có thể được sử dụng trong vai trò vận hành, chiến thuật hoặc chiến lược cho một tổ chức doanh nghiệp khách sạn. Điều này sẽ được củng cố bởi kiến thức và hiểu	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		biết sâu sắc về các lý thuyết, mô hình và khái niệm có thể hỗ trợ đáng kể cho sự lựa chọn và định hướng chiến lược của tổ chức nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn.			
	Quản trị quan hệ khách hàng trong khách sạn	Môn học giải thích quản trị quan hệ khách hàng là gì, các lợi ích mà nó mang lại, môi trường mà nó được sử dụng, các công nghệ được khai thác, và cách thức mà nó được triển khai. Môn học trình bày các cách thức thực hành quản trị quan hệ khách hàng và các công nghệ được sử dụng để tăng cường thành quả của tiếp thị, bán hàng và dịch vụ khách hàng xuyên suốt các giai đoạn của chu kỳ hành trình khách hàng bao gồm thu hút khách hàng mới, giữ khách hàng cũ, phát triển thị trường và tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Dự án hiểu khách	Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên một cơ hội để tham gia vào làm nghiên cứu bền vững cho một lĩnh vực nghiên cứu cụ thể mà sinh viên lựa chọn. Sinh viên thông qua môn học sẽ có thể thể hiện được năng lực của mình cũng như khả năng xác định một chủ đề nghiên cứu, phát triển các hướng nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và trình bày kết quả nghiên cứu, và trình bày kết quả của nghiên cứu đó ở cả dạng văn bản lẫn thuyết trình. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ có được sự tự tin để tham gia vào các hoạt động nghiên cứu và giải quyết các vấn đề vốn là năng lực và chức năng quan trọng của một nhà quản lý.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Hành vi khách hàng ngành khách sạn	Học phần được thiết kế nhằm nâng cao kiến thức và hiểu biết của sinh viên về quá trình ra quyết định của người tiêu dùng, từ việc nhận biết nhu	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10%

		cầu thông qua nghiên cứu, đánh giá các lựa chọn thay thế, quyết định mua hàng và đánh giá sau khi mua hàng ngành hiếu khách (Sự kiện và dịch vụ giải trí). Thời lượng học phần cung cấp cho sinh viên các lý thuyết và khung mô hình nền tảng, đồng thời sinh viên cũng sẽ phải liên hệ những kiến thức này với các ví dụ thực tế, bao gồm cả việc dựa trên kinh nghiệm cá nhân của bản thân.			- Thi kết thúc học phần: 70%
	Tiếp thị ngành hiếu khách	Môn học cung cấp các kiến thức và cơ hội rèn luyện kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tiếp thị khách sạn. Qua đó sinh viên hiểu một cách toàn diện về cách tổ chức hoạt động, công việc tại cơ sở kinh doanh khách sạn, phân bổ nguồn lực bao gồm con người và vật liệu và ứng dụng các hoạt động marketing vào ngành khách sạn. Môn học còn trang bị các kiến thức về khả năng phân tích hành vi khách hàng, phân tích đối thủ cạnh tranh, nghiên cứu thị trường củng cố những bước đầu tiên trong việc lập kế hoạch marketing hoàn chỉnh. Kiến thức về quảng cáo, khuyến mãi, truyền thông sẽ được nắm kỹ thông qua các hoạt động, bài tập trong học phần.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Quản trị xếp hàng	Học phần trình bày các phương pháp và tiếp cận cơ bản trong các mô hình xếp hàng, hiệu cách thức các mô hình được xây dựng và phân tích chúng. Học viên cũng được hướng dẫn cách thức xây dựng mô hình phục vụ việc tính toán cho các trường hợp phục vụ đám đông khách hàng. Các mô hình một người phục vụ và nhiều phục vụ với các trật tự đến khác nhau của khách hàng được phân tích và xác định cách tính toán thời gian và chi phí trong hệ thống chờ. Các tình huống chờ sẽ	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		được phản ánh thành cấu thành chất lượng dịch vụ du lịch.			
	Tiếp thị số ngành hiếu khách	Tiếp thị kỹ thuật số hiện là một thành phần chính của tất cả các chiến dịch tiếp thị khách sạn thành công. Mục đích của môn học này là giới thiệu cho sinh viên những phát triển chính đang diễn ra trong lĩnh vực tiếp thị kỹ thuật số. Nó sẽ cho phép sinh viên phát triển sự hiểu biết về cách các tổ chức khách sạn sử dụng các công cụ và kỹ thuật kỹ thuật số khác nhau để thu hút khách hàng của họ và duy trì lợi thế cạnh tranh. Học phần này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức và công cụ để làm việc như một phần của nhóm tiếp thị kỹ thuật số hoặc tiếp tục nghiên cứu thêm về lĩnh vực cụ thể này.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 70%
	An toàn và an ninh khách sạn	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản ứng phó với các rủi ro và tai nạn trong quá trình làm việc tại khách sạn. Sau khi hoàn tất môn học sinh viên hiểu rõ được vấn đề an ninh an toàn được áp dụng không chỉ cho tài sản mà còn là sức khỏe của cả khách hàng và nhân viên tại khách sạn. Sự kết hợp giữa các giờ học lý thuyết và các seminar được thực hiện bởi các khách sạn sẽ giúp người học cập nhật các tình huống và nhận thức thách thức đối với mình trong tương lai	3	6	- Thực hành: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Phân tích đầu tư khách sạn	Học phần này được thiết kế theo trình tự phát triển của việc ra quyết định đầu tư khách sạn. Trước hết là giới thiệu cách thức phân tích và đánh giá thị trường. Sau đó, học phần trình bày các kỹ thuật dự báo doanh thu và dự báo chi phí, làm cơ sở cho việc phân tích hòa vốn, tính toán	3	6	Điểm quá trình: 50% - Dự lớp: 10% - Thảo luận nhóm: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% Thi kết thúc học phần: 50%

		các tiêu chuẩn ra quyết định đầu tư. Cuối cùng, các chiến lược đầu tư khác nhau được trình bày. Vấn đề nguồn vốn và huy động vốn cũng được giới thiệu, cung cấp bức tranh toàn cảnh về hoạt động đầu tư khách sạn.			
	Vãng hồi dịch vụ	Lỗi trong dịch vụ khách sạn và du lịch là bất kỳ loại lỗi, sai sót, thiếu hụt hoặc sự cố nào xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ. Việc trải nghiệm các dịch vụ du lịch và khách sạn chưa được chuẩn hoá qui trình sẽ mang đến rủi ro trong quán trình vận hành. Sự thay đổi trong dịch vụ cung cấp đến chủ yếu từ hai yếu tố: qui trình vận hành và nhân sự thực hiện. Các vấn đề về chất lượng dịch vụ hoặc lỗi dịch vụ trong các doanh nghiệp là điều chắc chắn không thể nào tránh khỏi, tuy nhiên từ những sai sót này nhà quản lý sẽ nhận ra, đánh giá và đề xuất các giải pháp xử lý trong ngắn và dài hạn để cải thiện, nâng cấp chất lượng dịch vụ trong tương lai.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị chia sẻ đầu tư	Học phần cung cấp kiến thức về hình thức chia sẻ đầu tư trong lĩnh vực khách sạn và resort thông qua những khái niệm liên quan đến chia sẻ đầu tư mà ở Việt Nam thường được biết đến với khái niệm về sở hữu kỳ nghỉ hay trao đổi kỳ nghỉ đang thịnh hành trong đầu tư dự án khu nghỉ dưỡng và khách sạn. Đây là khái niệm đang được ưa chuộng trong đầu tư dịch vụ du lịch và đang trở thành một trong những hình thức góp vốn hiệu quả nhất hiện nay.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị câu lạc bộ	Môn học sẽ trình bày các kiến thức cơ bản về quản trị và vận hành Câu lạc bộ, nội dung tóm tắt của học phần này bao gồm những mục cơ bản: giới thiệu về Câu lạc bộ hiện đại, các	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		loại hình cơ bản CLB và việc phát triển nghề nghiệp trong CLB; tìm hiểu về mô hình, tiến trình và cách thức hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh CLB; Quản trị nguồn nhân lực du lịch CLB; quản trị tài chính - hệ thống thông tin CLB; quản trị chất lượng dịch vụ CLB; quản trị Marketing và những chương trình Marketing đặc thù cho CLB, quản lý và thu hút hội viên CLB; tìm hiểu cách thức quản lý và vận hành các cơ sở và dịch vụ CLB như F&B, hoạt động vui chơi giải trí; Quản lý và vận hành Câu lạc bộ sức khỏe - thể thao (Spa, Fitness, Tennis và các hoạt động thể thao dưới nước...); Quản lý và vận hành sân Golf			
	Quản trị bar	Môn học trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về pha chế thức uống có cồn và không cồn cũng như phương thức vận hành và quản lý quầy bar. Thông qua các giờ học thực hành, sinh viên sẽ hiểu được tầm quan trọng của khả năng giao tiếp, ngôn ngữ hình thể của một bartender sẽ giúp họ thực hiện tốt hơn công việc của mình.	3	6	- Thực hành: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quản trị thu mua trong khách sạn	Bên cạnh việc quản lý khách hàng để mang lại lợi nhuận, các doanh nghiệp du lịch đặc biệt là khách sạn và sự kiện cũng cần chú tâm đến khâu quản trị thu mua và chuỗi cung ứng để tối đa hoá hiệu quả nguồn nhân lực và hạn chế hao phí tài chính. Môn học này chú trọng vào việc giới thiệu các nội dung liên quan đến quy trình thu mua, phân tích các bước trong quy trình, cách đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp phù hợp, quản lý giá cả, thảo luận và giải quyết các mâu thuẫn, ký kết hợp đồng và các vấn đề liên quan đến luật	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		pháp và đạo đức kinh doanh trong thu mua, quản trị các loại rủi ro và dịch vụ thu mua tiến tới xây dựng mô hình thu mua bền vững. Đồng thời, giúp cho nhà quản trị có cái nhìn sâu rộng liên quan đến việc tạo lập nguồn cung trong xu thế toàn cầu hoá và đáp ứng với sự thay đổi linh hoạt của môi trường cũng như giải quyết các tình huống (case-study), nắm bắt xu thế mới trong tương lai để phục vụ cho công việc sau này.			
	Quản trị phương tiện	Môn học này cung cấp góc nhìn tổng quan về quản lý cơ sở vật chất và phát triển khả năng của sinh viên trong việc vận dụng kiến thức, ý tưởng và kỹ năng có liên quan để xây dựng qui trình và phương pháp giải quyết các vấn đề vận hành. Sinh viên sẽ nắm vững những thành phần chính liên quan đến việc thiết kế và quản trị phương tiện. Sinh viên sẽ nắm được kiến thức liên quan đến: tính chất tự nhiên của phương tiện, nhu cầu bảo trì của chúng, các hệ thống phương tiện chính, thiết kế và cải tạo phương tiện, cơ sở vật chất. Ngành du lịch không ngừng phát triển ngày nay đòi hỏi người quản lý phải hiểu được các yếu tố cơ bản trong thiết kế, bảo trì, cải tạo cơ sở vật chất và phương tiện	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Kiến tập (Học kỳ doanh nghiệp)		5	6	
	Chuyên đề tốt nghiệp		10	7	
9	Ngành Luật kinh tế				
	Triết học Mác - Lênin	- Học phần triết học Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học	3	1	- Đánh giá quá trình: 50% • Dự lớp: 15% • Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15%

		phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. - Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống - Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội			• Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% • Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu) Thời gian làm bài: 75 phút
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	2	2	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20%

		nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH; Sự mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội			- Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	5	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp	2	3	- Dự lớp: 10%

		cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.			- Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tiếng Anh pháp lý 1	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường hành nghề luật. Học phần bao gồm 3 phần: hoạt động học, thực hành trên lớp và tự học của sinh viên. Sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Tiếng Anh Pháp lý 1 nhằm cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ và khái niệm pháp lý cơ bản, kiến thức và ngôn ngữ pháp lý được dùng trong các giao dịch ngân hàng, trong các hợp đồng thương mại bằng tiếng Anh, luật lao động, luật tổn hại. Sinh viên cũng được học văn phong, ngôn ngữ được sử dụng trong thư tín, đồng thời cũng được cung cấp kiến thức tổng quát về nội dung và cấu trúc của một hợp đồng tiếng Anh. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập về nhà và các bài tập trong các tài liệu do giảng viên biên soạn. Sinh viên có thể liên lạc trực tiếp với giảng viên phụ trách lớp	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		để được tư vấn và hỗ trợ cho việc tự học của mình.			
	Tiếng Anh pháp lý 2	Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường hành nghề luật. Học phần bao gồm 3 phần: hoạt động học, thực hành trên lớp và tự học của sinh viên. Sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng ngôn ngữ: nghe-nói đọc-viết và đặc biệt khi tham gia các hoạt động trên lớp như: thảo luận, đóng vai trong hội thoại và giải quyết các vấn đề tình huống (problem-solving) sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng đàm thoại tiếng Anh và các kỹ năng làm việc nhóm. Tiếng Anh Pháp lý 2 cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ, kiến thức về luật kinh doanh, luật doanh nghiệp. Nếu trong Học phần 1 sinh viên được làm quen với ngôn ngữ, cấu trúc hợp đồng một cách tổng quát, thì học phần này tập trung kỹ hơn và sâu hơn về nội dung và ngôn ngữ trong các văn bản pháp lý, các điều khoản trong hợp đồng. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập về nhà và các bài tập trong các tài liệu do giảng viên biên soạn. Sinh viên có thể liên lạc trực tiếp với giảng viên phụ trách lớp để được tư vấn và hỗ trợ cho việc tự học của mình.	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Tiếng Anh pháp lý 3	Trên cơ sở vốn từ ngữ và kiến thức về chuyên ngành Luật đã được học trong học phần 1 và 2, sinh viên được phát triển kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu các bài đọc, bài diễn thuyết mang tính học thuật và xác thực. Học phần bao gồm 6 bài từ bài 1 đến bài 6 với các chủ đề khác nhau như pháp luật, pháp lệnh, tội phạm hình sự, dân sự, đạo luật về tội trộm cắp, các loại thông tin pháp lý	4	3	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		trên mạng. Bài 1, 3 và 5 tập trung vào hai kỹ năng chính là nghe và nói. Bài 2, 4 và 6 nhằm luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu và viết. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được tăng thêm vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành.			
	Tiếng Anh pháp lý 4	Thông qua các hoạt động nghe (listening), nói (speaking) và đọc hiểu (reading), sinh viên học được các thuật ngữ dùng trong tiếng Anh học thuật (academic English), các khái niệm, ngôn ngữ trong chuyên ngành luật. Nội dung các bài đọc hiểu, nghe hiểu trang bị cho sinh viên nền tảng cần thiết để có thể xử lý, giải quyết các vấn đề tương tự trong công việc liên quan đến ngành luật trong tương lai. Ngoài ra, các bài tập về thuật ngữ chuyên ngành cũng giúp sinh viên mở rộng kiến thức về các vấn đề khác nhau trong ngành luật, đồng thời tăng thêm vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành. Tiếp nối theo học phần 3, học phần 4 bao gồm 6 bài từ bài 7 đến bài 12 với các chủ đề khác nhau như luật hợp đồng, luật lao động, luật quốc tế, luật nhân quyền, luật hình sự. Bài 7, 9 và 11 tập trung vào hai kỹ năng chính là nghe và nói. Các bài 8, 10 và 12 nhằm luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu và viết.	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kinh tế vi mô	Môn học này sẽ giúp chúng ta ra quyết định và hiểu thế giới vận hành như thế nào thông qua việc nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm. Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể và sự tương tác ảnh hưởng đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

		kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường, vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh.			
	Nhập môn kinh tế luật	Nhập môn kinh tế luật là môn học nhập môn cho sinh viên thuộc các chuyên ngành Luật nhằm cung cấp cho người học góc nhìn pháp luật từ khía cạnh kinh tế, tìm hiểu, lý giải và đề xuất những giải pháp cho những trường hợp kém hiệu quả của nền kinh tế thị trường dưới góc độ từ các quy định của pháp luật. Người học được cung cấp các kiến thức cơ bản liên quan đến kinh tế học như lý thuyết trò chơi, thất bại của thị trường, ngoại tác,... để từ đó phân tích các quy định hiện hành liên quan đến các lĩnh vực pháp luật, cả công và tư, như pháp luật cạnh tranh, pháp luật về quy định giá cho dịch vụ công, pháp luật hình sự, pháp luật về quản trị công ty,...	2	3	- Dự lớp: 10 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	+ Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. + Định thức và các tính chất quan trọng. + Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. + Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. + Hàm một biến và các kiến thức liên quan. + Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan + Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2. + Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế. Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các	3	1	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng, ...			
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ	2	2	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi nghiệp kinh doanh	Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Mối quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp	1	6	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

	Ứng dụng CNTT trong ngành luật	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về máy tính, công nghệ thông tin, và một số ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của các công ty luật. Bên cạnh đó, xu hướng ứng dụng CN 4.0 trong lĩnh vực pháp lý (legal tech) như: trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, các hệ tư vấn pháp lý tự động,...cũng sẽ được đề cập đến trong học phần này. Học phần được chia làm 5 chương: ● Chương 1: Tổng quan về máy tính và công nghệ thông tin ● Chương 2: Soạn thảo văn bản, báo cáo và trình chiếu ● Chương 3: Tổ chức và khai thác dữ liệu trên bảng tính ● Chương 4: Internet, web, thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến ● Chương 5: Công nghệ trong lĩnh vực pháp lý	2	6	- Dự lớp, bài tập cá nhân: 20% - Báo cáo, thuyết trình nhóm: 30% - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Cổ luật và văn hóa pháp lý Việt Nam	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về lịch sử lập pháp qua các thời kì của Việt Nam, đặc trưng pháp lý và những ưu điểm, tồn tại của chính sách pháp luật trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Qua việc nghiên cứu cổ luật, sinh viên hình thành nên ý thức về văn hóa pháp lý của Việt Nam, nhận biết các đặc điểm của bản sắc văn hóa Việt Nam thể hiện qua tư duy pháp lý của người Việt Nam. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể hiểu được truyền thống văn hóa, ứng xử của người Việt đối với chính sách pháp luật, hình thành ý thức đúng đắn và tích cực về pháp luật, đồng thời, có thái độ trân trọng, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam thông qua các hoạt động thực hiện pháp luật trong	2	2	

		bồi cảnh hội nhập và chuyển đi số.			
	Tư duy pháp lý	Môn học giới thiệu kiến thức về tư duy học pháp lý theo trình tự diễn tiến logic, bao gồm các nội dung về quy luật tư duy logic căn bản, các lỗi nguy hiểm cần tránh trong lập luận, tiến tới việc nhận diện các phương pháp tư duy đặc thù trong lĩnh vực pháp lý và các kỹ thuật đặc biệt mà người hành nghề luật phải nắm vững;	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Các học thuyết pháp lý	Môn học nghiên cứu cách các lý thuyết pháp lý giải quyết các vấn đề pháp lý chính yếu có tính quy chuẩn, bản thể, và phương pháp luận, gồm: lý thuyết luật tự nhiên cổ điển, chủ nghĩa thực chứng pháp lý cổ điển, lý thuyết luật tự nhiên đương đại, chủ nghĩa thực chứng pháp lý đương đại, chủ nghĩa duy thực pháp lý và phong trào luật học phê bình; lý thuyết pháp lý mác-xít. Môn học tập trung vào các lý thuyết trong thế kỷ 20 và 21 vì lý do ảnh hưởng rộng rãi của chúng đến cách suy nghĩ về luật pháp đương đại.	3	4	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 30% - Kiểm tra trên lớp: 10% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi tự luận hoặc tiểu luận không thuyết trình
	Nhập môn Luật học	Môn học này cung cấp cho sinh viên khái niệm về luật, khoa học luật, nghề luật và đạo đức nghề luật. Sinh viên sẽ được tiếp cận hệ thống về các quan niệm về luật dưới hai góc nhìn lý thuyết (các trường phái, các quan điểm và các cách tiếp cận luật là gì và luật nên là gì?), các cách thức hệ thống hoá pháp luật, các nguồn của luật và mối quan hệ giữa các loại nguồn, các cơ sở quan trọng của pháp luật như quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Ngoài ra, sinh viên cũng được trang bị những công cụ, phương pháp để phân tích, áp dụng pháp luật và nghiên cứu khoa	3	1	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 5% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		học pháp lý, tìm hiểu về các nghề luật, các chuẩn mực của từng ngành nghề và đạo đức nghề luật để bước đầu định hướng hoạt động nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp của mình trong quá trình đào tạo tiếp theo.			
	Luật hiến pháp	Môn học Luật Hiến pháp cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học luật hiến pháp, ngành luật hiến pháp, chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại, quan hệ cơ bản giữa nhà nước và công dân, những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên trong nghiên cứu các môn khoa học pháp lý tiếp theo.	2	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Luật dân sự I	Môn học trang bị kiến thức cơ bản, tổng thể về quan hệ pháp luật tư trong đời sống xã hội, nhất là trong môi trường kinh tế số, bao gồm (1) các quy định chung về luật dân sự, bao gồm khái niệm, phạm vi điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc cơ bản và nguồn của luật dân sự (2) chủ thể luật dân sự là cá nhân, pháp nhân (2) đối tượng của quan hệ pháp luật dân sự là quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân và các quan hệ khác có liên quan (3) quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự cụ thể như quan hệ đại diện, quan hệ tài sản, quan hệ thừa kế. Bên cạnh đó, các nội dung của luật dân sự như giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu cũng được nghiên cứu	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: 10% - Báo cáo: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Luật dân sự II	Tiếp nối các nội dung sơ đẳng về nền tảng của luật tư, cùng	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20%

		nội dung về các vật quyền cơ bản như quyền sở hữu và thừa kế, môn học Luật Dân Sự II cung cấp kiến thức về nghĩa vụ dân sự từ khái quát đến cụ thể, bao gồm: (1) tổng quan về nghĩa vụ, căn cứ phát sinh nghĩa vụ và khả năng lưu thông nghĩa vụ (2) vấn đề bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (3) vấn đề chung về hợp đồng và các hợp đồng dân sự thông dụng (4) chế định về trách nhiệm dân sự, bao gồm trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.			- Báo cáo trên lớp: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Luật hành chính	Luật hành chính là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quản lí hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lí vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lí hành chính nhà nước. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lí hành chính nhà nước; bảo đảm quản lí có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lí hành chính nhà nước. Đồng thời, học phần Luật hành chính còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lí chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; luật tổ tụng hành chính; xây dựng văn bản pháp luật; luật đất đai; luật tài chính; luật lao động; luật môi trường; luật hôn nhân và gia đình	3	2	- Dự lớp: 10 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật hình sự	Học phần Luật hình sự sẽ trang bị cho người học những vấn đề lý luận chung về luật hình sự cũng như những mô hình pháp lý tội phạm cụ thể,	3	5	- Dự lớp & soạn bài: 10 % - Bài tập nhóm: 10 %

		được chia thành 2 cụm kiến thức: phần chung và phần các tội phạm cụ thể. Trên cơ sở những kiến thức khái quát về tội phạm và cấu thành tội phạm, hình phạt và quyết định hình phạt được nghiên cứu ở phần chung, phần các tội phạm cụ thể sẽ cung cấp cho người học những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm phổ biến trong thực tế cuộc sống và các tội phạm liên quan mật thiết đến hoạt động kinh doanh.			- Thuyết trình: 10 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật đất đai	Nội dung môn học bao gồm các vấn đề sau: Quản lý Nhà nước đối với đất đai với hai khía cạnh (1) quản lý Nhà nước đối với đất đai nhằm thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu toàn dân đối với đất đai, (2) Quản lý Nhà nước đối với đất đai nhằm thực hiện quyền quản lý của cơ quan công quyền, đảm bảo trật tự công cộng và bảo vệ quyền lợi của người sử dụng đất khi có sự cần thiết của người sử dụng đất. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp các kiến thức pháp lý cơ bản để giải thích các nội dung cấu thành địa vị pháp lý của người sử dụng đất từ việc xác lập quyền sử dụng đất, thực thi quyền của người sử dụng đất đối với đất đai với tư cách là một loại vật quyền dân sự và chấm dứt quyền sử dụng đất; Chế độ sử dụng các loại đất cụ thể như nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng, vấn đề giải quyết tranh chấp đất đai.	2	4	- Dự lớp: 10% - Tiểu luận môn học: 10% - Thuyết trình và thảo luận: 20% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Luật lao động	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về lao động quan trọng, rèn luyện cho sinh viên cách hệ thống hóa kiến thức, cách phân tích và giải thích pháp luật trong một tình huống thực tế. Môn học gồm các nội dung	3	3	- Dự lớp và làm bài tập nhóm: 20 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 10 %

		xoay quanh các vấn đề: mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động từ góc độ quyền và nghĩa vụ của mỗi bên; vai trò của tổ chức đại diện người lao động và các cơ quan quản lý nhà nước đối với quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường; cách thức giải quyết các tranh chấp lao động tập thể và tranh chấp lao động cá nhân. Từ đó, sinh viên có thể hiểu được cách quản lý người lao động phù hợp và hiệu quả trong từng môi trường làm việc khác nhau, nhằm đưa quan hệ lao động vào nề nếp, trật tự trong khuôn khổ pháp luật, giúp lao động ngày càng hiệu quả, nhất là trong nền kinh tế thị trường hiện nay.			- Thi kết thúc học phần: 50 %
	Công pháp quốc tế	Thông qua môn học này, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về Công pháp quốc tế, như: (1) Khái niệm, đặc điểm, nguồn, chủ thể của Luật quốc tế ; (2) Biên giới, lãnh thổ quốc gia ; (3) Dân cư, quốc tịch ; (4) Luật ngoại giao, lãnh sự ; (5) Giải quyết tranh chấp quốc tế.	2	4	- Dự lớp: 10 % - Tiểu luận: 10% - Thuyết trình và thảo luận: 20 % - Kiểm tra: 10 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Tư pháp quốc tế	Môn học Tư pháp quốc tế bao gồm ba mảng nội dung chính: (1) Nghiên cứu những quy định pháp luật về thẩm quyền tài phán của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài (2) Nghiên cứu những quy định pháp luật về nguyên tắc chọn luật áp dụng trong các lĩnh vực quyền sở hữu, hợp đồng, hôn nhân gia đình, thừa kế, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài (3) Nghiên cứu quy định pháp luật về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam các bản án, quyết định của tòa án, trọng tài nước ngoài.	3	5	- Dự lớp: 10 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %

	Luật tố tụng hình sự	Môn học Luật Tố tụng hình sự giới thiệu cho sinh viên những vấn đề lý luận về quyền tư pháp; về bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự; về các mô hình tố tụng trên thế giới, cũng như những nội dung cơ bản của quá trình tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Việc hiểu rõ cơ sở lý luận, những khái niệm cũng như các quy định trong quá trình tố tụng hình sự là yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành luật. Thông qua môn học sẽ giúp cho sinh viên nền tảng kiến thức và những kỹ năng về tố tụng hình sự, để từ đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	2	6	- Dự lớp & soạn bài: 10 % - Bài tập nhóm: 10 % - Thuyết trình: 10 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật tố tụng dân sự	Môn học Luật Tố tụng dân sự nghiên cứu các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, lao động, dân sự và hôn nhân gia đình tại tòa án theo thủ tục tố tụng thông thường và thủ tục rút gọn. Theo đó, các quy định liên quan đến nguyên tắc tố tụng, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng dân sự cũng như thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự của tòa án, trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là những nội dung trọng tâm của môn học này	3	4	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 20% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 10% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi tự luận, SV được phép sử dụng văn bản QPPL có liên quan mà giảng viên hướng dẫn
	Luật so sánh	Với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về khái niệm luật so sánh, lịch sử, mục đích, vai trò của Luật so sánh; khách thể của luật so sánh: Các HTPL trên thế giới;	2	5	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20%

		Hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa; Hệ thống pháp luật Anh Mỹ; Hệ thống pháp luật Hồi giáo và các hệ thống pháp luật đặc thù khác			- Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi tự luận, SV được phép sử dụng tài liệu
	Quản trị học	Quản trị học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm: khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại	3	3	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, được sử dụng tài liệu Thi kết thúc học phần: 75 phút, trắc nghiệm 100 câu, không sử dụng tài liệu
	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...	3	3	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%

	Luật Doanh nghiệp	Môn học Luật doanh nghiệp cung cấp các kiến thức pháp luật về chủ thể kinh doanh như khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp, doanh nghiệp xã hội, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên có thể hiểu được các quy định của pháp luật doanh nghiệp liên quan đến cấu trúc tài chính, cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị của từng loại doanh nghiệp cụ thể cùng với các quy định liên quan đến thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp.	3	3	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 20% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp : 10% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi tự luận, SV được phép sử dụng văn bản QPPL có liên quan mà giảng viên hướng dẫn
	Luật Thương mại	Môn Luật thương mại được giảng dạy dựa trên hiểu biết đã có về pháp luật doanh nghiệp và hành chính. Môn học gồm các nội dung xoay quanh các vấn đề liên quan đến các hoạt động thương mại tại Việt Nam, cụ thể là các hoạt động trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, logistic, nhượng quyền thương mại... cũng như giới thiệu các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án.	3	4	- Dự lớp và làm bài tập nhóm: 20 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 10 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật sở hữu trí tuệ	Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những hiểu biết đầy đủ về các quy định liên quan đến việc bảo hộ và bảo vệ quyền SHTT, khai thác hiệu quả các giá trị tài sản này. Môn học gồm các nội dung chính: Quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, định giá và thương mại hoá tài sản trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp	2	5	- Thảo luận: 10 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật Thương mại quốc tế 1	Với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: Nguồn của luật thương mại quốc tế tư; Bối cảnh kinh doanh quốc tế; Mua bán hàng hóa quốc tế; Vận tải quốc tế; Nhượng quyền thương mại	3	6	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp : 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm : 20%

		quốc tế và Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.			- Kiểm tra trên lớp : 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi tự luận, SV được phép sử dụng tài liệu
	Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính	Nội dung môn học bao gồm các quy định pháp lý điều tiết hoạt động kinh doanh dịch vụ ngân hàng, bao gồm (1) các quy định đặc thù về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, kiểm soát đặc biệt, giải thể và phá sản các chủ thể kinh doanh dịch vụ tài chính; (2) các quy định pháp luật điều tiết các nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng. Ngoài ra, sinh viên được tiếp cận các quy định pháp lý điều tiết hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo hiểm, bao gồm (1) các quy định đặc thù về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, kiểm soát đặc biệt, giải thể và phá sản các chủ thể kinh doanh dịch vụ bảo hiểm; (2) các quy định pháp luật điều tiết các hoạt động kinh doanh bảo hiểm như quy định riêng về hợp đồng bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm cũng như các quy định pháp lý điều tiết hoạt động kinh doanh chứng khoán, bao gồm (1) Quy định về tổ chức thị trường chứng khoán và việc phát hành chứng khoán, (2) các quy định đặc thù đối với các loại chủ thể kinh doanh chứng khoán, (3) các quy định pháp luật điều tiết các hoạt động kinh doanh chứng khoán như quy định riêng đặc thù trong kinh doanh chứng khoán.	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 5% - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Luật cạnh tranh	Môn học Luật cạnh tranh bao gồm ba nội dung chính: (1) Nghiên cứu những quy định pháp luật kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh dưới các hình thức: thỏa thuận hạn chế	2	4	- Dự lớp: 10 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 20 %

		cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền và tập trung kinh tế (2) Nghiên cứu các quy định pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh (3) Tìm hiểu quy trình tổ tụng cạnh tranh.			- Thi kết thúc học phần: 50 %
	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý	Kỹ năng soạn thảo văn bản là môn khoa học pháp lý chuyên ngành cung cấp cho người học hệ thống văn bản trong thực tiễn hành nghề luật, trong đó tập trung vào hệ thống văn bản hành chính mang tính chất quản lý, điều hành cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, người học được cung cấp những kỹ năng liên quan đến nhận diện cấu trúc, yêu cầu về ngôn ngữ, văn phong của từng loại văn bản; kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu cần thiết cho việc soạn thảo văn bản phù hợp với yêu cầu về nội dung của từng loại văn bản	2	4	- Dự lớp: 10 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Đàm phán và soạn thảo hợp đồng là một trong những kỹ năng quan trọng của những người hành nghề luật. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về: (i) Tổng quan về đàm phán và soạn thảo hợp đồng; (ii) Các vấn đề cơ bản về đàm phán hợp đồng; (iii) Các vấn đề cơ bản trong soạn thảo hợp đồng, để từ đó có thể bước đầu hình thành những hiểu biết và kỹ năng để xử lý được những tình huống phát sinh trong lĩnh vực được đào tạo.	2	4	- Dự lớp: 10 % - Thảo luận: 10 % - Bản thu hoạch: 0 % - Thuyết trình/Thực hành: 30 % - Báo cáo: 0 % - Thi giữa học phần: 0 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Kỹ năng hành nghề luật sư	Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng cơ bản của Luật sư và trực tiếp sử dụng những kiến thức pháp luật đã học để ứng dụng vào thực tế hành nghề Luật sư thông qua những hoạt động của nghề Luật sư như: tư vấn pháp luật, tư vấn giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể	2	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 5% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 20%

					- Thi kết thúc học phần: 50%
	Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	Môn học giúp học viên hiểu biết về vị trí, vai trò của công tác pháp chế doanh nghiệp, trang bị cho sinh viên kỹ năng cơ bản của người làm công tác pháp chế doanh nghiệp và trực tiếp sử dụng những kiến thức pháp luật đã học để ứng dụng vào thực tế thực hiện công tác pháp chế tại doanh nghiệp thông qua những hoạt động mà người làm công tác pháp chế doanh nghiệp phải thực hiện như: xây dựng quy chế, giám sát thực hiện quy chế, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, tư vấn giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể mà doanh nghiệp gặp phải	2	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 5% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Luật Môi trường	Môn Luật môi trường được giảng dạy dựa trên hiểu biết đã có về pháp luật dân sự và hành chính. Môn học gồm các nội dung xoay quanh các vấn đề liên quan đến các hoạt động bảo vệ môi trường tại Việt Nam, cụ thể là báo cáo môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường, bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý chất thải, ứng phó biến đổi khí hậu ... cũng như bồi thường thiệt hại về môi trường.	2	5	- Dự lớp và làm bài tập nhóm: 20 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 10 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật kinh doanh bất động sản	Môn học Luật Kinh doanh Bất động sản cung cấp các kiến thức pháp lý cho hoạt động kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Cụ thể, sinh viên sẽ được tiếp cận với các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh bất động sản và thị trường bất động sản của Việt Nam. Ngoài ra, môn học này nghiên cứu các điều kiện áp dụng cho kinh doanh bất động sản như mua bán nhà, công	2	5	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 20% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 10% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi tự luận, SV được phép sử dụng văn bản QPPL có liên

		trình xây dựng và kinh doanh dịch vụ bất động sản như môi giới bất động sản, định giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, cũng như các hợp đồng áp dụng cho giao dịch bất động sản, vấn đề sở hữu nhà ở của người Việt Nam trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam và chính sách của nhà nước Việt Nam đối với thị trường bất động sản, các hình thức phát triển dự án bất động sản của doanh nghiệp thông qua các quy định tại Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Đất đai có liên quan.			quan mà giảng viên hướng dẫn
	Pháp luật và nền kinh tế số	Môn học Pháp luật và nền kinh tế số là môn học cho sinh viên thuộc các chuyên ngành Luật nhằm cung cấp cho người học các góc nhìn pháp lý từ các công nghệ đột phá và không gian mạng, đồng thời tìm hiểu, lý giải và đề xuất những giải pháp điều chỉnh các công nghệ trên dưới góc độ từ các quy định của pháp luật. Người học được cung cấp các kiến thức cơ bản liên quan đến các công nghệ đột phá như chuỗi khối (blockchain), trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence), big data (dữ liệu lớn), quantum computing (máy tính lượng tử)... để từ đó nhận diện được các vấn đề pháp lý có thể phát sinh. Bên cạnh đó, các lý thuyết về mối quan hệ giữa pháp luật và công nghệ cũng sẽ được đề cập, giúp người học phần nào tìm ra các giải pháp để giải quyết các vấn đề pháp lý từ công nghệ bằng công nghệ.	2	5	- Dự lớp: 10 % - Thuyết trình: 20 % - Viết bài nghiên cứu: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật Thương mại điện tử	Luật TMĐT sẽ cung cấp và gợi mở cho sinh viên khung pháp lý điều chỉnh hoạt động thương mại điện tử, từ hợp	2	5	- Dự lớp: 10 % - Thuyết trình: 20 %

		đồng điện tử, giao dịch điện tử, cho đến các vấn đề có liên quan như sở hữu trí tuệ, dựa trên các nghĩa vụ được xác lập trong hành lang pháp lý trong nước, các chuẩn mực và nguyên tắc quốc tế được thừa nhận chung.			- Viết bài nghiên cứu: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật Đầu tư	Môn Luật đầu tư được giảng dạy dựa trên hiểu biết đã có về pháp luật doanh nghiệp và hành chính. Môn học gồm các nội dung xoay quanh các vấn đề liên quan đến các hoạt động đầu tư tại Việt Nam cũng như hoạt động đầu tư ra nước ngoài, đồng thời, môn học cũng trang bị cho người học những vấn đề về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư và bảo đảm đầu tư.	2	6	- Dự lớp và làm bài tập nhóm: 20 % - Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 10 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật thuế trong kinh doanh	Môn học trang bị kiến thức lý luận cơ bản về thuế trong kinh doanh như đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm... trong từng sắc thuế trong kinh doanh. Ngoài ra, môn học này giúp sinh viên nắm bắt những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế. - Mục đích của môn luật thuế trong kinh doanh giúp người học có những kiến thức pháp luật trong lĩnh vực thuế để vận dụng vào các công việc thực tế đề tư vấn cho doanh nghiệp hoặc thực hiện các công việc của cán bộ Hải quan, cán bộ thuế theo đúng pháp luật, tư vấn về kê khai, quản lý thuế, thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.	2	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 5% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 5% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Luật trọng tài thương mại	Môn học Luật trọng tài thương mại cung cấp những kiến thức	2	6	- Thảo luận: 10 %

		chuyên sâu về pháp luật giải quyết tranh chấp bằng phương pháp trọng tài. Khi nghiên cứu môn học này, học viên sẽ được cung cấp các kiến thức về: - Khái niệm, các hình thức trọng tài thương mại; - So sánh thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài và tòa án; cùng các phương thức giải quyết tranh chấp khác - Thỏa thuận trọng tài: Khái niệm và hiệu lực - Tổ tụng trọng tài - Thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại một số Trung tâm trọng tài quốc tế - Những vấn đề pháp lý các thương nhân Việt Nam cần lưu ý khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài;			- Thuyết trình: 20 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật thương mại quốc tế 2	Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức bao quát từ lý luận tới thực tiễn về: (i) Những vấn đề lý luận về luật thương mại quốc tế; (ii) Các nguyên tắc cơ bản trong Luật TM quốc tế; (iii) Các thiết chế thương mại quốc tế điển hình và cơ chế giải quyết tranh chấp, để từ đó có thể bước đầu xử lý được những vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong lĩnh vực được đào tạo.	2	6	- Dự lớp: 10 % - Thảo luận: 10 % - Bản thu hoạch: 0 % - Thuyết trình: 20 % - Báo cáo: 0 % - Thi giữa học phần: 10 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật đấu thầu và đấu giá	Môn học Luật đấu thầu và đấu giá tài sản cung cấp các kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục đấu thầu, đấu giá tài sản, xác định tư cách hợp lệ của các bên tham gia vào hoạt động đấu thầu, đấu giá tài sản theo các quy định của pháp luật Việt Nam. Ngoài ra, các quy định liên quan đến nguyên tắc đấu thầu, xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình đấu thầu như giao kết hợp đồng, vấn đề hủy thầu, hủy đấu giá tài sản, xét năng	2	6	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 20% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 10% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi tự luận, SV được phép sử dụng tài liệu bằng văn bản

		lực, hồ sơ của các bên tham gia dự thầu, dự đấu giá tài sản cũng như các hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu, đấu giá tài sản cũng là những nội dung trọng tâm của môn học này			
	Pháp luật về xuất nhập khẩu và hải quan	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật về xuất nhập khẩu và hải quan - một yêu cầu quan trọng trong đào tạo cử nhân Luật kinh doanh, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức bao quát từ lý luận tới thực tiễn về: (i) Tổng quan pháp luật về xuất nhập khẩu và hải quan; (ii) Pháp luật về hải quan trong hoạt động xuất nhập khẩu; (iii) Hợp đồng trong lĩnh vực xuất nhập khẩu; (iv) Pháp luật về thanh toán và bảo hiểm trong hoạt động xuất nhập khẩu; (v) Vi phạm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và hải quan, để từ đó có thể bước đầu xử lý được những vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong lĩnh vực được đào tạo.	2	6	- Dự lớp: 10 % - Thảo luận: 10 % - Bản thu hoạch: 0 % - Thuyết trình: 20 % - Báo cáo: 0 % - Thi giữa học phần: 10 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Kiến tập	Học phần này cung cấp cho người học cơ hội tìm hiểu và nắm bắt được việc ứng dụng vào thực tiễn những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp tại một tổ chức hành nghề luật cụ thể. Những chủ đề chính của học phần bao gồm: - Tìm hiểu chung về hoạt động của nơi kiến tập là một trong các đơn vị hành nghề luật (Văn phòng, công ty luật, tòa án) - Quan sát và tìm hiểu việc ứng dụng các kiến thức vào thực tiễn hành nghề Luật.	2	6	- Báo cáo kiến tập lần 1: 50 % - Báo cáo kiến tập lần 2: 50 %

	Khóa luận và thực tập tốt nghiệp	Học phần này cung cấp cho người học cơ hội ứng dụng thực tiễn những kiến thức đã học, các kỹ năng nghiên cứu và phương pháp luận thông qua lý thuyết và thực tiễn. Những chủ đề chính của học phần bao gồm: - Nhận thức chung về hoạt động của nơi thực tập là các đơn vị hành nghề luật (Văn phòng, công ty luật, tòa án) - Ứng dụng vào thực tiễn những nội dung lý thuyết đã học. - Viết khóa luận tốt nghiệp	8	7	- Tham gia kiến tập, cơ quan kiến tập đánh giá theo thang điểm 10 - Tham gia thực tập: Giảng viên hướng dẫn và giảng viên chấm 2 (phản biện) sẽ chấm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên theo thang điểm 10. Điểm cuối cùng là điểm trung bình cộng của hai giảng viên.
	Học kỳ doanh nghiệp	Doanh nghiệp trong khuôn khổ của môn học này được hiểu là một trong các tổ chức hành nghề Luật (như Luật sư, công chứng, thừa phát lại, trung tâm trọng tài thương mại, Trung tâm hoà giải thương mại..), Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hoặc cung ứng các dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm (tại các bộ phận văn phòng, nhân sự hoặc pháp chế), tại các cơ quan dân cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân), cơ quan tư pháp (tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án...), cơ quan quản lý nhà nước (ủy ban nhân dân, các bộ, sở, phòng ban chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân), các tổ chức chính trị xã hội hoặc đơn vị sự nghiệp.	8	7	- Đánh giá của giáo viên hướng dẫn: 60% - Đánh giá của doanh nghiệp: 40%
10	Ngành Thương mại điện tử				
	Triết học Mác-Lênin	- Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch	3	1	- Đánh giá quá trình: 50% • Dự lớp: 15% • Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% • Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		sử. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống. Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội.			• Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu) Thời gian làm bài: 75 phút
	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) Điểm học phần: 100%
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)

		sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.			
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ	2	3	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.	2	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Ngoại ngữ 1	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 2	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		(TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm			
	Ngoại ngữ 3	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 4	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kinh tế vi mô	Môn học này nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: %

		quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm (sản xuất gì, như thế nào và cho ai). Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh. Nội dung môn học này gồm có bốn phần chính. - Phần đầu sẽ giới thiệu mô hình cung, cầu đơn giản và hoạt động của thị trường cạnh tranh, sau đó sẽ phân tích các công cụ tác động của chính phủ vào thị trường. - Phần thứ hai của môn học nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường. - Phần thứ ba là nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết về chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận, xây dựng đường cung của doanh nghiệp và đường cung thị trường trong một ngành cạnh tranh. - Phần cuối sẽ trình bày các mô hình về độc quyền, độc quyền nhóm và cạnh tranh độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm			- Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kinh tế vĩ mô	Môn học sẽ giới thiệu cho sinh viên các nội dung như chức năng của nền kinh tế và sự tương tác của nó với nền kinh tế quốc tế; nghiên cứu các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: %

		(GDP, GNI, GNDI), thất nghiệp, lạm phát, lãi suất, đầu tư, chỉ tiêu chính phủ; vai trò của chính phủ và ngân hàng trung ương: các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; cân cân thanh toán; tăng trưởng kinh tế trong dài hạn; các chu kỳ kinh tế trong ngắn hạn; hành vi của hệ thống tài chính trong khủng hoảng tài chính; các lý thuyết và các mô hình kinh tế khác			- Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) bao gồm + Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. + Định thức và các tính chất quan trọng. + Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. + Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. + Hàm một biến và các kiến thức liên quan. + Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan + Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2. + Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế.	3	1	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Tế và Kinh Doanh cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai.	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.			
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...	3	1	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.	2	6	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi nghiệp kinh doanh	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo. Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi	1	5	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		đây, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi			
--	--	--	--	--	--

		nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Môi quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	Khoa học dữ liệu	Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học dữ liệu (KHDL), các vấn đề và phương pháp KHDL; bao gồm phương pháp toán thống kê và công nghệ mới, và ứng dụng KHDL công nghệ mới vào thực tiễn kinh tế xã hội. Trên cơ sở đó, giúp người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ trong thu thập, phân tích dữ liệu, xây dựng mô hình tổ chức hiệu quả cho các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kinh doanh và quản lý.	2	5	- Dự lớp: 10% - Báo cáo nhóm: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Toán dùng trong Tin học	Học phần này giới thiệu các ý tưởng và phương pháp cơ bản trong toán học rời rạc cũng như những công cụ toán học cần thiết trong ngành Tin học. Môn học minh họa tầm quan trọng của các khái niệm toán rời rạc đồng thời cung cấp các công cụ giải quyết vấn đề liên quan cho các chuyên gia tin học, đặc biệt chú trọng vào	3	2	- Dự lớp: 05% - Thảo luận: 15% - Thuyết trình: 15% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		việc giải quyết vấn đề bằng phương pháp toán học			
	Cơ sở công nghệ thông tin	Học phần cơ sở công nghệ thông tin nhằm cung cấp cho người học kiến thức về kiến trúc hệ thống máy tính, hệ điều hành; cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin doanh nghiệp; và kỹ năng định dạng văn bản, kỹ năng phân tích dữ liệu.	3	2	- Dự lớp, bài tập cá nhân: 10% - Báo cáo, thuyết trình nhóm: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Dịch vụ mạng Internet	Internet - hệ thống mạng toàn cầu, mang lại nhiều lợi ích và là nền tảng cho thương mại điện tử phát triển. Hiểu về Internet sẽ giúp cho sinh viên có kiến thức nền trong việc học các môn học sau. Nội dung học phần được chia thành 3 phần lớn: (1) Khái niệm và những kiến thức tổng quan về Internet; (2) Các dịch vụ trên nền tảng Internet; (3) Ứng dụng các dịch vụ trên nền tảng Internet vào e-Business	3	4	- Dự lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 15% - Thuyết trình bài tập nhóm: 25% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Cơ sở lập trình	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật lập trình như là một trong những kiến thức nền tảng trong các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học máy tính và Công nghệ thông tin. Ngoài ra, môn học trình bày những khái niệm cơ bản về thuật toán và cách thức phát triển các thuật toán. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về ngôn ngữ lập trình C# như : kiểu dữ liệu; khai báo biến, hằng, biểu thức; các lệnh gán; xuất nhập dữ liệu; các cấu trúc điều khiển rẽ nhánh, vòng lặp; mảng 1 và 2 chiều; hàm/phương thức ; kiểu chuỗi; tập tin,... để sinh viên có thể áp dụng cài đặt các thuật toán từ mức căn bản đến nâng cao.	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 0% - Bản thu hoạch: 0% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 0% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Cơ sở dữ liệu	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về cơ sở dữ liệu, kiến thức thiết kế và xây dựng mô hình dữ liệu quan hệ, kiến thức quản trị và khai thác dữ liệu	3	4	- Dự lớp: % - Thảo luận: % - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình đề án: 50% - Báo cáo đề án: %

		thông qua một hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Từ những kiến thức trên giúp sinh viên có thể tự xây dựng một giải pháp quản trị và khai thác dữ liệu thích hợp theo nhu cầu thực của một tổ chức hay doanh nghiệp.			- Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Marketing căn bản	Môn học này cung cấp kiến thức nền tảng về môi trường marketing và nhu cầu của khách hàng, phân tích những cơ hội marketing cùng với các giải pháp phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và các giải pháp marketing mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) nhằm giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh.	3	3	- Dự lớp: 5 % - Thảo luận: 5 % - Thuyết trình: 5 % - Báo cáo: 5 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 60 %
	Quản trị học	Môn học này giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý và lý thuyết quản trị tổng quát, và bổ sung cho sinh viên các kiến thức cơ bản với kỹ năng để sinh viên trở thành một nhân viên có hiểu biết, một thành viên làm việc hiệu quả trong đội nhóm và một nhà quản lý thành đạt. Cung cấp các kiến thức và kỹ năng phù hợp với mọi sinh viên kinh tế bất kể chuyên ngành hoặc hoạch định nghề nghiệp cá nhân. Môn học này nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn. Cách mà các thành viên và quản lý của một tổ chức có thể sử dụng các lý thuyết và nguyên tắc quản lý để phát triển như là một số cá nhân, xuất sắc trong công việc và hiểu rõ tổ chức của họ, sẽ được giảng dạy. Rất nhiều khái niệm và nguyên lý được giảng dạy trong môn học rất hữu ích cho cuộc sống cũng như nơi làm việc của sinh viên, những điều đó sẽ giúp cho sinh viên nâng cao khả năng cư xử và nhận thức để nhanh chóng đạt được các mục tiêu nghề nghiệp trong môi	3	3	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm. Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp. Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, được sử dụng tài liệu. Thi kết thúc học phần: 75 phút, trắc nghiệm 100 câu,

		trường kinh doanh ngày càng năng động, đa dạng và cạnh tranh của thế kỉ 21.			không sử dụng tài liệu.
	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin đóng vai trò trung tâm trong nhiều khía cạnh của hoạt động kinh doanh, là một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức kinh tế xã hội hiện đại. Môn học này giới thiệu cho sinh viên về các HTTT, vai trò của các HTTT trong môi trường kinh doanh hiện đại, những vấn đề cần cân nhắc trong việc phát triển và quản trị các HTTT nhằm góp phần tạo ra những hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh. Môn học cũng trình bày cơ sở Công nghệ thông tin của các HTTT, các vấn đề về riêng tư và bảo mật thông tin, đạo đức và xã hội có liên quan.	3	3	- Bài tập nhóm và Thuyết trình: 30% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Phân tích nghiệp vụ kinh doanh	Học phần này giới thiệu những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có khả năng thực hiện việc phân tích nghiệp vụ kinh doanh một cách hiệu quả. Các kỹ thuật phân tích nghiệp vụ kinh doanh sẽ được giới thiệu từ giai đoạn khảo sát hiện trạng, phân tích quan điểm của các bên liên quan đến xác định và mô hình hóa các yêu cầu cũng như chuẩn bị và trình bày một trường hợp kinh doanh. Ngoài ra, sinh viên sẽ được trao cho các chủ đề thảo luận/bài tập nhằm vận dụng kiến thức đã học.	3	4	- Dự lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 20% - Thuyết trình bài tập nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Phân tích thiết kế hệ thống	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể đề xuất một giải pháp tin học trong kinh doanh và quản lý. Học phần gồm các nội dung chính sau: a. Giới thiệu quy trình, hệ thống tài liệu và phương pháp	3	4	- Dự lớp: 05% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 15% - Đồ án nhóm: 20% - Đồ án cá nhân kết thúc học phần: 50%

		lược phân tích thiết kế hướng đối tượng; b. Giới thiệu UML, một ngôn ngữ lập mô hình, cùng mối quan hệ giữa UML với quá trình phân tích thiết kế; c. Mô hình hóa: nghiệp vụ, chức năng, cấu trúc, và hành vi; d. Thiết kế: lớp, cơ sở dữ liệu, giao diện người dùng, và kiến trúc vật lý.			
	Thương mại điện tử	Học phần này giúp sinh viên hiểu biết tổng quan về các tiến bộ trong ngành kinh doanh trực tuyến, các mô hình kinh doanh thương mại điện tử, công nghệ, đặc tính thị trường và hành vi của khách hàng; các cách thức tổ chức và vận hành hoạt động kinh doanh điện tử và các xu thế kinh doanh đang tiến triển trong lĩnh vực trực tuyến.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: % - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 0% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Công nghệ Thương mại điện tử	Môn học này giới thiệu những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có khả năng nắm được các công nghệ mã nguồn mở được sử dụng để phát triển các hệ thống TMĐT để có thể tự xây dựng một hệ thống TMĐT cho riêng mình hay chỉnh sửa, nâng cấp những hệ thống TMĐT có sẵn. Kiến thức được cung cấp khá nhiều và trải rộng trên nhiều lĩnh vực, từ hệ quản trị Cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ lập trình mới lẫn ứng dụng Web, cũng như nền tảng TMĐT sẵn có.	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 15% - Thuyết trình: 25% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị dự án Thương mại điện tử	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên biết mục tiêu của hoạt động dự án TMĐT; các giai đoạn của quản lý dự án TMĐT; các lĩnh vực cần quản lý của một người quản lý dự án; những công việc phải làm cũng như các công cụ và biểu mẫu sử dụng trong điều hành quản lý một dự án TMĐT.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Bảo mật thông tin trong	Học phần này giúp sinh viên nhận dạng những nguy cơ đe	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: %

	Thương mại điện tử	đạo môi trường Thương mại điện tử, xác định các chính sách và công cụ bảo mật cần thiết. Từ đó, sinh viên có thể đánh giá mức độ an toàn của một hệ thống TMDT.			- Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: 30% - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 60%
	Digital Marketing	Môn học nhằm cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về tiếp thị số (digital marketing) và sự quan trọng của digital marketing đối với sự phát triển của tổ chức, cũng như những vấn đề cần cân nhắc khi lập kế hoạch/chiến lược và triển khai chiến lược digital marketing. Digital marketing là một khía cạnh thú vị của việc thực hiện marketing trong thời kỳ hiện đại, nhờ sự phát triển mạnh mẽ của internet và các phương tiện số. Môn học tập trung vào 3 nội dung chính: (1) cung cấp các khái niệm cơ bản về digital marketing, tầm quan trọng của digital marketing trong nỗ lực làm tăng hiệu quả hoạt động của tổ chức; (2) Lập kế hoạch và triển khai chiến lược marketing, các kênh truyền thông marketing (search engine optimization, search ads, email marketing, social marketing,...). (3) Đánh giá, nâng cao hiệu quả của hoạt động marketing.	3	5	- Dự lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 15% - Thuyết trình bài tập nhóm: 25% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Chiến lược kinh doanh Thương mại điện tử	Học phần Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về quản trị chiến lược, lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử. Nội dung học phần được chia theo các chương sau: • Chương 1: Chiến lược kinh doanh trong thời đại số • Chương 2: Phân tích môi trường bên trong • Chương 3: Phân tích môi trường bên ngoài	3	5	- Dự lớp: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 60%

		• Chương 4: Phân tích và lựa chọn chiến lược kinh doanh điện tử • Chương 5: Chuỗi cung ứng điện tử • Chương 6: Quản trị quan hệ khách hàng trực tuyến • Chương 7: Chiến lược công nghệ phục vụ cho kinh doanh điện tử • Chương 8: Quản trị sự thay đổi chiến lược			
	Phát triển ứng dụng Thương mại điện tử	Học phần trình bày những nội dung sau đây: • Cấu trúc ứng dụng thương mại điện tử. • Ứng dụng mobile và Ứng dụng web • Mô hình làm việc của trình chủ phục vụ Web (Web Server) • Mô hình Ứng dụng web với client-scripting • Mô hình Ứng dụng web với server-scripting • Mô hình Ứng dụng web với các hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng • Lập trình ASP.NET với C# trong các mô hình Web Form, MVC; • Phân tích và xây dựng ứng dụng Web quản lý có kết nối hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS SQL Server; • Triển khai ứng dụng Web vào thực tế. • Bài tập tình huống mẫu được thực hiện trong suốt quá trình học	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	Môn học này giới thiệu các khái niệm, ứng dụng và công cụ của Quản lý vận hành và chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu. Quản lý vận hành là sự thiết kế hệ thống nhằm chuyển hóa các yếu tố đầu vào thành sản phẩm (và cả dịch vụ) đầu ra sao cho hiệu quả và đạt các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.	3	5	- Dự lớp: 10% - Bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% - Thi: 50%

		Quản lý chuỗi cung ứng là việc quản lý dòng dịch chuyển của không những các yếu tố vật chất xuyên suốt từ khâu “đầu vào” đến khi chúng được biến chuyển thành các yếu tố “đầu ra” mà còn là sự quản lý các yếu tố có liên quan như thông tin, tài chính, rủi ro, pháp lý, chính sách,...có liên quan nhằm đạt được mức tối ưu trong hoạt động cung ứng, tạo ra các giá lý tích cực cho cho các bên tham gia.			
	Hành vi người tiêu dùng	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nhu cầu, hành vi và quá trình ra quyết định của người tiêu dùng, từ việc thấu hiểu người tiêu dùng sẽ giúp sinh viên phân tích các cơ hội marketing, phân khúc thị trường và xác định thị trường mục tiêu cùng với việc đề giải pháp marketing mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) nhằm đạt các kết marketing.	3	5	- Chuyên cần: 5% - Thảo luận trên lớp: 10% - Báo cáo nhóm: 25% - Thi cuối kỳ: 60%
	Quản trị quan hệ khách hàng	Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho sinh viên nền kiến thức để xây dựng, giữ và phát triển khách hàng của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo dựng lợi thế cạnh tranh bền vững. Môn học tập trung vào các vấn đề cụ thể của quản trị quan hệ khách hàng dựa trên cách tiếp cận theo các cấp độ CRM (phân tích, tác nghiệp, chiến lược). Đây là cách tiếp cận dựa trên cơ sở dữ liệu khách hàng, từ đó giúp doanh nghiệp nhận ra khách hàng tại mọi điểm tiếp xúc, nhóm gộp những khách hàng tương đồng về nhu cầu hoặc giá trị, từ đó đối xử với những khách hàng khác nhau một cách khác nhau. Bên cạnh đó, làm sao để thực hiện và triển khai CRM liên quan tới cách thức tổ chức trong CRM, truyền thông giá trị văn hóa hướng đến khách hàng, và	3	6	- Quá trình: 20% - o Bài tập tình huống - o Bài kiểm tra tại lớp - o Phát biểu góp phần xây dựng bài học - Thuyết trình và báo cáo: 30% -Thi cuối khóa: 50%

		quan trọng hơn là tạo dựng và quản trị mạng lưới của doanh nghiệp.			
	Giới thiệu hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống phần mềm ERP; Các thành phần chính trong một hệ thống ERP. Hệ thống thông tin, qui trình chức năng – nghiệp vụ cũng được mô tả trong môn học này. Ngoài ra, các kiến thức cần thiết về việc tái cấu trúc qui trình, doanh nghiệp và triển khai hệ thống ERP phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp cũng được cung cấp thông qua bài giảng, bài tập nhóm dựa trên các case studies.	3	5	- Dự lớp: 10% - Bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình bài tập nhóm: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Nghiên cứu Marketing	Nghiên cứu là một hoạt động cần thiết để cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định trong quản trị, nhờ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả của các quyết định trong kinh doanh. Để thực hiện các báo cáo trong công tác quản lý hàng ngày một cách chuyên nghiệp, không thể thiếu năng lực nghiên cứu. Đối với sinh viên các ngành quản trị kinh doanh thì các kiến thức và kỹ năng nghiên cứu càng hữu ích để học tập các môn học khác. Quan trọng hơn, nó là công cụ cần thiết giúp sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp theo thông lệ quốc tế - một tiêu chuẩn quan trọng của việc hoàn tất chương trình đào tạo ở bậc cử nhân.	3	6	- Dự lớp: 5 % - Thảo luận: 5 % - Thuyết trình: 5 % - Báo cáo: 5 % - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Business Intelligence	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể thiết kế được một giải pháp tin học giúp hỗ trợ việc ra các quyết định trong kinh doanh (Business Intelligence – BI): hiểu rõ các chuẩn báo cáo hiện đại, nắm vững phương pháp luận thiết kế và thiết kế hiệu quả các báo cáo hỗ trợ ra các	3	6	- Dự lớp: 05% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 15% - Đồ án nhóm: 20% - Đồ án cá nhân kết thúc học phần: 50%

		quyết định trong kinh doanh, bao gồm các Dashboards và Scorecards, đáp ứng các mục tiêu chiến lược; hiểu thấu đáo kỹ thuật OLAP và các kỹ thuật data mining chính; biết sử dụng một phần mềm BI đang có, và sử dụng thành thạo một công cụ phần mềm để chuyển dữ liệu thành thông tin, làm các báo cáo hỗ trợ ra các quyết định trong kinh doanh.			
	Phát triển ứng dụng Mobile	Học phần này giới thiệu những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có khả năng hiểu rõ về lập trình di động và có thể phát triển các ứng dụng di động Android. Ngoài ra, sinh viên sẽ được trao cho các chủ đề thảo luận / bài tập nhằm vận dụng kiến thức đã học.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 0% - Thuyết trình: 0% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Khai phá dữ liệu	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về khai phá dữ liệu. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những thuật toán phục vụ cho việc khai phá dữ liệu thông qua sử dụng máy tính. Từ những kiến thức đó, sinh viên có thể vận dụng để lập trình hay sử dụng các thư viện để làm ra các chức năng phục vụ cho mục đích tư vấn hay hỗ trợ ra quyết định.	3	6	- Dự lớp: 20% - Thảo luận: % - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Phân tích dự án đầu tư	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng thẩm định và phân tích dự án. Môn học dựa trên các công cụ và kỹ thuật hiện tại trong việc quản lý rủi ro và sự không chắc chắn của dự án để đảm bảo tỷ suất lợi nhuận là bền vững.	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 10% - Bản thu hoạch/Bài luận cá nhân: 40% - Báo cáo/Dự án nhóm: 40% - Thi giữa học phần: 0% - Thi kết thúc học phần: 0%
	Hệ thống thanh toán điện tử	Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử là các dịch vụ thanh	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10%

		toán điện tử phong phú và đa dạng. Các dịch vụ này đem đến cho người dùng nhiều lựa chọn trong vai trò người bán cũng như người mua khi hoạt động kinh doanh hoặc mua sắm trực tuyến. Sinh viên ngành thương mại điện tử cần có hiểu biết về các dịch vụ thanh toán cũng như rủi ro của chúng đồng thời phải có kiến thức tổng quan, các mô hình cũng như các xu hướng trong hoạt động thanh toán điện tử.			- Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Luật Thương mại điện tử	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật thương mại điện tử - một yêu cầu lớn của trong đào tạo cử nhân thương mại, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập và thời đại công nghệ thông tin như hiện nay. Hiện nay, hệ thống pháp luật về TMĐT trên thế giới đã dần dần hoàn thiện, tiến tới các chuẩn mực chung, nhưng hệ thống pháp luật trong nước về lĩnh vực này vẫn còn rất thiếu và yếu. Sinh viên phải có kiến thức bao quát từ nền tảng cũng như cấu trúc của khung pháp lý điều chỉnh hoạt động thương mại điện tử, từ hợp đồng điện tử, giao dịch điện tử, cho đến các vấn đề có liên quan như bảo mật dữ liệu và sở hữu trí tuệ. dựa trên các nghĩa vụ được xác lập trong hành lang pháp lý trong nước, các chuẩn mực và nguyên tắc quốc tế được thừa nhận chung. Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức về Luật thương mại điện tử trong các công tác nghiên cứu xây dựng pháp luật, tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp trong các vấn đề liên quan đến kinh doanh online, quảng cáo trực tuyến, kênh thanh toán trực tuyến, giao kết hợp đồng gián tiếp,	3	6	- Dự lớp: 10 % - Thuyết trình: 20 % - Viết bài nghiên cứu: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %

		bảo mật thông tin trực tuyến và bảo vệ sở hữu trí tuệ trong môi trường mạng.			
	Dữ liệu lớn và ứng dụng	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng vận dụng các phương pháp công nghệ (ICT) trong việc ứng dụng dữ liệu lớn trong các lĩnh vực kinh doanh như thiết kế sản phẩm, tiếp thị, quản lý chuỗi cung ứng, tài chính – ngân hàng và các việc ra quyết định.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: % - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 60%
	Khóa luận/Học kỳ doanh nghiệp		10	7	
11	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, chuyên ngành Quản trị lữ hành				
	Triết học Mác-Lênin	Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống. Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội. Chuẩn đầu ra của học phần: Sinh viên sau khi hoàn thành học phần Triết học Mác - Lênin sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau:	3	1	Đánh giá quá trình: 50% - Dự lớp: 15% - Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% - Kiểm tra giữa học phần: 20% Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu). Thời gian làm bài: 75 phút.

		- Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức - Quan điểm cơ bản của phép biện chứng duy vật về sự vận động, phát triển của thế giới khách quan - Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của xã hội và các mối quan hệ biện chứng giữa các lĩnh vực xã hội như kinh tế chính trị, văn hóa, con người. - Người học xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để nhận thức và cải tạo thế giới; - Vận dụng được kiến thức lý luận của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết vấn đề nảy sinh trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân; - Vận dụng được kiến thức lý luận để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. - Xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. - Có cái nhìn khách quan về vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. - Có sự tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.			
	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc

		vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Chuẩn đầu ra của học phần: Sinh viên sau khi hoàn thành học phần KTCT Mác - Lênin sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - Nắm vững đối tượng, phương pháp và chức năng của môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hoá, hàng hoá, tiền tệ, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. - Hiểu rõ học thuyết của C. Mác về giá trị thặng dư, tích lũy, tái sản xuất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, từ đó liên hệ và vận dụng vào thực tiễn - Nắm vững lý luận của Mác – Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường - Hiểu rõ mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, cùng với đó là việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN và giải quyết hài hoà mối quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam - Hiểu rõ tính tất yếu khách quan, nội dung và những biện pháp để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đồng thời hiểu rõ tác động, những hình		nghiệm, 1 câu tự luận) Điểm học phần: 100%
--	--	--	--	---

		thức và phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới. - Trang bị kiến thức khoa học và thực tiễn của nền kinh tế thị trường nói chung và kinh tế thị trường định hướng XHCN nói riêng. - Rèn luyện tư duy khoa học, tư duy phản biện độc lập thông qua việc nghiên cứu và học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Giúp cho sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn - Trang bị kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu. - Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước - Giúp sinh viên có lập trường chính trị đúng đắn, tin tưởng vào đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước - Nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với bản thân, cộng đồng và xã hội.			
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo. Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)

		hình thành, phát triển của CNXHKKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Chuẩn đầu ra của học phần – Sinh viên sau khi hoàn thành học phần CNXHKKH sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - SV có kiến thức cơ bản về sự ra đời, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập nghiên cứu CNXH khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin - SV nắm vững những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân (GCCN) và sứ mệnh lịch sử của GCCN, ý nghĩa của sứ mệnh lịch sử đó trong bối cảnh hiện nay - SV nắm vững kiến thức cơ bản về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể của nước ta - SV có kiến thức về bản chất của nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng			
--	--	---	--	--	--

		- SV nắm được kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội – giai cấp và nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay - SV nắm được quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình; chính sách dân tộc, tôn giáo và gia đình của Đảng và nhà nước ta hiện nay. - SV có khả năng tư duy độc lập trong tự học, nghiên cứu và phát hiện những vấn đề liên quan đến CNXHKKH - SV biết vận dụng phương pháp luận của CNXHKKH và những tri thức đã học vào phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan đến chính trị - xã hội và con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay - SV có kỹ năng làm việc nhóm, trình bày kết quả nghiên cứu và thực hành các kỹ năng mềm ở mức độ căn bản - SV có thái độ đúng đắn về môn học CNXHKKH nói riêng và thái độ tích cực học tập các môn LLCT nói chung - SV có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn và củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo - SV có ý thức trách nhiệm đối với bản thân và xã hội trong công cuộc xây dựng CNXH của đất nước			
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền	2	4	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		(1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chuẩn đầu ra của học phần – Sinh viên sau khi hoàn thành học phần Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - Sinh viên nhớ được những dấu mốc quan trọng trong tiến trình lịch sử Đảng CSVN. - Sinh viên có thể khái quát hóa một cách có hệ thống sự ra đời của Đảng, đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và công cuộc đổi mới đất nước. - Sinh viên có thể phân tích được những thành tựu và hạn chế trong tiến trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. - Có khả năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học. - Có khả năng sử dụng những nội dung đã học trong việc suy nghĩ, trình bày, thảo luận một số vấn đề đơn giản về đường lối, chủ trương của Đảng trong cuộc sống. - Có khả năng vận dụng, nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
--	--	--	--	--	--

	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người. Chuẩn đầu ra của học phần – Sinh viên sau khi hoàn thành học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; - Nắm được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; - Hiểu được quá trình vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc, trong kháng chiến bảo vệ độc lập và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá; - Góp phần hình thành phương pháp công tác khoa học, tác phong quân chúng, ý thức trách nhiệm cho sinh viên; - Vận dụng, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, học tập và công tác; - Nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc ta;	2	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
--	-----------------------------	--	---	---	--

		- Giúp sinh viên, nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, trung thành với mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; - Thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần và xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.			
	Ngoại ngữ 1	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER)). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 2	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER)). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

	Ngoại ngữ 3	Môn học này giúp SV: - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 4	Môn học này giúp SV - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CFER). - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kinh tế vi mô	Môn học này nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm (sản xuất gì, như thế nào và cho ai). Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

		thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh. Nội dung môn học này gồm có bốn phần chính. - Phần đầu sẽ giới thiệu mô hình cung, cầu đơn giản và hoạt động của thị trường cạnh tranh, sau đó sẽ phân tích các công cụ tác động của chính phủ vào thị trường. - Phần thứ hai của môn học nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường. - Phần thứ ba là nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết về chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận, xây dựng đường cung của doanh nghiệp và đường cung thị trường trong một ngành cạnh tranh. - Phần cuối sẽ trình bày các mô hình về độc quyền, độc quyền nhóm và cạnh tranh độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm.			
	Kinh tế vĩ mô	Môn học sẽ giới thiệu cho sinh viên các nội dung như chức năng của nền kinh tế và sự tương tác của nó với nền kinh tế quốc tế; nghiên cứu các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNI, GNDI), thất nghiệp, lạm phát, lãi suất, đầu tư, chỉ tiêu chính phủ; vai trò của chính phủ và ngân hàng trung ương; các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; cán cân thanh toán; tăng trưởng	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

		kinh tế trong dài hạn; các chu kỳ kinh tế trong ngắn hạn; hành vi của hệ thống tài chính trong khủng hoảng tài chính; các lý thuyết và các mô hình kinh tế khác			
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng, ... Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) bao gồm: - Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. - Định thức và các tính chất quan trọng. - Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. - Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. - Hàm một biến và các kiến thức liên quan. - Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan - Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2. - Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế.	3	2	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Tế và Kinh Doanh cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số	3	1	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.			
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...	3	3	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Khoa học dữ liệu	Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học dữ liệu (KHDL), các vấn đề và phương pháp KHDL; bao gồm phương pháp toán-thống kê và điện toán (computing), và ứng dụng KHDL cho các vấn đề kinh tế xã hội thực tiễn. Trên cơ sở đó, giúp người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ mới trong thu thập, phân tích dữ liệu cho các lĩnh vực: marketing, quản lý chuỗi cung ứng, phân tích tài chính và hoạt động tín dụng.	2	2	- Dự lớp: 10% - Báo cáo nhóm: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ	2	1	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.

		năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ			
	Khởi nghiệp kinh doanh	Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập	1	3	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Mối quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	Quản trị du lịch	Học phần Quản trị du lịch mô tả và diễn giải khái niệm về ngành công nghiệp du lịch, vai trò và chức năng của ngành nhằm giải thích tại sao đây là một ngành kinh doanh toàn cầu quan trọng. Học phần này cho thấy cách thức hoạt động du lịch được tổ chức, điều	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: %

		hành và quản lý như thế nào thông qua các đơn vị du lịch - cũng như cách chúng ta muốn thực hiện các kỳ nghỉ và sử dụng thời gian giải trí đã tạo ra một ngành công nghiệp đang nhiều tiềm năng phát triển và cần kiểm soát một cách hiệu quả.			- Thi kết thúc học phần: 60%
	Khoa học quản trị	Khoa học quản trị đề cập đến việc giải quyết các vấn đề quản trị có liên quan đến yếu tố định lượng. Thủ tục trình tự được thực hiện đối với một nhà khoa học quản trị bao gồm: xác định vấn đề và thu thập dữ liệu, diễn giải vấn đề gặp phải dưới ngôn ngữ của mô hình toán, sau cùng giải quyết mô hình một cách logic từ đó đưa ra các kiến nghị giải quyết vấn đề. Theo trình tự này, học phần sẽ tập trung giới thiệu và phân tích các mô hình và kỹ thuật tối ưu hóa khác nhau. Xuyên suốt học phần, sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng các bảng tính để thực hiện các phép toán. Tuy nhiên, học phần không đi sâu vào các thuật toán trong các mô hình này. Thay vào đó, học phần hướng tới việc phân tích tại sao và cách thức mà các mô hình này được ứng dụng vào giải quyết các vấn đề quản trị. Các phân tích về yêu cầu dữ liệu đầu vào và diễn giải ý nghĩa của kết quả cũng được chú trọng.	3	3	Điểm quá trình: 50% - Dự lớp: 10% - Kiểm tra cá nhân (2 bài): 10% - Bài tập nhóm (2 bài): 20% - Thuyết trình nhóm: 10% Thi kết thúc học phần: 50%
	Thiết kế trải nghiệm khách hàng	Mục đích của môn học này là cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và hiểu biết về cách các doanh nghiệp lữ hành và du lịch quản lý trải nghiệm khách hàng. Sinh viên sẽ có thể lập bản đồ hành trình mà khách hàng thực hiện thông qua hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành. Sinh viên sẽ xem xét cách thức công nghệ đang thay đổi cách khách hàng	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%

		tương tác với các doanh nghiệp du lịch và lễ hành và người tiêu dùng trực tuyến và ngoại tuyến là khác nhau rõ ràng.			
	Quản trị đám đông	Tâm lý và hành vi của các cá nhân đơn lẻ thì được công chúng biết đến nhiều nhưng tâm lý và hành vi của đám đông thì khá xa lạ với nhiều nhà quản trị. Tuy nhiên, kiến thức này là phần quan trọng trong quản lý đám đông trong ngành du lịch, đặc biệt là khi có tình huống sự cố xảy ra. Học phần này cung cấp các kiến thức nền tảng về khái niệm đám đông, các yếu tố hình thành nên đám đông, đặc tính tâm lý và hành vi đám đông, các phản ứng cũng như các kỹ thuật quản lý. Các mô hình quản trị đám đông, ma trận phân tích rủi ro đám đông, các phần mềm và thủ thuật tâm lý cũng sẽ được giới thiệu nhằm giúp cho sinh viên chủ động khi làm việc với những tập hợp đông người.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị kênh phân phối trong du lịch	Hiểu cấu trúc hệ thống phân phối ngành du lịch, cách thức khách hàng mua, cơ chế hoạt động của các bên tham gia trong kênh phân phối, đặc tính cạnh tranh, các kiểu bán hàng và thúc đẩy mua sắm, các hình thức thưởng phạt trong phân phối.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	Mục đích của môn học này là nhằm giúp sinh viên xây dựng khả năng đánh giá, thấu hiểu và áp dụng các nguyên tắc, lý thuyết của quản lý nguồn nhân lực (HRM) một cách hiệu quả. Sinh viên sẽ thấu hiểu được tầm quan trọng của đào tạo và phát triển trong việc xây dựng và mở rộng nền tảng kỹ năng của cả tổ chức và đảm bảo nó luôn phù hợp & thích nghi với	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%

		môi trường kinh doanh luôn thay đổi.			
	Quản trị hiệu quả	Học phần này được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết nền tảng về các nguyên tắc quản trị hiệu quả và việc sử dụng các chiến lược về giá cả và kiểm soát năng lực cung ứng để giúp gia tăng lợi nhuận cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ có các đặc điểm sau: sản phẩm không dự trữ được, năng lực cung ứng ổn định tương đối so với nhu cầu, chịu ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này, học phần đi sâu vào hoạt động quản trị hiệu quả trong một số ngành cụ thể của lĩnh vực du lịch, bao gồm: khách sạn, nhà hàng, hãng vận chuyển và công ty lữ hành.	3	4	Điểm quá trình: 50% - Dự lớp: 10% - Thảo luận nhóm: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% Thi kết thúc học phần: 50%
	Tiếp thị trong du lịch	Môn tiếp thị du lịch sẽ hướng dẫn sinh viên trên còn đường học hỏi và khám phá đầy hấp dẫn các khía cạnh của tiếp thị ngành du lịch. Trong suốt quá trình học sinh viên được định hướng và nắm vững các khái niệm, các ứng dụng, cách nhìn nhận cơ hội thị trường, các kinh nghiệm tiếp thị đã được đúc kết và các tình huống thành công đã được ghi nhận trong nghệ thuật tiếp thị du lịch trên quy mô toàn cầu. Tiếp thị vừa là nghệ thuật vừa là khoa học. Sinh viên sẽ nhận ra điều này khi được giới thiệu về vai trò của tiếp thị đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và cộng đồng; khám phá các công cụ và kỹ thuật được sử dụng để phát triển chiến lược tiếp thị. Môn học sẽ đặc biệt nhấn mạnh đến tác động của môi trường đa văn hoá, tầm quan trọng của các yếu tố trong hỗn hợp tiếp thị, các vấn đề nóng bỏng của tiếp thị hiện nay và các	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 70%

		phương pháp phân tích cơ hội tiếp thị trong ngành du lịch. Trong quá trình này sinh viên còn được giới thiệu và hướng dẫn các kỹ thuật tiếp thị trên Internet, nền tảng di động, công nghệ số, dữ liệu lớn... nhằm giúp sinh viên nắm bắt và đón đầu các xu thế mới trong tiếp thị.			
	Điểm đến du lịch toàn cầu	Môn học này sẽ giúp sinh viên có được sự hiểu biết về quy mô, bản chất và sự phát triển của ngành du lịch trên quy mô toàn cầu. Sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng dữ liệu thống kê để phân tích quy mô và giá trị của ngành du lịch trên đa số các vùng lãnh thổ trên thế giới. Sinh viên sẽ được hướng dẫn và xây dựng năng lực kiểm tra sự tăng trưởng du lịch ở các điểm đến cụ thể và các khu vực địa lý khác nhau trên thế giới. Thông qua đó sinh viên sẽ nắm được khả năng xác định các xu hướng và đưa ra các giải thích lý do cho những xu hướng này.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị hiếu khách	Học phần này mô tả các công việc thường nhật xảy ra ở tất cả các phòng ban, bộ phận hoạt động trong các đơn vị kinh doanh dịch vụ giải trí và du lịch. Môn học giúp sinh viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu mỗi bộ phận và những gì anh/chị ta cần làm để các hoạt động được diễn ra thông suốt và đạt hiệu quả. Điểm nhấn của chương trình là hoạt động của bộ phận tiền sảnh, buồng phòng và các bộ phận thuộc nhóm vận hành. Các chủ đề bao gồm cấu trúc doanh nghiệp, trách nhiệm phòng ban, dịch vụ lưu trú, phân bổ nhân sự, huấn luyện và đào tạo, kỹ năng ra quyết định quản lý và khuynh hướng của	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 60%

		ngành công nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần tiếp theo như Quản trị vận hành tour.			
	Quản trị vận hành tour	Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các hiểu biết về kiến thức và kỹ năng quản lý điều hành tour. Sinh viên sẽ nắm bắt được vai trò, chức năng, cơ cấu và cách tổ chức của lĩnh vực điều hành tour cùng các loại hình điều hành tour. Kế sau đó sinh viên sẽ được hướng dẫn xây dựng quy trình thiết kế và kiến tạo nên sản phẩm du lịch trọn gói. Các kiến thức và kỹ năng này sẽ bao gồm luôn cả khả năng giải quyết các các vấn đề mà những người làm lãnh đạo phải đối mặt rất thường xuyên chẳng hạn như việc ra quyết định chiến lược và chiến thuật để đưa doanh nghiệp tới thành công.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quản trị bán sản phẩm lữ hành	Môn học này giới thiệu cho sinh viên về kỹ thuật quản lý bán hàng của thế kỷ 21, cung cấp một cái nhìn tổng quan toàn diện về quản lý bán hàng và trang bị cho sinh viên những công cụ và kiến thức cần thiết để thành công trong môi trường bán hàng ngày càng phức tạp và có nhịp độ nhanh.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 60%
	Phát triển dịch vụ lữ hành	Dịch vụ du lịch được bán cho du khách để mang lại cảm nhận, cảm xúc và các lợi ích tâm lý. Trong bối cảnh hiện nay, khi nhu cầu của du khách thay đổi một cách nhanh chóng thể hiện ở cách thức mà họ đòi hỏi dịch vụ trong các hành trình đòi hỏi dịch vụ lữ hành cần được nghiên cứu một cách thấu đáo và cụ thể để mang lại những trải nghiệm thú vị. Cách tiếp cận theo phương pháp giải quyết vấn đề giúp người học tiếp thu một cách hiệu quả nhất phương	3	5	- Thuyết trình nhóm: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		pháp tư duy để có thể thiết kế sản phẩm lữ hành mới hay phát triển, điều chỉnh sản phẩm hiện hữu.			
	Hướng dẫn du lịch	Môn học trang bị cho người học các kiến thức về nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cũng như quy trình tổ chức hướng dẫn khách du lịch thông qua các phương pháp hướng dẫn khác nhau.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị điểm đến	Mục đích của học phần này là giới thiệu cho sinh viên một đánh giá toàn diện các khái niệm và vấn đề chính về quản lý điểm đến. Đồng thời sinh viên được cung cấp các kiến thức về các tổ chức khác nhau có liên quan trong việc cung cấp định hướng và hỗ trợ cho sự phát triển và tăng trưởng điểm đến du lịch một cách bền vững liên tục. Người học sẽ đánh giá vai trò của các tổ chức khu vực công và tư nhân trong việc phát triển và cung cấp các chiến lược quản lý và tiếp thị điểm đến.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Dự án lữ hành	Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên một cơ hội để tham gia vào làm nghiên cứu bền vững cho một lĩnh vực nghiên cụ thể mà sinh viên lựa chọn. Sinh viên thông qua môn học sẽ có thể thể hiện được năng lực của mình cũng như khả năng xác định một chủ đề nghiên cứu, phát triển các hướng nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và trình bày kết quả nghiên cứu, và trình bày kết quả của nghiên cứu đó ở cả dạng văn bản lẫn thuyết trình. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ có được sự tự tin để tham gia vào các hoạt động nghiên cứu và giải quyết các vấn đề vốn là năng lực và chức	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%

		năng quan trọng của một nhà quản lý.			
	Quản trị quan hệ khách hàng trong du lịch	Môn học giải thích quản trị quan hệ khách hàng là gì, các lợi ích mà nó mang lại, môi trường mà nó được sử dụng, các công nghệ được khai thác, và cách thức mà nó được triển khai. Môn học trình bày các cách thức thực hành quản trị quan hệ khách hàng và các công nghệ được sử dụng để tăng cường thành quả của tiếp thị, bán hàng và dịch vụ xuyên suốt các giai đoạn của chu kỳ sống của khách hàng bao gồm thu hút khách hàng, giữ khách và phát triển thị trường. Môn học cũng cho thấy cách thức phối hợp việc quản trị quan hệ khách hàng với các chức năng khác trong doanh nghiệp.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tiếp thị lữ hành	Môn học cung cấp các kiến thức và cơ hội rèn luyện kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tiếp thị lữ hành. Qua đó sinh viên hiểu một cách toàn diện về cách tổ chức hoạt động, công việc tại cơ sở kinh doanh du lịch lữ hành, phân bổ nguồn lực bao gồm con người và vật liệu và ứng dụng các hoạt động marketing vào ngành du lịch lữ hành. Môn học còn trang bị các kiến thức về khả năng phân tích hành vi khách hàng, phân tích đối thủ cạnh tranh, nghiên cứu thị trường cùng có những bước đầu tiên trong việc lập kế hoạch marketing hoàn chỉnh. Kiến thức về quảng cáo, khuyến mãi, truyền thông sẽ được nắm kỹ thông qua các hoạt động, bài tập trong học phần.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 10% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 70%
	Du lịch theo nhu cầu đặc biệt	Môn học này được thiết kế để nâng cao kiến thức và hiểu biết của sinh viên về thị trường du lịch được quan tâm đặc biệt trên toàn cầu. Sinh viên sẽ điều tra quy mô và phạm vi của các sản phẩm và dịch vụ	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: %

		du lịch sở thích đặc biệt hiện có, đồng thời sẽ thực hiện nghiên cứu để khám phá các cơ hội thích hợp và sở thích đặc biệt mới nổi và đang phát triển.			- Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tâm lý du khách	Khóa học này cung cấp cho sinh viên các khía cạnh của tâm lý du khách để từ đó hiểu các hành vi của họ. Mục tiêu của học phần là trang bị cho sinh viên khả năng nhận diện và phân loại về tâm lý khách du lịch, một trong những khía cạnh quan trọng để ra các quyết định của hoạt động quản trị.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 30% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Quản trị lữ hành doanh nghiệp	Đây là môn học nhằm chuẩn bị và phát triển kiến thức & kỹ năng của sinh viên về một môi trường chuyên nghiệp của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch cùng các hình thức hoạt động căn bản của các đại lý du lịch để có thể đáp ứng nhu cầu của khách du lịch là nhân viên từ các công ty. Thông qua các case study được cập nhật mới nhất có thể phản ánh thực tiễn ngành du lịch hiện tại, sinh viên sẽ xây dựng được năng lực đánh giá một cách nhuần nhuyễn và chuyên nghiệp về thị trường kinh doanh du lịch toàn cầu.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%
	Ứng dụng điện toán trong du lịch	Môn học này sẽ giới thiệu cho sinh viên về hệ thống thông tin trong du lịch, cơ sở hạ tầng viễn thông và mạng internet, cách mà các thành phần này kết nối và hoạt động cũng như cách vận hành hệ thống. Sinh viên sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về thương mại điện tử và các chiến lược trong lĩnh vực kinh doanh du thuyền hiện nay thông qua môi trường số, nền tảng di động, các ứng dụng & phần mềm đặt chỗ toàn cầu và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý nguồn nhân	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: 20% - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: % - Thi kết thúc học phần: 50%

		lực, tiếp thị, bán hàng và hệ thống an ninh.			
	Dịch vụ vận chuyển hành khách	Mục đích của môn học này là nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức & hiểu biết về tầm quan trọng chiến lược của dịch vụ vận tải hành khách trong thế giới hiện đại. Mỗi ngành dịch vụ vận tải hành khách sẽ được giảng dạy cẩn thận nhằm giúp sinh viên thấu hiểu được về cơ cấu, tổ chức và quản lý của mỗi ngành & loại hình dịch vụ vận tải này. Các xu hướng mới nhất đang ảnh hưởng đến các ngành dịch vụ vận tải cũng sẽ được phân tích cụ thể & cẩn thận nhằm làm rõ các tác động của chúng đối với việc quản lý các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ vận tải.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị phân phối lữ hành	Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về chuỗi phân phối phức tạp trong ngành du lịch. Môn học này sẽ bao gồm bản chất của các mối quan hệ giữa các tổ chức ở các giai đoạn khác nhau trong chuỗi phân phối: đại lý, người bán buôn và người bán lẻ. Sinh viên sẽ nghiên cứu các mối quan hệ qua lại và những mối quan hệ này đã thay đổi như thế nào do một loạt các yếu tố bao gồm tăng cường tích hợp, công nghệ và xu hướng tiêu dùng.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Du lịch trọn gói	Mục đích của môn học này là cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và hiểu biết về thiết kế, quản lý và phân phối các sản phẩm và gói sản phẩm. Môn học tạo điều kiện để sinh viên phát triển sự hiểu biết của họ về cách các nhà điều hành tour sử dụng các nguyên tắc đóng gói năng động để cải thiện các sản phẩm và dịch vụ mà họ cung cấp, đồng thời có thể phản ứng nhanh chóng với	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		nhu cầu thay đổi của thị trường.			
	Du lịch có trách nhiệm	Mục đích của môn học này là cung cấp cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về du lịch có trách nhiệm, cũng như cách thức hoạt động này được quản lý và phát triển ở các quốc gia khác nhau. Sinh viên bắt đầu với việc hiểu khái niệm và ý nghĩa của du lịch có trách nhiệm, sau đó sẽ áp dụng điều này vào tình huống ‘thực tế’ thông qua việc tạo ra một nghiên cứu điển hình về phát triển du lịch quốc gia hoặc địa phương. Điều này sẽ liên quan đến việc lập kế hoạch, giải quyết xung đột lợi ích, cân bằng cung với cầu, các vấn đề luân lý và đạo đức, và các vấn đề kinh tế và môi trường xã hội.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Phát triển du lịch bền vững	Học phần nhằm giới thiệu khái niệm bền vững và phát triển bền vững trong lĩnh vực du lịch. Sinh viên sẽ phân tích các nguyên tắc của du lịch bền vững và ứng dụng thực tế của nó từ quan điểm của các nhà quản lý điểm đến và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Một trong những mục tiêu cơ bản là hiểu rõ hơn về các khía cạnh lý thuyết và thực tiễn của quản lý môi trường trong lĩnh vực du lịch, cũng như các vấn đề liên quan đến tính bền vững kinh tế và xã hội của phát triển du lịch.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Văn hoá và di sản	Môn học này xem xét việc quản lý di sản và văn hóa một cách đổi mới và vai trò của nó trong ngành du lịch văn hóa. Môn học cung cấp cho sinh viên cơ hội để phát triển các kỹ năng kinh doanh và sáng tạo của riêng họ khi lập kế hoạch quản lý phát triển du lịch văn hóa và di sản.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

	Kiến tập (Học kỳ doanh nghiệp)		5	6	
	Chuyên đề tốt nghiệp		10	7	
12	Ngành Kinh doanh nông nghiệp				
	Triết học Mác - Lênin	Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. • Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. • Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống • Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội.	3	1	- Đánh giá quá trình: 50% • Dự lớp: 15% • Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% • Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% • Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu) Thời gian làm bài: 75 phút
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) Điểm học phần: 100%

		nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.			
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	2	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những	2	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng

		tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.			- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	5	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Ngoại ngữ 1	Tiếng Anh P1: • Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. • Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như careers, companies, selling, great ideas và stress. • Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng	4	1	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).			
	Ngoại ngữ 2	Tiếng Anh P2: • Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. • Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như new business, marketing, planning, managing people và conflict. • Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	2	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 3	Tiếng Anh P3: • Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như brands, organizational structures, investment, international business, và ethics. • Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. • Trang bị kiến thức và kỹ năng cho việc thi lấy chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp quốc tế (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR). • Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm.	4	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - LMS: 10% - Thi Speaking: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Ngoại ngữ 4	Tiếng Anh P4: Chủ đề của các bài học bao gồm các vấn đề như kinh doanh và kinh tế, việc làm, sản xuất, tiếp thị, ngân hàng, đạo đức kinh doanh, tỷ giá hối đoái và thương mại quốc tế. Mỗi bài học gồm 02 phần chính: • Phần 1 là các bài đọc hiểu chuyên sâu để giải thích các khái niệm cơ bản về kinh tế và kinh doanh. Phần này cung	4	4	- Dự lớp: 10% - LMS: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về chủ đề chương học và giúp sinh viên phát triển các kỹ thuật đọc hiểu. Theo sau các bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, các bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học. • Phần 2 là một bài đọc trích từ sách báo, tạp chí hoặc là một bài luyện nghe các cuộc phỏng vấn các doanh nhân hoặc các nhà kinh tế học. Trong phần này cũng có các bài tập kiểm tra mức độ nghe hiểu và các hoạt động nâng cao kỹ năng nói bao gồm thảo luận, đóng vai hoặc một bài viết ngắn có liên quan đến chủ đề được học.			
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng, ... • Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. • Định thức và các tính chất quan trọng. • Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. • Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. • Hàm một biến và các kiến thức liên quan. • Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan • Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2. Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế.	3	1	- Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần này cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ liệu về các	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20%

		hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.			- Thi kết thúc học phần: 60%
	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kinh tế vi mô là môn học nhập môn của các sinh viên thuộc khối ngành Kinh tế, Kinh doanh và Quản lý. Học phần này sẽ giới thiệu sinh viên về các nguyên tắc cơ bản của kinh tế vi mô. Môn học này sẽ giúp người học cách thức ra quyết định và hiểu thế giới vận hành như thế nào thông qua việc nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm. Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể và sự tương tác ảnh hưởng như thế nào đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường, vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh.	3	1	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: %

		và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá, ... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.			- Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: • Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. • Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến	3	1	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, ...	3	1	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu chính của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần bao gồm: • Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề • Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh • Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả • Kỹ năng định vị bản thân • Kỹ năng tư duy phục vụ.	2	2	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.

Khởi nghiệp kinh doanh	Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết	1	6	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
------------------------	---	---	---	--

		hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Môi quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh và tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	ERP (SCM)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống phần mềm ERP. Các thành phần chính trong một hệ thống ERP và mối liên hệ giữa chúng với hệ thống thông tin, qui trình chức năng – nghiệp vụ của doanh nghiệp. Cụ thể là: • Hiểu rõ ERP là gì? Mục tiêu và các thành phần chính trong hệ thống ERP. • Nắm vững quá trình hình thành và phát triển hệ thống phần mềm ERP. • Hiểu rõ nguyên lý hoạt động của phân hệ SCM (quản trị chuỗi cung ứng), cụ thể là các phần	2	6	- Dự lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		- Product Management (Quản trị sản phẩm) - Procurement (Mua hàng) - Trading (Giao dịch) Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được thực hành minh họa trên hệ thống ERP cụ thể. Nội dung học phần gồm: • Cung cấp các khái niệm trong ERP bao gồm: - Thành phần chính trong một hệ thống ERP - Cách thức hoạt động của hệ thống ERP - Hiểu rõ mục tiêu của ERP muốn hướng tới - Cách thức áp dụng ERP trong doanh nghiệp • Giới thiệu về hệ thống Microsoft Dynamicx AX. • Khởi tạo và quản lý dữ liệu về sản phẩm cùng các thông số liên quan trên hệ thống Dynamic AX • Hiểu rõ nguyên lý của các quy trình Procurment, thực hành trên hệ thống Dynamix AX. • Hiểu rõ nguyên lý của các quy trình Trading, thực hành trên hệ thống Dynamix AX.			
	Kinh tế vi mô ứng dụng	Môn học này là sự tiếp nối của môn Nguyên lý Kinh tế học vi mô khi người học đã được làm quen với các khái niệm và nguyên lý căn bản trong việc mô tả và phân tích hành vi của các cá nhân và tổ chức trong một nền kinh tế, và cách thức mà thị trường vận hành. Ở học phần tiếp theo này với mục tiêu nhấn mạnh vào tính ứng dụng của các lý thuyết kinh tế sẽ giúp người học (i) nâng cao khả năng phân tích các vấn đề kinh tế vi mô và (ii) mở rộng kiến thức sang những chủ đề mới. Các chủ đề đã làm quen trong môn Nguyên lý Kinh tế học vi mô (lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết nhà sản xuất, và cân	3	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		bằng thị trường) sẽ được thảo luận theo một cách thức nâng cao hơn. Cụ thể, những nền tảng khoa học đằng sau một đường cầu có độ dốc âm, một đường cung có độ dốc dương, và điểm cân bằng thị trường. Các chiến lược định giá nâng cao cũng sẽ được thảo luận và phân tích chuyên sâu. Một chủ đề mới sẽ được thảo luận là lựa chọn của tác nhân kinh tế trong điều kiện rủi ro. Tất cả những chủ đề này đều tập trung vào phân tích lựa chọn đơn lẻ của tác nhân kinh tế. Một công cụ phân tích quan trọng trong kinh tế học vi mô sẽ được giới thiệu lần đầu là lý thuyết trò chơi. Lý thuyết trò chơi cung cấp khung phân tích cho những tình huống mà các tác nhân kinh tế không còn lựa chọn đơn lẻ, thay vào đó các tác nhân kinh tế sẽ tương tác với nhau. Cụ thể, khi một tác nhân kinh tế ra quyết định phải cân nhắc đến phản ứng của các tác nhân kinh tế khác. Những ứng dụng của lý thuyết trò chơi sẽ được thảo luận, bao gồm cạnh tranh trong kinh doanh, xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu, và các tương tác trong cuộc sống hàng ngày. Một chủ đề mới sẽ được thảo luận là vấn đề về thông tin trong các quyết định kinh tế, bao gồm thông tin bất cân xứng và thông tin không đầy đủ. Đi kèm với chủ đề này vấn đề về thiết kế cơ chế để ảnh hưởng hành vi của tác nhân kinh tế. Ngoại tác và hàng hóa công cũng là một trong những chủ đề được giảng dạy trong môn học này giúp cho người học hiểu rõ vai trò của chính phủ và các quyết định trong khu vực công nhằm sửa chữa những thất bại của thị trường,			
--	--	--	--	--	--

		hỗ trợ nền kinh tế hoạt động hiệu quả và công bằng. Tất cả khái niệm, nguyên lý, và công cụ phân tích trong học phần này sẽ được áp dụng vào các vấn đề thực tiễn thông qua các ví dụ trong bài giảng, bài tập về nhà, thảo luận nhóm và thi cuối kỳ. Đặc biệt, học phần này được thiết kế một cách linh hoạt để giúp sinh viên có thể dễ dàng áp dụng các khái niệm và lý thuyết kinh tế vào lĩnh vực nông nghiệp thực phẩm. Các tình huống nghiên cứu, ví dụ minh họa, bài tập và bài luận đều liên quan đến các trang trại, công ty kinh doanh nông nghiệp và những người tiêu dùng các nông sản thực phẩm. Ngoài ra, học phần cũng phân tích ảnh hưởng của kinh tế số đến các kết quả thị trường.			
	Kinh tế vĩ mô ứng dụng	Kinh tế vĩ mô ứng dụng sẽ giới thiệu cho sinh viên các kiến thức sau đây: • Kinh tế vĩ mô ứng dụng được xây dựng trên nền tảng kiến thức nền của môn Kinh tế vĩ mô. Như chúng ta đã nghiên cứu trong giai đoạn cơ bản, Kinh tế vĩ mô là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá, ... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này trong cả ngắn hạn và dài hạn. • Trong phần ứng dụng này, sinh viên sẽ được yêu cầu thực	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bản thu hoạch: 20% [Dự án nhóm] - Thi kết thúc học phần: 60% [Dự án cá nhân/nhóm]

		hành các tình huống thực tế, triển khai và thảo luận các bài tập lớn trên lớp. Để làm được điều đó, sinh viên sẽ được yêu cầu thu thập, phân tích và viết báo cáo về các sự kiện cũng như các mối quan hệ của các biến số kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế. Mục tiêu quan trọng nhất vẫn là giúp người học có thể nghe, đọc, hiểu và đưa ra các quan điểm cá nhân trước những thông tin và chính sách kinh tế của một quốc gia cũng như thế giới. • Chúng ta sẽ bắt đầu môn học bằng cách nghiên cứu mối quan hệ bốn khu vực cơ bản bao gồm: (1) Sản xuất; (2) Ngân sách; (3) Tiền tệ; và (4) Nước ngoài thông qua tìm hiểu đầy đủ hơn về hạch toán thu nhập quốc dân và cân cân thanh toán. Qua đó, những kết nối nhất quán giữa các mục tiêu, công cụ chính sách và sự liên hệ giữa các chỉ tiêu tổng thể sẽ được thể hiện thông qua tác động của các công cụ chính sách cũng như những thay đổi có tính ngoại sinh. Khu vực sản xuất xem xét việc xác định các chỉ tiêu hạch toán quốc dân, cụ thể là GDP, việc làm, lạm phát, tổng cung tổng cầu...; khu vực ngân sách phân tích chính sách thu chi ngân sách liên quan đến thu, chi, tài trợ và vay nợ của chính phủ; khu vực tiền tệ bàn về những công cụ kiểm soát tiền tệ trực tiếp và gián tiếp với vai trò quan trọng của ngân hàng trung ương; và khu vực nước ngoài sẽ phân tích về các giao dịch hàng hoá và dịch vụ, giao dịch vốn, nợ bên ngoài và các chính sách tỉ giá hối đoái. • Các vấn đề kinh tế vĩ mô ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sau cuộc khủng hoảng toàn cầu			
--	--	---	--	--	--

		năm 2008. Trên bình diện lý thuyết và thực tiễn, người ta không chỉ thấy tầm quan trọng của kinh tế vĩ mô mà còn nảy sinh nhu cầu phải cải cách môn học này một cách toàn diện hơn. Chúng bao gồm các liên hệ mang tính toàn cầu và khu vực chứ không chỉ giới hạn trong phạm vi hạn hẹp của một nền kinh tế riêng lẻ, và đóng vai trò quan trọng trong đời sống của các cá nhân, doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước, các quá trình chính trị và quan hệ quốc tế. • Đặc biệt, môn học sẽ được thiết kế một cách linh hoạt để giúp sinh viên có thể dễ dàng áp dụng các khái niệm và mô hình kinh tế vào ngành nông nghiệp và thị trường nông nghiệp. Các tình huống nghiên cứu, các ví dụ minh họa, bài tập và bài luận đều liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm và thị trường các sản phẩm nông nghiệp.			
	Kinh tế lượng ứng dụng	Học phần kinh tế lượng ứng dụng hướng đến những sinh viên mong muốn đạt được những kiến thức thực hành và các kỹ thuật kinh tế lượng. Do đó, khoá học được thiết kế theo hướng áp dụng những kiến thức lý thuyết thống kê và kinh tế lượng vào trong thực tiễn phân tích số liệu thống kê, tập trung trong việc xây dựng các mô hình kinh tế lượng khác nhau phù hợp với yêu cầu thực tế, ứng dụng trong việc kiểm định các giả thuyết kinh tế và tài chính, xác định vai trò cũng như mức độ ảnh hưởng của các vấn đề mà nhà kinh tế quan tâm. Khoá học đòi hỏi sinh viên phải hiểu rõ những nội dung được giảng dạy trong thống kê trong kinh doanh và kinh tế, kinh tế vi mô và vĩ mô.	3	3	- Chuyên cần: 10% - Thảo luận nhóm và báo cáo: 30% - Thuyết trình giữa học phần: 20% - Bài báo cáo kết thúc học phần: 50%

		Những mô hình kinh tế lượng được thực hành trong khoá học có nhiều ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản trị, chính sách công và một số lĩnh vực khác. Khoá học nổi bật với những ví dụ và bài tập thực hành từ số liệu thực tế được rút ra từ những đề tài nghiên cứu thực tiễn trên một số lĩnh vực khác nhau liên quan đến từng chuyên ngành, đây là một lợi thế cho người học vừa tiếp cận với mô hình kinh tế lượng thực tế trên phần mềm thống kê chuyên sâu (R) cũng như các kiến thức trên các lĩnh vực liên quan.			
	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Một trong những kỹ năng thiết yếu mà sinh viên ngành kinh tế cần có là khả năng phân tích vấn đề và cách thức giải quyết vấn đề kinh tế. Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu. Đây là cách tốt nhất để học môn học này.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 30% - Báo cáo cuối kỳ: 50%
	Kinh tế học tài chính	Những tiến bộ mang tính đột phá trong lý thuyết tài chính và thực tiễn những thập kỷ qua đã làm thay đổi sâu sắc thế	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thi giữa học phần: 30%

		giới tài chính. Những thay đổi này còn được đẩy nhanh bởi toàn cầu hóa sâu rộng của thị trường tài chính và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ tài chính trong những năm gần đây. Học phần này cung cấp nền tảng và các nguyên tắc cơ bản của phân tích tài chính hiện đại và các ứng dụng của chúng đối với các thách thức kinh doanh trong việc lập ngân sách vốn, đánh giá dự án, các quyết định đầu tư và tài trợ của doanh nghiệp cũng như quản lý đầu tư. Học phần được dựa trên các bài giảng. Các bài giảng sẽ bao gồm lý thuyết, ví dụ và thảo luận trên lớp. Bài tập về nhà sẽ tập trung vào việc áp dụng tài liệu từ các bài giảng. Các chủ đề chính được đề cập gồm: • Giá trị thời gian của tiền tệ • Giới thiệu về các công cụ tài chính • Rủi ro và lợi nhuận • Lý thuyết danh mục đầu tư • Phân bổ vốn và cấu trúc tài chính • CAPM • Hiệu quả thị trường			- Thi kết thúc học phần: 50%
	Kinh tế quốc tế	Môn học cung cấp kiến thức về môi trường kinh tế, thương mại và tài chính toàn cầu. Chủ đề chính bao gồm toàn cầu hóa, học thuyết thương mại và đầu tư quốc tế, công cụ thương mại và đầu tư quốc tế, hội nhập kinh tế, khác biệt của các nền kinh tế mới nổi, phát triển kinh tế và thương mại, công ty đa quốc gia, thuế ngoài toàn cầu và thị trường tài chính – tiền tệ quốc tế.	3	3	- Dự lớp: 10% - Bài nghiên cứu cá nhân: 25 % - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị học	Quản trị học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một	3	2	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10%

		tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm: khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.			- Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% Hình thức đánh giá: Thuyết trình: trình bày theo nhóm, GVHD chọn ngẫu nhiên thành viên trong nhóm Báo cáo: nộp file word theo nhóm qua hệ thống kiểm tra chống đạo văn Turnitin trên LMS của lớp Thi giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, được sử dụng tài liệu Thi kết thúc học phần: 75 phút, trắc nghiệm 100 câu, không sử dụng tài liệu
	Marketing căn bản	Môn học sẽ giới thiệu cho sinh viên các nội dung như vai trò của marketing và tầm quan trọng của marketing trong các tổ chức và trong xã hội; vai trò của giám đốc marketing trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác; các nguyên lý, các khái niệm và các mô hình về marketing theo quan điểm ứng dụng thực tiễn; công cụ marketing hỗn hợp; môi trường marketing; định vị sản phẩm; hành vi khách hàng; kế hoạch marketing; phát triển sản phẩm; quảng cáo và quan hệ công chúng; các kênh phân phối; phân tích các cơ hội marketing và thiết kế một hỗn hợp marketing cho các thị trường mục tiêu khác nhau.	3	2	Giảng viên có thể chọn 1 trong các cách đánh giá sau: Cách 1: - Dự lớp: 5% - Thảo luận tình huống: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 70% Cách 2: - Dự lớp: 5% - Tiểu luận: 15% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Quản trị chiến lược toàn cầu	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự hiểu biết về môi trường	3	5	- Chuyên cần: 10 %

		toàn cầu, tác động của nó đối với hoạt động kinh doanh toàn cầu, lựa chọn các chiến lược cụ thể cho việc gia nhập thị trường nước ngoài, duy trì các lợi thế cạnh tranh tốt nhất của mô hình kinh doanh toàn cầu, phát triển năng lực tổ chức bằng cách phát triển lợi thế và cam kết thực hiện chiến lược, và triển khai hoạt động liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược. Tóm lại, môn học này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng về thiết kế và lựa chọn chiến lược kinh doanh toàn cầu hiệu quả.			- Thảo luận/Tình huống (LMS): 20 % - Nhóm (final presentation): 20 % - Cuối kỳ: 50 %
	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	Môn học này giới thiệu các khái niệm, ứng dụng và công cụ của Quản lý vận hành và chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu, bao gồm: • Quản lý vận hành là sự thiết kế hệ thống nhằm chuyển hóa các yếu tố đầu vào thành sản phẩm (và cả dịch vụ) đầu ra sao cho hiệu quả và đạt các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp. • Quản lý chuỗi cung ứng là việc quản lý dòng dịch chuyển của không những các yếu tố vật chất xuyên suốt từ khâu “đầu vào” đến khi chúng được biến chuyển thành các yếu tố “đầu ra” mà còn là sự quản lý các yếu tố có liên quan như thông tin, tài chính, rủi ro, pháp lý, chính sách,... có liên quan nhằm đạt được mức tối ưu trong hoạt động cung ứng, tạo ra các giá lý tích cực cho các bên tham gia.	3	4	- Dự lớp: 10% - Bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình nhóm: 20% - Thi: 50%
	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	Đây là học phần cốt lõi của chương trình kinh doanh nông nghiệp. Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết nhất định về các khái niệm và các nguyên lý quan trọng để quản trị thành công một doanh nghiệp nông nghiệp. Mặc dù hầu hết các	3	4	- Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% - Báo cáo/Dự án nhóm: 40% - Thi kết thúc học phần: 40%

		khái niệm sẽ có thể áp dụng vào việc quản trị các nông trại hoặc khâu sản xuất trong chuỗi giá trị, nhưng học phần này sẽ tập trung nhiều vào các khu vực kinh doanh thực phẩm nông nghiệp và vật tư nông nghiệp của hệ thống sản xuất và marketing thực phẩm. Các nội dung bao gồm vai trò của giám đốc kinh doanh nông nghiệp, các nhiệm vụ của giám đốc kinh doanh nông nghiệp; phân tích sâu vấn đề tổ chức của một công ty kinh doanh nông nghiệp, lập kế hoạch kinh doanh nông nghiệp, kiểm soát các hoạt động kinh doanh của công ty kinh doanh nông nghiệp; phân tích các chức năng cơ bản: quản trị marketing kinh doanh nông nghiệp, quản trị tài chính kinh doanh nông nghiệp, quản trị vận hành kinh doanh nông nghiệp, quản trị nguồn nhân lực và công nghệ của doanh nghiệp nông nghiệp trong kỷ nguyên số; quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp, các hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm và vai trò của chuyển đổi số; phân tích các thị trường nông nghiệp; thách thức và triển vọng của ngành kinh doanh nông nghiệp; các xu thế mới trong sản xuất nông nghiệp thực phẩm và các khía cạnh đang thay đổi trong kinh doanh nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam.			
	Logistics quốc tế	Khóa học này nhằm cung cấp kiến thức, quan điểm và định hướng trong ngành logistics: • Tầm quan trọng của logistics đối với nền kinh tế nói chung và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp nói riêng. • Các hoạt động và chức năng của Logistics dựa trên 3 dòng nguồn lực chính: (1) vật chất: khái niệm và các loại kho, tầm	3	5	- Thảo luận và bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		quan trọng của kỹ thuật đóng gói và xử lý vật liệu trong quản lý kho, các loại hình vận chuyển và quản lý vận tải; (2) thông tin: các loại hệ thống quản lý thông tin thường được sử dụng trong quản lý hậu cần; (3) tài chính: các quyết định hậu cần ảnh hưởng như thế nào đến các chiến lược tài chính của doanh nghiệp. • Quản lý hậu cần (quản lý nhu cầu, quản lý đơn hàng và dịch vụ khách hàng) và các vấn đề liên quan khác. • Các xu hướng Logistics trên thế giới; cơ hội và thách thức đối với logistics trong nước (Việt Nam).			
	Chiến lược kinh doanh nông nghiệp	Đây là một học phần tích hợp và đòi hỏi sinh viên sử dụng kiến thức và kỹ năng từ học phần này và các học phần trước để áp dụng vào phân tích các vấn đề và tình huống chiến lược kinh doanh thực tế trong ngành nông nghiệp thực phẩm. Môn học này sẽ trình bày chi tiết hơn về quản trị chiến lược cho các công ty kinh doanh nông nghiệp. Học phần này sẽ phát triển các kỹ năng cần thiết của các giám đốc chuyên nghiệp như tư duy phản biện, sự sáng tạo và mức độ chuyên nghiệp trong thuyết trình. Nhiều thay đổi lớn đang diễn ra liên quan đến cách thức mà các doanh nghiệp, ngành và quốc gia cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Điều này đòi hỏi sinh viên tốt nghiệp phải biết suy nghĩ khác biệt về cách thức phát triển chiến lược kinh doanh, và làm thế nào để giúp doanh nghiệp chuyển từ một mô hình cạnh tranh sang mô hình hợp tác cùng có lợi, trong đó văn hóa đổi mới được xem như yếu tố cốt lõi của sự khác biệt bền vững của công ty trước bối cảnh công nghiệp 4.0	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bản thu hoạch cá nhân: 30% - Bài thực hành mô phỏng: 30% - Thi kết thúc học phần: 30%

		và kỹ nguyên số. Các chiến lược “kinh doanh như bình thường” trở nên vô cùng rủi ro trong một môi trường kinh doanh đang thay đổi nhanh chóng và thay đổi liên tục như hiện tại và tương lai. Các chiến lược kinh doanh theo kiểu cũ có thể nhanh chóng trở nên lạc lõng và không còn thích hợp trong các thị trường của kỹ nguyên công nghệ 4.0. Quản trị chiến lược là sự sống còn cho sự tồn vong của doanh nghiệp. Thế giới thương mại ngày càng năng động và trở nên phức tạp khôn lường. Chính vì thế mà các nhà quản lý trong một môi trường cạnh tranh toàn cầu với vô vàng thử thách cần phải có sự hiểu biết về các nguyên lý của chiến lược kinh doanh và có thể áp dụng các nguyên lý này vào mọi chức năng và trách nhiệm quản trị trong doanh nghiệp như sản xuất, bán hàng, tài chính và nguồn nhân lực. Khóa học này là một cơ hội để sinh viên có thể tích hợp các kỹ năng khác nhau, các kiến thức khác nhau và phân tích các tình huống ứng dụng cụ thể về quản trị chiến lược trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp.			
	Dự án kinh doanh nông nghiệp	Môn học này tích hợp các nguyên lý về thẩm định dự án, kế hoạch kinh doanh, marketing và sử dụng bảng tính Excel để thực hành thẩm định và trình bày kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Các nội dung cơ bản bao gồm xác định mục tiêu, nhận dạng dự án, ước lượng các lợi ích và chi phí của dự án, xây dựng các báo cáo ngân lưu dự án, xác định suất chiết khấu thích hợp cho các quan điểm thẩm định khác nhau, áp dụng các	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% -Thuyết trình: 10% - Bài thực hành cá nhân: 40% - Dự án nhóm: 40%

		tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính và kinh tế của dự án, thực hiện phân tích và quản trị rủi ro của dự án. Môn học bắt đầu với thực hành trên máy tính các dự án khác nhau trong lĩnh vực nông nghiệp để giúp sinh viên thành thạo các bước tiến hành thẩm định dự án đầu tư từ việc nhận dạng và đo lường các hạng mục của dự án, xây dựng báo cáo ngân lưu tài chính (các nguyên tắc; biên dạng ngân lưu; cách chuẩn bị bảng thông số, các chỉ số giá, kế hoạch đầu tư, lịch khấu hao, kế hoạch tài trợ, lịch vay và trả nợ, xử lý lãi vay trong thời kỳ xây dựng, kế hoạch sản xuất sản xuất và doanh thu, kế hoạch hoạt động và chi phí hoạt động, báo cáo thu nhập và dự trù thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án, kế hoạch vốn lưu động, các báo cáo ngân lưu tài chính), chiết khấu và tính toán các tiêu chí về hiệu quả tài chính và kinh tế đến xây dựng các kế hoạch marketing, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch huy động vốn, và sau cùng là sinh viên thực hiện và trình bày một dự án khởi nghiệp hoàn chỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp. Ngoài những tình huống giáo khoa thì khóa học sẽ tạo điều kiện cho sinh viên thực hành nhiều dự án nông nghiệp công nghệ cao từ các doanh nghiệp nông nghiệp tại Việt Nam.			
	Nghiên cứu thị trường nông nghiệp	Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên một số nội dung và kỹ thuật cần thiết trong lĩnh vực nghiên cứu thị trường nông nghiệp. Nghiên cứu thị trường trở nên rất quan trọng cho các doanh nghiệp nông nghiệp bởi vì doanh nghiệp luôn muốn biết các khách hàng hiện tại và	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 10% - Dự án nhóm: 40% - Thi kết thúc học phần: 40%

		tiềm năng của họ là ai, và họ đánh giá các sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp như thế nào. Nhờ thực hiện nghiên cứu thị trường mà các doanh nghiệp có thể hiểu biết tốt hơn những khách hàng hiện tại và tiềm năng của mình, và những yếu tố ảnh hưởng việc ra quyết định mua sắm của người tiêu dùng, đặc biệt là các nông sản thực phẩm. Qua học phần này, sinh viên sẽ khám phá có tính phê phán các nguyên lý nghiên cứu thị trường, các khái niệm và các mô hình nghiên cứu từ một quan điểm thực tiễn. Nghiên cứu thị trường hiệu quả đòi hỏi sinh viên phải biết nhận dạng vấn đề, phát triển một cách tiếp cận và thiết kế nghiên cứu một cách bài bản, thu thập số liệu, phân tích và giải thích số liệu một cách đúng đắn, và trình bày kết quả nghiên cứu một cách chuyên nghiệp. Với kiến thức thu được từ khóa học này, sinh viên có thể đánh giá và thiết kế các nghiên cứu thị trường hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp. Khóa học này còn là bước chuẩn bị lý tưởng cho những sinh viên có ý định thực tập theo hướng nghiên cứu tại các công ty kinh doanh nông nghiệp vào học kỳ cuối. Môn học sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng giao tiếp, quản lý nhóm một cách hiệu quả và các kỹ năng thu thập và phân tích số liệu thống kê một cách khoa học. Ngoài ra, môn học này cũng giúp sinh viên có một sự hiểu biết và nhận thức tốt hơn về bản thân với tư cách là một người tiêu dùng, và có thể xem xét áp dụng các khái niệm nghiên cứu thị trường để hỗ trợ sự phát triển cho nghề nghiệp trong tương lai.			
--	--	---	--	--	--

	Marketing và quản trị xuất khẩu nông sản	Xuất khẩu các nông sản và các sản phẩm có giá trị gia tăng cao là một phần ngày càng quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Học phần này được thiết kế để trang bị cho sinh viên kiến thức về chiến lược marketing quốc tế dùng cho tổ chức bộ máy quản trị hoạt động marketing và xuất khẩu nông sản ra các thị trường quốc tế. Khóa học bao gồm 9 bài giảng được thiết kế tập trung vào hai phần: (i) Thị trường cạnh tranh nông sản quốc tế, các phương thức marketing nông sản xuất khẩu, chiến lược sản phẩm, chiến lược giá nông sản, và chiến lược thị trường xuất khẩu; (ii) Hệ thống tổ chức và quản trị marketing nông sản xuất khẩu, gồm quản trị chuỗi cung ứng và phân phối nông sản xuất khẩu, khuyến mại, quảng cáo, truyền thông marketing, tổ chức hoạt động marketing xuất khẩu nông sản chuyên biệt và đánh giá hiệu quả các chiến lược marketing xuất khẩu. Khía cạnh chuyển đổi số được lồng ghép vào các bài giảng để giúp sinh viên thấy được các cơ hội và thách thức của các nông sản Việt Nam ở các thị trường phát triển. Ngoài ra, môn học cũng giúp sinh viên tư duy phản biện, tư duy phân tích, sự sáng tạo và kỹ năng thuyết trình chuyên nghiệp.	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bài luận cá nhân: 20% - Dự án nhóm: 30% - Thi kết thúc học phần: 40%
	Chuỗi cung ứng thực phẩm bền vững	Môn học này giới thiệu cho sinh viên các vấn đề cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng thực phẩm bền vững. Các nội dung sẽ bao gồm các khái niệm và nguyên lý của quản trị chuỗi cung ứng; tối ưu hóa chuỗi cung ứng; lòng tin, quyền lực và công bằng trong các chuỗi cung ứng; các chủ thể trong một chuỗi cung ứng, các loại	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 15% - Thuyết trình: 10% - Báo cáo/Dự án nhóm: 30% - Thi kết thúc học phần: 40%

		chuỗi cung ứng, các nhân tố ảnh hưởng chuỗi cung ứng, các hệ thống thực phẩm địa phương; sản xuất thực phẩm: các khâu chính từ sản xuất đến người tiêu dùng, những rào cản phát triển ngành nông nghiệp thực phẩm; chế biến thực phẩm: tầm quan trọng, các điều kiện thị trường, các quy trình; bán lẻ thực phẩm: môi trường bán lẻ, các kênh bán lẻ, bán hàng online; logistics thực phẩm: các môi trường logistics, đóng gói trong logistics, kiểm soát nhiệt độ trong logistics; áp dụng công nghệ số trong các chuỗi cung ứng thực phẩm; tạo và chia sẻ giá trị trong các chuỗi thực phẩm; các vấn đề về môi trường trong các chuỗi cung ứng thực phẩm; quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc trong các chuỗi cung ứng; quản trị rủi ro trong các chuỗi cung ứng; các chính sách quản lý và các xu thế trong quản trị chuỗi cung ứng thực phẩm. Sinh viên yêu cầu phải thể hiện sự am hiểu các chuỗi cung ứng toàn cầu liên quan đến các mặt hàng nông sản thực phẩm như cà phê, đậu nành, gạo, đường, sữa, trứng, thịt, thủy sản, trái cây và các loại rau củ.			
	Thị trường hàng hóa phái sinh	Quản lý rủi ro là một phần rất quan trọng của bất kỳ doanh nghiệp nào, đặc biệt là các công ty kinh doanh nông nghiệp có liên quan đến ngoại thương các hàng hóa nông nghiệp. Mặc dù có nhiều nguồn rủi ro, nhưng quản lý rủi ro giá cả có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với kinh doanh nông nghiệp như các chủ nông trại, các công ty thương mại hoặc những nhà chế biến hạ nguồn của chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Bài tập cá nhân: 40% ☐ Bài thực hành cá nhân : 40%

		Môn học này giới thiệu cho sinh viên quy trình quản lý rủi ro giá nông nghiệp theo cả quan điểm của nông dân cũng như công ty thương mại. Chúng ta sẽ xem xét các công cụ sẵn có khác nhau để giúp các giám đốc kinh doanh nông nghiệp quản lý rủi ro giá cả và phát triển một khung phân tích để giúp doanh nghiệp hoặc nông trại xây dựng một chiến lược quản lý rủi ro về giá một cách hiệu quả. Chúng ta sẽ xem xét các hợp đồng khác nhau có thể được sử dụng để chuyển giao rủi ro giá nông nghiệp như hợp đồng liên doanh, hợp đồng tương lai, hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn, etc. Ngoài ra, các kỹ thuật phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật sẽ được giới thiệu để giúp sinh viên có thể trở thành nhà đầu tư hoặc chuyên viên phân tích trên các sàn giao dịch hàng hóa. Trong khóa học này, sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng các công cụ được học để thực hành giao dịch hàng hóa trực tuyến trên Sở giao dịch hàng hóa Việt Nam. Khóa học này sẽ được các chuyên gia hàng đầu ở Sàn Giao dịch hàng hóa Việt Nam giảng dạy.			
	Marketing kinh doanh nông nghiệp	Học phần này cung cấp cho sinh viên các khung lý thuyết và nhiều ví dụ thực tế để sinh viên có thể áp dụng các cách tiếp cận hiện đại vào lĩnh vực marketing của các công ty kinh doanh nông nghiệp thực phẩm. Mục tiêu của học phần là trang bị cho sinh viên kiến thức đủ để lập kế hoạch và thực hiện các chiến lược và chiến thuật marketing hiệu quả trong kinh doanh nông nghiệp. Cụ thể, sinh viên sẽ học các nội dung về thị trường các nông sản thực phẩm; lý thuyết kinh tế về các chiến lược	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 10% - Dự án nhóm: 40% - Thi giữa học phần: 40%

		marketing kinh doanh nông nghiệp: cung – cầu, các cấu trúc thị trường, đo lường mức độ tập trung thị trường; các giai đoạn phát triển các chiến lược marketing kinh doanh nông nghiệp: xây dựng một kế hoạch marketing, thấu hiểu vì người tiêu dùng, am hiểu các đặc điểm về nông sản thực phẩm; giới thiệu các chiến lược marketing; các chiến lược định giá trong kinh doanh nông nghiệp: định giá độc quyền và độc quyền nhóm, các chiến lược định giá của nhà chế biến, các chiến lược giá bán lẻ, phân biệt giá; các chiến lược sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp: khác biệt hóa sản phẩm, nghiên cứu và phát triển; các chiến lược về truyền thông trong kinh doanh nông nghiệp: xây dựng thương hiệu, quảng cáo và chiêu thị trong kinh doanh nông nghiệp; các chiến lược kênh phân phối trong kinh doanh nông nghiệp, bán hàng online; marketing kỹ thuật số và những áp dụng trong kinh doanh nông nghiệp; đánh giá chương trình marketing kinh doanh nông nghiệp; đo lường hiệu quả marketing.			
	Quản lý thu mua nông sản	Môn học giới thiệu cho sinh viên các vấn đề cơ bản về việc ra quyết định mua các nông sản thực phẩm và quản trị mối quan hệ với các nhà cung cấp trong chuỗi giá trị nông sản thực phẩm. Các nội dung sẽ bao gồm các khái niệm và nguyên lý về quản trị mua hàng và nhà cung cấp; chức năng mua hàng và mối quan hệ với các phòng ban khác trong công ty; hoạch định nguồn lực và dự báo nhu cầu mua hàng của công ty; đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp; thương lượng giá và các hợp	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Dự án nhóm: 40% -Thi kết thúc học phần: 40%

		đồng mua hàng; tìm nguồn hàng trong nước và quốc tế; quản trị kho vận và logistics; quản trị rủi ro trong mua hàng và các vấn đề môi trường, xã hội trong mua các nông sản thực phẩm; quản trị mối quan hệ với nhà cung cấp. Ngoài ra, môn học cũng trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về áp dụng công nghệ trong việc mua hàng và quản lý mối quan hệ với các nhà cung cấp.			
	Tài chính kinh doanh nông nghiệp	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và sự hiểu biết nhất định để thực hiện các quyết định tài chính với vai trò của một nhà quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp thực phẩm. Từ những kiến thức tài chính căn bản đã được học ở các học phần trước như kinh tế học tài chính và/hoặc phân tích lợi ích - chi phí, khóa học này sẽ tiếp tục giải quyết các quyết định tài chính quan trọng mà một giám đốc trong các công ty kinh doanh nông nghiệp phải đối diện. Các nội dung chính của môn học bao gồm các phân tích báo cáo tài chính, các mô hình định giá các công cụ tài chính như cổ phiếu và trái phiếu, định giá doanh nghiệp nông nghiệp, định giá bất động sản nông nghiệp, quản trị vốn lưu động, phân tích rủi ro doanh nghiệp, các vấn đề cơ bản của tài chính quốc tế và thực hành các dự án đầu tư trong nông nghiệp. Ngoài ra, khóa học cũng sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, sử dụng Excel cho phân tích tài chính, giải quyết vấn đề và tư duy phản biện. Kiến thức và kỹ năng về tài chính từ khóa học này cũng sẽ rất hữu ích cho những sinh viên muốn học và trở thành chuyên gia phân	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bài thực hành cá nhân: 20% - Bài tập cá nhân: 20% - Thi kết thúc học phần: 40%

		tích đầu tư trên các thị trường giao dịch hàng hóa.			
	Chính sách nông nghiệp và thực phẩm	Học phần này áp dụng các nguyên lý cơ bản của kinh tế học vào phân tích chính sách nông nghiệp. Cụ thể, môn học sẽ gồm các nội dung như cơ sở kinh tế học của phân tích chính sách; quá trình thiết lập chính sách; khung phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm; các quy định quản lý tài nguyên bền vững trong nông nghiệp; giới thiệu khái quát về marketing và thương mại các hàng hóa nông nghiệp thực phẩm; tiếp cận tín dụng nông nghiệp và tài chính vi mô; sơ lược về các chính sách nông nghiệp và thực phẩm của Việt Nam: chính sách giá, chính sách lương thực, chính sách marketing, chính sách đất đai, chính sách cơ giới hóa nông nghiệp, chính sách khoa học công nghệ trong nông nghiệp (đặc biệt là các chuyển đổi số), chính sách tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chính sách khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu cho sinh viên các chính sách nông nghiệp và thực phẩm của một số quốc gia nông nghiệp tiên tiến trên thế giới, và những ứng dụng vào nông nghiệp Việt Nam. Môn học cũng khuyến khích sinh viên tìm hiểu thêm về các văn bản pháp luật cập nhật để có sự hiểu biết hơn về những định hướng và khuyến khích của Chính phủ Việt Nam về phát triển ngành nông nghiệp.	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bài luận cá nhân: 20% - Dự án nhóm: 30% - Thi kết thúc học phần: 40%
	Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm	Sản xuất các thực phẩm chất lượng cao an toàn cho tiêu dùng đóng vai trò rất quan trọng trong nước và quốc tế	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10%

		bởi vì an toàn thực phẩm và chất lượng rất quan trọng đối với sức khỏe, cũng như an ninh xã hội, kinh tế và môi trường. Nhiều tổ chức trong nước và quốc tế làm việc với ngành thực phẩm để ban hành nhiều chính sách, các tiêu chuẩn và các hiệp định để đảm bảo rằng các thực phẩm được bán ra thị trường và được tiêu dùng chấp nhận phải đáp ứng các hướng dẫn về an toàn, sức khỏe và chất lượng. Học phần này sẽ giới thiệu về ngành công nghiệp thực phẩm, các khái niệm về an toàn thực phẩm và các nguyên lý quản lý chất lượng thực phẩm. Những thách thức về an toàn thực phẩm cho ngành thực phẩm sẽ được giới thiệu, và các công cụ quản lý và các chính sách được sử dụng để kiểm soát sẽ được thảo luận. Các kỹ năng quan trọng về chất lượng thực phẩm và đánh giá an toàn, cũng như sự hiểu biết về các thực hành quản lý và công nghệ được sử dụng để đảm bảo các thực phẩm đáp ứng các yêu cầu thị trường và yêu cầu về mặt pháp lý cũng sẽ được quan tâm. Ví dụ, thảo luận sâu về các hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm toàn cầu của Ủy ban liên hợp FAO/WHO về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm: Codex Alimentarius lồng ghép với tiêu chuẩn HACCP và ISO 22000:2500, các thỏa thuận và quy định về SPS, TBT của WTO trong thương mại toàn cầu, và các rủi ro khác mà các công ty thực phẩm phải đánh giá và quản lý sẽ là một chủ đề quan trọng của môn học. Ngoài ra, học phần này cũng sẽ giới thiệu các bước và kỹ thuật được sử dụng để phát triển và đánh giá một HACCP,		- Bài tiểu luận cá nhân: 50% - Báo cáo dự án nhóm: 20%
--	--	---	--	--

		những nguyên lý quản lý chất lượng: vận chuyển, chế biến và bảo quản thực phẩm, và vai trò của chuyển đổi số trong việc thúc đẩy người tiêu dùng và các doanh nghiệp quan tâm hơn đến truy xuất nguồn gốc thực phẩm; những vấn đề quan trọng về thực phẩm, quan tâm của thế giới và các thành phần của hệ thống kiểm soát thực phẩm quốc gia trong bối cảnh gia tăng thương mại toàn cầu trong hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa; các vấn nạn thường xảy ra về an toàn thực phẩm ở các nước đang phát triển; cơ sở pháp lý về kiểm soát an toàn thực phẩm quốc gia, hệ thống quản lý nhà nước liên quan, các bộ tiêu chuẩn VietGAP đang được áp dụng.			
	Thương mại nông nghiệp quốc tế	Môn học này xem xét các nguyên lý kinh tế liên quan đến thương mại các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm giữa Việt Nam và các nước khác trên thế giới. Các nguyên lý kinh tế và các kỹ thuật phân tích được áp dụng vào thương mại quốc tế và các thị trường đa quốc gia. Ngoài ra, môn học sẽ trang bị cho sinh viên các công cụ cần thiết để phân tích các tác động của các chính sách nông nghiệp lên người tiêu dùng và người sản xuất nông nghiệp, các công ty kinh doanh nông nghiệp, người nộp thuế và thương mại quốc tế. Các nội dung bao gồm tổng quan về lịch sử thương mại nông nghiệp và thực phẩm toàn cầu; lý thuyết kinh tế căn bản; kinh tế học về thương mại quốc tế; các lập luận về bảo hộ mậu dịch; các chính sách ngoại thương của quốc gia nhập khẩu, xuất khẩu; các hàng rào kỹ thuật như TBT, SPS; truy xuất nguồn gốc trong thương mại nông nghiệp;	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Bài tiểu luận cá nhân: 30% - Bài tập nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 40%

		các thỏa thuận thương mại đa phương WTO, GATT; các hiệp định thương mại dịch vụ; các luồng thương mại nông nghiệp chính trên thế giới (ngũ cốc, cà phê, tiêu, cao su, dầu cọ, đường, cotton, thủy sản, các vật tư nông nghiệp, ...); các hiệp định thương mại có liên quan đến nông nghiệp của Việt Nam; ... Sinh viên yêu cầu phải am hiểu về sự phân bố sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng nông sản chủ yếu để có thể áp dụng vào phân tích chiến lược kinh doanh, phân tích chính sách và phân tích đầu tư trên các thị trường giao dịch hàng hóa.			
	Thực tập tốt nghiệp	Kỳ thực tập tốt nghiệp, kết quả hợp tác đào tạo giữa UEH, giữa khoa Kinh tế và doanh nghiệp là một hình thức của học phần “Thực tập và tốt nghiệp” và được quy định chi tiết trong chương trình đào tạo từng ngành / chuyên ngành của khoa Kinh tế. Với mục đích giúp sinh viên vận dụng, củng cố và bổ sung những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn theo ngành học. Đồng thời, học phần “Thực tập tốt nghiệp” còn giúp sinh viên rèn luyện phương pháp, kỹ năng làm việc, kỹ năng tổ chức tại doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm thị trường lao động ngay sau khi kết thúc quá trình đào tạo. Trong kỳ thực tập tốt nghiệp, sinh viên có thể lựa chọn một trong hai hình thức sau: Học kỳ doanh nghiệp (thực tập theo hướng công việc) và Khóa luận tốt nghiệp (thực tập theo hướng nghiên cứu).	10	7	
13	Ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại				
	Triết học Mác - Lênin	- Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên	3	1	- Đánh giá quá trình: 50%

		những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống. Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội. Chuẩn đầu ra của học phần: Sinh viên sau khi hoàn thành học phần Triết học Mác - Lênin sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau: - Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức - Quan điểm cơ bản của phép biện chứng duy vật về sự vận động, phát triển của thế giới khách quan - Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của xã hội và các mối quan hệ biện chứng giữa các lĩnh vực xã hội như kinh tế chính trị, văn hóa, con người. - Người học xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để nhận thức và cải tạo thế giới; - Vận dụng được kiến thức lý luận của môn học để tiếp cận		• Dự lớp: 15% • Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% • Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% • Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu) Thời gian làm bài: 75 phút
--	--	---	--	--

		và bước đầu giải quyết vấn đề nảy sinh trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân; - Vận dụng được kiến thức lý luận để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. - Xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. - Có cái nhìn khách quan về vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. - Có sự tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.			
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) - Điểm học phần: 100%
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không	2	2	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu

		chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.			trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và	2	4	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.	2	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thường - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thường - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Đại cương văn hóa Việt Nam	Môn học bao gồm những khái niệm cơ bản về văn hóa học, những điều kiện hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam, những đặc trưng cơ bản về văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội của dân tộc Việt Nam, nhằm hiểu rõ tinh hoa, bản sắc văn hóa dân tộc.	2	2	- Điểm quá trình tỷ lệ 40% tổng điểm học phần bao gồm: • Tham dự lớp học: 20% • Hai bài kiểm tra trắc nghiệm: 40% (mỗi bài 20%) • Bài tiểu luận trình bày theo nhóm : 40% - Điểm bài thi tự luận kết thúc học phần: tỷ lệ 60% tổng điểm học phần
	Dẫn luận ngôn ngữ học	Nội dung của học phần nhằm giúp cho sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản và quan trọng nhất của ngôn ngữ học, hiểu biết về những thành tựu mới của ngôn ngữ học thế giới và các ngôn ngữ ở Đông Nam Á, những ngôn ngữ có cùng loại hình với ngôn ngữ Việt. Qua các bài học, sinh viên có thể nhận dạng, miêu tả, phân biệt các đơn vị từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp, chữ viết, loại hình ngôn ngữ. Đồng thời, sinh viên còn được tìm hiểu về nguồn gốc và sự phân loại các	2	3	- Dự lớp: 10 % - Thảo luận: 10 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 60 %

		ngôn ngữ trên thế giới, sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ học, nhiệm vụ, quan hệ giữa ngôn ngữ học và các khoa học khác.			
	Tiếng Việt thực hành	Nội dung chính của học phần gồm những vấn đề lý thuyết cơ bản về tiếng Việt từ văn bản đến các đơn vị bộ phận như: đoạn văn, câu, từ ngữ, chữ viết và chính tả với sự phân tích ngữ liệu phù hợp. Phần bài tập trên lớp và về nhà giúp sinh viên củng cố kiến thức, thực hành kỹ năng sử dụng tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu, nâng cao ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	2	3	-Dự lớp:10 % -Thảo luận:10 % -Thi giữa học phần:20 % -Thi kết thúc học phần:60 %
	Quản trị học	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức quản trị cơ bản và tổng quát nhằm giúp sinh viên có sự hiểu biết toàn diện về tổ chức và vận hành tổ chức như: các khái niệm cơ bản về quản trị (hoạt động quản trị, nhà quản trị, các chức năng quản trị, ra quyết định quản trị,...), hệ tư tưởng quản trị, cách thức quản lý tổ chức trong thời kỳ hội nhập và đổi mới. Đây là nền tảng cơ bản và hữu ích giúp sinh viên có thể trở thành nhân viên chuyên nghiệp, thành viên hiệu quả của đội nhóm và nhà quản lý thành công. Đặc biệt, trong bối cảnh cạnh tranh năng động và đổi mới đa dạng như hiện nay, môn học không chỉ cần thiết trong việc xây dựng nền tảng tri thức về tổ chức đối với người học, mà còn cung cấp nhiều kỹ năng làm việc và công cụ giải quyết công việc hiệu quả. Và suy cho cùng, sinh viên có thể nâng cao khả năng nhận thức các vấn đề và biết cách để đạt được mục tiêu nghề nghiệp như mong muốn. Do là kiến thức nền tảng nên môn học phù hợp và thật sự	2	2	- Participation: 5% - Discussion: 5% - Assignment: 10% - Presentation: 10% - Report: 10% - Mid-term examination: 10% - Final examination: 50% Evaluation form: - Presentation: group presentation, lecturer selects group members; - Report: group submit word file through Turnitin check system on LMS; - Mid-term exam: 75 minutes, discussion questions, theory and situations, opened book test; - Final exam: 75 minutes, 100-question multiple choices, closed book test.

		cần thiết với sinh viên tất cả các chuyên ngành thuộc khối ngành kinh tế.			
	Kinh tế vi mô	Môn học này nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm (sản xuất gì, như thế nào và cho ai). Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh. Nội dung môn học này gồm có bốn phần chính. - Phần đầu sẽ giới thiệu mô hình cung, cầu đơn giản và hoạt động của thị trường cạnh tranh, sau đó sẽ phân tích các công cụ tác động của chính phủ vào thị trường. - Phần thứ hai của môn học nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường. - Phần thứ ba là nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết về chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận, xây dựng đường cung của doanh nghiệp và đường cung thị trường trong một ngành cạnh tranh. - Phần cuối sẽ trình bày các mô hình về độc quyền, độc quyền nhóm và cạnh tranh độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm	3	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

	Kinh tế vĩ mô	Môn học sẽ giới thiệu cho sinh viên các nội dung như chức năng của nền kinh tế và sự tương tác của nó với nền kinh tế quốc tế; nghiên cứu các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNI, GNDI), thất nghiệp, lạm phát, lãi suất, đầu tư, chi tiêu chính phủ; vai trò của chính phủ và ngân hàng trung ương: các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; cán cân thanh toán; tăng trưởng kinh tế trong dài hạn; các chu kỳ kinh tế trong ngắn hạn; hành vi của hệ thống tài chính trong khủng hoảng tài chính; các lý thuyết và các mô hình kinh tế khác	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Tin học trong kinh doanh	Môn học này giúp bạn phát triển kỹ năng sử dụng các phần mềm phổ biến trong công việc để đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp về việc ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông vào hoạt động của doanh nghiệp. Trang bị đầy đủ kiến thức để sinh viên sử dụng thành thạo Excel trong các môn chuyên ngành kinh tế. Môn học này được chia thành 4 phần. a) Phần 1: Tổng quan về tin học: cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, mạng Internet, web, thương mại điện tử; các loại phần mềm; sự riêng tư, bảo mật. b) Phần 2: Báo cáo kinh doanh và thuyết trình. Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong việc tạo ra một báo cáo kinh doanh chuẩn và bài thuyết trình mang tính sinh động, hiệu quả (Microsoft Word, Microsoft PowerPoint) c) Phần 3: Biểu diễn và khai thác dữ liệu bằng Excel: Cung cấp cho sinh viên có khả năng	2	1	- Dự lớp, bài tập cá nhân: 10% - Báo cáo, thuyết trình nhóm: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		phân tích các yêu cầu trong quản lý dữ liệu của doanh nghiệp vừa và nhỏ, lựa chọn/thiết kế cấu trúc dữ liệu phù hợp yêu cầu, khai thác một cách hiệu quả (chính xác, nhanh và ít tốn kém kinh phí) thông qua các chức năng trong Microsoft Excel. d) Phần 4: Phân tích dữ liệu kinh doanh với Excel. Cung cấp cho sinh viên khả năng vận dụng các hàm và công cụ của Excel vào việc tổng hợp và phân tích dữ liệu để giải quyết các bài toán cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, từ việc tổ chức dữ liệu, lựa chọn các mô hình tính toán và dựa vào kết quả tính toán giúp ra các quyết định quản lý.			
	Ngữ âm - Âm vị học	Nội dung môn học gồm 19 chương bao quát những kiến thức căn bản nhất về Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh, gồm hệ thống nguyên âm tiếng Anh; phụ âm; âm vị và tha âm vị; các quy tắc âm vị học; âm tiết; trọng âm, và ngữ điệu. Ngoài ra còn có phần củng cố kiến thức và bài tập thực hành đi kèm.	2	3	-Dự lớp :10 % -Bài tập :10 % -Thi giữa học phần: 20 % -Thi kết thúc học phần: 60 %
	Từ vựng học	Từ vựng học là môn học không thể thiếu trong nhóm những môn học cơ bản về ngôn ngữ học tiếng Anh. Từ vựng học tiếng Anh là một học phần của Ngôn ngữ học tiếng Anh dành cho sinh viên chuyên ngữ của Bộ môn Anh văn, Khoa Ngoại ngữ, cung cấp sự miêu tả toàn diện và phân tích thấu đáo về hệ thống hình thái học của đơn vị từ trong tiếng Anh, nghĩa từ vựng, sự phát triển của từ vựng và các kiểu mẫu cấu hình của từ trong tiếng Anh đương đại và trong chuyên ngành từ điển học hiện tại. Sinh viên hiểu được bản chất của từ và	2	4	-Dự lớp:10% -Thảo luận:10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%

		các phương thức cấu tạo từ, ngữ trong tiếng Anh; thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Anh; nắm vững các kiểu từ có trong tiếng Anh: từ đơn, từ đa tiết cũng như những đơn vị tương đương với từ; phân tích được nghĩa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Anh thành các lớp theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng...			
	Ngữ nghĩa học	Ngữ nghĩa học là môn học không thể thiếu trong nhóm những môn học cơ bản về ngôn ngữ học tiếng Anh. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ nghĩa học bao gồm nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Thông qua việc nắm bắt những kiến thức này, sinh viên có khả năng hiểu sâu và phân tích nghĩa, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào chuyên môn cũng như vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.	2	4	-Dự lớp :10 % -Bài tập :10 % -Thi giữa học phần: 20 % -Thi kết thúc học phần: 60 %
	Hình thái - Cú pháp học	Hình thái học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thái học; giúp sinh viên ứng dụng những hiểu biết về bộ môn vào việc giảng dạy, dịch thuật, và nghiên cứu sau này. Cú pháp học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cú pháp học như: khái niệm cơ bản về cụm từ, câu, các thành tố của cụm và câu; các loại mệnh đề; các cách nhìn truyền thống và hiện đại về Cú pháp học.	2	5	-Dự lớp:10 % -Thảo luận:10 % -Thi giữa học phần:20 % -Thi kết thúc học phần: 60 %

		Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.			
	Kỹ năng Nghe 1	Học phần gồm 06 bài học (units 1-6) trong giáo trình Market Leader – Intermediate, Third Edition, David Cotton, David Falvey & Simon Kent. Các bài học bao gồm nhiều chủ đề trong lĩnh vực thương mại, giúp người học khái quát được các khái niệm, nắm bắt ý chính, tóm tắt nội dung và mở rộng vốn từ vựng. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tham gia thảo luận trên lớp.	2	1	-Dự lớp:10% -Thảo luận:10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng Nghe 2	Nội dung môn học gồm 6 bài cuối trong giáo trình Market Leader (3rd edition)- Intermediate bao gồm nhiều chủ đề trong lĩnh vực thương mại. Bài học giúp người học khái quát được các khái niệm, nắm bắt ý chính, tóm tắt nội dung và mở rộng vốn từ vựng. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tham gia thảo luận trên lớp.	2	2	-Dự lớp:10% -Thảo luận:10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng Nghe 3	Nội dung môn học gồm 6 bài đầu tiên trong giáo trình Market Leader (3rd edition)- Upper-Intermediate bao gồm nhiều chủ đề trong lĩnh vực thương mại. Bài học giúp người học khái quát được các khái niệm, nắm bắt ý chính, tóm tắt nội dung và mở rộng vốn từ vựng. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tham gia thảo luận trên lớp.	2	3	-Dự lớp:10% -Thảo luận:10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng Nghe 4	Nội dung môn học gồm 6 bài cuối trong giáo trình Market Leader (3rd edition)- Upper-Intermediate bao gồm nhiều chủ đề trong lĩnh vực thương mại. Bài học giúp người học khái quát được các khái niệm,	2	4	-Dự lớp:10% -Thảo luận:10% -Thi giữa học phần:20% -Thi kết thúc học phần: 60%

		nắm bắt ý chính, tóm tắt nội dung và mở rộng vốn từ vựng. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tham gia thảo luận trên lớp.			
	Kỹ năng Nghe 5	Nội dung môn học gồm 6 bài đầu tiên trong giáo trình Market Leader (3rd edition)- Advanced bao gồm nhiều chủ đề trong lĩnh vực thương mại. Ngoài ra, học phần này cũng nhấn mạnh các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh như mở rộng mối quan hệ với đối tác, làm rõ và xác nhận vấn đề, ra quyết định, cách tạo điểm nhấn trong thuyết trình, giải quyết xung đột, ứng xử với các vấn đề thuộc đạo đức kinh doanh.	2	5	-Dự lớp:10% -Thảo luận:10% -Thi giữa học phần:20% -Thi kết thúc học phần:60%
	Kỹ năng Nghe 6	Nội dung môn học gồm 6 bài cuối trong giáo trình Market Leader (3rd edition)- Advanced bao gồm nhiều chủ đề trong lĩnh vực thương mại. Ngoài ra, học phần này cũng nhấn mạnh các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh như điều khiển cuộc nói chuyện, đàm phán, tư duy sáng tạo, thể hiện quan điểm độc lập trong thuyết trình, kỹ năng truy đòi nợ, và tham gia hội thảo từ xa.	2	6	-Dự lớp: 10% -Thảo luận:10% -Thi giữa học phần:20% -Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng Nói 1	Học phần Kỹ năng Nói Tiếng Anh Thương Mại 1 bao gồm 6 bài (bài 1 - 6) của sách Market Leader - Intermediate (tái bản lần thứ 3) của D., Falvey, D. & Kent, S. với nhiều chủ đề được phân bổ thành 6 buổi thực học, tương đương 30 tiết. Buổi học thứ 6 sẽ được dành cho ôn tập tổng hợp và giải đáp các thắc mắc liên quan tới học phần. Mỗi bài học bao gồm 4 phần: Phần 1: Giới thiệu tổng quan. Phần 2: Từ vựng (cung cấp những từ vựng có liên quan và cần thiết cho bài học) Phần 3: Kỹ năng giao tiếp kinh doanh (phát triển vốn ngôn	2	1	-Dự lớp và Thảo luận: 20% -Thi giữa học phần: 20 % -Thi kết thúc học phần: 60 %

		ngữ cần thiết cho các hoạt động kinh doanh) Phần 4: Bài tập tình huống – chỉ thực hành nói (khuyến khích sinh viên làm việc theo nhóm để phân tích tình huống kinh doanh cụ thể và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cũng như kỹ năng thuyết trình) Bên cạnh đó, mỗi bài học cũng cung cấp cho sinh viên những hoạt động và bài tập nhằm phát triển kỹ năng nói thông qua 2 phần hỗ trợ Survival Business English và Speaking Bank. Sinh viên cũng được bồi dưỡng thêm kỹ năng Nói theo định hướng các kỳ thi đánh giá năng lực ngôn ngữ quốc tế.			
	Kỹ năng Nói 2	Học phần Kỹ năng Nói Thương Mại 2 bao gồm 6 bài (bài 7 - 12) của sách Market Leader - Intermediate (tái bản lần thứ 3) của D., Falvey, D. & Kent, S. với nhiều chủ đề được phân bổ thành 8 buổi thực học, tương đương 30 tiết. Buổi học thứ 8 sẽ được dành cho ôn tập tổng hợp và giải đáp các thắc mắc liên quan tới học phần. Mỗi bài học bao gồm 4 phần: Phần 1: Khởi động (giới thiệu chủ đề của bài học) Phần 2: Từ vựng (cung cấp những từ vựng có liên quan và cần thiết cho bài học) Phần 3: Kỹ năng giao tiếp kinh doanh (phát triển vốn ngôn ngữ cần thiết cho các hoạt động kinh doanh) Phần 4: Bài tập tình huống – chỉ thực hành nói (khuyến khích sinh viên làm việc theo nhóm để phân tích tình huống kinh doanh cụ thể và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cũng như kỹ năng thuyết trình) Bên cạnh đó, mỗi bài học cũng cung cấp cho sinh viên những hoạt động và bài tập nhằm phát triển kỹ năng nói thông qua 2 phần hỗ trợ Survival	2	2	- Chuyên cần và tham gia đóng góp vào bài học : 10% - Thuyết trình: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Kiểm tra cuối kỳ: 60%

		Business English và Speaking Bank. Sinh viên cũng được bồi dưỡng thêm kỹ năng Nói theo định hướng các kỳ thi đánh giá năng lực ngôn ngữ quốc tế.			
	Kỹ năng Nói 3	Nội dung môn học gồm 6 bài đầu trong giáo trình Market Leader –Upper Intermediate bao gồm nhiều chủ đề kinh tế thương mại đa dạng. Phần tình huống thực tế và khởi động giúp sinh viên hình dung được các khái niệm, sử dụng một cách tự tin trong khi nói, và là cơ hội để sinh viên có trải nghiệm trong lĩnh vực thương mại. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tham gia thảo luận trên lớp.	2	3	-Dự lớp và bài tập tại lớp: 20% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng Nói 4	Nội dung môn học gồm 6 bài cuối trong giáo trình Market Leader –Upper Intermediate bao gồm nhiều chủ đề kinh tế thương mại đa dạng. Phần tình huống thực tế và khởi động giúp sinh viên hình dung được các khái niệm, sử dụng một cách tự tin trong khi nói, và là cơ hội để sinh viên có trải nghiệm trong lĩnh vực thương mại. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tham gia thảo luận trên lớp.	2	4	-Dự lớp và bài tập tại lớp: 20% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng Nói 5	Nội dung môn học gồm 6 bài đầu trong giáo trình Market Leader –Advanced bao gồm nhiều chủ đề kinh tế thương mại đa dạng như (1) First Impression, (2) Training, (3) Energy, (4) Marketing, (5) Employment Trends, and (6) Ethics. Trong môn học Nói 5, sinh viên được học phần Nghiên cứu tình huống (Case study) để nâng cao kiến thức và kỹ năng giải quyết các tình huống có vấn đề thường gặp nơi công sở. Phần tình huống thực tế và khởi động giúp sinh viên hình dung được các khái niệm, sử dụng một cách tự tin trong khi	2	5	-Dự lớp và bài tập tại lớp: 20% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%

		nói, và là cơ hội để sinh viên có trải nghiệm trong lĩnh vực thương mại. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ được thực hành các kỹ giao tiếp kinh doanh cần thiết nơi công sở như (1) Networking with new business partners, (2) Identifying problems, (3) Making a decision, (4) How to have remarkable points in a presentation, (5) How to handle a conflict, and (6) How to deal with issues of business ethics.			
	Kỹ năng Nói 6	Nội dung môn học gồm 6 bài cuối trong giáo trình Market Leader –Advanced bao gồm nhiều chủ đề kinh tế thương mại đa dạng như (1) Finance, (2) Consultants, (3) Strategy, (4) Online Business, (5) New Business, and (6) Project Management. Trong môn học Nói 5, sinh viên được học phần Nghiên cứu tình huống (Case study) để nâng cao kiến thức và kỹ năng giải quyết các tình huống có vấn đề thường gặp nơi công sở. Phần tình huống thực tế và khởi động giúp sinh viên hình dung được các khái niệm, sử dụng một cách tự tin trong khi nói, và là cơ hội để sinh viên có trải nghiệm trong lĩnh vực thương mại. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ được thực hành các kỹ giao tiếp kinh doanh cần thiết nơi công sở như : (1) Managing questions, (2) Negotiating, (3) Brainstorming and creativity, (4) Presentations, (5) Chasing payment, và (6) Teleconferencing.	2	6	-Dự lớp và bài tập tại lớp: 20% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng Đọc 1	Học phần gồm 6 bài đầu (Unit 1-6) trong giáo trình Market Leader – Intermediate, 3rd Edition, với các chủ đề về kinh tế thương mại. Thông qua các hoạt động Pre-reading	2	1	

		activities, Reading, và Post-reading, sinh viên sẽ nắm được cách hình thành ý tưởng trước khi đọc, nhận ra ý chính của bài, tóm tắt ý hoặc làm giàu vốn từ vựng....Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tham gia thảo luận trên lớp.			
	Kỹ năng Đọc 2	Học phần gồm 6 bài cuối (Unit 7-12) trong giáo trình Market Leader – Intermediate, 3rd Edition, với các chủ đề về kinh tế thương mại: Văn hóa trong kinh doanh, Nguồn nhân lực, Thị trường quốc tế, Đạo đức trong viết Sơ yếu lí lịch, Khả năng lãnh đạo và Sự cạnh tranh trong kinh doanh. Mỗi bài học gồm có 2 bài đọc cùng chung chủ đề. Trước mỗi bài đọc là các hoạt động nhằm khơi gợi hứng thú của sinh viên về chủ đề, đồng thời trang bị kiến thức nền hoặc từ vựng liên quan để sinh viên có thể đọc hiểu bài đọc. Theo sau mỗi bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, các bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học.	2	2	-Dự lớp:10 % -Thảo luận:10 % -Thi giữa học phần: 20 % -Thi kết thúc học phần: 60 %
	Kỹ năng Đọc 3	Chủ đề của các môn học bao gồm các vấn đề kinh tế thương mại như cách thức giao tiếp, tiếp thị quốc tế, xây dựng thiết lập các mối quan hệ, sự thành công trong kinh doanh, sự hài lòng trong công việc, và những rủi ro khi kinh doanh. Mỗi bài học gồm 2 bài đọc chuyên sâu để giải thích các khái niệm cơ bản về kinh tế và kinh doanh. Phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về chủ đề chương học và giúp sinh viên phát triển kĩ năng đọc hiểu. Theo sau các bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học.	2	3	-Dự lớp:10 % -Thảo luận:10 % -Thi giữa học phần: 20 % -Thi kết thúc học phần: 60 %

	Kỹ năng Đọc 4	Chủ đề của môn học bao gồm các vấn đề kinh tế thương mại như các kiểu quản lý, xây dựng đội nhóm, huy động vốn, phục vụ khách hàng, quản lý khủng hoảng, và M&A. Mỗi bài học gồm 2 bài đọc chuyên sâu để giải thích các khái niệm cơ bản về kinh tế và kinh doanh. Phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về chủ đề chương học và giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu. Theo sau các bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học.	2	4	-Dự lớp:10 % -Thảo luận:10 % -Thi giữa học phần:20 % -Thi kết thúc học phần: 60 %
	Kỹ năng Đọc 5	Học phần được thiết kế gồm 2 phần chính: Phần 1: gồm 6 bài đầu (Unit 1-6) trong giáo trình Market Leader – Advanced, 3rd Edition, với các chủ đề kinh tế thương mại khác nhau như First impressions (Xây dựng ấn tượng ban đầu trong công việc), Training (Việc đào tạo nhân viên), Energy (Vấn đề năng lượng), Marketing (Tiếp thị), Employment trends (Xu hướng nghề nghiệp), and Ethics (Đạo đức kinh doanh & công việc). Giáo trình được dựa trên các bài báo trên The Financial Times, một trong những nguồn tham khảo chuyên môn nhằm đảm bảo tính đa dạng cũng như tính xác thực về nội dung. Thông qua các hoạt động Pre-reading activities, While-Reading, và Post-reading, học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng đọc ở mức độ nâng cao; tóm tắt ý và làm giàu vốn từ vựng ... Đồng thời, sinh viên có cơ hội để nâng cao khả năng đọc và tư duy phản biện.	2	5	-Dự lớp & thảo luận (Class attendance & Discussion): 10% -Thuyết trình (Presentation): 10% -Thi giữa học phần (Midterm test): 20% -Thi kết thúc học phần (Final test): 60%

		Phần 2: gồm 2 bài thi (test 1 & 2) trong BEC Higher 5, Cambridge University Press nhằm giúp sinh viên phát triển kiến thức và kỹ năng để chuẩn bị cho các kỳ thi quốc tế về trình độ Tiếng Anh liên quan đến kinh doanh - thương mại.			
	Kỹ năng Đọc 6	Học phần được thiết kế gồm 2 phần chính: Phần 1: gồm 6 bài sau (Unit 7-12) trong giáo trình Market Leader – Advanced, 3rd Edition, với các chủ đề kinh tế thương mại khác nhau như Finance (Tài chính), Consultants (Cố vấn), Strategy (Chiến lược), Online business (Kinh doanh trực tuyến), New business (Ngành kinh doanh mới), and Project management (Quản lý dự án). Giáo trình được dựa trên các bài báo trên The Financial Times, một trong những nguồn tham khảo chuyên môn nhằm đảm bảo tính đa dạng cũng như tính xác thực về nội dung. Thông qua các hoạt động Pre-reading activities, While-Reading, và Post-reading, học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng đọc ở mức độ nâng cao; tóm tắt ý và làm giàu vốn từ vựng ... Đồng thời, sinh viên có cơ hội để nâng cao khả năng đọc và tư duy phản biện. Phần 2: gồm 2 bài thi (test 3 & 4) trong BEC Higher 5, Cambridge University Press nhằm giúp sinh viên phát triển kiến thức và kỹ năng để chuẩn bị cho các kỳ thi quốc tế về trình độ Tiếng Anh liên quan đến kinh doanh - thương mại.	2	6	-Dự lớp & thảo luận (Class attendance & Discussion): 10% -Thuyết trình (Presentation): 10% -Thi giữa học phần (Midterm test): 20% -Thi kết thúc học phần (Final test): 60%
	Kỹ năng Viết 1	Môn Viết 1 là môn học viết thứ nhất trong năm môn viết văn bản thương mại của chương trình đào tạo. Năm môn học viết này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức và kỹ	2	1	-Dự lớp: 10 % -Bài viết thực hành: 20 % -Thi giữa học phần: 10 %

		năng viết các văn bản thương mại cho sinh viên với thể loại, nội dung, hình thức, độ dài và độ khó của văn bản ngày càng được mở rộng và nâng cao. Mỗi môn viết, theo trình tự, đều có chủ đề, chủ điểm và trình độ tương ứng và có thời gian giảng dạy tương đương 2 tín chỉ học tập. Nội dung môn Viết 1 được thiết kế có nhằm đến việc trang bị kiến thức, kỹ năng cho sinh viên để có thể tham dự các chứng chỉ quốc tế (đặc biệt là chứng chỉ BEC). Môn Viết 1 có nội dung mở rộng và nâng cao của môn Viết 1. Môn Viết 1 gồm có 6 bài học xoay quanh việc viết các thương tín thương mại qua các hình thức như email và thư từ nhằm đề đề xuất giải pháp, hướng dẫn, đưa ra ý kiến, trả lời thư chào hàng. Nội dung môn học nằm trong 6 bài đầu của giáo trình Market Leader – Intermediate (3rd Edition, David Cotton, David Falvey & Simon Kent). Mỗi bài học sẽ giới thiệu hình thức, cấu trúc, từ vựng, văn phong và một số trường hợp sử dụng thường dùng. Sinh viên sẽ được làm quen, phân tích các văn bản mẫu và luyện tập viết theo các tình huống giả định tương tự. Các bài tập luyện viết được cung cấp qua các tài liệu hỗ trợ do giảng viên biên soạn. Ngoài ra, sinh viên còn được chuẩn bị để thực hành một số mẫu bài viết báo cáo để mô tả tóm tắt hoặc các bài viết đề nghị (proposal) nhằm mô tả, tóm tắt, đề xuất, thuyết phục và các bài viết theo định hướng bài thi chứng chỉ quốc tế. Ngoài ra, môn Viết 1 cung cấp thêm kiến thức để sinh viên tham khảo (4 bài đầu của tài liệu tham khảo 1: Great			-Thi kết thúc học phần: 60 %
--	--	--	--	--	-------------------------------------

		writing 1. Folse, K. S., Muchmore-Vokoun, A. & Solomon E. V. Cengage Learning, 2014) thêm cách viết Tiếng Anh học thuật nhằm chuẩn bị cho sinh viên việc viết Khóa luận tốt nghiệp sau này.			
	Kỹ năng Viết 2	Môn Viết 2 là môn học viết thứ hai trong năm môn viết văn bản thương mại của chương trình đào tạo. Năm môn học viết này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng viết các văn bản thương mại cho sinh viên với thể loại, nội dung, hình thức, độ dài và độ khó của văn bản ngày càng được mở rộng và nâng cao. Mỗi môn viết, theo trình tự, đều có chủ đề, chủ điểm và trình độ tương ứng và có thời gian giảng dạy tương đương 2 tín chỉ học tập. Nội dung môn Viết 2 được thiết kế có nhắm đến việc trang bị kiến thức, kỹ năng cho sinh viên để có thể tham dự các chứng chỉ quốc tế (đặc biệt là chứng chỉ BEC). Môn Viết 2 có nội dung mở rộng và nâng cao của môn Viết 1. Môn Viết 2 gồm có 6 bài học xoay quanh việc viết viết các thương tin thương mại qua các hình thức như email và thư từ nhằm để đề xuất giải pháp, hướng dẫn, đưa ra ý kiến, trả lời thư chào hàng. Nội dung môn học nằm trong 6 bài sau của giáo trình Market Leader – Intermediate (3rd Edition, David Cotton, David Falvey & Simon Kent). Mỗi bài học sẽ giới thiệu hình thức, cấu trúc, từ vựng, văn phong và một số trường hợp sử dụng thường dùng. Sinh viên sẽ được làm quen, phân tích các văn bản mẫu và luyện tập viết theo các tình huống giả định tương tự. Các bài tập luyện viết được	2	2	-Dự lớp:10 % -Bài viết thực hành: 20 % -Thi giữa học phần: 10 % -Thi kết thúc học phần: 60 %

		cung cấp qua các tài liệu hỗ trợ do giảng viên biên soạn. Ngoài ra, sinh viên còn được chuẩn bị để thực hành một số mẫu bài viết báo cáo để mô tả tóm tắt hoặc các bài viết đề nghị (proposal) nhằm mô tả, tóm tắt, đề xuất, thuyết phục và các bài viết theo định hướng bài thi chứng chỉ quốc tế. Ngoài ra, môn Viết 2 cung cấp thêm kiến thức để sinh viên học tiếp lên các bộ môn khác trong khối kiến thức kỹ năng (đặc biệt là kỹ năng viết).			
	Kỹ năng Viết 3	Môn Viết 3 là môn học viết thứ ba trong năm môn viết văn bản thương mại của chương trình đào tạo. Năm môn học viết này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng viết các văn bản thương mại cho sinh viên với thể loại, nội dung, hình thức, độ dài và độ khó của văn bản ngày càng được mở rộng và nâng cao. Mỗi môn viết, theo trình tự, đều có chủ đề, chủ điểm và trình độ tương ứng và có thời gian giảng dạy tương đương 2 tín chỉ học tập. Nội dung môn Viết 3 được thiết kế có nhắm đến việc trang bị kiến thức, kỹ năng cho sinh viên để có thể tham dự các chứng chỉ quốc tế (đặc biệt là chứng chỉ BEC). Môn Viết 3 có nội dung mở rộng và nâng cao của môn Viết 2. Môn Viết 3 gồm có 6 bài học xoay quanh việc viết các thương tín thương mại qua các hình thức như email và thư từ để mời đối tác và trả lời lại lời mời, đặt phòng khách sạn, xin việc, đặt hàng và trả lời lại đơn đặt hàng, yêu cầu sự giúp đỡ. Nội dung môn học nằm trong 6 bài đầu của giáo trình Market Leader–Upper Intermediate (3rd Edition, David Cotton,	2	3	-Dự lớp:10 % -Bài viết thực hành: 20 % -Thi giữa học phần: 10 % -Thi kết thúc học phần: 60 %

		David Falvey & Simon Kent). Mỗi bài học sẽ giới thiệu hình thức, cấu trúc, từ vựng, văn phong và một số trường hợp sử dụng thường dùng. Sinh viên sẽ được làm quen, phân tích các văn bản mẫu và luyện tập viết theo các tình huống giả định tương tự. Các bài tập luyện viết được cung cấp qua các tài liệu hỗ trợ do giảng viên biên soạn. Ngoài ra, sinh viên còn được chuẩn bị để thực hành một số mẫu bài viết báo cáo để mô tả tóm tắt hoặc các bài viết đề nghị (proposal) nhằm mô tả, tóm tắt, đề xuất, thuyết phục và các bài viết theo định hướng bài thi chứng chỉ quốc tế. Môn Viết 3 cung cấp thêm kiến thức để sinh viên học tiếp lên các bộ môn khác trong khối kiến thức kỹ năng (đặc biệt là kỹ năng viết).			
	Kỹ năng Viết 4	Môn Viết 4 gồm có 6 bài học xoay quanh việc viết các thương tín thương mại qua các hình thức như email và thư từ. Nội dung môn học cũng giới thiệu 3 loại văn bản khác thường gặp trong kinh doanh như (i) biên bản họp, (ii) thông báo báo chí, và (iii) hướng dẫn / qui định. Nội dung môn học nằm trong 6 bài cuối của giáo trình Market Leader– Upper Intermediate (3rd Edition, David Cotton, David Falvey & Simon Kent). Mỗi bài học sẽ giới thiệu hình thức, cấu trúc, từ vựng, văn phong và một số trường hợp sử dụng thường dùng. Sinh viên sẽ được làm quen, phân tích các văn bản mẫu và luyện tập viết theo các tình huống giả định tương tự. Các bài tập luyện viết được cung cấp qua các tài liệu hỗ trợ do giảng viên biên soạn. Ngoài ra, sinh viên còn được chuẩn bị để thực hành một số	2	4	-Dự lớp:10% -Hoạt động trong lớp: 10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%

		mẫu bài viết báo cáo để mô tả tóm tắt hoặc các bài viết đề nghị (proposal) nhằm mô tả, tóm tắt, đề xuất, thuyết phục và các bài viết theo định hướng bài thi chứng chỉ quốc tế. Ngoài ra, môn Viết 4 còn bổ sung tiếp 4 chương (chương 5-8) của tài liệu Great Writing 2: Great Paragraphs (2014) giúp phát triển kỹ năng viết tiếng Anh học thuật nhằm chuẩn bị cho sinh viên việc viết Khóa luận tốt nghiệp sau này.			
	Kỹ năng Viết 5	Môn Viết 5 gồm có 6 bài học xoay quanh việc viết các thương tín thương mại qua các hình thức như email và thư từ. Nội dung môn học cũng giới thiệu 4 loại văn bản thường gặp trong kinh doanh như (i) thư, (ii) thông báo báo chí, (iii) email và (vi) báo cáo nhưng mức độ chuyên sâu hơn trong công việc. Nội dung môn học nằm trong 6 bài đầu của giáo trình Market Leader– Advanced (3rd Edition, David Cotton, David Falvey & Simon Kent). Mỗi bài học sẽ giới thiệu hình thức, cấu trúc, từ vựng, văn phong và một số trường hợp sử dụng thường dùng. Sinh viên sẽ được làm quen, phân tích các văn bản mẫu và luyện tập viết theo các tình huống giả định tương tự. Các bài tập luyện viết được cung cấp qua các tài liệu hỗ trợ do giảng viên biên soạn. Ngoài ra, sinh viên còn được chuẩn bị để thực hành một số mẫu bài viết báo cáo để mô tả tóm tắt hoặc các bài viết đề nghị (proposal) nhằm mô tả, tóm tắt, đề xuất, thuyết phục và các bài viết theo định hướng bài thi chứng chỉ quốc tế. Ngoài ra, môn Viết 5 còn bổ sung tiếp 4 chương cuối	2	5	-Dự lớp:10% -Hoạt động trong lớp: 10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%

		(chương 9-12) của tài liệu Great Writing 2: Great Paragraphs (2014) giúp phát triển kỹ năng viết tiếng Anh học thuật nhằm chuẩn bị cho sinh viên việc viết Khóa luận tốt nghiệp sau này.			
	Academic Writing	Môn học đặt tập trung vào kỹ năng viết học thuật (academic writing) của sinh viên, trong đó trọng tâm được đặt vào kỹ năng viết bài luận 5 đoạn (5-paragraph essay). Môn học được phân thành 03 giai đoạn chính: Giai đoạn 01 là giai đoạn mở đầu, trong giai đoạn này, giảng viên sẽ củng cố và ổn định lại kiến thức nền của sinh viên về kỹ năng viết học thuật cũng như kiến thức và kỹ năng căn bản về viết đoạn (paragraph writing). Sự thống nhất và mạch lạc (coherence and cohesion) của một đoạn văn là trọng tâm giai đoạn 01. Giai đoạn 02 là giai đoạn mở rộng, tại đây, giảng viên sẽ giới thiệu về cấu trúc của một 5-paragraph essay đồng thời cung cấp cho sinh viên một nền tảng kiến thức bao quát về academic writing với các loại, các dạng essay khác nhau, từ Descriptive-Narrative writing cho đến Cause & Effect essay. Trọng tâm tại giai đoạn này là trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức sâu và rộng để có thể viết được bài luận với bất cứ chủ đề, thể loại nào. Giai đoạn 03 là giai đoạn đúc kết và củng cố, tại giai đoạn này, trọng tâm sẽ được thu hẹp về Argumentative essay, dạng bài luận phổ biến và quan trọng nhất của academic writing. Giảng viên sẽ rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tư duy phê phán (critical thinking) và phương pháp phản biện bằng các luận điểm	3	6	-Dự lớp:10% -Thi giữa học phần: 30% -Thi kết thúc học phần: 60%

		chặt chẽ. Sinh viên tại giai đoạn này cũng được yêu cầu làm quen với việc brainstorm, lập dàn ý (outlining) và viết bài luận dưới áp lực thời gian. Giảng viên sẽ hướng dẫn cách để sinh viên có thể xử lý các dạng essay ở các bài thi quốc tế (IELTS, TOEFL...) một cách hiệu quả			
	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	Môn học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và giao tiếp của sinh viên trong chuyên môn và trong công tác mà mình đảm nhận. Môn học gồm 6 chương học (units) giúp sinh viên phát triển và rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, cụ thể: - các bước tiến hành một bài thuyết trình; - các kỹ thuật (techniques) trong thuyết trình; - ngôn ngữ sử dụng trong thuyết trình; - sử dụng ngôn ngữ hình thể (body language) khi thuyết trình; - cách đặt và trả lời các câu hỏi thảo luận.	2	1	-Dự lớp:10% -Thảo luận:10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%
	Văn hóa Anh - Mỹ	Môn học bao gồm 2 phần: phần Văn hóa Anh và phần Văn hóa Mỹ. Hai phần này cung cấp đầy đủ cho sinh viên thông tin cơ bản về các thể chế và đời sống hàng ngày của đất nước và con người Anh và Mỹ. Cụ thể là, sinh viên được trang bị kiến thức về hệ thống vùng miền đặt trung, chính trị, luật pháp, kinh tế, xã hội, giáo dục, và tôn giáo. Ngoài ra, sinh viên học về giá trị, phong tục tập quán cũng như lịch sử của Vương quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa kỳ. Môn học xây dựng nền tảng vững chắc để giúp sinh viên học và tiếp thu ngôn ngữ Anh, trong hoạt động giao tiếp liên văn hóa.	3	2	-Dự lớp:10% -Thảo luận:10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 60%

	Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa	Trong xu thế hội nhập quốc tế trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội thì việc giao tiếp liên văn hóa trở thành vấn đề mà các tổ chức và cá nhân hết sức quan tâm và việc hiểu biết nó một cách hệ thống cũng chính là một trong những yếu tố quan trọng giúp họ thành công. Môn học này nghiên cứu về cách giao tiếp và ứng xử giúp các cá nhân làm việc và giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa. Môn học cũng đưa ra những phân tích về sự khác biệt văn hóa qua thế giới quan, kinh nghiệm gia đình, quá trình nhận thức, hành vi... cũng như các phương thức giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ và các yếu tố tác động hoặc các rào cản khi giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau. Môn học được giảng dạy theo phương pháp giao tiếp và mang tính tương tác cao: sinh viên được khuyến khích trình bày quan điểm, thái độ và kinh nghiệm của mình thông qua thảo luận trong nhóm và trên lớp trước khi so sánh với phần lý thuyết trong tài liệu học tập.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Viết một tiểu luận (2000 từ): 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Biên dịch thương mại	Qua 11 tuần học, sinh viên sẽ được học một số vấn đề cơ bản của dịch thuật, nguyên tắc cơ bản, kỹ năng dịch thuật, hệ thống hóa các điểm ngữ pháp, các cấu trúc câu quan trọng và thường gặp trong ngôn ngữ Anh-Việt. Lý thuyết dịch được giảng lồng ghép qua việc phân tích các bài dịch thực hành, ngữ liệu thực hành cho môn học chủ yếu là các văn bản có chủ đề về kinh tế-tài chính-thương mại nguyên bản Việt-Anh. Lớp học sẽ mang tính tương tác cao giữa giảng viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên,	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		viên, giữa các nhóm học với nhau nhằm thảo luận giải quyết các vấn đề trong quá trình dịch thuật. Sau mỗi buổi học, sinh viên được giao các bài dịch theo cá nhân và nhóm và sẽ trình bày vào buổi học sau để giảng viên chỉnh sửa và cả lớp rút kinh nghiệm.			
	Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh	Chủ đề của các môn học bao gồm các vấn đề như kinh doanh và kinh tế, việc làm, sản xuất, tiếp thị, ngân hàng, đạo đức kinh doanh, tỷ giá hối đoái và thương mại quốc tế. Mỗi bài học gồm 02 phần chính: Phần 1 là các bài đọc hiểu chuyên sâu để giải thích các khái niệm cơ bản về kinh tế và kinh doanh. Phần này cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về chủ đề chương học và giúp sinh viên phát triển các kỹ thuật đọc hiểu. Theo sau các bài đọc là các câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu, các bài tập về từ vựng hoặc hoạt động thảo luận chủ đề được học. Phần 2 là một bài đọc trích từ sách báo, tạp chí hoặc là một bài luyện nghe các cuộc phỏng vấn các doanh nhân hoặc các nhà kinh tế học. Trong phần này cũng có các bài tập kiểm tra mức độ nghe hiểu và các hoạt động nâng cao kỹ năng nói bao gồm thảo luận, đóng vai hoặc một bài viết ngắn có liên quan đến chủ đề được học.	3	4	-Dự lớp:10 % -Thảo luận:10 % -Thi giữa học phần: 20 % -Thi kết thúc học phần: 60 %
	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị	Môn học gồm 12 chương với các chủ đề liên quan đến lĩnh vực quản trị như: vai trò của nhà quản trị, cơ cấu tổ chức và các hoạt động kinh doanh, quản trị sản xuất, quản trị rủi ro, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển hệ thống thương hiệu và hệ thống thông tin. Ngoài việc phát	3	5	-Dự lớp:10 % -Thảo luận:15 % -Thi giữa học phần: 15 % -Thi kết thúc học phần: 60 %

		triển các kỹ năng và kiến thức tiếng Anh, môn học cũng giúp sinh viên có được những kiến thức căn bản về quản trị học. Trong quá trình học, sinh viên sẽ tham gia các hoạt động như thảo luận nhóm, giải quyết các bài tập tình huống (case study), đóng vai (role-play), các bài tập viết và nghe giúp sinh viên luyện tập cách xác định, phân tích và giải quyết những vấn đề mà nhà quản trị thường gặp, đồng thời cũng tạo cơ hội giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh một cách hiệu quả.			
	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	Môn học thích hợp cho học viên muốn học và sử dụng ngôn ngữ Anh liên quan đến lĩnh vực kế toán. Chủ đề của học phần gồm: kế toán và các ngành kế toán đặc biệt về kiểm toán; các văn bản liên quan đến kế toán như báo cáo tài chính, bảng cân đối kế toán; các vấn đề về sử dụng hệ thống kế toán như công cụ quản lý các hoạt động kinh doanh và đầu tư. Mỗi chương học sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ trên nền ngữ liệu nguyên bản (authentic) về kế toán và đặc biệt qua các bài báo trên tạp chí Financial Times sinh viên sẽ được tiếp cận và cập nhật ngôn ngữ và kiến thức về các hoạt động kế toán trong thời gian gần đây. Các hoạt động trên lớp như thảo luận, giải quyết các tình huống, đóng vai (role-play) sẽ giúp sinh viên làm quen và thực tập tốt tiếng Anh kế toán trên môi trường học thuật này.	3	6	-Dự lớp:10 % -Bài tập thực hành:15 % -Thi giữa học phần: 15 % -Thi kết thúc học phần: 60 %
	Tiếng Anh chuyên ngành Ngân hàng	Môn học sử dụng giáo trình chính English for Banking (McLisky, M - Garnet Education 2009) gồm 12 chương - mỗi chương giới	3	6	-Dự lớp: 10 % -Thuyết trình theo nhóm: 15 % -Thi giữa học phần: 15 %

		thiệu một chủ đề khác nhau trong lĩnh vực ngân hàng. Mỗi chương sẽ tập trung vào nghe / nói và các chương chắc chắn tập trung vào đọc / viết. Mỗi chương học gồm 4 phần: - Phần 1: tập trung vào việc phát triển vốn từ vựng và giới thiệu các kỹ năng về từ vựng như cách cấu tạo từ, cách sử dụng tiền tố, hậu tố. - Phần 2: phát triển kỹ năng đọc hoặc nghe hiểu - Phần 3: phát triển kỹ năng đọc hoặc nghe hiểu bằng các bài tập như: (i) đối với kỹ năng đọc sinh viên sẽ được giới thiệu và thảo luận về chủ đề mà phải làm bài tập thực hành viết ở phần 4 của chương này và (ii) đối với kỹ năng nghe sinh viên sẽ được giới thiệu và thảo luận về chủ đề mà phải thực hành nói (như thuyết trình) ở phần 4 của chương học. - Phần 4: phát triển kỹ năng nói hoặc viết qua các chủ đề đã được giới thiệu ở phần 3. Mỗi chương bằng việc tiếp cận với các văn bản và mẫu hội thoại gốc (authentic) sinh viên sẽ có cơ hội phát triển kỹ năng nghe-nói-đọc-viết thông qua các hoạt động thảo luận, trò chơi đóng vai (role-play), thuyết trình, làm quen và xử lý các bảng biểu, mẫu phiếu của giao dịch ngân hàng-tài chính như telex, thư từ, bản ghi nhớ; các bài báo và các bảng báo cáo. Phương pháp dạy và học được sử dụng chủ yếu là sự kết hợp giữa 02 phương pháp: - (i) task-based learning: theo phương pháp này giảng viên tập trung chủ yếu vào việc hướng dẫn người học làm bài tập.; và - (ii) content-based learning: sinh viên được rèn luyện và phát triển kiến thức và kỹ năng			-Thi kết thúc học phần: 60 %
--	--	--	--	--	-------------------------------------

		thông qua các hoạt động học xung quanh một chủ đề có thực và một môi trường ngôn ngữ như thật.			
	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	Môn học English for Logistics được đưa vào giảng dạy với mục đích giúp sinh viên phát triển thuật ngữ chuyên ngành và làm quen các văn bản và các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Logistics. Logistics là quá trình lên kế hoạch, áp dụng và kiểm soát các luồng chuyển dịch của hàng hóa hay thông tin liên quan tới nguyên nhiên liệu vật tư (đầu vào) và sản phẩm cuối cùng (đầu ra) từ điểm xuất phát tới điểm tiêu thụ. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành các kỹ năng ngôn ngữ trên ngữ cảnh hoặc các văn bản, báo cáo, tài liệu về Logistics, và nắm được các khái niệm và kiến thức cơ bản về vai trò của Logistics trong hoạt động kinh doanh. Môn học đồng thời cũng tạo cơ hội giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua các hoạt động trên lớp như: thảo luận, bài tập tình huống, đóng vai, thuyết trình.	3	6	-Dự lớp:10 % -Thuyết trình theo nhóm: 15 % -Thi giữa học phần: 15 % -Thi kết thúc học phần: 60 %
	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch và Khách sạn	Môn học gồm 12 chương với các chủ đề liên quan đến lĩnh vực quản trị như: vai trò của nhà quản trị, cơ cấu tổ chức và các hoạt động kinh doanh, quản trị sản xuất, quản trị rủi ro, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển hệ thống thương hiệu và hệ thống thông tin. Ngoài việc phát triển các kỹ năng và kiến thức tiếng Anh, môn học cũng giúp sinh viên có được những kiến thức căn bản về quản trị học. Trong quá trình học, sinh viên sẽ tham gia các hoạt động như thảo luận nhóm, giải quyết các bài tập tình huống (case	3	6	-Dự lớp:10 % -Thảo luận:15 % -Thi giữa học phần: 15 % -Thi kết thúc học phần: 60 %

		study), đóng vai (role-play), các bài tập viết và nghe giúp sinh viên luyện tập cách xác định, phân tích và giải quyết những vấn đề mà nhà quản trị thường gặp, đồng thời cũng tạo cơ hội giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh một cách hiệu quả.			
	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	Môn học English for Law ngoài việc giúp sinh viên phát triển các kỹ năng và kiến thức tiếng Anh còn giúp sinh viên có được những kiến thức căn bản về ngành luật. Trọng tâm chính của môn học là trang bị cho sinh viên vốn thuật ngữ chuyên ngành luật cần thiết để có thể học tập và làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Đặc biệt, sinh viên sẽ được cung cấp kỹ năng học thuật hết sức cần thiết như: cách ghi chú và nghe hiểu bài giảng; cách phát biểu trình bày ý kiến của mình tại các cuộc thảo luận và hội thảo; hoặc cách tóm tắt những ý chính từ các bài giảng hoặc các văn bản với chủ đề về pháp luật. Trong quá trình học sinh viên sẽ tham gia các hoạt động như thảo luận nhóm, giải quyết các bài tập tình huống (case study), đóng vai (role-play). Sinh viên còn được thực hành kỹ năng viết bằng cách hoàn thành các bài luận ngắn hoặc các báo cáo.	3	6	-Dự lớp:10 % -Thuyết trình theo nhóm: 15 % -Thi giữa học phần: 15 % -Thi kết thúc học phần: 60 %
	Marketing căn bản	Môn học này cung cấp kiến thức nền tảng về môi trường marketing và nhu cầu của khách hàng, phân tích những cơ hội marketing cùng với các giải pháp phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và các giải pháp marketing mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) nhằm giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh.	3	5	-Class attendance: 5% -Discussion: 5% -Presentations: 5% -Report: 5% -Mid-term exam: 20% -Final exam: 60%

	Quản trị kinh doanh quốc tế	Môn học đề cập đến những nội dung sau: giới thiệu chung về toàn cầu hóa và các loại hình kinh doanh quốc tế; Tìm hiểu về môi trường kinh doanh quốc tế và những yếu tố tạo sự khác biệt giữa các quốc gia; Giới thiệu các chiến lược kinh doanh quốc tế căn bản và các mô hình tổ chức tương ứng.	3	5	-Attendance: 5% -Individual test: 15% -Group work: 30% oReport 10% oPresentation 20% -Final exam: 50%
	Luật Kinh Doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp	3	6	- Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Quản trị nguồn nhân lực	Dù hoạt động trong bất kỳ lĩnh vực nào: marketing, tài chính, kỹ thuật, hay điều hành chung thì nhiệm vụ khó khăn và quan trọng nhất của các nhà quản trị vẫn là quản trị nguồn nhân lực trong bộ phận/tổ chức của mình. Quản trị nguồn nhân lực là môn học mà tất cả các nhà quản trị cần nắm vững để phát triển tổ chức bền vững và quản trị cấp dưới hiệu quả. Môn học quản trị nguồn nhân lực chú trọng trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng căn bản về hoạch định nguồn nhân lực; thu hút và tuyển dụng nhân sự; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; đánh giá kết quả thực hiện công việc; và trả công lao động trong tổ chức/ doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng hướng dẫn sinh viên phát triển khả năng phân tích, đánh giá các hoạt động thực tiễn quản trị nguồn nhân lực.	3	6	-Dự lớp: 5% -Phát biểu: 5% -Thảo luận nhóm: 10% -Thuyết trình: 10% -Kiểm tra giữa học phần: 10% -Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức đánh giá: -Thuyết trình: trình bày theo nhóm trong 20 phút. -Kiểm tra giữa học phần: tự luận 75 phút, lý thuyết và tình huống, đề mở. -Thi kết thúc học phần: tự luận 60 phút, lý thuyết, đề không sử dụng tài liệu.
	Quản trị xuất nhập khẩu	Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị xuất nhập khẩu, gồm những nội dung chủ yếu sau: Hoạch định chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu; Đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu; Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và tổ chức thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu.	3	6	-Attendance: 10% -Group exercise: 20% -Group presentation: 20% -Final test: 50%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm	2	5	- Dự lớp:30% - Thảo luận:10% - Thuyết trình:10%

		ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Truyền thông hiệu quả (Giao tiếp; Trình bày; Phản hồi và hướng dẫn công việc); và Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh.			- Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi nghiệp kinh doanh	Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self-efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có	1	6	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Môi quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
--	--	---	--	--	--

	Thực tập và Khóa luận tốt nghệ nghiệp		10	7	
14	Ngành Tài chính - Ngân hàng, chương trình Thuế				
	Triết học Mác Lênin	- Học phần triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề này sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. - Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống - Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội.	3	1	- Đánh giá quá trình: 50% • Dự lớp: 15% • Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% • Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% • Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu) Thời gian làm bài: 75 phút
	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) Điểm học phần: 100%

		quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.			
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	2	3	Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực	2	3	Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.	2	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tiếng Anh tổng quát	Tiếng Anh tổng quát giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như careers, companies, selling, great ideas và stress. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	1	Class attendance and participation: 10% - LMS: 10% - Speaking test: 15% - Sample Test: 15% - Final Test: 50%
	Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)	This module aims to enhance students' comprehension of academic language and	3	2	lass attendance and participation: 10% - LMS: 10% -

		literacy practices within the field of economics. The design of the module facilitates the integration of language learning with key content areas, enabling students to develop a profound understanding of how language functions in communicating subject matter. Consequently, students will be able to acquire essential language skills relevant to the field of economics. Students actively foster their learning experience through engaging in diverse learning activities such as case studies, role-plays, simulations, presentations, and group discussions. This module aims to enhance students' comprehension of academic language and literacy practices within the field of economics. The design of the module facilitates the integration of language learning with key content areas, enabling students to develop a profound understanding of how language functions in communicating subject matter. Consequently, students will be able to acquire essential language skills relevant to the field of economics. Students actively foster their learning experience through engaging in diverse learning activities such as case studies, role-plays, simulations, presentations, and group discussions.			Speaking test:15% - Sample Test:15% - Final Test: 50%
	Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)	The principal aim of this module is to enhance students' cognitive mastery of the intricate interplay between academic language and the specialized discourse conventions within the field of economics. The structural	3	3	- Class attendance and participation: 10% - LMS: 10% - Speaking test:15% - Sample Test:15% - Final Test: 50%

		framework of the module strategically facilitates the integration of linguistic acquisition with the foundational subject matter, thereby endowing students with the capacity to cultivate a profound comprehension of the nuanced role of language in the dissemination of specialized knowledge. Consequently, students will acquire and develop essential language competencies that are intrinsically pertinent to the field of economics. Students will be involved in various interesting activities like studying real cases, acting out scenarios, doing simulations, giving presentations, and having group discussions to make their learning experience exciting and valuable.			
	Nhập môn tâm lý học	Mục đích của khoa học tâm lý là hiểu được cơ chế hoạt động của não bộ và nó tương tác thế nào với thế giới bên ngoài để hình thành và ảnh hưởng hành vi. Môn học này được thiết kế như một môn học nhập môn về khoa học tâm lý với trọng tâm chủ yếu là tìm hiểu về tư duy, tình cảm và hành vi của con người. Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức cơ sở cho học viên về tâm lý học. Ngoài ra, học viên cũng sẽ hiểu được những ứng dụng của kiến thức về tâm lý trong lĩnh vực quản lý, kinh tế, marketing, hành vi người tiêu dùng, quản lý khoa học kỹ thuật và nhiều lĩnh vực khác trong đời sống xã hội hàng ngày. Nội dung của môn học nhập môn tâm lý học sẽ được chia làm 3 Module chính: (1) Module 1: Những vấn đề chung trong tâm lý học, (2) Module 2: quá trình nhận thức	2	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận nhóm: 10% - Thuyết trình nhóm: 30% - Thi kết thúc học phần (research project): 6

		và hành vi, (3) Điều chỉnh sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội.			
	Phát triển bền vững	Môn học "Phát triển bền vững" giới thiệu các nguyên tắc, khái niệm và thách thức chính của phát triển bền vững, tập trung vào bối cảnh của Việt Nam. Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam phải đối mặt với các vấn đề xã hội, kinh tế và môi trường phức tạp đòi hỏi phải có các giải pháp bền vững. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về lý thuyết phát triển bền vững, ứng dụng và vai trò của các bên liên quan khác nhau trong hành động hướng tới kết quả bền vững. Học "Phát triển bền vững" là cần thiết để sinh viên phát triển hiểu biết toàn diện về những thách thức mà thế giới đang phải đối mặt và trang bị cho mình kiến thức và kỹ năng cần thiết để đóng góp tích cực cho một tương lai bền vững và công bằng. Môn học thúc đẩy tư duy phản biện, nhận thức toàn cầu và trách nhiệm công dân đồng thời là bước khởi đầu trên con đường nghề nghiệp có giá trị và tạo ra tác động của sinh viên trong một thế giới ngày càng coi trọng sự bền vững.	2	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận và thuyết trình/Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Tư duy thiết kế	Tư duy thiết kế là một phương pháp giải quyết vấn đề đặt người dùng vào trung tâm của quy trình. Nó cung cấp một khuôn khổ năng động để tiếp cận việc hình thành ý tưởng, điều tra sáng tạo và suy nghĩ khác biệt. Môn học Tư duy Thiết kế cung cấp kiến thức về các nguyên tắc, công cụ và phương pháp thúc đẩy tư duy sáng tạo như Empathy Map, Persona/ User profile, Journey Mapping, How might we ...?, Value Chain Analysis,	2	6	Dự lớp: 5% - LMS activities: 5% - Thi giữa học phần: 40% - Thi kết thúc học phần: 50%

		Brainstorming, Mind Mapping, Story Telling, Problem Statement, Concept Development, Assumption Testing, Rapid Prototyping, Customer Co-Creation, Prototype to test, Experience Testing, Learning Launch.... Sinh viên sẽ học cách sử dụng đúng mục đích các công cụ và phù hợp với quy trình để giải quyết các tình huống thực tế. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy phân biện, kỹ năng trình bày và diễn đạt ý tưởng. Sinh viên sẽ học cách giao tiếp hiệu quả, đưa ra và nhận phản hồi, tôn trọng ý tưởng và quan điểm của người khác.			
	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kinh tế vi mô là môn học nhập môn của sinh viên khối ngành Kinh tế - Kinh doanh và Quản lý, giảng dạy về các nguyên tắc cơ bản của kinh tế vi mô. Môn học này sẽ giúp chúng ta ra quyết định và hiểu thế giới vận hành như thế nào thông qua việc nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm. Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể và sự tương tác ảnh hưởng đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường, vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh.	3	1	Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bài thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả	3	2	Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Bản thu hoạch: % - Thuyết trình: % - Báo cáo: % - Thi giữa học phần:

		và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.			20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	+ Ma trận và các phép toán cơ bản của ma trận. + Định thức và các tính chất quan trọng. + Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. + Hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng. + Hàm một biến và các kiến thức liên quan. + Hàm nhiều biến và các kiến thức liên quan + Một số phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2. + Một vài ứng dụng của Đại số tuyến tính và Giải tích trong phân tích kinh tế. Học phần này sẽ trang bị các kiến thức căn bản của môn Toán Cao Cấp (bao gồm Đại số tuyến tính và Giải tích) cho sinh viên nhằm trang bị các công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Doanh, Tối Ưu hóa, Kinh tế học, Kinh tế lượng, ...	3	1	hi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Học phần Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh Tế và Kinh Doanh cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý	3	2	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.			
	Luật kinh doanh	Môn học này trang bị cho sinh viên các ngành học kinh tế và luật học tại UEH những kiến thức pháp luật cơ bản để hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chú trọng so sánh với các quốc gia tiên tiến. Môn học gồm hai phần: Phần thứ nhất Đại cương pháp luật trong môi trường kinh doanh. Phần này tập trung giảng dạy cho người học có những hiểu/ biết cơ bản về pháp luật gồm: bản chất của pháp luật, sự tồn tại của pháp luật và chủ thể của pháp luật. Từ đó, giúp người học tiếp cận với những vấn đề cụ thể của pháp luật của một nhà kinh doanh trong tương lai gồm: luật hiến pháp bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quản lý và giám sát của nhà nước với hoạt động kinh doanh và trách nhiệm pháp lý của chủ thể kinh doanh. Hiểu rõ pháp luật và vai trò pháp luật, đánh giá pháp luật và có thái độ thượng tôn pháp luật là mục tiêu chủ đạo của phần này. Phần thứ hai Pháp luật cho người kinh doanh. Phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, tồn tại và vận hành của doanh nghiệp như thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiến hành kinh doanh và rút khỏi thị trường. Những nội dung chính của phần này bao gồm: pháp	3	1	Tham dự trên lớp và phát biểu trên lớp: 10% - Thuyết trình và thảo luận nhóm: 20% - Kiểm tra trên lớp: 20% - Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi trắc nghiệm (Sinh viên chỉ được phép sử dụng Giáo trình Luật kinh doanh (bản gốc) và văn bản pháp luật). Tổng cộng: 100%

		luật về tài sản, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Hiểu, đánh giá, phân tích, vận dụng qui định của pháp luật về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp là mục tiêu chủ đạo của phần này.			
	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán giúp sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế như quản trị, kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán,...	3	1	- Dự lớp: 10% - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.	2	3	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.
	Khởi nghiệp kinh doanh	Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (self efficacy) để theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi	1	6	- Tiểu luận - Thi kết thúc học phần: 70%

		đây, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn			
--	--	--	--	--	--

		đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Môi quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
	Khoa học dữ liệu	Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học dữ liệu (KHDL), các vấn đề và phương pháp KHDL; bao gồm phương pháp toán thống kê và công nghệ mới, và ứng dụng KHDL công nghệ mới vào thực tiễn kinh tế xã hội. Trên cơ sở đó, giúp người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ trong thu thập, phân tích dữ liệu, xây dựng mô hình tổ chức hiệu quả cho các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kinh doanh và quản lý.	2	5	-Dự lớp: 10% -Báo cáo nhóm: 10% - Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 6
	Tài chính doanh nghiệp	Môn học Tài chính Doanh Nghiệp bậc đại học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng liên quan đến việc đưa ra các quyết định về quản trị tài chính trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, đặc biệt đối với loại hình công ty cổ phần đại chúng. Nội dung của môn học này đề cập đến bản chất của 03 quyết định tài chính quan trọng đó là quyết định đầu tư, quyết định	3	3	-Dự lớp và thảo luận: 15% -Bài tập nhóm: 10% -Bài kiểm tra LMS: 10% -Kiểm tra giữa học phần: 15% -Thi kết thúc học phần: 50%

		tài trợ và quyết định liên quan đến quản trị các tài sản lưu động và nợ ngắn hạn. Môn học này cũng chú trọng rèn luyện những kỹ năng thiết yếu cho nhà quản trị tài chính và nhà đầu tư như phân tích tài chính sử dụng các báo cáo kế toán, bản chất của nợ vay và các nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp, các chính sách cổ tức thay thế khác nhau và giá trị doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn... Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể nắm bắt những kiến thức cơ bản và hiện đại về tài chính doanh nghiệp để có thể học chuyên sâu các môn học khác của ngành tài chính, hoặc các môn học của chuyên ngành, ngành khác, hoặc học tiếp lên ở những bậc học cao hơn sau này.			
	Kế toán tài chính căn bản	Kế toán tài chính căn bản cung cấp kiến thức toàn diện và tổng quát về các báo cáo tài chính trong đó bao gồm nội dung cơ bản và cách thức trình bày tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, thu nhập, chi phí và dòng tiền. Đồng thời môn học hướng dẫn các công cụ phân tích báo cáo tài chính. Kiến thức của học phần này sẽ là nền tảng, điều kiện tiên quyết để sinh viên học các học phần Kế toán tài chính tiếp theo.	3	2	- Làm test, online, LMS: 5% - Thuyết trình, bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Quản trị và chiến lược ngân hàng	Quản trị và chiến lược ngân hàng cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về chiến lược kinh doanh ngân hàng trong môi trường mới bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi pháp lý, kỹ thuật công nghệ, toàn cầu hóa... Học phần giúp sinh viên hiểu làm thế nào lập và thực hiện chiến lược kinh doanh ngân hàng, cụ thể gồm: những	3	3	-Thuyết trình: 20% -Thi giữa học phần: 30% -Thi kết thúc học phần: 50

		chiến lược trong việc lựa chọn sản phẩm, giá cả sản phẩm, quy mô và cơ cấu tổ chức ngân hàng cũng như mô hình kinh doanh ngân hàng.			
	Hoạch định Thuế	Học phần cung cấp các nguyên lý cơ bản trong việc hoạch định thuế, kiểm soát các dòng tiền chu chuyển trong kinh doanh và đầu tư. Học phần giúp khám phá môi trường thuế trong kinh doanh và đầu tư. Học phần tập trung vào việc vận dụng quy trình nghiên cứu thuế trong việc hoạch định thuế trong kinh doanh và đầu tư bằng phương pháp nghiên cứu định tính. Học phần trang bị khả năng hoạch định một khoản thuế tối ưu trong kinh doanh và đầu tư nhằm đảm bảo cho người nộp thuế đạt được giá trị dòng tiền cao nhất trong khung khổ tuân thủ pháp luật.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Nguyên lý Tài chính - Ngân hàng	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính – tiền tệ như: Vai trò của tiền tệ và hệ thống tài chính; những hiểu biết về lãi suất; thị trường tài chính và hiệu quả thông tin; thông tin bất cân xứng và cấu trúc tài chính doanh nghiệp; ngân hàng và các định chế tài chính; các công cụ của chính sách tiền tệ; thị trường ngoại hối và hệ thống tài chính quốc tế. Sinh viên có khả năng hiểu được các thông tin cơ bản về tài chính – ngân hàng; mô tả và giải thích được cơ chế vận hành của hệ thống tài chính và thị trường tài chính, hoạt động ngân hàng và các định chế tài chính; sự luân chuyển các nguồn tài chính trong hệ thống tài chính; phân tích được lợi ích và chi phí của mỗi nguồn tài trợ khi lựa chọn cấu trúc tài chính. Vận dụng những kiến thức học được từ môn học này, sinh viên có thể: (i) lý giải các	3	2	1.Đánh giá quá trình 50% (1a)Hoạt động cá nhân: ●Phát biểu trên lớp ●Các hình thức khác theo qui định của giảng viên: 25% (1b)Hoạt động nhóm: ●Bài tập nhóm, giải quyết tình huống theo nhóm ●Thuyết trình theo nhóm ●Các hình thức khác theo qui định của giảng viên (Lưu ý: ■Đánh giá mức độ đóng góp của từng cá nhân đối với hoạt động nhóm; ■Lịch trình chuẩn bị, nộp bài tập nhóm và thuyết trình xem chi tiết ở Mục 6) 15%

		vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng (như: sự lựa chọn cấu trúc tài chính, sự biến động lãi suất, quyết định phân bổ nguồn lực tài chính của các chủ thể tài chính...); (ii) làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong những môn học khác. Ngoài ra, thông qua phương pháp giảng dạy tích cực và việc đề ra các nguyên tắc phải tuân thủ khi tham gia môn học, sinh viên còn có thể phát triển được khả năng tư duy, hoàn thiện các kỹ năng mềm cũng như thái độ.			(1c)Kiểm tra giữa kỳ 10% 2. Thi cuối kỳ ●Hình thức: Trắc nghiệm, không sử dụng tài liệu khi làm bài ●Nội dung: toàn bộ các nội dung trong chương trình môn học: 50% Tổng cộng 100%
	Tài chính công	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính công như: Khu vực công; thất bại thị trường và vai trò của chính phủ, lý thuyết về hiệu quả và công bằng; hàng hóa công và chi tiêu công; phân tích lợi ích và chi phí dự án công; lý thuyết thuế và khuôn khổ phân tích thuế hiệu quả và tối ưu; ngân sách nhà nước và tài trợ bội chi ngân sách .	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Ngân hàng thương mại	Môn học NHTM trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về hoạt động chủ yếu của NHTM: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ thanh toán, dịch vụ tài chính, các hoạt động ngoại bảng của NHTM... Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc thực tiễn và rèn luyện các kỹ năng cần thiết, khả năng ứng xử và ra quyết định. Giúp sinh viên giải quyết các tình huống trong công việc, nhằm giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận môi trường làm việc tại các Ngân hàng thương mại, định chế tài chính và doanh nghiệp.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10 % - Thi giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 50 %
	Luật doanh nghiệp	Môn học Luật doanh nghiệp cung cấp các kiến thức pháp luật về chủ thể kinh doanh qua	3	2	-Điểm quá trình: 50%

		ba phần nội dung chính : Phần 1 nghiên cứu các vấn đề pháp lý cơ bản về doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp như khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp, doanh nghiệp xã hội, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp, nguyên tắc giải quyết xung đột giữa pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành. Phần 2 nghiên cứu các quy định của pháp luật doanh nghiệp liên quan đến cấu trúc tài chính bên trong của từng loại hình doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị của từng loại doanh nghiệp cụ thể. Phần 3 nghiên cứu các quy định pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp.			-Kiểm tra kết thúc học phần: 50% thi tự luận, SV được phép sử dụng văn bản QPPL có liên quan mà giảng viên hướng dẫn -Tổng cộng : 100%
	Thuế gián thu	Học phần giúp cho sinh viên hiểu được đặc điểm thuế gián thu, các nguyên tắc đánh thuế, phạm vi tác động và phương pháp tính thuế của một số sắc thuế gián thu. Và quan trọng hơn, học phần này cung cấp cho người học những kiến thức để có thể phân tích và nhận thức đúng đắn về thuế gián thu.	3	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận, bài tập, tình huống trên LMS: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần:
	Thuế Tài sản	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về thuế tài sản mà trọng tâm là các loại thuế trong lĩnh vực bất động sản. Qua đó, sinh viên nhận biết và hiểu được các vấn đề lý thuyết của thuế tài sản. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu được nội dung cơ bản của các loại thuế liên quan đến việc sở hữu (hoặc sử dụng) và chuyển nhượng bất động sản theo quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng ứng dụng các hiểu biết, quy định về thuế trong lĩnh vực bất động sản vào thực tiễn cuộc sống.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%

	Đạo đức Thuế	Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên tiếp cận, nghiên cứu và phân tích hệ thống thuế từ những góc độ xem xét khác nhau: đạo đức, chuẩn mực, pháp lý. Ban đầu, khóa học tập trung làm rõ khía cạnh đạo đức và pháp lý. Sau đó, khóa học xem xét những quy phạm pháp luật và quy tắc đạo đức, một số bộ luật áp dụng đối với các chuyên gia thuế và những người nộp thuế, phân tích vai trò của tinh thần thuế đến tuân thủ thuế. Hệ thống kiến thức nền tảng này sau đó được vận dụng để đánh giá, phê bình các vấn đề có liên quan đến tuân thủ thuế ở Việt Nam, bao gồm cả cách thức để tiếp cận đúng hệ thống pháp luật về thuế, các khái niệm trốn thuế, tránh thuế và hoạch định thuế và vai trò của các điều khoản nhằm hạn chế tình trạng tránh thuế.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Thuế Quốc tế	Học phần này cung cấp các kiến thức nền tảng cho việc tìm hiểu nguyên tắc thiết kế và vận hành hệ thống thuế thu nhập có liên quan đến các hoạt động đầu tư xuyên quốc gia và sự dịch chuyển nguồn thu nhập trên toàn cầu. Phương pháp tiếp cận dưới hình thức so sánh sẽ được áp dụng để làm nổi bật các chính sách khác nhau có thể được áp dụng bởi các quốc gia để giải quyết các vấn đề về thuế có liên quan đến yếu tố nước ngoài. Phương pháp so sánh này sẽ được mở rộng để xem xét đến kết quả thuế của những chính sách thuế quốc tế khác nhau và những tác động của chúng. Trên cơ sở đó, học phần cũng khám phá các khía cạnh cụ thể của thuế quốc tế đối với các hoạt động kinh doanh xuyên quốc gia: vấn đề cư trú thuế, vấn đề tránh thuế quốc tế và	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10%

		hiệp định tránh đánh thuế hai lần; các biện pháp chống lại hành vi tránh thuế quốc tế; vấn đề chuyển giá và các vấn đề có xu hướng phát triển trong tương lai của thuế quốc tế: thương mại điện tử, BEPS,Học phần cũng được thiết kế để sinh viên có thể vận dụng các quy định về thuế quốc tế trong bối cảnh thuế của Việt Nam hiện hành.			
	Thực hành thuế	Môn học này cung cấp kỹ năng cơ bản để thực hành thuế. Đây là một kỹ năng quan trọng và cần thiết để có thể làm việc trong lĩnh vực thuế. Thông qua những bài tập mô phỏng, tình huống thực tế, giảng viên giúp người học tiếp cận với những thủ tục tuân thủ thuế. Sau khi hoàn thành tốt môn học này, người học có khả năng thực hiện nhiệm vụ liên quan đến thực hành thuế một cách thành thạo, hạn chế được những sai sót cũng như bảo đảm tuân thủ các quy định của nhà nước về thuế.	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Bài tập: 10% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Kiểm toán căn bản	Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán báo cáo tài chính, bao gồm định nghĩa kiểm toán, phân loại kiểm toán, môi trường kiểm toán báo cáo tài chính và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính. Môn học này nhấn mạnh đến các công việc được thực hiện trong các giai đoạn của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, từ đánh giá rủi ro, lập kế hoạch, các kỹ thuật thu thập bằng chứng đến đưa ra ý kiến và trình bày báo cáo kiểm toán.	3	4	- Thuyết trình và bài tập: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Kiểm tra cuối kỳ: 50% - Tổng cộng: 100%
	Kế toán quản trị	chất, chức năng và các phương pháp của kế toán quản trị để thông tin tài chính và phi tài chính được truyền đạt một cách tốt nhất trong nội bộ một doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý hoạch định, kiểm soát	3	4	-Kiểm tra quá trình: 15% -Giải quyết tình huống kế toán quản trị, bài tập nhóm: 15% -Kiểm tra kết thúc học phần: 70%

		và ra quyết định một cách hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, học phần này đặt trọng tâm vào việc huấn luyện các kỹ thuật kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc lên kế hoạch, kiểm soát và đưa ra các quyết định kinh doanh. Đồng thời, sinh viên sẽ được làm quen với ngôn ngữ kinh doanh và vai trò của nhà quản lý, cùng với việc nghiên cứu cách ứng xử đạo đức của người hành nghề kế toán quản trị. Các chủ đề của học phần này bao gồm: giới thiệu tổng quan về kế toán quản trị; phân loại chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, lập dự toán ngân sách, đánh giá trách nhiệm quản lý, định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị.			
	Phân tích báo cáo tài chính	Học phần Phân tích báo cáo tài chính được thiết kế nhằm giúp người học diễn giải và phân tích báo cáo tài chính. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về các chỉ tiêu trong hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính. Học phần cũng trình bày phân tích ngành và chiến lược, phân tích kế toán trong mối quan hệ với phân tích tài chính nhằm giúp người học có khả năng phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán và năng lực dòng tiền của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần này cũng giúp người học phân tích triển vọng nhằm dự báo những chỉ tiêu quan trọng trên báo cáo tài chính phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau như định giá chứng khoán, thẩm	3	5	- Dự lớp và LMS: 5% - Tiểu luận nhóm: 15% - Thi giữa học phần: 10% - Thi kết thúc học phần: 70%

		định tín dụng và các quyết định quản trị doanh nghiệp.			
	Kế toán tài chính theo IFRS	Kế toán tài chính theo IFRS là học phần tiếp theo học phần Kế toán tài chính căn bản, cung cấp kiến thức nền tảng về kế toán tài chính để sinh viên hiểu được cách thức đo lường, ghi nhận, trình bày và công bố các yếu tố của báo cáo tài chính - đặc biệt học phần này tập trung vào tổ chức kế toán các một số loại tài sản dài hạn, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lãi trên cổ phiếu trong doanh nghiệp. Nội dung học phần hướng đến việc cung cấp các kiến thức liên quan đến các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS/IFRS như: IAS 16, IAS 36, IAS 38, IAS 37, IAS 33, IFRS 2... Qua đó, sinh viên hiểu và phân tích được các chuẩn mực này để có thể vận dụng vào thực tiễn.	3	3	- Dự lớp: 5% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% - Bài thu hoạch 10% - Thuyết trình 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Thuế trực thu	Học phần giúp cho sinh viên hiểu được đặc điểm của thuế trực thu, các nguyên tắc đánh thuế, phạm vi tác động và phương pháp tính thuế của thuế Thu nhập doanh nghiệp. Học phần cũng khám phá mối quan hệ giữa thuế Thu nhập doanh nghiệp và thuế Thu nhập cá nhân; thuế Thu nhập doanh nghiệp và cấu trúc tài chính của doanh nghiệp.	3	4	- Dự lớp: 5% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% - Bài thu hoạch 10% - Thuyết trình 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản lý thuế	Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về quản lý thuế; Tổ chức bộ máy quản lý thuế; Những vấn đề Luật quản lý thuế quy định đối với các chủ thể liên quan đến quản lý thuế phải hiểu rõ và tuân thủ. Học phần cũng tập trung vào khía cạnh thực hành những nghiệp vụ về quản lý đăng ký thuế, kê khai thuế, Kiểm tra, thanh tra thuế; Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế và giải quyết các vấn đề khiếu nại, khởi kiện của người nộp	3	5	- Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% - Bài thu hoạch 10% - Thuyết trình 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		thuế, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật thuế.			
	Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật	Thông qua việc cung cấp kiến thức về phương pháp nghiên cứu một cách hệ thống, môn học cho giúp cho người học có thể áp dụng và phân tích các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, và đặc biệt là các phương pháp thường được áp dụng trong tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế. Các hiểu biết về phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng hỗ trợ người học có thể tự độc lập xây dựng và phát triển nghiên cứu của mình. Ngoài ra, môn học cũng sẽ hỗ trợ người học kỹ năng viết và trình bày báo cáo học thuật theo tiêu chuẩn APA.	3	4	- Dự lớp: 5% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% - O Bài thu hoạch 10% - O Thuyết trình 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Kiểm toán báo cáo tài chính	Môn Kiểm toán Báo cáo tài chính sẽ hệ thống hoá kiến thức liên quan đến các chuẩn mực kế toán, cũng như chuẩn mực kiểm toán liên quan; từ đó, sinh viên được cung cấp kiến thức và kỹ năng để thực hành kiểm toán một số khoản mục cơ bản trên báo cáo tài chính. Cụ thể là thiết kế và thực hiện chương trình kiểm toán, lập hồ sơ kiểm toán, điều chỉnh các sai lệch đã phát hiện. Môn học này có tính ứng dụng cao vì yêu cầu sinh viên sẽ thực hành kiểm toán trên những mô hình số liệu cụ thể và lập hồ sơ kiểm toán.	3	5	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 5% - Thuyết trình: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Kiểm toán công nghệ thông tin	Môn học này cung cấp cho người học những hiểu biết về kiểm toán công nghệ thông tin (CNTT) từ góc nhìn của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập nhằm cung cấp cho xã hội những kiểm toán viên chất lượng, đáp ứng nhu cầu về kiểm toán CNTT. Môn học bắt đầu với các kiến thức tổng quan về kiểm toán CNTT và các quy định pháp lý liên quan đến an toàn thông tin và kiểm	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 25% - Thi kết thúc học phần: 50%

		toán CNTT. Người học được giới thiệu về quy trình kiểm toán CNTT và một số công cụ, kỹ thuật sử dụng trong kiểm toán CNTT. Để có thể thực hiện các chương trình kiểm toán CNTT, các kiến thức về chiến lược và quản trị CNTT, quản lý rủi ro CNTT, quản lý dự án ứng dụng CNTT và chu kỳ phát triển hệ thống được ôn lại làm cơ sở để giới thiệu về vai trò của kiểm toán viên trong các hoạt động quản trị, quản lý và ứng dụng CNTT trong tổ chức hướng đến thực hiện kiểm toán liên tục. Các nội dung chuyên sâu về kiểm toán các hệ thống ứng dụng, kiểm toán quản lý kiểm soát sự thay đổi, kiểm toán các hoạt động của hệ thống thông tin (đặc biệt là hệ thống thông tin kế toán), kiểm toán an toàn thông tin và kiểm toán mua, quản lý dịch vụ và thuê ngoài hệ thống được cung cấp nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp cho các kiểm toán viên thực hiện kiểm toán CNTT. Môn học này sẽ sử dụng các tình huống và bài tập nhằm minh họa cho các nội dung và cung cấp cơ hội cho người học vận dụng các kiến thức về kiểm toán CNTT trong các bối cảnh khác nhau. Môn học kiểm toán CNTT này được thiết kế nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng các mục tiêu và hiệu quả của các hệ thống thông tin/ CNTT đang đáp ứng yêu cầu của tổ chức. Các môn học gồm hệ thống thông tin kế toán và an toàn thông tin kế toán đã cung cấp các kiến thức cơ bản về thiết lập, vận hành và quản lý rủi ro CNTT/ hệ thống thông tin được xem là nền tảng để người học thành công trong môn học này.			
--	--	--	--	--	--

		Ngoài ra, kiểm toán căn bản cũng được xem là cơ sở để người học có thể đạt được mục tiêu của môn học này một cách thuận lợi.			
	Quản trị rủi ro tài chính	Môn học này được thiết kế để áp dụng các lý thuyết và phương pháp cho nhu cầu quản trị rủi ro tài chính. Với sự phát triển của thị trường tài chính và nhiều cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu xảy ra trong thời gian qua, quản trị rủi ro tài chính ngày nay càng đóng vai trò quan trọng nhằm giúp cho các nhà quản trị tài chính hiểu các loại rủi ro tài chính và cách thức đối phó với rủi ro. Môn học này sẽ giới thiệu một số chiến lược quản trị rủi ro tài chính thông qua việc sử dụng các sản phẩm phái sinh bao gồm hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng giao sau, quyền chọn, và hợp đồng hoán đổi để phòng ngừa và quản lý các loại rủi ro do biến động trong giá cả hàng hóa, tỷ giá, giá chứng khoán, lãi suất... có tác động bất lợi đến doanh nghiệp và các tổ chức tài chính. Ngoài mục tiêu phòng ngừa rủi ro, các chiến lược kinh doanh dựa trên các sản phẩm phái sinh kể trên cũng được đề cập trong môn học này. Thêm vào đó, môn học sẽ trình bày một số các nội dung cơ bản về các kỹ thuật quản trị rủi ro tài chính và các ứng dụng liên quan.	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận hoặc kiểm tra giữa kỳ, bài thực hành: 25% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Thuế trong mua bán và sáp nhập	Động lực của M&A thường được đưa ra là hai công ty riêng hợp nhất sẽ tạo ra nhiều giá trị hơn so với việc đứng riêng lẻ. Với mục tiêu tối đa hóa, các công ty đánh giá các cơ hội phát triển khác nhau thông qua con đường sáp nhập hoặc mua lại. Một trong những cân nhắc quan trọng nhất cần được tính đến là khía cạnh	3	6	- Dự lớp: 5% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% - O Bài thu hoạch 10% - O Thuyết trình 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		thuế. Mục đích của khóa học này là cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống và toàn diện để xử lý các vấn đề về thuế trong các giao dịch M&A. Khóa học có sáu chương. Chương 1 thảo luận về các chiến lược của công ty và mô tả các giao dịch M&A. Chương 2 trình bày hệ thống thuế tại Việt Nam và xác định các khía cạnh thuế trong M&A. Chương 3 tập trung vào các loại thuế gián thu. Chương 4 tập trung vào các loại thuế trực thu. Chương 5 phân tích rủi ro tuân thủ thuế trong M&A. Chương 6 giới thiệu các vấn đề về thuế trong các giao dịch M&A trên Thế giới.			
	Thực tập tốt nghiệp		10	7	
15	Ngành Công nghệ thông tin, chương trình Công nghệ và đổi mới sáng tạo				
	Triết học Mác - Lênin	Nội dung chương trình gồm 3 chương: Chương 1 - Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội - trình bày những nội dung tổng quát về triết học và vấn đề cơ bản của triết học; về đối tượng, chức năng, vai trò của triết học Mác Lênin; Chương 2 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng - trình bày những nội dung tổng quát về bản chất vật chất và bản tính biện chứng của vạn vật trong thế giới nói chung, trong nhận thức nói riêng; Chương 3 - Chủ nghĩa duy vật lịch sử - trình bày những quan niệm duy vật và biện chứng về xã hội như: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp, học thuyết nhà nước và cách mạng xã hội, quan niệm về ý thức xã hội, quan niệm về con người và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử.	3	1	- Đánh giá quá trình: 50% • ☐ Dự lớp: 15% • ☐ Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% • ☐ Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% • ☐ Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu) - Thời gian làm bài: 75 phút
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung chương trình gồm 6 chương: Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên	2	2	- Dự lớp phát biểu: 10% - Thuyết trình

		cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ Chương 2 đến Chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.			nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Tổng điểm quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần: 50% (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 1 câu tự luận) Điểm học phần: 100%
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nội dung chương trình gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH). Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	3	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Môn Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là môn học thuộc chương trình đại cương của sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng. Môn học nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với	2	5	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		sự lãnh đạo của Đảng. Các sự kiện thể hiện quá trình Đảng ra đời, phát triển và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến cứu quốc và xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nội dung chương trình gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người mới.	2	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tiếng Anh tổng quát	Tiếng Anh tổng quát giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như careers, companies, selling, great ideas và stress. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	1	- Class attendance and participation: 10% - LMS: 10% - Speaking test: 15% - Sample Test: 15% - Final Test: 50%
	Tiếng Anh lĩnh vực công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)	This module aims to enhance students' comprehension of academic language and literacy practices within the field of Technology, Communication and Design. The design of the module facilitates the integration of	3	2	- Class attendance and participation: 10% - LMS: 10% - Speaking test: 15% - Sample Test: 15% - Final Test: 50%

		language learning with key content areas, enabling students to develop a profound understanding of how language functions in communicating subject matter. Consequently, students will be able to acquire essential language skills relevant to the field of Technology, Communication and Design. Students actively foster their learning experience through engaging in diverse learning activities such as case studies, role-plays, simulations, presentations, and group discussions.			
	Tiếng Anh lĩnh vực công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)	The principal aim of this module is to enhance students' cognitive mastery of the intricate interplay between academic language and the specialized discourse conventions within the field of Technology, Communication and Design. The structural framework of the module strategically facilitates the integration of linguistic acquisition with the foundational subject matter, thereby endowing students with the capacity to cultivate a profound comprehension of the nuanced role of language in the dissemination of specialized knowledge. Consequently, students will acquire and develop essential language competencies that are intrinsically pertinent to the field of Technology, Communication and Design. Students will be involved in various interesting activities like studying real cases, acting out scenarios, doing simulations, giving presentations, and having group discussions to make	3	3	- Class attendance and participation: 10% - LMS: 10% - Speaking test: 15% - Sample Test: 15% - Final Test: 50%

		their learning experience exciting and valuable.			
	Nhập môn tâm lý học	Mục đích của khoa học tâm lý là hiểu được cơ chế hoạt động của não bộ và nó tương tác thế nào với thế giới bên ngoài để hình thành và ảnh hưởng hành vi. Môn học này được thiết kế như một môn học nhập môn về khoa học tâm lý với trọng tâm chủ yếu là tìm hiểu về tư duy, tình cảm và hành vi của con người. Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức cơ sở cho học viên về tâm lý học. Ngoài ra, học viên cũng sẽ hiểu được những ứng dụng của kiến thức về tâm lý trong lĩnh vực quản lý, kinh tế, marketing, hành vi người tiêu dùng, quản lý khoa học kỹ thuật và nhiều lĩnh vực khác trong đời sống xã hội hàng ngày. Nội dung của môn học nhập môn tâm lý học sẽ được chia làm 3 Module chính: (1) Module 1: Những vấn đề chung trong tâm lý học, (2) Module 2: quá trình nhận thức và hành vi, (3) Điều chỉnh sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội.	2	2	- Dự lớp: 10% - Thảo luận nhóm: 10% - Thuyết trình nhóm: 30% - Thi kết thúc học phần (research project): 60%
	Phát triển bền vững	Môn học "Phát triển bền vững" giới thiệu các nguyên tắc, khái niệm và thách thức chính của phát triển bền vững, tập trung vào bối cảnh của Việt Nam. Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam phải đối mặt với các vấn đề xã hội, kinh tế và môi trường phức tạp đòi hỏi phải có các giải pháp bền vững. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về lý thuyết phát triển bền vững, ứng dụng và vai trò của các bên liên quan khác nhau trong hành động hướng tới kết quả bền vững. Học "Phát triển bền vững" là	2	4	- Dự lớp: 10% - Thảo luận và thuyết trình/Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%

		cần thiết để sinh viên phát triển hiểu biết toàn diện về những thách thức mà thế giới đang phải đối mặt và trang bị cho mình kiến thức và kỹ năng cần thiết để đóng góp tích cực cho một tương lai bền vững và công bằng. Môn học thúc đẩy tư duy phản biện, nhận thức toàn cầu và trách nhiệm công dân đồng thời là bước khởi đầu trên con đường nghề nghiệp có giá trị và tạo ra tác động của sinh viên trong một thế giới ngày càng coi trọng sự bền vững.			
	Tư duy thiết kế	Tư duy thiết kế là một phương pháp giải quyết vấn đề đặt người dùng vào trung tâm của quy trình. Nó cung cấp một khuôn khổ năng động để tiếp cận việc hình thành ý tưởng, điều tra sáng tạo và suy nghĩ khác biệt. Môn học Tư duy Thiết kế cung cấp kiến thức về các nguyên tắc, công cụ và phương pháp thúc đẩy tư duy sáng tạo như Empathy Map, Persona/ User profile, Journey Mapping, How might we ...?, Value Chain Analysis, Brainstorming, Mind Mapping, Story Telling, Problem Statement, Concept Development, Assumption Testing, Rapid Prototyping, Customer Co-Creation, Prototype to test, Experience Testing, Learning Launch.... Sinh viên sẽ học cách sử dụng đúng mục đích các công cụ và phù hợp với quy trình để giải quyết các tình huống thực tế. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng trình bày và diễn đạt ý tưởng. Sinh viên sẽ học cách giao tiếp hiệu quả, đưa ra và nhận phản hồi, tôn trọng ý tưởng và quan điểm của người khác.	2	1	- Dự lớp: 5% - LMS activities: 5% - Thi giữa học phần: 40% - Thi kết thúc học phần: 50%

	Kinh tế vi mô	Nội dung chương trình gồm 15 chương, được giới thiệu trong 9 buổi. Một số chương sẽ chỉ được giới thiệu khái quát trên lớp. Tuy nhiên, sinh viên cần phải đọc và nắm vững tất cả các chương để hoàn thành tốt bài thi giữa kỳ và kết thúc học phần. 15 chương gồm: Chương 1: Mười nguyên lý của kinh tế học; Chương 2: Suy nghĩ như một nhà kinh tế học; Chương 3: Sự phụ thuộc lẫn nhau và lợi ích từ thương mại; Chương 4: Các lực lượng cung và cầu trên thị trường; Chương 5: Độ co giãn và ứng dụng; Chương 6: Cung, cầu và chính sách của chính phủ; Chương 7: Người tiêu dùng, nhà sản xuất và hiệu quả thị trường; Chương 8: Ứng dụng: Chi phí của thuế; Chương 9: Ứng dụng: Thương mại quốc tế; Chương 13: Chi phí sản xuất; Chương 14: Doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh; Chương 15: Doanh nghiệp độc quyền; Chương 16: Cạnh tranh độc quyền; Chương 17: Độc quyền nhóm; Chương 21: Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%
	Kinh tế vĩ mô	Nội dung chương trình gồm 14 chương được giới thiệu trong 11 buổi. Một số chương sẽ chỉ được giới thiệu khái quát trên lớp. Tuy nhiên, sinh viên cần phải đọc và nắm vững tất cả các chương để hoàn thành tốt bài thi giữa kỳ và kết thúc học phần. Chương trình giới thiệu vai trò của hệ thống trong quá trình chuyển dịch từ tiết kiệm qua chi tiêu đầu tư, qua đó nêu ra vai trò tổng cầu trong việc quyết định sản lượng. Về phía cầu, môn học sẽ thảo luận một số giả thuyết về nguyên nhân của hiện tượng chu kỳ kinh tế. Tiếp theo là giới thiệu tổng cung với các giả định	3	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 20% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50-70%

		khác nhau về giá và tiền lương. Thông qua mô hình tổng cung tổng cầu, môn học sẽ thảo luận một cách chi tiết hơn về sự biến động của sản lượng, giá cả, về chính sách ổn định hóa và cuối cùng là thảo luận về sự cạnh tranh của lý thuyết Keynes và cổ điển và các xu hướng gần đây như một tóm tắt của bức tranh lý thuyết kinh tế vĩ mô.			
	Thống kê ứng dụng	Học phần này cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế, kinh doanh và xã hội. Các phương pháp này bao gồm: thống kê suy diễn, suy diễn trong trường hợp mẫu nhỏ hay không chuẩn, ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm làm công cụ hỗ trợ cho các xử lý thống kê nhằm tiết kiệm thời gian, công sức và gia tăng độ chính xác của kết quả tính toán; cho sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.	3	1	- Đề tài nhóm: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích	2	1	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50% * Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học. Với mỗi buổi vắng, sinh viên bị trừ 15% (tương đương 1,5 điểm) tổng số điểm.

		nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.			
	Khởi nghiệp kinh doanh	Học phần “Khởi nghiệp kinh doanh” được thiết kế và trình bày cho sinh viên năm thứ 4 với thời lượng 1 tín chỉ nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản như: Hệ sinh thái khởi nghiệp và cách thức thức đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp, sáng tạo-đổi mới-khởi nghiệp kinh doanh, cách thức nhận dạng và khai thác cơ hội kinh doanh, xây dựng mô hình kinh doanh, các hình thức pháp lý cần chú ý khi thành lập doanh nghiệp, lập kế hoạch kinh doanh. Việc trình bày và truyền đạt các kiến thức nêu trên theo phương châm tích hợp và ứng dụng các kiến thức nền tảng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh vào thực tế khởi nghiệp và vận hành doanh nghiệp khởi nghiệp trong bối cảnh của môi trường kinh tế-công nghệ-xã hội của Việt Nam.	1	4	● Bài kiểm tra giữa học phần: 30% ● Thi kết thúc học phần: 70%
	Toán dành cho tin học	Toán rời rạc là học phần cơ sở của chương trình đào tạo bậc cử nhân ngành Công nghệ và Đổi mới sáng tạo. Học phần này cung cấp các kiến thức làm cơ sở để học tập các môn chuyên ngành, bao gồm các khái niệm cơ bản của logic và mệnh đề, các khái niệm cơ bản về thuật toán, độ phức tạp tính toán, các bài toán đếm, bài toán tồn tại, bài toán liệt kê, tổ hợp, lý thuyết đồ thị, các dạng đồ thị và các hàm về đại số logic.	3	1	- Dự lớp: 5% - Thảo luận: 15% - Thuyết trình: 15% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Lập trình căn bản	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật lập trình như là một trong những kiến thức nền tảng trong các	3	2	- Dự lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 40%

		ngành thuộc lĩnh vực Khoa học máy tính và Công nghệ thông tin. Ngoài ra, môn học trình bày những khái niệm cơ bản về thuật toán và cách thức phát triển các thuật toán. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về ngôn ngữ lập trình C# như: kiểu dữ liệu; khai báo biến, hằng, biểu thức; các lệnh gán; xuất nhập dữ liệu; các cấu trúc điều khiển rẽ nhánh, vòng lặp; mảng 1 và 2 chiều; hàm/phương thức; kiểu chuỗi; tập tin,... để sinh viên có thể áp dụng cài đặt các thuật toán từ mức căn bản đến nâng cao.			- Thi kết thúc học phần: 50%
	Đại số tuyến tính	Học phần này trang bị các kiến thức về Đại số Tuyến tính cho sinh viên ngành Toán nhằm trang bị một số lập luận khoa học và công cụ tính toán để áp dụng vào các môn học tiếp theo trong ngành/chuyên ngành + Ma trận và các phép toán cơ bản, Định thức và một số tính chất quan trọng. + Ma trận nghịch đảo và hạng của ma trận. + Hệ phương trình tuyến tính và phương pháp giải. + Không gian vectơ, độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính, cơ sở và số chiều. + Không gian vectơ con và một số tính chất cơ bản. + Tích vô hướng và một số tính chất, không gian Euclid. + Cơ sở trực giao, cơ sở trực chuẩn, quá trình trực giao hóa Gram - Schmidt. + Ma trận trực giao, quy tắc phân rã QR. + Phép biến đổi tuyến tính, giá trị riêng và vectơ riêng. + Chéo hóa ma trận. + Dạng song tuyến tính, dạng toàn phương.	3	2	- Dự lớp và thảo luận: 5% - Hoàn thành bài tập về nhà: 5% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 70%
	Khoa học dữ liệu	Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ	2	2	- Dự lớp: 10% - Báo cáo nhóm:

		bản về khoa học dữ liệu (KHDL), các vấn đề và phương pháp KHDL; bao gồm phương pháp toán -thống kê và điện toán (computing), và ứng dụng KHDL cho các vấn đề kinh tế xã hội thực tiễn. Trên cơ sở đó, giúp người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ mới trong thu thập, phân tích dữ liệu cho các lĩnh vực: marketing, quản lý chuỗi cung ứng, phân tích tài chính và hoạt động tín dụng.			10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Khoa học dữ liệu nâng cao	Học phần này giúp người học phân tích dữ liệu thực hành hướng đến giải quyết các vấn đề trong thế giới thực thông qua các kỹ năng thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu bằng ngôn ngữ lập trình Python và khác. Nội dung học phần bao gồm giới thiệu về cấu trúc dữ liệu, phân tích dữ liệu khám phá, suy luận và mô hình thống kê, học máy và phân tích dữ liệu đa chiều. Người học được đào tạo các kỹ năng cần thiết để phát triển các sản phẩm dữ liệu bao gồm; các báo cáo có thể tái tạo có thể được sử dụng để truyền đạt hiệu quả các kết quả từ phân tích dữ liệu. Học phần gồm một dự án khoa học dữ liệu sẽ được thực hiện trong một nhóm nhỏ cho một khách hàng thực sự từ doanh nghiệp. Trong đó gồm quản lý dự án, đặc tả yêu cầu, thiết kế, mã hóa, thu thập và quản lý dữ liệu, thử nghiệm, lập tài liệu và trình bày.	3	3	- Dự lớp: 20% - Báo cáo: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Hệ thống kỹ thuật số căn bản	Học phần này giúp người học hiểu được các khái niệm cơ bản về hệ thống kỹ thuật số, thiết kế hệ thống (điều khiển, xử lý, máy tính) và cách biểu diễn thông tin, thiết kế cổng trong logic kỹ thuật số, phân tích và tổng hợp logic kết hợp,	3	3	- Dự lớp: 20% - Báo cáo: 40% - Thi kết thúc học phần: 40%

		ngôn ngữ mô tả phần cứng (HDL) và thiết kế phân cấp, phân tích và thiết kế logic tuần tự đồng bộ, Đặc điểm kỹ thuật và tài liệu phần cứng, tổ chức máy tính, bộ nhớ và giao diện kỹ thuật số. Kiến trúc tập lệnh và lập trình hợp ngữ, nhấn mạnh vào mối quan hệ giữa phần mềm và phần cứng. Bên cạnh đó, việc thực hành tại phòng thí nghiệm trên phần mềm CAD sẽ giúp người học tường minh về hệ thống.			
	An ninh thông tin	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về an ninh thông tin (ANTT), các vấn đề phổ biến của ANTT đối với phần mềm, HTTT và thiết bị công nghệ thông minh. Đồng thời rèn luyện kỹ năng vận dụng các phương pháp, công cụ ANTT để đảm bảo an toàn và an ninh cho phần mềm, thiết bị công nghệ thông minh, HTTT của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân. Ngoài ra, sinh viên sẽ được trao cho các chủ đề thảo luận/bài tập nhằm vận dụng kiến thức đã học.	3	3	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Chiến lược Marketing đổi mới sáng tạo	Đổi mới sáng tạo Marketing là khoá học thiết kế nhằm vào giải pháp đưa sản phẩm và dịch vụ ra thị trường thành công trong điều kiện liên tục sáng tạo. Môi trường thực thi marketing luôn có những thách thức từ cạnh tranh và thay đổi của khách hàng /người tiêu dùng, vì vậy áp dụng đổi mới sáng tạo phải hướng đến giải quyết các vấn đề cạnh tranh trong marketing từ nhận diện cơ hội thị trường, thiết kế sản phẩm/dịch vụ, kênh marketing hữu hiệu hay những giải pháp dịch vụ cũng như xây dựng thương hiệu. Khoá học được thiết kế 3 phần; phần đầu giới thiệu bản chất sáng tạo trong	3	6	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% -Bản thu hoạch: 40% -Thi kết thúc học phần: 40%

		marketing, chiến lược đổi mới sáng tạo và những ứng dụng đổi mới sáng tạo trong trải nghiệm khách hàng, sản phẩm, phân phối/bán hàng và xây dựng thương hiệu. Phần hai hướng dẫn nghiên cứu tình huống marketing phải áp dụng đổi mới sáng tạo nhằm giúp tăng khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề. Cuối cùng là thực hành kỹ năng áp dụng kiến thức bằng một dự án cho một sản phẩm/thương hiệu cụ thể.			
	Lập trình ứng dụng	Khóa học này giới thiệu về các khái niệm cơ bản trong lập trình máy tính với trọng tâm là các ứng dụng kinh doanh. Trong khóa học, sinh viên sẽ phát triển sự hiểu biết về logic lập trình cơ bản và học cách sử dụng các cấu trúc lập trình cơ bản để giải quyết các vấn đề kinh doanh. Sinh viên được giới thiệu về mô hình hướng đối tượng, chu trình phát triển chương trình và các nguyên tắc lập trình. Khóa học bao gồm các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng, nguyên tắc thiết kế chương trình, cấu trúc lập trình, kiểu và cấu trúc dữ liệu, kiểm tra chương trình và gỡ lỗi. Nhấn mạnh vào việc triển khai các chương trình có cấu trúc thủ tục, cùng với giao diện người dùng đồ họa và mã hướng sự kiện. Sau khi hoàn thành, sinh viên sẽ có thể thiết kế, viết mã, kiểm tra và gỡ lỗi các chương trình dựa trên các yêu cầu kinh doanh bằng ngôn ngữ lập trình đã chọn.	3	3	- Dự lớp: 20% - Báo cáo dự án: 40% - Dự án kết thúc học phần: 40%
	Trực quan hóa dữ liệu	Học phần này tập trung vào việc xây dựng các kỹ năng sáng tạo và nghiệp vụ để chuyển đổi dữ liệu thành các báo cáo trực quan nhằm mục đích tạo ra sự hiểu biết, nhận thức, suy luận và đơn giản hoá	3	5	- Dự lớp: 20% - Báo cáo: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		thông tin. Sinh viên sẽ học cách sử dụng phần mềm để nhập, tổ chức và trực quan hóa dữ liệu nhấn mạnh việc áp dụng các nguyên tắc thiết kế đồ họa, nghệ thuật tri giác và tâm lý học tri giác tạo ra các biểu đồ và trang tổng quan rõ ràng, trang nhã truyền tải được nội dung cốt yếu của sự thấu hiểu, thông điệp hoặc đề xuất được chất lọc từ dữ liệu. Sinh viên sẽ làm quen với các kỹ thuật trực quan hóa dữ liệu khám phá và giải thích để thuyết trình và kể chuyện. Ngoài ra, sinh viên sẽ làm việc cùng nhau trong các dự án nhóm để phát triển các kỹ năng trực quan hoá dữ liệu từ một dự án kinh doanh hay sáng tạo công nghệ, từ đó hoàn thiện các năng lực; tư duy bằng hình ảnh, phân tích dữ liệu, chọn công nghệ trực quan hoá, thiết kế hướng người đọc và chuẩn hoá/đạo đức dữ liệu.			
	A.I. trong Kinh doanh	Khoá học này giúp sinh viên tìm hiểu các kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, Học máy (machine learning) và Trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh. Chương trình sẽ điể qua các nguyên lý kiến thức liên quan lợi ích dữ liệu lớn và vai trò dữ liệu trong các quyết định kinh doanh trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0 và kiến thức về AI (bao hàm luôn vai trò của Học máy) trong các ứng dụng kinh doanh, ứng dụng trong một số ngành công nghiệp chủ lực, lợi thế cạnh tranh của AI trong chiến lược và những rủi ro cùng với đạo đức trong sử dụng AI cho chiến lược kinh doanh.	3	4	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 20% -Thuyết trình: 30% -Thi kết thúc học phần: 40%
	Phát triển và thiết kế Web	Học phần cung cấp những kiến thức kỹ thuật cơ bản giúp người học có thể thiết kế và	3	4	- Dự lớp: 20% - Báo cáo: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

		phát triển web ứng dụng trong kinh tế/kinh doanh. Người học được giới thiệu từ kiến thức tổng quan về môi trường Web và Internet, mô hình kiến trúc chủ khách (client-server) của các ứng dụng web, đến các bước cụ thể để thiết lập một website, ngôn ngữ lập trình website từ cơ bản đến nâng cao. Ngoài ra, dịch vụ khai thác và tối ưu website trong kỷ nguyên số cũng được giới thiệu để sinh viên nắm bắt và ứng dụng vào thực tiễn (web 1.0, 2.0, 3.0; social media...). Môn học này theo hình thức dự án, sinh viên sẽ theo một dự án thiết kế website ngay từ đầu môn để nắm công nghệ xây dựng ứng dụng web, tối ưu website, biện pháp bảo mật ứng dụng web và cập nhật những khuynh hướng phát triển website trên các nền tảng giao diện đa phương tiện.			
	Lãnh đạo thời đại số	Nhà lãnh đạo ngày nay coi chuyển đổi số trong tổ chức là một khát khao/mong muốn và cấp thiết. Vì vậy, các nguyên lý lãnh đạo chung đang bị chi phối trong điều kiện kỹ thuật số, mặc dù những nguyên tắc lãnh đạo chung vẫn còn giá trị. Trong môn học này, đề cập những vấn đề mới từ kỹ thuật số trong lãnh đạo như: kỹ thuật số/chuyển đổi số từ quan điểm chiến lược, lãnh đạo tổ chức cạnh tranh/thích nghi thay đổi số, phương pháp lãnh đạo mới/trong kỹ thuật số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ... Sinh viên sau khi học, khái niệm về lãnh đạo kỹ thuật số, khả năng lãnh đạo bền vững và thích nghi với văn hóa đổi mới sáng tạo và cạnh tranh trong kỷ nguyên 4.0.	3	4	- Dự lớp: 20% - Báo cáo: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%

	Hệ thống đổi mới sáng tạo toàn cầu	Hệ thống đổi mới sáng tạo toàn cầu (GIS) là môn học nghiên cứu và giới thiệu sự kết hợp sáng tạo và đổi mới trong kinh doanh toàn cầu. Môn học giúp cho nhà quản lý một hệ thống đổi mới sáng tạo xuyên biên giới, kết hợp giữa đổi mới sáng tạo bên trong doanh nghiệp và hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia-vùng và toàn cầu. Vì vậy, môn học phát triển kỹ năng duỗi dưỡng văn hoá đổi mới sáng tạo trong cạnh tranh thay đổi, kỹ thuật trong xây dựng và tích hợp thành tựu đổi mới sáng tạo toàn cầu, các giải quyết rủi ro và quản lý vận hành đổi mới sáng tạo đa quốc gia. Bên cạnh đó, khoá học cung cấp kỹ năng thiết lập GIS, thay đổi kỹ năng con người tích hợp công nghệ mới và khả năng áp dụng rộng trong GIS. Môn học chia làm 3 phần; phần thứ nhất bàn về nguyên lý quản trị GIS, phần thứ hai nhấn mạnh vai trò GIS trong các doanh nghiệp toàn cầu và phần cuối cùng giới thiệu các giải pháp tích hợp GIS trong đổi mới sáng tạo quốc gia-khu vực-toàn cầu.	3	3	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% -Bản thu hoạch: 40% -Thi kết thúc học phần: 40%
	Hệ hỗ trợ quản trị thông minh	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể thiết kế được một giải pháp tin học giúp hỗ trợ việc ra các quyết định trong kinh doanh (Business Intelligence - BI): hiểu rõ các chuẩn báo cáo hiện đại, nắm vững phương pháp luận thiết kế và thiết kế hiệu quả các báo cáo hỗ trợ ra các quyết định trong kinh doanh, bao gồm các Dashboards và Scorecards, đáp ứng các mục tiêu chiến lược; hiểu thấu đáo kỹ thuật OLAP và các kỹ thuật data mining chính; biết sử dụng một phần mềm BI đang có, và	3	4	-Dự lớp: 5 % -Thảo luận: 10 % -Thuyết trình: 15 % -Báo cáo đồ án: 20 % -Thi kết thúc học phần: 50 %

		sử dụng thành thạo một công cụ phần mềm để chuyển dữ liệu thành thông tin, làm các báo cáo hỗ trợ ra các quyết định trong kinh doanh.			
	Quản trị đổi mới sáng tạo	Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về quản lý đổi mới, cách quản lý đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, cũng như xây dựng hiểu biết về những thách thức và cơ hội mà quan đến vấn đề này. Các doanh nghiệp lớn và nhỏ đều phải đối mặt giải quyết các khái niệm phức tạp và kiến thức về đổi mới sáng tạo, điều này không chỉ đòi hỏi việc hình thành ý tưởng sáng tạo mà còn phải quản lý các ý tưởng sáng tạo. Do đó, môn học này, sinh viên được học về quá trình đổi mới, cách tạo ra các ý tưởng và đánh giá ý tưởng. Thông qua đó, cung cấp các phương pháp và công cụ để nghiên cứu, phát triển, và quản lý đổi mới sáng tạo bền vững.	3	2	-Dự lớp: 10% -Thuyết trình: 15% -Báo cáo: 15% -Thảo luận tình huống 20% -Thi kết thúc học phần: 50%
	Quản trị công nghệ	Quản trị công nghệ là môn học xem xét sự ra đời công nghệ mới, những thay đổi công nghệ trong sản xuất hàng hoá và dịch vụ cho thị trường. Môn học này kết hợp công nghệ vào kinh doanh và đòi chiếu khả năng thương mại hoá cùng với các lợi ích/thiệt hại của nó mang lại cho Doanh nghiệp và xã hội. Thiết kế khoá học gồm ba phần chính; thứ nhất là kiến thức về công nghệ, các xu hướng công nghệ trong các ngành công nghiệp, quản trị triển khai công nghệ và quan trọng là kết hợp con người và công nghệ trong sự phát triển các giải pháp cạnh tranh tại doanh nghiệp. Phần thứ hai là dự án áp dụng về một giải pháp công nghệ mới	3	5	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 5% -Thuyết trình nhóm 10% -Thi giữa học phần: 20% -Thi kết thúc học phần: 55%

		cũng như khai thác tối ưu các công nghệ của một doanh nghiệp. Phần này học bằng hình thức làm dự án và áp dụng trong bối cảnh doanh nghiệp. Cuối cùng là những kỹ năng cá nhân cho sinh viên trong việc tiếp cận công nghệ, phân tích công nghệ nào mang lại giá trị mới cho doanh nghiệp và kỹ năng làm việc trong những dự án chuyển đổi số/nâng cao giải pháp công nghệ cho doanh nghiệp.			
	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Học phần này cung cấp kiến thức để người học hiểu rõ những khía cạnh kinh doanh quan trọng trong giai đoạn phát triển ban đầu của một công ty, giúp người học có thể quản lý và phát triển công ty mới thành lập hiệu quả hơn. Học phần cũng cung cấp nền tảng để khởi động và thực hiện thành công các dự án khởi nghiệp trong các tổ chức đã được thành lập. Học phần này chuẩn bị cho người học một sự nghiệp tương lai với tư cách là doanh nhân, là người sáng lập doanh nghiệp mới hoặc khởi động các dự án khởi nghiệp mới trong các tổ chức đã được thành lập.	3	6	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% -Báo cáo kế hoạch kinh doanh: 40% -Thi kết thúc học phần: 40%
	Chuyển đổi số trong kinh doanh	Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, và môi trường thay đổi liên tục, cần có sự sáng tạo và đổi mới kết nối với công nghệ để doanh nghiệp có thể đứng vững trên thị trường. Các công nghệ của thời đại mới được bao quanh bởi dữ liệu và đang thay đổi hoạt động kinh doanh và thị trường. Công nghệ hiện đang được xếp hạng là yếu tố tác động tới tổ chức, nó cách mạng hoá sản phẩm, hoạt động và mô hình kinh doanh của các công ty. Trong một môi trường kinh doanh được thúc đẩy bởi công	3	6	-Dự lớp: 10% -Thuyết trình: 15% -Báo cáo: 15% -Thảo luận tình huống 20% -Thi kết thúc học phần: 50%

		nghệ, cạnh tranh đến từ khắp mọi nơi, các ranh giới bị xoá mờ. Công nghệ đang định hình lại bối cảnh kinh doanh, môn học này bao gồm các phần lý thuyết về khái niệm và các hoạt động seminar.			
	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	Khóa học này là phần giới thiệu thực hành về tạo mẫu các ứng dụng di động và dịch vụ di động. Được xây dựng dựa trên các kỹ năng lập trình JavaScript cơ bản, React Native khung ưa thích để phát triển ứng dụng di động đa nền tảng. Các khái niệm về location-based service, social computing và cloud-based computing sẽ được giới thiệu tối ưu nhất cho lập trình di động. Khái niệm ngữ cảnh cũng được tích hợp trong lý thuyết và thực hành để phân tích và thiết kế tương tác người dùng trên thiết bị di động. Công việc của sinh viên trong khóa học xoay quanh các bài tập cá nhân hàng tuần cũng như 1 ‘dự án nhỏ’ trong 4-5 tuần được thực hiện theo nhóm 3-5 sinh viên thực tập phát triển các ứng dụng di động như việc phân tích, thiết kế, phát triển và đánh giá các giải pháp di động. Kết thúc học phần, người học có khả năng thiết kế, phát triển và đánh giá được một ứng dụng di động. Bên cạnh đó, nội dung học phần còn trang bị kiến thức cho người học kiến thức về lĩnh vực tương tác giữa con người và máy tính có liên quan đến các thiết bị di động, các khía cạnh xã hội và đạo đức (bao gồm các vấn đề về quyền riêng tư).	3	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: 10% - Báo cáo: 10% - Thi giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Nhập môn tương tác người - máy	Tương tác người-máy tính (HCI) là một ngành học liên quan đến việc thiết kế, đánh giá và triển khai các hệ thống máy tính tương tác cho con	3	4	- Dự lớp: 20% - Báo cáo: 30% - Dự án kết thúc học phần: 50%

		người sử dụng và nghiên cứu các hiện tượng chính xung quanh chúng. Trong tương tác giữa người và máy tính, mục tiêu chính là thực hiện phân tích, thiết lập các yêu cầu, thiết kế và đánh giá các hệ thống và sản phẩm tương tác dựa trên máy tính đối với người dùng. Về phương diện tương tác, khóa học bàn đến thiết kế màn hình nhận thức, tri giác (có sự chú ý, ghi nhớ, suy nghĩ, đóng vai và giác quan...) trong trải nghiệm tương tác với người. Mô hình giao tiếp người-máy trong những ứng dụng kinh doanh, dựa trên không gian ảo, trợ lý ảo, thiết bị di động và người máy. Đây là môn học coi trọng trải nghiệm người dùng trên công nghệ (UX/UI).			
	Tư duy nghiên cứu khoa học	Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và cách kết hợp với tư duy thiết kế để thực hiện một dự án nghiên cứu nhỏ. Sinh viên sẽ học cách xây dựng câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, và trình bày kết quả. Đồng thời, sinh viên sẽ áp dụng quy trình tư duy thiết kế để xác định và giải quyết các vấn đề thực tế. Học phần này giúp phát triển khả năng phân tích, sáng tạo và tư duy phản biện trong việc giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn. Kết quả học tập bao gồm việc hoàn thiện một dự án nghiên cứu với tính ứng dụng cao và có giá trị khoa học.	3	6	- Dự lớp: 5% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% - o Bài thu hoạch 10% - o Thuyết trình 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Văn hóa đổi mới sáng tạo	Học phần này giúp người học hiểu được tầm quan trọng của văn hóa đổi mới sáng tạo trong quá trình đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp. Người học được cung cấp kiến thức để định vị văn hóa đổi mới sáng	3	6	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% -Báo cáo: 40% -Thi kết thúc học phần: 40%

		tạo tại doanh nghiệp, hiểu những rào cản doanh nghiệp phải đối mặt trong quá trình hình thành văn hóa đổi mới sáng tạo. Thông qua việc đánh giá thực trạng văn hóa đổi mới sáng tạo tại một doanh nghiệp cụ thể, người học có thể vận dụng kiến thức để hiểu được doanh nghiệp cần làm gì để xây dựng và phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo.			
	Đổi mới sáng tạo dịch vụ	Đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp dịch vụ là thay đổi kinh doanh hướng đến sáng tạo các giá trị cho khách hàng. Đặc biệt là giúp các nhà quản lý ngành dịch vụ thiết kế trải nghiệm khách hàng xuất sắc thông qua dịch vụ, con người thương hiệu và kết nối cảm nhận tích cực từ khách hàng. Môn học cung cấp các công cụ đổi mới sáng tạo ứng dụng trong công nghiệp dịch vụ từ lưu trú, ngân hàng, hàng không, vận tải, chăm sóc cá nhân, dịch vụ y tế, giáo dục và những ngành dịch vụ công nghiệp khác. Trong khoá học này, nhận diện các hình thức đổi mới sáng tạo, thực tập thử nghiệm cứu đổi mới sáng tạo ở những mảng dịch vụ khác nhau, vai trò áp dụng công nghệ trong ngành dịch vụ, văn hoá đổi mới sáng tạo trong dịch vụ và những vấn đề lãnh đạo quá trình đổi mới sáng tạo trong dịch vụ. Khoá học thiết kế 3 phần chính bao gồm khung kiến thức công cụ, nội dung nghiên cứu áp dụng và khả năng tự học cũng như tự phát triển nghề nghiệp cho sinh viên trong ngành công nghiệp dịch vụ. Khoá học cũng nhằm đến khuyến khích sinh viên khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ trong bối cảnh Việt Nam.	3	6	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% -Bản thu hoạch: 40% -Thi kết thúc học phần: 40%

	Đổi mới sáng tạo công nghệ	Công nghệ đã trở thành một trong những yếu tố chính, quan trọng nhất để thúc đẩy tiến bộ và tăng trưởng kinh tế. Môn học này giới thiệu về nền tảng lịch sử công nghệ, đổi mới công nghệ, công nghệ của các cuộc cách mạng trong sản xuất và những xu hướng công nghệ trong nền tảng ICT như Virtual Reality (VR), Augmented Reality (AR) và Extended Reality (XR). Bên cạnh đó, môn học giới thiệu làm thế nào để thích nghi đổi mới sáng tạo trong tiến trình sáng tạo công nghệ và áp dụng công nghệ. Phần chính cho sinh viên là biết phân tích các xu hướng công nghệ, tích hợp công nghệ trong các giải pháp kinh doanh và biết những đầu tư công nghệ cho cạnh tranh trong kinh doanh. Môn học này cũng đặc biệt giúp những nhà nghiên cứu công nghệ hiểu được bản chất kinh doanh sẽ thay đổi theo phát triển công nghệ và những mô hình/phòng thí nghiệm công nghệ đang diễn ra trên thới giới.	3	6	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% -Bản thu hoạch: 40% -Thi kết thúc học phần: 40%
	Đổi mới sáng tạo xã hội	Đổi mới sáng tạo xã hội giúp giải quyết các vấn đề cấp bách nhất của thời đại như biến đổi khí hậu, dịch bệnh mãn tính trên toàn thế giới và sự gia tăng bất bình đẳng. Đổi mới xã hội mang lại các quá trình, số liệu, mô hình và phương pháp được sử dụng để đổi mới trong lĩnh vực thương mại hoặc công nghệ. Học phần này trang bị cho người học về tư duy đổi mới xã hội trong quá trình khởi nghiệp, điều hành hay tham gia vào quá trình vận hành các doanh nghiệp sẵn có. Người học được cung cấp kiến thức tổng quan về quy trình, chiến	3	6	-Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% -Bản thu hoạch: 40% -Thi kết thúc học phần: 40%

		lược tạo ra những thay đổi tích cực cho xã hội. Thông qua hoạt động học tập thảo luận dưới hình thức thảo luận chuyên đề có sự tham gia của các doanh nghiệp xã hội, các nhà hoạt động xã hội cùng bài tập nhóm tập trung giải quyết các tình huống đổi mới xã hội.			
	Dự án A.I.	Học phần này nhằm trang bị cho người học kỹ năng ứng dụng phương pháp AI và máy học cho các vấn đề thực tiễn của lĩnh vực kinh tế xã hội. Giúp người học thấu hiểu những kiến thức và hình thành kỹ năng cần thiết để tham gia điều phối/quản lý các dự án phần mềm phục vụ công tác nghiên cứu và quản lý trong các lĩnh vực: marketing, quản lý chuỗi cung ứng, phân tích tài chính, phân tích hoạt động tín dụng. Người học được khuyến khích đổi mới sáng tạo áp dụng AI cho những khởi sự kinh doanh mới bằng dự án đổi mới sáng tạo hay khởi sự kinh doanh mới dưới sự hướng dẫn của Giảng viên chuyên gia.	3	5	Bài tập nhóm 20% Dự án nhóm 40% Kiểm tra cuối kỳ 40%
	Quản trị tài sản sở hữu trí tuệ	Học phần Quản trị tài sản trí tuệ cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về các loại hình tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ, cũng như cách thức xây dựng các quy trình quản lý các tài sản trí tuệ trong hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là trong hoạt động đổi mới sáng tạo và nghiên cứu phát triển. Tài sản trí tuệ ngày càng chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá trị của doanh nghiệp và chiếm tỉ trọng hơn 80% tổng giá trị của các doanh nghiệp trong danh mục S&P 500 (năm 2020). Do vậy việc quản trị tài sản trí tuệ đã trở thành một trong những nhiệm vụ cấp thiết của mọi	3	6	•Dự lớp: 10% •Thuyết trình: 15% •Báo cáo: 15% •Thảo luận tình huống 20% •Thi kết thúc học phần: 50%

		doanh nghiệp. Môn học này sinh viên được học những kiến thức nền tảng về tài sản trí tuệ, những quy định pháp luật liên quan tới tài sản trí tuệ, quá trình hình thành, phương pháp quản lý và khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ. Qua đó cung cấp cho sinh viên kiến thức và công cụ pháp lý để xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, phát triển và khai thác hiệu quả các tài sản trí tuệ.			
	Thương mại hóa sản phẩm công nghệ	Học phần Thương mại hóa sản phẩm công nghệ nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cũng như thực hành liên quan tới hoạt động chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm. Sinh viên được kiến thức và kỹ năng để lập kế hoạch, đánh giá công nghệ, đánh giá thị trường, định vị công nghệ. Hơn nữa, sinh viên hiểu được vai trò của các loại hình tài sản trí tuệ trong việc cạnh tranh, phát triển và thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ.	3	6	•Dự lớp: 10% •Thuyết trình: 15% •Báo cáo: 15% •Thảo luận tình huống 20% •Thi kết thúc học phần: 50%
	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Môn học này cung cấp kiến thức về các khái niệm và các vấn đề hiện thực liên quan đến các hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Nội dung môn học bao gồm mô hình hóa cơ sở dữ liệu quan hệ (gọi lại) và ngôn ngữ truy vấn mở rộng, mô hình hóa, thiết kế Datawarehouse, kỹ thuật OLAP. Tính toán chuyên sâu về dữ liệu với MapReduce / Hadoop (dữ liệu có cấu trúc và phi cấu trúc). Kế đến môn học đề cập những vấn đề và kỹ thuật để đối phó với môi trường ứng dụng nhiều người dùng: vấn đề xử lý giao tác, điều khiển tương tranh và vấn đề khôi phục dữ liệu.	3	6	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình: 15% - Báo cáo: 15% - Thảo luận tình huống: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tài chính công nghệ	Học phần Tài chính công nghệ (Fintech) cung cấp cho sinh viên đại học các kiến thức	3	6	- Dự lớp: 5% - Thảo luận hoặc kiểm tra giữa kỳ,

		chuyên sâu về cơ chế, quan hệ tác động của Fintech đến các hoạt động của ngân hàng thương mại và các thể chế giám sát truyền thống, đặc biệt là các nhân tố liên quan đến các đột phá về công nghệ, những thay đổi về hành vi tiêu dùng của khách hàng, xu hướng phát triển tương lai của tiền tệ, sự xuất hiện của các đối thủ cạnh tranh mới. Quan trọng là sinh viên nhận thấy được các mô hình kinh doanh có thể tham gia và phá vỡ những mô hình tài chính truyền thống do công nghệ và đổi mới sáng tạo mang lại (Apple pay, Amazon, Grab...). Tài chính công nghệ còn là môn học khẳng định vai trò dữ liệu lớn của công nghệ tài chính quyết định sự thay đổi kinh tế và tiền tệ toàn cầu. Các định chế tài chính sẽ phản ứng thế nào? Mô hình ngân hàng và tổ chức tín dụng mới ra sao và công nghệ mới còn can thiệp cuộc chiến loại tiền tệ số trong tương lai.			bài thực hành: 25% - Thuyết trình: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Học phần Cấu trúc dữ liệu và giải thuật giúp cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng của cách tổ chức dữ liệu và giải thuật được xây dựng trên dữ liệu đó. Nội dung của học phần trình bày các cấu trúc dữ liệu từ cơ bản đến nâng cao bao gồm mảng, danh sách, ngăn xếp, hàng đợi, danh sách liên kết, cây, đồ thị; và các giải thuật sắp xếp và tìm kiếm phổ biến hiện nay. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên bổ sung và hoàn thiện các kỹ năng lập trình cũng như tư duy trong việc xây dựng một chương trình máy tính.	3	6	- Dự lớp: 20% - Báo cáo: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
	Tài chính khởi nghiệp	Học phần bắt đầu với việc cung cấp những kiến cơ bản về môi trường khởi nghiệp như phát triển ý tưởng kinh doanh	3	6	- Thảo luận nhóm: 10% - Thuyết trình: 15%

		và vấn đề tài trợ khởi nghiệp. Phần hai sẽ cung cấp các kiến thức về tổ chức và vận hành một dự án kinh doanh: tổ chức và tài trợ cho một dự án kinh doanh mới, việc hoạch định các báo cáo tài chính và sử dụng các thông tin tài chính để ra quyết định, và việc đánh giá kết quả tài chính và kết quả hoạt động. Phần ba giả quyết các vấn đề có liên quan đến các hoạt động hoạch định trong tương lai như quản trị dòng tiền, các loại vốn và chi phí của hoạt động tài trợ, và xem xét các khía cạnh pháp lý của việc chứng khoán hóa. Phần thứ tư cung cấp các kiến thức và công cụ trong việc lượng giá giá trị của một dự án kinh doanh: hoạch định các báo cáo tài chính của dự án, lượng giá dự án kinh doanh trong giai đoạn ban đầu, và các phương pháp đánh giá giá trị vốn hóa của dự án kinh doanh. Phần thứ năm sẽ đi vào giới thiệu việc xác định cấu trúc tài chính cho một dự án kinh doanh tăng trưởng, phần này sẽ giải quyết các vấn đề như huy động nguồn vốn từ các quỹ đầu tư hay tìm kiếm nguồn tài trợ khác, huy động vốn từ chứng khoán và việc định giá doanh nghiệp. Cuối cùng chúng ta sẽ đi vào giới thiệu chiến lược khai thác từ dự án kinh doanh và rút lui khỏi ngành.			- Báo cáo nhóm: 15% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Phân tích quyết định	Các quyết định liên quan đến kỹ thuật và kinh doanh (cả tốt và xấu) có thể tạo ra tác động lớn trong việc tạo ra của cải khổng lồ hoặc đẩy các tập đoàn thịnh vượng vào phá sản. Việc ra quyết định trong điều kiện rủi ro và không chắc chắn là một kỹ năng quan trọng, tạo nền tảng cho phân tích dữ liệu	3	6	- Thuyết trình: 15% - Báo cáo: 15% - Thảo luận tình huống: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		hiện đại để khai thác, xử lý và trích xuất kiến thức. Học phần Phân tích quyết định được thiết kế giúp sinh viên hình thành, thu thập, phân tích, lập mô hình và luận giải thông tin để ra quyết định "tốt nhất".			
	Giới thiệu hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống phần mềm ERP. Các thành phần chính trong một hệ thống ERP và mối liên hệ giữa chúng với hệ thống thông tin, quy trình chức năng - nghiệp vụ của doanh nghiệp. Cụ thể là: • Hiểu rõ ERP là gì? Mục tiêu và các thành phần chính trong hệ thống ERP. • Nắm vững quá trình hình thành và phát triển hệ thống phần mềm ERP. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được thực hành minh họa trên hệ thống ERP cụ thể. Nội dung học phần gồm: • Cung cấp các khái niệm trong ERP bao gồm: • Thành phần chính trong một hệ thống ERP • Cách thức hoạt động của hệ thống ERP • Hiểu rõ mục tiêu của ERP muốn hướng tới • Cách thức áp dụng ERP trong doanh nghiệp • Giới thiệu về hệ thống Microsoft Dynamicx AX. • Khởi tạo và quản lý dữ liệu về sản phẩm cùng các thông số liên quan trên hệ thống Dynamic AX • Hiểu rõ nguyên lý của các quy trình Procurement, thực hành trên hệ thống Dynamix AX. • Hiểu rõ nguyên lý của các quy trình Trading, thực hành trên hệ thống Dynamix AX.	3	6	- Dự lớp: 10% - Bài tập nhóm: 20% - Thuyết trình bài tập nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
	Thực tập tốt nghiệp		10	7	
16	Ngành Trí tuệ nhân tạo, chương trình Robot và trí tuệ nhân tạo				

1	Triết học Mác - Lênin	- Học phần triết học Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát nhất về sự vận động, phát triển làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Chủ nghĩa duy vật biện chứng cung cấp cho người học một thế giới quan khoa học làm cơ sở xây dựng một thái độ sống tích cực và sáng tạo. - Phép biện chứng duy vật cung cấp cho người học phương pháp tư duy biện chứng để nhìn nhận đúng đắn và giải quyết tốt các vấn đề trong cuộc sống. - Chủ nghĩa duy vật lịch sử cung cấp cho người học hiểu biết đúng đắn về sự tồn tại, phát triển xã hội cũng như phương pháp luận khoa học để nhìn nhận và giải quyết các vấn đề xã hội.	3	2	- Đánh giá quá trình: 50% ☐ Dự lớp: 15% ☐ Thuyết trình hoặc bài tập nhóm: 15% ☐ Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% ☐ Hình thức thi: tự luận (được sử dụng tài liệu) - Thời gian làm bài: 75 phút
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin dùng cho khối không chuyên lý luận chính trị, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, gắn liền với nó là vấn đề tích lũy và tái sản xuất tư bản, cùng với những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Môn học cũng nghiên cứu cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu chiến lược công	2	3	- Dự lớp: 5% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% - O Bài thu hoạch 10% - O Thuyết trình 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

		nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học, cao đẳng trong cả nước. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể sau: Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa ; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	4	- Dự lớp: 10% - Thuyết trình nhóm: 20% - Kiểm tra giữa học phần: 20% - Thi kết thúc học phần: 50% (20 câu trắc nghiệm + 1 câu tự luận)
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người	2	5	- Dự lớp: 15% - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi giữa học phần: 15% - Thi kết thúc học phần: 50%

		học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người.	2	6	- Dự lớp: 10% - Thảo luận: điểm thưởng - Bài thu hoạch: 10% - Thuyết trình: điểm thưởng - Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 50%
6	Tiếng Anh tổng quát	Tiếng Anh tổng quát giúp sinh viên: - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của môi trường làm việc và kinh doanh. - Có kiến thức tổng quan về nhiều lĩnh vực như careers, companies, selling, great ideas và stress. - Trang bị kiến thức và kỹ năng làm bài thi chứng chỉ quốc tế tiếng Anh giao tiếp thương mại (TOEIC), góp phần đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh ở cấp độ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu, CEFER).	4	2	- Class attendance and participation: 10% - LMS: 10% - Speaking test: 15% - Sample Test: 15% - Final Test: 50%
7	Tiếng Anh lĩnh vực công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)	This module aims to enhance students' comprehension of academic language and literacy practices within the field of Technology, Communication and Design. The design of the module facilitates the integration of language learning with key content areas, enabling students to develop a profound understanding of how language functions in	3	3	- Class attendance and participation: 10% - LMS: 10% - Speaking test: 15% - Sample Test: 15% - Final Test: 50%

		communicating subject matter. Consequently, students will be able to acquire essential language skills relevant to the field of Technology, Communication and Design. Students actively foster their learning experience through engaging in diverse learning activities such as case studies, role-plays, simulations, presentations, and group discussions.			
8	Tiếng Anh lĩnh vực công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)	The principal aim of this module is to enhance students' cognitive mastery of the intricate interplay between academic language and the specialized discourse conventions within the field of Technology, Communication and Design. The structural framework of the module strategically facilitates the integration of linguistic acquisition with the foundational subject matter, thereby endowing students with the capacity to cultivate a profound comprehension of the nuanced role of language in the dissemination of specialized knowledge. Consequently, students will acquire and develop essential language competencies that are intrinsically pertinent to the field of Technology, Communication and Design. Students will be involved in various interesting activities like studying real cases, acting out scenarios, doing simulations, giving presentations, and having group discussions to make their learning experience exciting and valuable.	3	4	- Class attendance and participation: 10% - LMS: 10% - Speaking test: 15% - Sample Test: 15% - Final Test: 50%
9	Nhập môn tâm lý học	Mục đích của khoa học tâm lý là hiểu được cơ chế hoạt động của não bộ và nó tương tác thế nào với thế giới bên ngoài để	2	5	- Dự lớp: 10% - Thảo luận nhóm: 10%

		hình thành và ảnh hưởng hành vi. Môn học này được thiết kế như một môn học nhập môn về khoa học tâm lý với trọng tâm chủ yếu là tìm hiểu về tư duy, tình cảm và hành vi của con người. Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức cơ sở cho học viên về tâm lý học. Ngoài ra, học viên cũng sẽ hiểu được những ứng dụng của kiến thức về tâm lý trong lĩnh vực quản lý, kinh tế, marketing, hành vi người tiêu dùng, quản lý khoa học kỹ thuật và nhiều lĩnh vực khác trong đời sống xã hội hàng ngày. Nội dung của môn học nhập môn tâm lý học sẽ được chia làm 3 Module chính: (1) Module 1: Những vấn đề chung trong tâm lý học, (2) Module 2: quá trình nhận thức và hành vi, (3) Điều chỉnh sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội.			- Thuyết trình nhóm: 30% - Thi kết thúc học phần (research project): 60%
10	Phát triển bền vững	Môn học "Phát triển bền vững" giới thiệu các nguyên tắc, khái niệm và thách thức chính của phát triển bền vững, tập trung vào bối cảnh của Việt Nam. Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam phải đối mặt với các vấn đề xã hội, kinh tế và môi trường phức tạp đòi hỏi phải có các giải pháp bền vững. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về lý thuyết phát triển bền vững, ứng dụng và vai trò của các bên liên quan khác nhau trong hành động hướng tới kết quả bền vững. Học "Phát triển bền vững" là cần thiết để sinh viên phát triển hiểu biết toàn diện về những thách thức mà thế giới đang phải đối mặt và trang bị cho mình kiến thức và kỹ năng cần thiết để đóng góp tích cực cho một tương lai bền vững và	2	5	Dự lớp: 10% - Thảo luận và thuyết trình/Thi giữa học phần: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%

		công bằng. Môn học thúc đẩy tư duy phản biện, nhận thức toàn cầu và trách nhiệm công dân đồng thời là bước khởi đầu trên con đường nghề nghiệp có giá trị và tạo ra tác động của sinh viên trong một thế giới ngày càng coi trọng sự bền vững.			
11	Tư duy thiết kế	Tư duy thiết kế là một phương pháp giải quyết vấn đề đặt người dung vào trung tâm của quy trình. Nó cung cấp một khuôn khổ năng động để tiếp cận việc hình thành ý tưởng, điều tra sáng tạo và suy nghĩ khác biệt. Môn học Tư duy Thiết kế cung cấp kiến thức về các nguyên tắc, công cụ và phương pháp thúc đẩy tư duy sáng tạo như Empathy Map, Persona/ User profile, Journey Mapping, How might we ...?, Value Chain Analysis, Brainstorming, Mind Mapping, Story Telling, Problem Statement, Concept Development, Assumption Testing, Rapid Prototyping, Customer Co-Creation, Prototype to test, Experience Testing, Learning Launch.... Sinh viên sẽ học cách sử dụng đúng mục đích các công cụ và phù hợp với quy trình để giải quyết các tình huống thực tế. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng trình bày và diễn đạt ý tưởng. Sinh viên sẽ học cách giao tiếp hiệu quả, đưa ra và nhận phản hồi, tôn trọng ý tưởng và quan điểm của người khác.	2	4	Dự lớp: 5% - LMS activities: 5% - Thi giữa học phần: 40% - Thi kết thúc học phần: 50%
12	Khởi nghiệp kinh doanh	Định hướng nghề nghiệp luôn là một việc rất quan trọng cho sinh viên khi bước chân vào giảng đường đại học và họ chỉ thành công trong sự nghiệp khi nào có một đam mê và có được năng lực nội sinh (selfefficacy) để theo đuổi	1	2	- Tiểu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 70%

		mục tiêu nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tuy nhiên, việc khơi dậy, tạo nhận thức và hình thành ý định về khởi nghiệp kinh doanh có tầm quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên trở thành những người làm chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành hay chuyên ngành mà họ được đào tạo thay vì hoạt động nghề nghiệp với vai trò là chuyên viên, nhà quản trị hay nhà hoạch định chính sách kinh tế trong các tổ chức công và đó là lý do môn học được triển khai đào tạo cho sinh viên ở tất cả các ngành. Khởi nghiệp kinh doanh, theo nghĩa thông thường nhất, chính là việc khởi sự một dự án kinh doanh bằng cách thành lập một doanh nghiệp hoạt động theo các hình thức khác nhau theo Luật Doanh nghiệp và trở thành một nhà khởi nghiệp và họ cần phải có những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ thất bại. Nhìn chung những kiến thức cơ bản mà một nhà khởi nghiệp kinh doanh cần có thường bao gồm kiến thức tổng quát về kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh, kiến thức về ngành và khách hàng và kiến thức về mô hình kinh doanh và kiến thức về môi trường kinh doanh; bên cạnh đó kỹ năng nhận dạng cơ hội kinh doanh, tương tác theo mạng lưới và đổi mới sáng tạo luôn là những yếu tố cần thiết hỗ trợ cho nhà khởi nghiệp; và cuối cùng thái độ chấp nhận rủi ro cũng như tự tin sẽ cho phép họ mạo hiểm dấn thân vào những dự án kinh doanh đầy hấp dẫn nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Nhằm trang			
--	--	---	--	--	--

		bị những kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết cho nhà khởi nghiệp tương lai, học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản như: (1) Hệ sinh thái khởi nghiệp (giúp cho sinh viên biết được sự hỗ trợ của những tác nhân bên trong và bên ngoài hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp); (2) Mối quan hệ giữa sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp kinh doanh từ kết quả của sáng tạo và đổi mới (khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); (3) Nhận dạng cơ hội kinh doanh; (4) Mô hình kinh doanh; (5) Các vấn đề pháp lý cần thực hiện như bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ từ những kết quả của sáng tạo, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động và lựa chọn hình thức doanh nghiệp; (6) Lập kế hoạch kinh doanh & Tài trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.			
13	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm nhằm ứng dụng trong môi trường công việc thực tế. Mục tiêu của học phần là kết hợp các kiến thức chuyên ngành với nội dung và thực hành các kỹ năng mềm cốt lõi để sinh viên tiếp cận hiệu quả hơn vào môi trường công việc sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng mềm cốt lõi của học phần gồm: Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng thích nghi nhanh với môi trường công việc và kinh doanh; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng định vị bản thân; Kỹ năng tư duy phục vụ.	2	3	- Dự lớp: 30% - Thảo luận: 10% - Thuyết trình: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
14	Thống kê toán	Học phần Thống kê ứng dụng cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê cơ bản bao gồm việc thu thập dữ	3	2	Đề tài nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20%

		liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, xác suất căn bản, thống kê suy diễn, chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Giới thiệu với sinh viên các phần mềm hỗ trợ cho kỹ năng xử lý số liệu thống kê; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này			Thi kết thúc học phần: 60%
15	Toán cao cấp 1	Học phần Toán cao cấp A1 cung cấp các kiến thức cơ bản về giới hạn, tính liên tục và phép tính vi tích phân của hàm một biến, chuỗi số, chuỗi hàm, phép tính tích phân hàm nhiều biến bao gồm tích phân bội 2 (tích phân kép), tích phân bội ba, tích phân đường, tích phân mặt và các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân.	3	1	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
16	Toán cao cấp 2	Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, không gian Euclide, chéo hóa ma trận, dạng toàn phương và các phép tính vi phân hàm nhiều biến, trường vector.	3	2	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
17	Vật lý 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của vật lý bao gồm các phần cơ học và nhiệt học làm cơ sở cho việc tiếp cận các môn học chuyên ngành trình độ đại học các ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về vật lý để khảo sát sự chuyển động, năng lượng và các hiện tượng vật lý liên quan đến các đối tượng trong tự nhiên có kích thước từ phân tử đến cỡ hành tinh. Sau	3	1	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		khí học xong học phần sinh viên sẽ có khả năng ứng dụng những kiến thức đã học trong nghiên cứu khoa học cũng như trong phát triển kỹ thuật và công nghệ hiện đại.			
18	Vật lý 2	Học phần này cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của vật lý gồm các phần điện từ học và quang học làm cơ sở cho việc tiếp cận với các môn học chuyên ngành trình độ đại học các ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về các hiện tượng trong thế giới tự nhiên và ứng dụng những kiến thức đó trong nghiên cứu khoa học, trong phát triển kỹ thuật và công nghệ hiện đại	3	2	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
19	Thí nghiệm vật lý	Thí nghiệm vật lý 1 gồm một đơn vị học phần có 9 bài thí nghiệm về động học, động lực học chất điểm động lực học vật rắn và nhiệt học. Đây là môn học bổ sung cho sinh viên thuộc khối ngành công nghệ hệ cao đẳng và đại học những kiến thức về bản chất các hiện tượng vật lý xảy ra trong tự nhiên, kiểm tra lại các lý thuyết vật lý đã được học trong chương trình nhằm rèn luyện cho các kỹ sư tương lai kỹ năng quan sát, tiến hành thí nghiệm, đo đạc và tính toán, phân tích, xử lý số liệu.	1	2	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30%
20	Toán dành cho kỹ sư	Học phần Toán dành cho kỹ sư cung cấp cho sinh viên lý thuyết nhập môn Giải tích số và phép biến đổi Laplace, phép biến đổi Fourier, nhận biết được dạng bài toán tối ưu và đưa ra phương pháp phù hợp. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng áp dụng kiến thức Toán cao cấp trong thực hành tính toán trong chuyên ngành	3	3	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
21	Kinh tế kỹ thuật	Môn học nhằm cung cấp những khái niệm cơ bản liên	3	3	Dự lớp phát biểu: 10 %

		quan đến kinh tế và các kỹ thuật phân tích, đánh giá cho các phương án kỹ thuật, bao gồm: - Khái niệm và vai trò của kinh tế kỹ thuật; - Giá trị thời gian của tiền tệ - những công thức tính toán lãi suất và tương đương - Cơ sở so sánh và lựa chọn các phương án - Khái niệm về kế toán và phân tích dòng tiền sau thuế			Thuyết trình nhóm: 20 % Kiểm tra giữa học phần: 20 % Tổng điểm quá trình 50% Thi kết thúc học phần: 50 % (đề thi có 20 câu trắc nghiệm, 01 câu tự luận) Điểm học phần 100%
22	Quản lý dự án công nghệ	Quản trị công nghệ là học phần xem xét sự ra đời công nghệ mới, những thay đổi công nghệ trong sản xuất hàng hoá và dịch vụ cho thị trường. Môn học này kết hợp công nghệ vào kinh doanh và đổi chiều khả năng thương mại hoá cùng với các lợi ích/thiệt hại của nó mang lại cho Doanh nghiệp và xã hội. Thiết kế khóa học gồm ba phần chính; thứ nhất là kiến thức về công nghệ, các xu hướng công nghệ trong các ngành công nghiệp, quản trị triển khai công nghệ và quan trọng là kết hợp con người và công nghệ trong sự phát triển các giải pháp cạnh tranh tại doanh nghiệp. Phần thứ hai là dự án áp dụng về một giải pháp công nghệ mới cũng như khai thác tối ưu các công nghệ của một doanh nghiệp. Phần này học bằng hình thức làm dự án và áp dụng trong bối cảnh doanh nghiệp. Cuối cùng là những kỹ năng cá nhân cho sinh viên trong việc tiếp cận công nghệ, phân tích công nghệ nào mang lại giá trị mới cho doanh nghiệp và kỹ năng làm việc trong những dự án chuyển đổi số/nâng cao giải pháp công nghệ cho doanh nghiệp.	3	5	Dự lớp: 10% Thảo luận: 10% Bản thu hoạch: 40% Thi kết thúc học phần: 40%
23	Nhập môn Robot và trí tuệ nhân tạo	Học phần trang bị cho sinh viên ngành Robot và Trí tuệ	3	1	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30%

		nhân tạo những kiến thức cơ bản về: - Ngành nghề, hướng đào tạo chuyên ngành Robot và Trí tuệ nhân tạo; - Tổ chức trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Trường Công nghệ và Thiết kế và các nguồn lực phục vụ đào tạo khác của trường; - Kiến thức cơ bản về kỹ thuật, công nghệ, các công nghệ tiên tiến, Cách mạng Công nghiệp 4.0; - Kiến thức về kỹ thuật giao tiếp, làm việc nhóm, phương pháp học tập tích cực và sáng tạo có liên quan đến công nghệ; - Hiểu biết về đạo đức học tập, đạo đức khoa học; nhận thức về lịch sử và tương lai của kỹ thuật, về mối liên hệ giữa kỹ thuật và thế giới bên ngoài và sự liên quan của kỹ thuật đến các vấn đề đương đại.			Thi kết thúc học phần: 50%
24	Khoa học máy tính 1	Môn học nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lập trình máy tính và ngôn ngữ lập trình Python. Cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lập trình máy tính: xác định yêu cầu của bài toán, xây dựng lưu đồ giải thuật, xây dựng chương trình và biên dịch chương trình. Môn học giúp người học có nền tảng lý thuyết và những kỹ năng để có thể nắm bắt, sử dụng được các phần mềm lập trình vận dụng vào việc xây dựng chương trình điều khiển cho các hệ thống thực.	3	1	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
25	Kỹ thuật điện - điện tử	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật liệu chế tạo linh kiện điện tử. Trình bày cấu trúc, đặc trưng và ứng dụng của các linh kiện điện tử cơ bản như Diode, Transistor, SCR, TRIAC, DIAC, OP-	3	1	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		AMP và các linh kiện 4 lớp bán dẫn, linh kiện quang điện tử. Hướng dẫn sinh viên cách phân tích, tính toán các thông số và thiết kế các mạch điện tử cơ bản như: mạch chỉnh lưu, mạch xén, mạch nguồn DC, mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ, mạch khuếch đại công suất, mạch transistor ngắt dẫn, mạch dao động, các mạch điều khiển dùng SCR, TRIAC, DIAC, quang trở, opto và các mạch điện tử ứng dụng trong thực tế			
26	Vẽ kỹ thuật	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hình họa vẽ kỹ thuật bao gồm: 1- Các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ; 2- Công cụ dụng hình sử dụng để giải quyết các bài toán hình học thường gặp trong công tác thiết kế, xây dựng bản vẽ kỹ thuật; 3- Phép chiếu & phương pháp các hình chiếu vuông góc sử dụng trong vẽ kỹ thuật; 4- Các tiêu chuẩn, quy định biểu diễn vật thể sử dụng trong trình bày bản vẽ kỹ thuật bao gồm bản vẽ chi tiết & bản vẽ lắp. Môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu & xây dựng bản vẽ kỹ thuật cho các chi tiết máy, cụm lắp cũng như rèn luyện tác phong làm việc khoa học, tính cẩn thận, ý thức tổ chức kỷ luật của người làm công tác kỹ thuật.	3	1	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
27	Cơ kỹ thuật 1	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tĩnh học, động học và động lực học của vật rắn tuyệt đối. Trong đó: tĩnh học cung cấp kiến thức liên quan đến điều kiện cân bằng tĩnh của chất điểm, của vật rắn dưới tác dụng của lực; động học nghiên cứu về các thông số hình học của chuyển động song phẳng của vật rắn, của điểm thuộc vật rắn; động lực học	3	2	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		nghiên cứu chuyển động của vật rắn dưới tác dụng của lực. Trên cơ sở các kiến thức được học ở trên, sinh viên sẽ xác định được các phản lực liên kết trong cơ hệ. Từ các kiến thức động học, sinh viên có thể tính toán thiết kế cơ cấu thỏa mãn các yêu cầu hình học của chuyển động cho trước. Sau cùng, kiến thức động lực học cho phép sinh viên xác định được tính chất chuyển động của vật rắn dưới tác dụng của lực.			
28	Cơ kỹ thuật 2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về cơ học vật rắn biến dạng, các khái niệm cơ bản về biến dạng, nội lực, ứng suất, chuyển vị, trạng thái ứng suất & các thuyết bền sử dụng trong tính toán thiết kế máy & chi tiết máy. Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp xác định nội lực, ứng suất và chuyển vị cho các kết cấu, chi tiết dạng thanh làm việc trong miền đàn hồi tuyến tính chịu tải trọng kéo/nén, xoắn, uốn từ đó giải quyết các bài toán cơ bản trong tính toán thiết kế chi tiết máy dựa trên điều kiện bền, điều kiện cứng vững và ổn định.	3	3	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
29	Kỹ thuật chế tạo	Môn học này cung cấp các kiến thức kỹ thuật cơ sở về kỹ thuật cơ khí từ giai đoạn đầu đến cuối của quá trình chế tạo các chi tiết. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ thuật nhưng không chuyên về công nghệ chế tạo máy có khả năng tính toán, lựa chọn vật liệu, phôi, phương pháp gia công chế tạo cơ khí nhằm đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và kinh tế. Môn học bao gồm các nội dung: + lựa chọn vật liệu + phương pháp tạo phôi + phương pháp gia công + kiểm tra đánh giá sản phẩm	3	4	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		+ tạo mẫu nhanh Môn học giúp người học có kiến thức và kỹ năng để chọn lựa được phương án vật liệu, chế tạo phôi và phương pháp gia công phù hợp khi đi vào thực tế sản xuất cơ khí.			
30	Kỹ thuật số	Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống số, nguyên tắc hoạt động và cấu tạo của hệ thống số, cung cấp phương pháp thiết kế, rút gọn hệ thống một cách đơn giản, thiết kế hệ thống theo một yêu cầu cho trước, và ứng dụng của hệ thống số trong thực tế.	3	3	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
31	Khoa học máy tính 2	Môn học nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lập trình giao diện và ngôn ngữ lập trình C#. Cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lập trình giao diện: xác định yêu cầu của bài toán, thiết kế giao diện và xây dựng chương trình giao diện. Môn học giúp người học có nền tảng lý thuyết và những kỹ năng để có thể nắm bắt, sử dụng được các phần mềm lập trình vận dụng vào việc xây dựng chương trình điều khiển cho các hệ thống thực	3	3	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
32	Thiết kế máy	Môn học này là môn học cơ sở ngành của khối ngành kỹ thuật bao gồm hai nội dung Nguyên lý máy và Chi tiết máy. Nội dung nguyên lý máy trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về nguyên lý cấu tạo cơ cấu, phương pháp xác định các yếu tố động học, lực học của cơ cấu, động lực học cơ cấu và máy. Nội dung chi tiết máy trang bị cơ sở lý thuyết và phương pháp tính toán thiết kế các chi tiết máy và bộ phận máy có mặt ở hầu hết các máy hiện đại, cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên lý làm việc và kết cấu	3	4	Dự lớp: 5% Bài trắc nghiệm dạy học số: 20% Thi giữa học phần: 25% Thi kết thúc học phần: 50%

		các chi tiết máy, bồi dưỡng khả năng độc lập giải quyết các vấn đề tính toán thiết kế chi tiết máy và các hệ dẫn động cơ khí, những nội dung hết sức quan trọng trong thiết kế máy nói chung. Môn học này giúp cho sinh viên có khả năng giải quyết các bài toán kỹ thuật về tính toán động học máy, trình tự thiết kế các chi tiết máy. Từ đó sinh viên sẽ vận dụng các kiến thức trong môn học để giải quyết các vấn đề về thiết kế máy khi thực hiện đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp			
33	Lý thuyết điều khiển tự động	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng những kiến thức cơ bản về lý thuyết điều khiển tự động các hệ tuyến tính liên tục. Cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về mô hình hoá hệ thống vật lý, kiến thức và kỹ năng ứng dụng các công cụ toán học để khảo sát đặc tính động học của hệ thống, đánh giá chất lượng động học của hệ thống, thiết kế và hiệu chỉnh hệ thống điều khiển. Đây là học phần cơ sở ngành, giúp sinh viên có kiến thức nền tảng để tiếp cận nhanh các ứng dụng cụ thể, chuyên sâu trong lĩnh vực Robot.	3	4	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
34	Cơ cấu chấp hành và cảm biến	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý, hoạt động, vận hành và ứng dụng của các loại cảm biến như cảm biến màu, tiệm cận, điện dung, cảm ứng, từ, nhiệt độ, quang, áp suất, lực, góc quay và vận tốc. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp các kiến thức cơ bản về các cơ cấu chấp hành DC, AC, servo, tuyến tính.	3	4	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
35	Kỹ thuật robot 1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng của kỹ thuật	3	5	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30%

		robot. Sinh viên sẽ dựa trên nền tảng các môn học trước như: cơ học kỹ thuật, thiết kế cơ khí, điều khiển tự động để xây dựng, thiết kế và đánh giá các hệ thống robot. Các nội dung trong học phần này bao gồm: chuyển đổi hệ trục tọa độ; phân tích động học robot; xác định các bài toán động học thuận, động học nghịch robot; lập quỹ đạo chuyển động của robot; bài toán Jacobi và vận tốc; động lực học thuận và nghịch; lập trình mô phỏng và điều khiển robot			Thi kết thúc học phần: 50%
36	Kỹ thuật robot 2	Môn học này trình bày các khía cạnh lý thuyết và tính toán khác nhau của một loạt các phương pháp tối ưu hóa để giải quyết nhiều vấn đề khác nhau trong kỹ thuật và robot.	3	6	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
37	Vi điều khiển	Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vi điều khiển, các phương pháp thiết kế hệ thống số có sử dụng vi điều khiển, các ngoại vi cơ bản và ứng dụng của nó trong hệ thống số.	3	4	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
38	Thí nghiệm kỹ thuật robot	Nguyên lý làm việc của hệ thống tự động hóa trong công nghiệp như cảm biến, PLC, mạng truyền thông CN, robot công nghiệp Các phần tử trong hệ thống tự động hóa trong công nghiệp và robot công nghiệp Nguyên tắc cơ bản để mô phỏng Robot công nghiệp với các vấn đề về động học, động lực học, điều khiển Nguyên tắc thao tác cơ bản để lập trình và vận hành Robot công nghiệp, Nguyên tắc ứng dụng của Robot công nghiệp trong thực tế	2	6	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
39	Trí tuệ nhân tạo	Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các phương pháp giải quyết vấn đề của Trí tuệ nhân	3	5	Dự lớp: 10% -Thảo luận: 10% -Báo cáo: 30%

		tạo (AI), kỹ năng vận dụng phương pháp AI cho các vấn đề thực tiễn của lĩnh vực kinh tế xã hội. Trên cơ sở đó, giúp người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết tham gia phát triển các dự án phần mềm phục vụ công tác nghiên cứu và quản lý trong các lĩnh vực: marketing, quản lý chuỗi cung ứng, phân tích tài chính, phân tích hoạt động tín dụng			-Thi kết thúc học phần: 50%
40	Hệ thống nhúng	Môn học cung cấp cho học viên kiến thức về hệ thống nhúng và các ứng dụng của nó. Giúp học viên hiểu về kiến trúc bộ vi xử lý ARM, Broadcom. Viết code giao tiếp, điều khiển trực tiếp phần cứng với ngôn ngữ C. Phát triển hệ thống nhúng trên nền tảng hệ điều hành thời gian thực RTOS và Linux.	3	5	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
41	Thị giác máy	Học phần này trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử những kiến thức về kỹ thuật xử lý ảnh tĩnh và ảnh động, bao gồm những kỹ năng xử lý cơ bản (thao tác với ảnh và camera bằng chương trình, làm mờ, khử nhiễu, làm nổi cạnh, chuyển đổi không gian màu) và nâng cao (nhận dạng màu sắc, biên dạng, phát hiện chuyển động...). Đồng thời, áp dụng kỹ thuật xử lý ảnh để tạo ra các hệ thống cảm biến thông minh cho máy (máy nhìn cho máy) sử dụng trong các dây chuyền sản xuất và đời sống	3	5	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
42	Hệ thống tự động	Học phần cung cấp những kiến thức ban đầu về hệ thống điều khiển tự động công nghiệp, kỹ thuật cảm biến, cơ cấu chấp hành và hệ thống điều khiển PLC. Đây là học phần chuyên sâu về đối tượng trong dây chuyền tự động hóa quá trình sản xuất công nghiệp, giúp	3	4	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		người học nhận thức được các thành phần trong một hệ thống sản xuất, nguyên lý làm việc và phương pháp thiết kế một hệ thống tự động hóa QTSX công nghiệp.			
43	Internet vạn vật	Môn học cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, nâng cao về hệ thống IoT, các thành phần và ứng dụng của IoT. Học viên sẽ được trải nghiệm các bước triển khai một hệ thống IoT trên nền tảng Raspberry. Ngoài ra học viên sẽ được giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây trong xử lý dữ liệu.	3	6	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
44	Tương tác người và máy	Môn học này sẽ tập trung vào lĩnh vực Tương tác Người-Robot (HRI) cũng như vấn đề tương tác thực ảo. Môn học này kết hợp nhiều kiến thức và lĩnh vực phục vụ cho ngành học Robot và trí tuệ nhân tạo với sự hỗ trợ của tâm lý học nhận thức. Mục tiêu chính của môn học này là cho phép robot tương tác thành công với con người. Khi robot ngày càng đi vào vai trò chức năng trong môi trường hàng ngày của con người (như nhà, trường học và bệnh viện), chúng ta cần chúng để có thể tương tác với người thường	3	6	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
45	Thí nghiệm điều khiển tự động	–Khảo sát động lực học hệ thống –Điều khiển PID thời gian thực –Điều khiển PID kỹ thuật số –Điều khiển đối tượng có đặc tính trễ –Điều khiển hồi tiếp trạng thái –Điều chỉnh hệ phi tuyến xung quanh điểm cân bằng	1	6	Báo cáo: 50% Thi kết thúc học phần: 50%
46	Thí nghiệm Trí tuệ nhân tạo	–Nguyên lý làm việc của hệ thống AI trong đời sống và công nghiệp –Nhắc lại các cấu hình mạng cơ bản của AI	1	6	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		–Nguyên tắc cơ bản để lập trình các chương trình AI –Các nền tảng cơ bản để thu thập và xử lý dữ liệu. –Nguyên tắc ứng dụng của AI trong thực tế.			
47	Đồ án thiết kế robot	Khóa học này giới thiệu cho sinh viên các khái niệm, nguyên tắc và thuật toán nâng cao trong người máy và hệ thống nhúng. Đây là một khóa học dự án nhằm giải quyết một thách thức lớn: tạo ra một hệ thống robot. Giải quyết vấn đề lớn thách thức yêu cầu thiết kế và lập trình robot hoặc hệ thống nhúng tương tác hiệu quả và tự chủ với thế giới thực. Sinh viên sẽ tìm hiểu về công nghệ hiện đại trong chế tạo người máy và tích hợp và đưa vào sử dụng lý thuyết kiến thức từ khóa học này hoặc trước đó trong chương trình giảng dạy. Các chủ đề bao gồm: kiểm soát, lập kế hoạch chuyển động; ước lượng trạng thái; động học và động lực học thuận nghịch, thị giác máy tính, điều khiển trực quan, kết nối mạng dạng lưới và điều khiển qua mạng của các hệ thống nhiều rô-bốt. Khóa học sẽ được cấu trúc với một bài giảng và phòng thí nghiệm. Các bài giảng sẽ được sử dụng để trình bày các khái niệm và các thuật toán cho các chủ đề của khóa học. Học sinh cũng sẽ trình bày đánh giá thiết kế trong các bài giảng. các phòng thí nghiệm sẽ được sử dụng để phát triển và thực hiện dự án thử thách khóa học. Học sinh sẽ làm việc theo nhóm để thiết kế một giải pháp tích hợp cho hệ thống robot làm vườn. Học sinh sẽ được giới thiệu đến các nền tảng khoa học và cơ sở hạ tầng hệ thống trong phòng thí nghiệm đầu tiên.	1	5	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		Trong các phòng thí nghiệm tiếp theo, học sinh sẽ làm việc trong các phòng thí nghiệm nhỏ các nhóm để phát triển triển khai và đánh giá một giải pháp mạnh mẽ cho một thành phần của dự án. Mô-đun cuối cùng của khóa học sẽ tích hợp tất cả các thành phần và đánh giá hiệu suất.			
48	Đồ án trí tuệ nhân tạo	Đồ án này yêu cầu sinh viên ngành CNKT Robot và Trí tuệ nhân tạo thực hiện một dự án nhằm củng cố những kiến thức cơ bản về tính ứng dụng của trí tuệ nhân tạo vào một lĩnh vực thực tế. Hiểu được các mạng trí tuệ nhân tạo, xử lý, thu thập các dữ liệu phục vụ cho quá trình đào tạo mô hình AI. Đồng thời nâng cao khả năng lập trình, tính toán, lựa chọn các model phù hợp cho từng lĩnh vực ứng dụng.	1	6	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
49	Đồ án và thực tập tốt nghiệp	Mục đích của môn học này là sử dụng kinh nghiệm thực tập để giúp sinh viên phát triển kỹ năng và kỹ thuật của mình vào các vấn đề thực tế tại doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được sắp xếp vào các doanh nghiệp phù hợp với chuyên làm việc toàn thời gian và được đánh giá sau khi hoàn thành khóa thực tập. Chương trình thực tập sẽ được sắp xếp phù hợp với mục đích của chương trình kỹ thuật và các lĩnh vực chuyên môn. Sinh viên sẽ trải nghiệm một môi trường làm việc thực tế và hiểu được kỹ năng và kiến thức chuyên môn có thể được sử dụng như thế nào trong công nghiệp. Họ cũng sẽ có thể ứng dụng kiến thức kỹ thuật vào hoạt động thực tế nhằm đánh giá kiến thức đã học và sẽ học cả mới và hiện tại, và xác định các lĩnh vực	10	8	

		phát triển hơn nữa cho sự nghiệp tương lai của sinh viên.			
50	Dữ liệu lớn và ứng dụng	Môn học giới thiệu tổng quan về khái niệm, đặc trưng cũng như những thách thức của Big data (Khả năng phân tích, dự đoán nhằm trích xuất một giá trị lớn hơn từ dữ liệu). Giới thiệu một số phương pháp và công cụ phổ biến để khai thác và quản lý Big data (Hadoop, MapReduce và Spark).	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
51	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) là một trong những công nghệ quan trọng nhất của thời đại thông tin. Hiểu những cách nói ngôn ngữ phức tạp cũng là một phần quan trọng của trí tuệ nhân tạo. Các ứng dụng của NLP ở khắp mọi nơi vì mọi người giao tiếp hầu hết mọi thứ bằng ngôn ngữ: tìm kiếm trên web, quảng cáo, email, dịch vụ khách hàng, dịch ngôn ngữ, báo cáo X quang, v.v. Có rất nhiều nhiệm vụ cơ bản và mô hình học máy đằng sau các ứng dụng NLP. Gần đây, các phương pháp học sâu đã đạt được hiệu suất rất cao trên nhiều nhiệm vụ NLP khác nhau. Chúng có thể giải quyết các nhiệm vụ với các mô hình đầu cuối duy nhất và không yêu cầu kỹ thuật tính năng truyền thống, dành riêng cho nhiệm vụ. Trong khóa học này, sinh viên sẽ học cách triển khai, đào tạo, gỡ lỗi, trực quan hóa và phát minh ra các mô hình mạng thần kinh của riêng mình. Khóa học cung cấp phần giới thiệu kỹ lưỡng về nghiên cứu tiên tiến trong lĩnh vực học sâu áp dụng cho NLP. Về mặt mô hình, chúng tôi sẽ đề cập đến các biểu diễn vector từ, mạng nơ-ron dựa trên cửa sổ, mạng nơ-ron tái phát, mô hình bộ nhớ	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		ngắn hạn dài hạn, mạng nơ-ron đệ quy, mạng nơ-ron tích chập cũng như một số mô hình gần đây liên quan đến thành phần bộ nhớ. Thông qua các bài giảng và bài tập lập trình, sinh viên sẽ học các thủ thuật kỹ thuật cần thiết để làm cho mạng nơ-ron hoạt động trên các vấn đề thực tế.			
52	Tối ưu hóa	Học phần này giới thiệu về bài toán tối ưu và các dạng bài toán tối ưu; lý thuyết cơ bản của bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán đối ngẫu; phương pháp đơn hình và phương pháp đơn hình đối ngẫu; một số bài toán điển hình trong kinh tế và kỹ thuật dẫn về bài toán quy hoạch tuyến tính; các điều kiện tối ưu cho bài toán quy hoạch phi tuyến; một số phương pháp cơ bản để giải bài toán quy hoạch phi tuyến.	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
53	Học máy	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng về máy học như thuật toán phân lớp, nhóm, mạng nơ ron, học sâu, học giám sát, học củng cố và ứng dụng các thuật toán để giải quyết các bài toán thực tế và nhất là trong lĩnh vực Robot và AI	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
54	Học sâu	Thị giác máy tính đã trở nên phổ biến trong xã hội của chúng ta, với các ứng dụng trong tìm kiếm, hiểu hình ảnh, ứng dụng, lập bản đồ, y học, máy bay không người lái và ô tô tự lái. Cốt lõi của nhiều ứng dụng này là các tác vụ nhận dạng hình ảnh như phân loại, bản địa hóa và phát hiện hình ảnh. Những phát triển gần đây về phương pháp tiếp cận mạng thần kinh (hay còn gọi là “học sâu”) đã nâng cao đáng kể hiệu suất của các hệ thống nhận dạng hình ảnh hiện đại này. Khóa học này đi sâu vào	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		các chi tiết của kiến trúc học sâu, tập trung vào việc học các mô hình đầu cuối cho các nhiệm vụ này, đặc biệt là phân loại hình ảnh. Trong khóa học kéo dài 10 tuần, sinh viên sẽ học cách triển khai và huấn luyện mạng lưới thần kinh của riêng mình, đồng thời hiểu rõ hơn về nghiên cứu tiên tiến trong lĩnh vực thị giác máy tính. Ngoài ra, nhiệm vụ cuối cùng sẽ mang đến cho họ cơ hội đào tạo và áp dụng các mạng lưới nhiều triệu tham số cho các vấn đề về tầm nhìn trong thế giới thực mà họ lựa chọn. Thông qua nhiều bài tập thực hành và dự án cuối khóa, sinh viên sẽ có được bộ công cụ để thiết lập các nhiệm vụ học sâu và các thủ thuật kỹ thuật thực tế để đào tạo và tinh chỉnh mạng lưới thần kinh sâu			
55	Điều khiển phi tuyến và đa biến	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều khiển phi tuyến và đa biến như lý thuyết ổn định điều khiển phi tuyến, tối ưu trong điều khiển hệ thống hồi tiếp phi tuyến, điều khiển bền vững cho hệ thống phi tuyến và đa biến	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
56	Cấu trúc phần mềm cho robot và AI	Robot là một cỗ máy đa năng, đa hình thức và đa chức năng. Nó thể hiện những đặc điểm hoàn toàn mới và độc đáo liên quan đến những gì nó được làm, cách nó được cấu trúc và những gì nó có thể làm. Để thích nghi với sự đa dạng về hình thức và chức năng này, các kiến trúc phần mềm cho robot phải được đặt nền tảng của một mô hình thực thi tính linh hoạt và hiệu quả vượt xa các ứng dụng được phát triển trong các ứng dụng miền khác. Học sinh sẽ có thể xác định các yêu cầu ổn định trong các tình huống khác	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		n nhau, các vấn đề thiết kế chung và cách tiếp cận tương tự đối với các vấn đề phát triển phần mềm tái diễn trong khi thiết kế các ứng dụng Robotics mới. Một mục tiêu khác của môn học là làm cho các sinh viên quen thuộc với phần mềm trung gian robot được sử dụng rất phổ biến trong các ứng dụng robot, như ROS (Hệ điều hành Robot).			
57	Robot có chân và dạng người	Khóa học này trình bày các nguyên tắc cơ bản của kiểm soát hình người để vận động và thao tác. Các sinh viên sẽ học các giải pháp phổ biến nhất được sử dụng để tổng hợp và kiểm soát chuyển động ổn định	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
58	Robot hợp tác, phân tán và module	Việc phân phối các thiết bị, cảm biến và cơ cấu truyền động, giữa một số robot di động làm gia tăng tính linh hoạt đồng thời giảm chi phí tổng thể so với các giải pháp thuần túy dựa trên một robot đa năng duy nhất. Tuy nhiên, để hợp tác hiệu quả giữa một nhóm robot, cần phải giải quyết các thách thức về quản lý hiệu quả các thiết bị và thông tin liên lạc giữa chúng. Việc này cũng đại diện cho một bài kiểm tra cho việc phân bổ và lập kế hoạch của các nhiệm vụ thực tế. Các ứng dụng bao gồm từ môi trường thăm dò và / hoặc giám sát hiệu quả, đến công việc hỗ trợ cứu hộ. Giải pháp này được công nhận rộng rãi rằng sẽ đem đến nhiều lợi ích trong quá trình sản xuất tại các công ty SME. Như vậy, việc sử dụng trực quan, dễ dàng thích ứng với nhiều tác vụ khác nhau, cấu trúc động học linh hoạt có thể được thay đổi dễ dàng.	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		Theo quan điểm này, người ta cũng thừa nhận rằng một câu trả lời đáng kể cho các nhu cầu đã đề cập nên chuyển tiếp sự phát triển của các cấu trúc rô-bốt có thể định cấu hình theo mô-đun, cấu trúc này cũng phải thể hiện các đặc tính tự tổ chức chuyển động, sau khi được lắp ráp trong cấu hình mong muốn. Với những góc độ đã đề cập, khóa học này sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ điện tử cơ bản và các kỹ thuật liên quan cho phép tái cấu trúc các robot mô-đun; cũng như các phương pháp điều khiển tự tổ chức được phân phối nội bộ và các thuật toán liên quan			
59	Phòng sinh và robot sinh học	Môn học này sẽ trình bày về nền tảng của hệ thống phòng sinh và robot sinh học. Môn học này sẽ phân tích các tính chất di chuyển của hệ thống sinh học, cách di chuyển và các cảm biến sinh học. Nó sẽ cho thấy mối liên hệ giữa chuyển động sinh học đưa vào hệ thống robot. Mục đích của môn học học này đưa ra sinh viên thấy được sự sáng tạo để thiết kế các thiết bị robot trên nền tảng sinh học. Vai trò, vị trí học phần: Học phần này trang bị cho học viên các kiến thức của hệ thống phòng sinh và robot sinh học. Với các kiến thức này học viên có khả năng nghiên cứu, thiết kế và chế tạo các hệ thống phòng sinh và robot sinh học. Đây là môn khá đặc trưng của ngành Robot và Trí tuệ nhân tạo, đóng vai trò nền tảng cho việc nghiên cứu các hệ thống robot tương lai.	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
60	Lập trình robot nâng cao	Môn học này trình bày các khía cạnh lý thuyết và tính toán khác nhau của một loạt các phương pháp tối ưu hóa để	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		giải quyết nhiều vấn đề khác nhau trong kỹ thuật và robot.			
61	Xử lý tín hiệu số	Môn học này trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử các khái niệm căn bản và kiến thức trong lĩnh vực xử lý tín hiệu số như tín hiệu tương tự, tín hiệu số, khoảng tần số của chúng và mối quan hệ giữa chúng. Phép biến đổi z và ứng dụng. Phép biến đổi Fourier rời rạc (DFT). Thuật toán biến đổi Fourier nhanh FFT. Đặc tính tần số và đáp ứng xung của các mạch lọc rời rạc lý tưởng. Các chỉ tiêu kỹ thuật của mạch lọc thực tế. Tổng hợp lọc FIR bằng phương pháp cửa sổ. Giới thiệu tổng hợp lọc FIR tối ưu theo định lý Chebyshev và thuật toán Remez, giới thiệu phương pháp lấy mẫu tần số. Giới thiệu tổng hợp lọc IIR bằng phương pháp bất biến đặc tính xung và phương pháp song tuyến tính	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
62	Thiết kế tối ưu robot	Môn học này cung cấp những phương pháp luận và công cụ để thiết kế robot với các cấu hình nối tiếp và cả song song cũng như các loại cấu hình khác của các loại robot hiện nay. Sinh viên sẽ được học phương pháp thiết kế tối ưu cơ hệ của các loại robot hiện nay. Các cơ cấu cơ thường gặp như cơ cấu nối tiếp và song song đặc biệt cơ cấu kết hợp. Phân tích hiệu quả cơ học trong các hệ thống cơ học xem xét sức cản cơ học (ma sát) và hiệu quả những hạn chế của hệ thống lái và bộ truyền động. Hệ thống truyền động trong robot, đặc điểm công suất cần thiết của động cơ khi xem xét thiết kế hệ thống robot, hiệu quả cơ học và điều kiện làm việc của nó, quy trình thiết kế	3	7	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%

		sử dụng khoa học vật liệu (lựa chọn vật liệu với phân tích cường độ vật liệu) và bao gồm cả hệ thống di chuyển tự động, thiết bị truyền động, cung cấp điện.			
63	Mỹ thuật công nghiệp	Học phần trang bị cho sinh viên ngành Robot và trí tuệ nhân tạo những kiến thức cơ bản về tạo hình hai chiều và ba chiều trong thiết kế mỹ thuật công nghiệp. Nội dung trọng tâm của học phần là ngôn ngữ tạo hình trên mặt phẳng và trên khối. Cung cấp kiến thức về tính chất của hình khối và phương pháp xây dựng hình khối cũng như bản chất của thiết kế và sản phẩm của thiết kế công nghiệp. Trên cơ sở khoa học đó giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức trong thiết kế sản phẩm công nghiệp, sản phẩm có tính hữu ích và là kết quả của quá trình sáng tạo, sản xuất hàng loạt và có giá trị thẩm mỹ. Ngoài ra sinh viên được rèn luyện kỹ năng vẽ tay, kỹ năng làm mô hình.	2	1	Dự lớp: 20% Báo cáo: 30% Thi kết thúc học phần: 50%
64	Luật Khoa học công nghệ và Sở hữu trí tuệ	Trong nền kinh tế tri thức, hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm trí tuệ đóng vai trò then chốt trong việc phát triển đất nước. Thông kê năm 2020, tài sản trí tuệ chiếm tỉ trọng hơn 80% tổng giá trị của các doanh nghiệp trong danh mục S&P 500. Luật Khoa học công nghệ và Luật Sở hữu trí tuệ thể chế hóa toàn diện những chủ trương của Đảng và chính sách của nhà nước về phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, học phần này tập trung cung cấp cho sinh viên những	1	1	- Dự lớp: 5% - Bài kiểm tra cá nhân: 15% - Bài tập nhóm: 30% O Bài thu hoạch 10% O Thuyết trình 20%

		khái niệm và kiến thức nền tảng về các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, các quy định về thúc đẩy, ứng dụng, thương mại hóa sản phẩm KH&CN phục vụ đời sống và phát triển đất nước; các loại hình tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ; quy định về quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và việc bảo hộ các quyền đó; Qua đó sinh viên hiểu rõ các kiến thức quy phạm pháp luật về hoạt động khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ và biết cách áp dụng chúng vào vận hành, quản lý và phát triển hoạt động khoa học công nghệ cũng như bảo vệ và khai thác hiệu quả các tài sản trí tuệ.			
--	--	---	--	--	--

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Hỏi đáp lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2022	
2	Phát triển thể chất sinh viên	2022	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	Đại học				

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Tín dụng xanh cho khu vực ĐBSCL, cơ hội, thách thức và xu hướng phát triển	8/2022	Phân hiệu Vĩnh Long	80
2	Workshop series SUSTAINABLE MEKONG Topic 1: “Sustainable development in rural areas”	9/2022	Phân hiệu Vĩnh Long	150

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Đánh giá tác động của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với nền kinh tế tỉnh Vĩnh Long	Bùi Quang Hùng Phan Thị Bích Nguyệt Nguyễn Khắc Quốc Bảo Phạm Dương Phương Thảo Võ Thanh Thu Nguyễn Thị Thý Liễu Trần Thị Mai Phương Hồ Minh Trung Lê Duy Đồng Võ Thị Mai Xuân Lê Đồng Dư	Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Vĩnh Long Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long Sở Công thương tỉnh Vĩnh Long Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp, Sở Công thương tỉnh Vĩnh Long Tỉnh đoàn Vĩnh Long Hội Sinh viên tỉnh Vĩnh Long Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Vĩnh Long	5/2021 – 10/2022	Kinh phí tỉnh Vĩnh Long	- Báo cáo khoa học tổng kết đề tài - Báo cáo tóm tắt đề tài - Báo cáo cơ sở lý luận và thực trạng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2015 – 2020 - Báo cáo đánh giá tác động của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh - Bộ công cụ đánh giá và dữ liệu đánh giá tác động của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh - Báo cáo giải pháp và danh mục các chương trình, đề án, dự án, ... về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

						- Bài báo khoa học - Hỗ trợ 01 thạc sĩ - Kỷ yếu hội thảo khoa học
2	Co giãn về giá trong nhu cầu tiêu thụ điện sản xuất tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Lý Kiều Chinh Trần Thị Thùy Dung		2021- 2022	UEH	Đề tài tập trung vào nghiên cứu sự biến đổi nhu cầu tiêu thụ điện trong lĩnh vực sản xuất ở Đồng bằng sông Cửu Long. Ứng dụng chính là tối ưu hóa cung cấp điện trong khu vực này.
3	Đánh giá rủi ro khủng hoảng tài chính (financial distress) của các doanh nghiệp niêm yết xuất khẩu ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long do tác động của dịch Covid-19	Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Dương Nguyễn Thanh Phương		2021- 2022	UEH	Đề tài này đánh giá rủi ro tài chính của các doanh nghiệp xuất khẩu niêm yết ở Đồng bằng Sông Cửu Long dưới tác động của Covid-19. Ứng dụng chính là hỗ trợ doanh nghiệp trong việc quản lý và ứng phó với khủng hoảng tài chính do dịch bệnh.
4	Dự báo số ca mắc Covid-19 ở Việt Nam, có xét đến yếu tố dịch bệnh ở các nước láng giềng	Lê Duy Đồng Nguyễn Thị Xuân Đào Phan Thị Thúy Kiều		2021- 2022	UEH	Sản phẩm của đề tài này là dự báo số ca mắc Covid-19 tại Việt Nam dựa trên yếu tố dịch bệnh ở các nước láng giềng. Ứng dụng chính là giúp quản lý và ứng phó với dịch bệnh, cung cấp thông tin cần thiết

						để đưa ra quyết định chính sách và phòng ngừa trong tình hình đại dịch.
5	Giải pháp giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam ở tỉnh Vĩnh Long hiện nay	Lê Trọng Hưng		2021-2022	UEH	Sản phẩm của đề tài này là giải pháp giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam tại tỉnh Vĩnh Long. Ứng dụng chính là thúc đẩy bảo tồn và tôn vinh di sản văn hóa của người Việt tại khu vực này, đảm bảo sự tiếp tục và phát triển của văn hóa dân tộc trong tương lai.
	Giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Đặng Thị Thúy An Võ Thanh Trúc Nguyễn Vũ Trâm Anh		2021-2022	UEH	Sản phẩm của đề tài là giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất lúa hữu cơ tại tỉnh Vĩnh Long. Ứng dụng chính là cải thiện sản xuất lúa hữu cơ ở khu vực này, tăng sản lượng và chất lượng của sản phẩm, và hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững.
	Ứng dụng Benford's Law phát hiện gian lận Báo cáo tài chính trong kế toán điều tra	Lâm Thị Trúc Linh Nguyễn Hồng Nga Nguyễn Ngọc Thọ		2021-2022	UEH	Sản phẩm của đề tài là ứng dụng "Benford's Law" để phát hiện gian lận trong báo cáo tài chính trong lĩnh vực kế toán điều tra. Ứng dụng chính là giúp xác định các

						dấu hiệu gian lận trong báo cáo tài chính dựa trên nguyên tắc Benford's Law, hỗ trợ công tác kiểm toán và điều tra tài chính.
--	--	--	--	--	--	--

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Chương trình đào tạo Ngân hàng – trình độ đại học	2019	Đạt	AUN	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
2	Chương trình đào tạo Tài chính doanh nghiệp – trình độ đại học	2019	Đạt	AUN	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
3	Chương trình đào tạo Tài chính công – trình độ đại học	2019	Đạt	AUN	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
4	Chương trình đào tạo Kinh tế đầu tư – trình độ đại học	2019	Đạt	AUN	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
5	Kiểm định Cấp Cơ sở giáo dục	8/2022	Đạt	FIBAA	Đạt	30/11/2022	29/01/2027
6	Chương trình đào tạo Bất động sản – trình độ đại học	8/2022	Đạt	FIBAA	Đạt	30/11/2022	29/01/2027
7	Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh – trình độ đại học	8/2022	Đạt	FIBAA	Đạt	30/11/2022	29/01/2027
8	Chương trình đào tạo Kinh doanh thương mại – trình độ đại học	8/2022	Đạt	FIBAA	Đạt	30/11/2022	29/01/2027
9	Chương trình đào tạo Marketing – trình độ đại học	8/2022	Đạt	FIBAA	Đạt	30/11/2022	29/01/2027
10	Chương trình đào tạo Kế toán – trình độ đại học	8/2022	Đạt	FIBAA	Đạt	30/11/2022	29/01/2027

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
11	Kinh doanh quốc tế (Tiếng Việt và Tiếng Anh)	6/2023	Đạt	FIBAA	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
12	Quản trị kinh doanh (Cử nhân tài năng Tiếng Anh)	6/2023	Đạt	FIBAA	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
13	Quản trị kinh doanh (Tiếng Anh – Thạc sĩ)	6/2023	Đạt	FIBAA	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
14	Kinh tế phát triển (Việt Nam – Hà Lan chương trình tiếng Anh – Thạc sĩ)	6/2023	Đạt	FIBAA	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
15	Kiểm toán – trình độ đại học	6/2023	Đạt	FIBAA	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
16	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng – trình độ đại học	6/2023	Đạt	FIBAA	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
17	Luật Kinh tế - trình độ đại học	6/2023	Đạt	FIBAA	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
18	Luật Kinh doanh quốc tế - trình độ đại học	6/2023	Đạt	FIBAA	Đạt	20/9/2023	19/9/2028

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 10 năm 2024

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thúy Liễu